

SỞ GD&ĐT VĨNH PHÚC
THPT YÊN LẠC

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA LẦN 2 NĂM 2019

Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI.

Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Mã đề thi: 301

Câu 41: Việt Nam có chung Biển Đông với bao nhiêu nước?

- A. 7 nước B. 9 nước C. 8 nước D. 10 nước

Câu 42: Mưa phùn là loại mưa :

- A. Diễn ra vào đầu mùa đông ở miền Bắc
B. Diễn ra ở đồng bằng và ven biển miền Bắc vào đầu mùa đông.
C. Diễn ra vào nửa sau mùa đông ở miền Bắc
D. Diễn ra ở đồng bằng và ven biển miền Bắc vào nửa sau mùa đông

Câu 43: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với địa hình của đồng bằng sông Hồng?

- A. Do phù sa sông Hồng và sông Tiền bồi đắp.
B. Bị chia cắt mạnh bởi hệ thống đê điều.
C. Cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển.
D. Vùng trong đê không được bồi tụ phù sa, ngoài đê được bồi tụ phù sa hàng năm.

Câu 44: Đặc trưng khí hậu từ Bạch Mã trở vào là:

- A. có hai mùa: một mùa nóng và một mùa lạnh.
B. nhiệt độ trung bình năm trên 25°C và không có tháng nào dưới 20°C.
C. có hai mùa: mùa mưa ít và mùa mưa nhiều.
D. không có mùa đông rõ rệt, chỉ có hai thời kỳ chuyển tiếp.

Câu 45: Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nước phát triển có đặc điểm là

- A. Khu vực I và III cao, khu vực II thấp.
B. Khu vực I rất thấp, khu vực III rất cao
C. Khu vực I rất thấp, khu vực II và III cao
D. Khu vực II rất cao, khu vực I và III thấp.

Câu 46: Gia tăng tự nhiên dân số nước ta từ giữa thế kỉ XX trở về trước thấp là do

- A. tỉ suất sinh thấp, tỉ suất tử thấp. B. tỉ suất sinh thấp, tỉ suất tử cao.
C. tỉ suất tăng cơ học thấp. D. tỉ suất sinh cao, tỉ suất tử cũng cao.

Câu 47: Sự đối lập về mùa mưa và mùa khô của Tây Nguyên và Đông Trường Sơn là biểu hiện của sự phân hóa thiên nhiên

- A. theo Bắc – Nam. B. theo mùa C. theo Đông - Tây. D. theo độ cao.

Câu 48: Sự phát triển của các ngành công nghiệp nào sau đây góp phần quyết định việc Trung Quốc chế tạo thành công tàu vũ trụ?

- A. Điện, luyện kim, cơ khí.
B. Điện, chế tạo máy, cơ khí chính xác
C. Điện tử, luyện kim, cơ khí chính xác
D. Điện tử, cơ khí chính xác, sản xuất máy móc tự động.

Câu 49: Yếu tố ảnh hưởng trực tiếp khiến phần lớn sông ngòi ở nước ta mang đặc điểm nhỏ, ngắn và độ dốc lớn là

- A. hình dáng lãnh thổ và khí hậu. B. hình dáng lãnh thổ và sự phân bố địa hình.
C. khí hậu và sự phân bố địa hình. D. địa hình, sinh vật và thổ nhưỡng.

Câu 50: Các nước đang phát triển phụ thuộc vào các nước phát triển ngày càng nhiều về

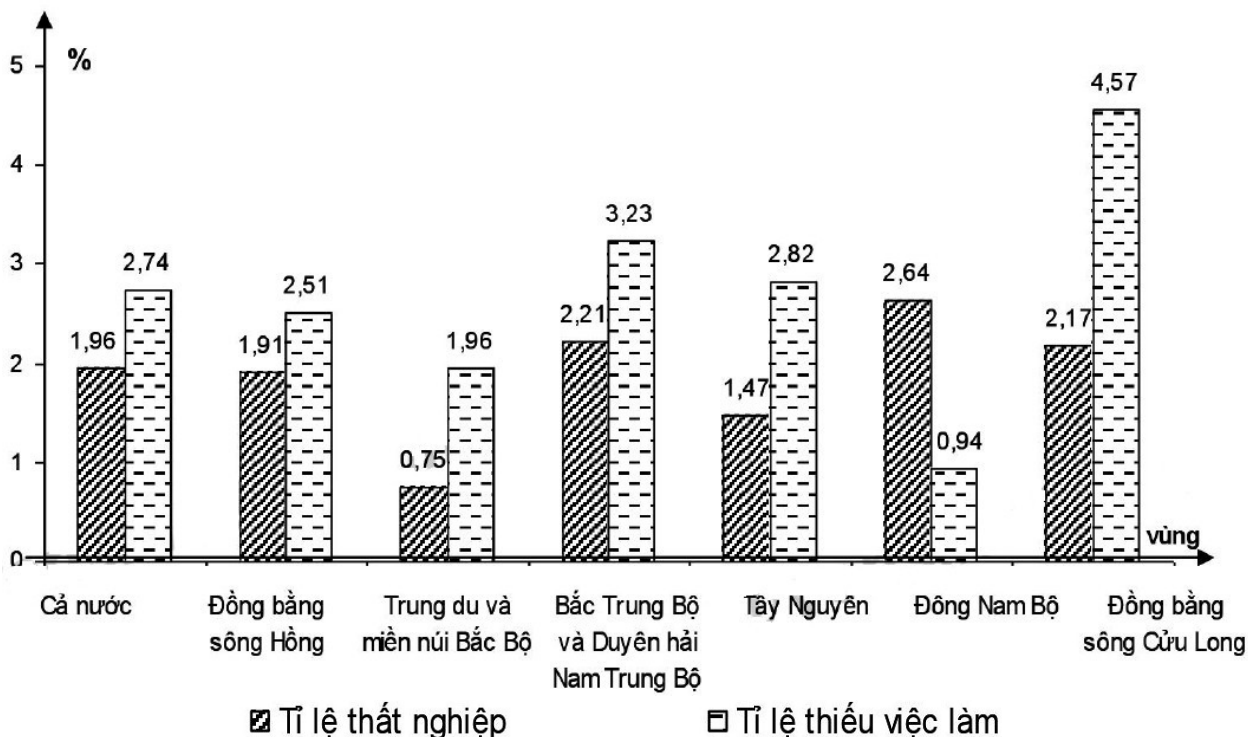
- A. Vốn, khoa học kĩ thuật – công nghệ. B. Thị trường.
C. Lao động. D. Nguyên liệu.

Câu 51: Nguyên nhân cơ bản khiến tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị nước ta còn khá cao là

- A. tính chất mùa vụ của sản xuất nông nghiệp, nghề phụ kém phát triển.
- B. tốc độ phát triển ngành kinh tế chưa tương xứng tốc độ tăng dân số.
- C. thu nhập của người dân thấp, chất lượng cuộc sống không cao.
- D. cơ sở hạ tầng, mạng lưới giao thông kém phát triển.

Câu 52: Cho biểu đồ

TỈ LỆ THẤT NGHIỆP VÀ THIẾU VIỆC LÀM CỦA CÁC VÙNG NƯỚC TA NĂM 2012



Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm của các vùng năm 2012?

- A. Tây Nguyên có tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm cao hơn cả nước
- B. Đồng bằng sông Cửu Long có tỉ lệ thiếu việc làm cao nhất cả nước
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ có tỉ lệ thất nghiệp thấp nhất cả nước
- D. Tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm khác nhau giữa các vùng.

Câu 53: Nhiệt độ Trái Đất ngày càng tăng lên là do sự gia tăng chủ yếu của chất khí nào trong khí quyển?

- A. O₃.
- B. CH₄
- C. CO₂.
- D. N₂O

Câu 54: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết vùng nào ở nước ta có nhiều bãi cát nhất?

- A. Bắc Trung Bộ.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 55: Có bao nhiêu phát biểu đúng về đặc điểm dân cư - xã hội của các châu lục và khu vực

1. Châu Phi có gia tăng tự nhiên cao, trình độ dân trí thấp, nhiều hủ tục, xung đột sắc tộc, đói nghèo, bệnh tật.
2. Mỹ La Tinh có tỉ lệ dân cư nghèo đói cao, khu vực có sự phân hóa giàu - nghèo rất lớn, tỉ lệ dân thành thị thấp dưới 50%
3. Tây Nam Á dân cư chủ yếu theo đạo Thiên Chúa, thời cổ đại xuất hiện nhiều quốc gia có nền văn minh rực rỡ.
4. Trung Á là khu vực đa dân tộc, có mật độ dân số thấp, từng có “con đường tơ lụa đi qua”.

- A. 1.
- B. 2.
- C. 4.
- D. 3.

Câu 56: Chất lượng nguồn lao động nước ta ngày càng được nâng cao là nhờ

- A. phát triển công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn.
- B. số lượng lao động làm việc trong các công ty liên doanh tăng lên.

C. những thành tựu trong phát triển văn hoá, giáo dục, y tế.

D. mở thêm nhiều trung tâm đào tạo, hướng nghiệp.

Câu 57: Biện pháp nào sau đây nhằm nâng cao chất lượng nguồn lao động nước ta?

A. Nâng cao thể trạng người lao động.

B. Bố trí lại nguồn lao động giữa các vùng cho hợp lí.

C. Tăng cường xuất khẩu lao động.

D. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo người lao động.

Câu 58: Mùa đông đỡ lạnh, mùa hạ nóng, thường có mưa to, bão là đặc điểm khí hậu của

A. đảo Kiu-xiu.

B. các đảo nhỏ phía bắc Nhật Bản.

C. đảo Hôn – su.

D. đảo Hô-cai-đô.

Câu 59: Thổ nhưỡng trên các đai cao cận nhiệt đới gió mùa và ôn đới gió mùa chủ yếu là

A. đất xám và đất feralit nâu đỏ.

B. đất đen và đất phù sa cổ.

C. đất feralit có mùn và đất mùn thô.

D. đất feralit có mùn và đất đen.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết nhận xét nào sau đây **không đúng** với tháp dân số của nước ta?

A. Tỷ lệ người trên 65 tuổi năm 2007 ít hơn năm 1999.

B. Cơ cấu dân số của tháp dân số năm 1999 là dân số trẻ.

C. Cơ cấu dân số nước ta đang có xu hướng già hóa

D. Tỷ lệ người từ 0 - 14 tuổi năm 1999 nhiều hơn năm 2007.

Câu 61: Phía Đông là hệ thống núi cao đồ sộ, phía Tây là các núi trung bình, ở giữa là các dãy núi thấp và sơn nguyên. Đó là đặc điểm địa hình của vùng:

A. Đông Bắc

B. Trường Sơn Nam.

C. Trường Sơn Bắc

D. Tây Bắc

Câu 62: Đường biên giới của nước ta dài 4600 km giáp với các nước:

A. Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia

B. Lào, Thái Lan, Campuchia

C. Trung Quốc, Campuchia, Lào.

D. Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Lào.

Câu 63: Đặc điểm nào sau đây **không phải** là biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế?

A. Đầu tư nước ngoài tăng nhanh.

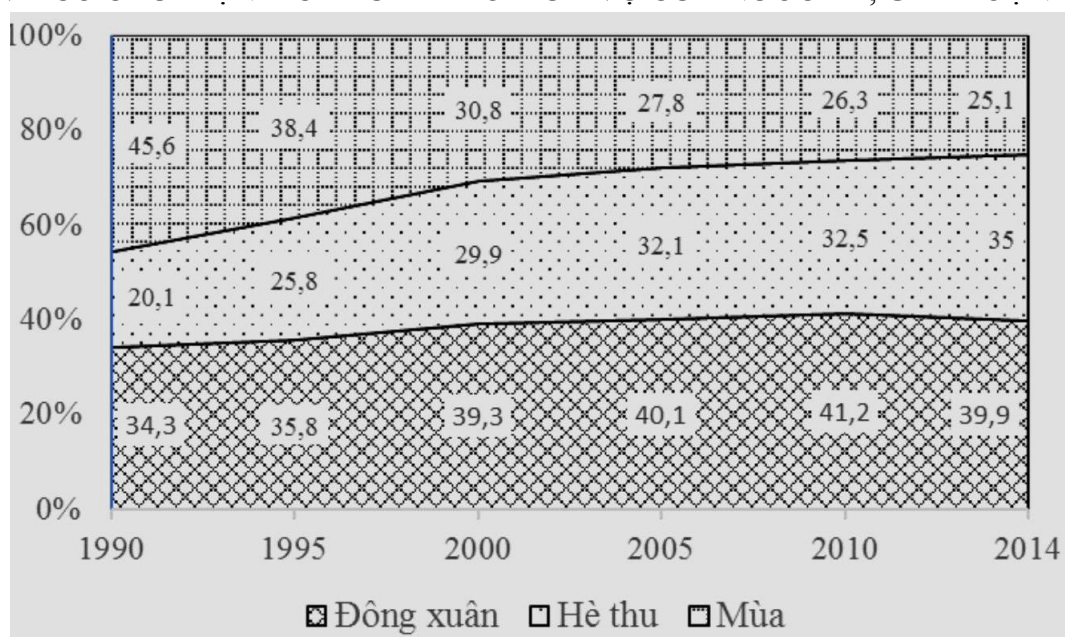
B. Vai trò của các công ty xuyên quốc gia đang bị giảm sút

C. Thương mại thế giới phát triển mạnh

D. Thị trường tài chính quốc tế mở rộng.

Câu 66: Cho biểu đồ:

QUY MÔ VÀ CƠ CẤU DIỆN TÍCH LÚA THEO MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1990 – 2015



Căn cứ vào biểu đồ trên, hãy cho biết những nội dung nào sau đây đúng?

- A. Tên biểu đồ. B. Giá trị trên biểu đồ. C. Chú thích. D. Khoảng cách năm.

Câu 67: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho dân số nước ta tập trung nhiều ở nông thôn?

- A. Địa hình khá bằng phẳng, giáp biển. B. Trình độ phát triển kinh tế còn thấp.
C. Nông nghiệp thâm canh cần nhiều lao động. D. Đô thị chưa tạo ra được sức hút lao động.

Câu 68: Khu vực nào sau đây không có hiện tượng khác nhau về thời gian ngày và đêm trong năm:

- A. chí tuyến Nam. B. chí tuyến Bắc C. vòng cực D. Xích đạo.

Câu 69: Đặc điểm **không đúng** với hoạt động của bão ở Việt Nam là

- A. mùa bão thường bắt đầu từ tháng 6 và kết thúc vào tháng 11.
B. mùa bão chậm dần từ Nam ra Bắc
C. 70% số cơn bão trong mùa tập trung vào các tháng 8,9,10.
D. trung bình mỗi năm có 3 - 4 cơn bão đổ bộ vào vùng bờ biển nước ta

Câu 70: Người Việt Nam ở nước ngoài tập trung nhiều nhất ở các quốc gia và khu vực là:

- A. Hoa Kỳ, Ôxtrâyliya, châu Âu. B. Bắc Mỹ, châu Âu, Nam Á.
C. Bắc Mỹ, Ôxtrâyliya, Đông Á. D. châu Âu, Ôxtrâyliya, Trung Á.

Câu 71: Tỷ trọng các ngành công nghiệp nào sau đây của Hoa Kỳ có xu hướng tăng?

- A. Gia công đồ nhựa, điện tử. B. Hàng không- vũ trụ, luyện kim.
C. Luyện kim, gia công đồ nhựa D. Hàng không - vũ trụ, điện tử.

Câu 72: Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với quá trình đô thị hoá ở nước ta?

- A. Diễn ra chậm chạp, còn ở mức rất thấp so với các nước trên thế giới.
B. Diễn ra phức tạp và lâu dài.
C. Tỷ lệ dân thành thị thấp.
D. Lối sống thành thị phát triển chậm hơn tốc độ đô thị hoá.

Câu 73: Vùng Viễn Đông của Liên Bang Nga có đặc điểm nổi bật là

- A. phát triển đóng tàu, cơ khí, đánh bắt và chế biến hải sản.
B. có dải đất đen phì nhiêu thuận lợi cho phát triển nông nghiệp.
C. các ngành luyện kim, cơ khí, khai thác và chế biến dầu khí phát triển.
D. một vùng kinh tế có sản lượng lương thực, thực phẩm lớn.

Câu 74: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ ĐỘ CHE PHỦ RỪNG CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1943 – 2014

Năm	Tổng diện tích có rừng (triệu ha)	Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	Diện tích rừng trồng (triệu ha)	Độ che phủ (%)
1943	14,3	14,3	0	43,0
1983	7,2	6,8	0,4	22,0
2005	12,7	10,2	2,5	38,0
2014	13,8	10,1	3,7	41,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Để thể hiện diện tích rừng của nước ta trong thời gian trên, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ đường. B. Biểu đồ miền. C. Biểu đồ cột. D. Biểu đồ kết hợp.

Câu 75: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông Hồng có diện tích lưu vực nằm chủ yếu ở những vùng nào của nước ta?

- A. Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ
B. Trung du miền núi bắc bộ, đồng bằng sông Hồng.
C. Trung du miền núi bắc bộ, Bắc Trung Bộ.
D. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 76: Nguyên nhân chủ yếu nào dưới đây giúp Đông Nam Á phát triển mạnh cây lúa nước?

- A. Khí hậu nhiệt đới gió mùa và cận xích đạo.
- B. Có nhiều cao nguyên đất đỏ badan màu mỡ.
- C. Có dân số đông, nhu cầu tiêu thụ lớn.
- D. Mạng lưới sông ngòi dày đặc với lượng nước dồi dào.

Câu 77: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, quy mô dân số đô thị ở Đông Nam Bộ năm 2007 sắp xếp theo thứ tự giảm dần là

- A. TP. HCM, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Vũng Tàu.
- B. TP. HCM, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Vũng Tàu.
- C. TP. HCM, Biên Hòa, Vũng Tàu, Thủ Dầu Một.
- D. TP. HCM, , Vũng Tàu, Biên Hòa, Thủ Dầu Một.

Câu 78: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết gió tháng 7 của trạm Đà Lạt có hướng chủ yếu là hướng nào?

- A. Tây nam.
- B. Tây.
- C. Đông Nam
- D. Đông bắc

Câu 79: Khó khăn của EU khi sử dụng đồng tiền chung là

- A. Gây nên tình trạng giá hàng tiêu dùng tăng cao và dẫn tới lạm phát.
- B. Gây trở ngại cho việc chuyển giao vốn trong EU.
- C. Tăng tính rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ.
- D. Làm phức tạp hóa công tác kế toán của các doanh nghiệp đa quốc gia

Câu 80: Cho bảng số liệu:

Giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản qua các năm

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1990	1995	2000	2004	2010	2014
Xuất khẩu	287,6	443,1	479,2	565,7	833,7	815,5
Nhập khẩu	235,4	335,9	379,5	454,5	768,0	958,4

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng về ngoại thương của Nhật Bản?

- A. Giá trị xuất khẩu tăng 2,83 lần, giá trị nhập khẩu giảm 4,1 lần.
- B. Tổng giá trị xuất nhập khẩu tăng liên tục và tăng 2,39 lần.
- C. Từ 1990 đến 2010, cán cân xuất nhập khẩu có sự biến động,
- D. Giá trị xuất khẩu luôn lớn hơn giá trị nhập khẩu.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

41-C	42-D	43-A	44-B	45-B	46-D	47-C	48-D	49-B	50-A
51-B	52-A	53-C	54-A	55-B	56-C	57-D	58-A	59-C	60-A
61-D	62-C	63-B	64-D	65-D	66-C	67-B	68-D	69-B	70-A
71-D	72-D	73-A	74-C	75-B	76-A	77-C	78-B	79-A	80-C

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 41.

Việt Nam có chung biển Đông với 8 nước: Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Xin ga-po, Bru-nây, Phi-lip-pin.

Chọn C.

Câu 42.

Mưa phùn là loại mưa diễn ra ở đồng bằng và ven biển miền Bắc vào nửa sau mùa đông.

Chọn D.

Câu 43.

Đồng bằng sông Hồng được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình. Nhận định sông Tiền bồi đắp phù sa cho ĐBSH là sai.

Chọn A.

Câu 44.

Từ dãy Bạch Mã trở vào có khí hậu mang tính chất cận xích đạo nắng nóng quanh năm, nhiệt độ trung bình năm trên 25°C và không có tháng nào dưới 20°C. (SGK/48 Địa 12)

Chọn B.

Câu 45.

Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nước phát triển có đặc điểm là khu vực I (nông nghiệp) chiếm tỉ trọng rất thấp, dưới 5%; khu vực III (dịch vụ) chiếm tỉ trọng rất cao, trên 70%.

Chọn B.

Câu 46.

Gia tăng tự nhiên – Sinh – Tử Gia tăng tự nhiên dân số nước ta từ giữa thế kỉ XX trở về trước thấp là do đây là thời kì chiến tranh nên tỉ suất tử lớn, trong khi đó dân số vẫn tăng lên do tỉ lệ sinh cao để bù đắp và bổ sung lực lượng chiến đấu => tỉ suất sinh cao, tỉ suất tử cũng cao nên gia tăng tự nhiên thấp.

Chọn D.

Câu 47.

Sự đối lập về mùa mưa và mùa khô của Tây Nguyên và Đông Trường Sơn là biểu hiện của sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông - Tây: khi Đông Trường Sơn là mùa mưa vào thu đông thì Tây Nguyên là mùa khô và ngược lại (SGK/50 Địa 12)

Chọn C.

Câu 48.

Sự phát triển của các ngành công nghiệp kĩ thuật cao như điện tử, cơ khí chính xác, sản xuất máy móc tự động đã góp phần quyết định việc Trung Quốc chế tạo thành công tàu vũ trụ. (SGK/94 Địa 11)

Chọn D.

Câu 49.

Yếu tố ảnh hưởng trực tiếp khiến phần lớn sông ngòi ở nước ta mang đặc điểm nhỏ, ngắn và độ dốc lớn là hình dáng lãnh thổ và sự phân bố địa hình:

- Lãnh thổ hẹp ngang, hướng nghiêng Tây Bắc - Đông Nam khiến phần lớn sông ngòi nước ta ngắn, nhỏ (chỉ có một số sông lớn).
- Địa hình bị cắt xẻ mạnh, % diện tích là đồi núi nên sông ngòi có độ dốc lớn, nhiều thác ghềnh.

Chọn B.

Câu 50.

Xu hướng toàn cầu hóa khiến các nước đang phát triển và các nước phát triển có cơ hội hợp tác phát triển và giao lưu kinh tế. Đặc biệt thông qua các nguồn vốn đầu tư nước ngoài (FDI, ODA) và sự đầu tư của các tập đoàn đa quốc gia tại các nước đang phát triển => Điều này cho thấy các nước đang phát triển phụ thuộc vào các nước phát triển ngày càng nhiều về nguồn vốn và khoa học – kĩ thuật .

Chọn A.

Câu 51.

Nguyên nhân cơ bản khiến tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị nước ta còn khá cao là do tốc độ phát triển ngành kinh tế chưa tương xứng tốc độ tăng dân số. Dân số thành thị tăng nhanh, trong khi cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm, tỉ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ còn thấp khiến không đủ đáp ứng yêu cầu về việc làm cho nguồn lao động => dẫn đến tỉ lệ thất nghiệp tăng cao.

Chọn B.

Câu 52.

Biểu đồ cho thấy: Tây Nguyên có tỉ lệ thất nghiệp thấp hơn mức trung bình cả nước ($1,47\% < 1,96\%$)
=> Nhận định: Tây Nguyên có tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm cao hơn cả nước là không đúng => A sai

Chọn A.

Câu 53.

Khí CO₂ có khả năng hấp thụ nhiệt, do vậy hoạt động công nghiệp làm gia tăng chất khí CO₂ trong khí quyển là nguyên nhân chủ yếu khiến nhiệt độ Trái Đất ngày càng tăng lên.

Chọn C.

Câu 54.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7, xác định được vùng Bắc Trung Bộ là khu vực có nhiều bãi cát nhất nước ta, khu vực này thường xuyên chịu ảnh hưởng của nạn cát bay, cát chảy.

Chọn A.

Câu 55.

Xét lần lượt các nhận định:

1. Châu Phi có gia tăng tự nhiên cao, trình độ dân trí thấp, nhiều hủ tục, xung đột sắc tộc, đói nghèo, bệnh tật. (SGK/21 Địa 11) => Đúng
2. Mĩ La Tinh có tỉ lệ dân cư nghèo đói cao, khu vực có sự phân hóa giàu - nghèo rất lớn, tỉ lệ dân thành thị thấp dưới 50% (SGK/25 Địa 11) => Sai, vì tỉ lệ dân thành thị của Mĩ La tinh rất cao (trên 70%)
3. Tây Nam Á dân cư chủ yếu theo đạo Thiên Chúa, thời cổ đại xuất hiện nhiều quốc gia có nền văn minh rực rỡ. (SGK/29 Địa 11) => Sai, vì dân cư Tây Nam Á chủ yếu theo đạo Hồi.
4. Trung Á là khu vực đa dân tộc, có mật độ dân số thấp, từng có “con đường tơ lụa đi qua” (SGK/30 Địa 11) => Đúng Như vậy có 2 nhận định đúng

Chọn B.

Câu 56.

Chất lượng nguồn lao động nước ta ngày càng được nâng cao là nhờ những thành tựu trong phát triển văn hoá, giáo dục, y tế.

Chọn C.

Câu 57.

Biện pháp nhằm nâng cao chất lượng nguồn lao động nước ta là đa dạng hóa các loại hình đào tạo người lao động, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ lao động để họ có thể tự tạo những công việc hoặc tham gia vào các đơn vị sản xuất dễ dàng, thuận lợi hơn. (SGK/76 Địa 12)

Chọn D.

Câu 58.

Mùa đông đỡ lạnh, mùa hạ nóng, thường có mưa to, bão là đặc điểm khí hậu của đảo Kiu – xiu nằm ở phía nam lãnh thổ Nhật Bản. (SGK/76 Địa 11)

Chọn A.

Câu 59.

Thổ nhưỡng trên các đai cao cận nhiệt đới gió mùa và ôn đới gió mùa chủ yếu là đất feralit có mùn và đất mùn thô. (SGK/52 Địa 12)

Chọn C.

Câu 60.

Quan sát tháp dân số năm 1999 và 2007 ở Atlas Địa lí trang 15: Đỉnh tháp năm 2007 có xu hướng mở rộng hơn năm 1999 => cho thấy tỉ lệ người già trên 65 tuổi tăng. Như vậy nhận xét tỉ lệ người trên 65 tuổi năm 2007 ít hơn năm 1999 là không đúng.

Chọn A.

Câu 61.

Phía Đông là hệ thống núi cao đồ sộ, phía Tây là các núi trung bình, ở giữa là các dãy núi thấp và sơn nguyên. Đó là đặc điểm địa hình của vùng Tây Bắc (SGK/30 Địa lí 12)

Chọn D.

Câu 62.

Đường biên giới của nước ta dài 4600 km giáp với các nước: Trung Quốc (hơn 1400km), Lào (gần 2100km) và Campuchia (hơn 1100km).

Chọn C.

Câu 63.

Biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế là đầu tư nước ngoài tăng nhanh, thương mại thế giới phát triển, thị trường tài chính quốc tế mở rộng và vai trò của các công ty xuyên quốc gia ngày càng lớn (SGK/11 Địa lí 11) Nhận định: Vai trò của các công ty xuyên quốc gia đang bị giảm sút là không đúng

Chọn B.

Câu 64.

Nhân tố ảnh hưởng sâu sắc nhất đến tính thời vụ trong nông nghiệp là khí hậu. Đặc điểm khí hậu thất thường có năm rét đậm, kéo dài, có năm hạn hán, lũ lụt đến sớm hoặc kết thúc muộn....ảnh hưởng đến thời lịch gieo trồng của vụ mùa.

Chọn D.

Dân số nước ta tập trung nhiều ở nông thôn, nguyên nhân chủ yếu là do trình độ phát triển kinh tế ở nông thôn còn thấp, chủ yếu là hoạt động sản xuất nông nghiệp, cần nhiều lao động.

Chọn B.

Câu 68.

Khu vực xích đạo không có hiện tượng khác nhau về thời gian ngày và đêm trong năm. Tại xích đạo độ dài ngày 4 đêm luôn bằng nhau ở mọi thời điểm trong năm. (SGK/24 Địa lí 10)

Chọn D.

Câu 69.

Bão ở Việt Nam thường bắt đầu từ tháng 6 và kết thúc vào tháng 11, mùa bão chậm dần từ Bắc vào Nam => Nhận định B không đúng

Chọn B.

Câu 70.

Người Việt Nam ở nước ngoài tập trung nhiều nhất ở các quốc gia và khu vực là: Hoa Kỳ, Ôxtrâyliia, châu Âu.(SGK/67 Địa lí 12)

Chọn A.

Câu 71.

Ở Hoa Kỳ, tỉ trọng các ngành công nghiệp hiện đại như hàng không - vũ trụ, điện tử có xu hướng tăng lên, tỉ trọng các ngành công nghiệp truyền thống như luyện kim, dệt may, gia công đồ nhựa giảm (SGK/43 Địa lí 11)

Chọn D.

Câu 72.

Mặc dù quá trình đô thị hóa nước ta diễn ra chậm và trình độ đô thị hóa còn thấp nhưng lối sống thành thị đã phổ biến và lan rộng khá nhanh. => nhận định lối sống thành thị phát triển chậm hơn tốc độ đô thị hoá là không đúng

Chọn D.

Câu 73.

Vùng Viễn Đông của Liên Bang Nga có đặc điểm nổi bật là phát triển các ngành: đóng tàu, cơ khí, đánh bắt và chế biến hải sản. (SGK/71 Địa 11)

Chọn A.

Câu 74.

- Đề bài yêu cầu thể hiện diện tích” (nghìn ha)

- Biểu đồ cột có khả năng thể hiện giá trị, độ lớn của đối tượng

=> Để thể hiện diện tích rừng của nước ta trong thời gian trên, biểu đồ cột là thích hợp nhất.

Chọn C.

Câu 75.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, sông Hồng có diện tích lưu vực nằm chủ yếu ở vùng Trung du miền núi bắc bộ, đồng bằng sông Hồng.

Chọn B.

Câu 76.

Đông Nam Á có khí hậu nhiệt đới gió mùa và cận xích đạo với nguồn nhiệt ẩm dồi dào, lượng mưa lớn rất thích hợp cho phát triển cây lúa nước.

Chọn A.

Câu 77.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, quy mô dân số đô thị ở Đông Nam Bộ năm 2007 sắp xếp theo thứ tự giảm dần là TP. HCM, Biên Hòa, Vũng Tàu, Thủ Dầu Một.

Chọn C.

Câu 78.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, xác định kí hiệu gió tháng 7 là kí hiệu các đường tia (hình pháo bông) màu đỏ => gió tháng 7 của trạm Đà Lạt có hướng chủ yếu là hướng Tây.

Chọn B.

Câu 79.

Do đồng O-rô có giá trị cao hơn so với đồng tiền của nhiều quốc gia trong khu vực nên khi đưa vào sử dụng chung sẽ khiến giá cả các mặt hàng tăng cao, đồng tiền mất giá và gây nên lạm phát.

=> Đây là khó khăn của EU khi sử dụng đồng tiền chung.

Chọn A.

Câu 80.

Cán cân xuất nhập khẩu = Xuất khẩu - Nhập khẩu Ta có kết quả cán cân XNK như sau:

Năm	1990	1995	2000	2004	2010	2014
Cán cân XNK	52,2	107,2	99,7	11,2	65,7	142,9

=> Như vậy cán cân xuất nhập khẩu giai đoạn 1990 có sự biến động mạnh, tăng lên và giảm xuống không ổn định.

Chọn C.

**SỞ GD&ĐT NGHỆ AN
LẦN 1 LIÊN TRƯỜNG THPT**

**ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2019 –
Môn thi: ĐỊA LÍ**

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)

Họ và tên:.....Số báo danh:.....

Câu 41: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH CAO SU CỦA CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ THẾ GIỚI

(Đơn vị: Triệu ha)

Năm	1985	1995	2005	2013
Đông Nam Á	3,4	4,9	6,4	9,0
Thế giới	4,2	6,3	9,0	12,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2014, NXB Thống kê, 2015) Nhận xét nào sau đây không đúng về sự thay đổi diện tích cao su của các nước Đông Nam Á và thế giới giai đoạn 1985 - 2013?

- A. Diện tích cao su của Đông Nam Á tăng nhanh hơn của thế giới.
- B. Diện tích cao su của thế giới tăng mạnh.
- C. Tốc độ tăng diện tích cao su của Đông Nam Á chậm hơn của thế giới.
- D. Diện tích cao su Đông Nam Á tăng liên tục

Câu 42: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ không có bộ phận địa hình nào dưới đây?

- A. Vùng đồi chuyển tiếp nhỏ hẹp.
- B. Vùng núi cao đồ sộ nhất cả nước
- C. Các sơn nguyên và cao nguyên đá vôi.
- D. Đồng bằng hạ lưu sông mở rộng, màu mỡ.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông Sài Gòn thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Sông Đồng Nai.
- B. Sông Mê Công
- C. Sông Ba (Đà Rằng).
- D. Sông Thu Bồn.

Câu 44: Hậu quả của việc tăng nhanh dân số ở nước ta là

- A. đẩy nhanh quá trình hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới.
- B. quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh.
- C. nguồn lao động dồi dào thuận lợi cho phát triển kinh tế.
- D. sức ép đối với phát triển kinh tế, xã hội và môi trường.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhận xét nào dưới đây không đúng về chế độ nhiệt nước ta?

- A. Nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ Bắc vào Nam.
- B. Nhiệt độ trung bình năm có sự phân hóa theo không gian.
- C. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C (trừ các vùng núi cao).
- D. Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam.

Câu 46: Trong những năm gần đây, ngành công nghiệp tăng nhanh và ngày càng trở thành thế mạnh của nhiều nước Đông Nam Á là:

- A. các ngành thủ công nghiệp.
- B. lắp ráp ô tô, xe máy, thiết bị điện tử.
- C. dệt may, da giày.
- D. khai thác than và khoáng sản kim loại.

Câu 47: Thuận lợi nào sau đây không phải là chủ yếu của khu vực đồng bằng?

- A. Là điều kiện thuận lợi để tập trung các khu công nghiệp, thành phố.
- B. Địa bàn thuận lợi để phát triển tập trung cây công nghiệp dài ngày.
- C. Là cơ sở để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng hóa cây trồng.
- D. Cung cấp các nguồn lợi khác về thủy sản, lâm sản, khoáng sản.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết sếu đầu đỏ là loài động vật đặc hữu của vườn quốc gia nào sau đây?

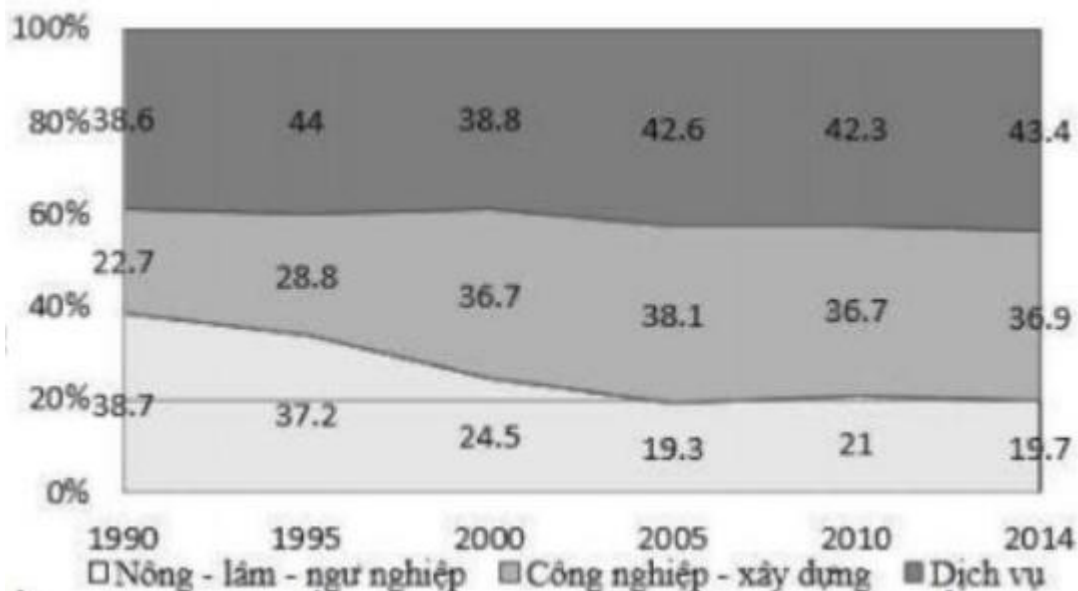
- A. Bạch Mã.
- B. Vũ Quang.
- C. Tràm Chim.
- D. Cát Tiên.

Câu 49: Vùng cực Nam Trung Bộ là nơi có nghề làm muối rất lý tưởng vì

- A. không có bão, ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc
- B. có thêm lục địa kéo dài.
- C. có nhiệt độ cao, nhiều nắng, chỉ có vài sông nhỏ đổ ra biển.
- D. có những hệ núi cao lan ra sát biển nên bờ biển khúc khuỷu.

Câu 50: Cho biểu đồ:

CƠ CẤU GDP PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1990 – 2014



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2015, NXB Thống kê, 2016)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng với sự thay đổi cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nước ta giai đoạn 1990 - 2014?

- A. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng, nông - lâm - ngư nghiệp giảm.
- B. Tỷ trọng dịch vụ tăng nhanh nhất, công nghiệp - xây dựng xếp thứ 2 còn nông - lâm - ngư nghiệp giảm.
- C. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng tăng, dịch vụ và nông - lâm - ngư nghiệp giảm.
- D. Tỷ trọng dịch vụ tăng, công nghiệp - xây dựng và nông - lâm - ngư nghiệp giảm.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây không có đường biên giới với Lào?

- A. Quảng Trị.
- B. Điện Biên.
- C. Thanh Hóa
- D. Lai Châu.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 13, cho biết dãy Hoàng Sơn là ranh giới giữa 2 tỉnh nào?

- A. Hà Tĩnh và Quảng Bình.
- B. Quảng Bình và Quảng Trị.
- C. Thừa Thiên Huế và Đà Nẵng.
- D. Nghệ An và Hà Tĩnh.

Câu 53: Chất lượng lao động nước ta ngày càng được nâng cao lên, chủ yếu là do

- A. những thành tựu trong công tác hướng nghiệp, dạy nghề.
- B. những thành tựu trong phát triển văn hóa, giáo dục và y tế.
- C. xuất khẩu lao động ra nước ngoài.
- D. thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 54: Sự màu mỡ của đất feralit ở miền đồi núi nước ta phụ thuộc chủ yếu vào

- A. điều kiện khí hậu ở các vùng núi.
- B. quá trình xâm thực - bồi tụ.
- C. kỹ thuật canh tác của con người.
- D. nguồn gốc đá mẹ khác nhau.

Câu 55: Giải thích nào sau đây không đúng với việc dân cư tập trung đông ở đồng bằng?

- A. có điều kiện tự nhiên thuận lợi.
- B. nghề trồng lúa nước cần nhiều lao động.
- C. tập trung nhiều trung tâm công nghiệp.
- D. thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 14, cho biết đỉnh núi nào sau đây có độ cao lớn nhất ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

- A. Ngọc Linh.
- B. Bà Đen.
- C. Kon Ka Kinh.
- D. Chư Pha

Câu 57: Ý nào sau đây không đúng với đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa?

- A. Phía bắc Mianma, bắc Việt Nam có mùa đông lạnh.
- B. Ven biển có các đồng bằng phù sa màu mỡ của những con sông lớn như Mê Công

C. Địa hình bị chia cắt bởi các dãy núi chạy dài theo hướng đông bắc - tây nam hoặc đông - tây.

D. Đông Nam Á lục địa có khí hậu nhiệt đới gió mùa

Câu 58: Nguyên nhân chủ yếu gây ra hiện tượng ngập lụt ở Đồng bằng sông Cửu Long là do

A. mùa mưa kéo dài.

B. mưa lớn và triều cường.

C. có nhiều sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.

D. mưa bão và nước biển dâng.

Câu 59: Giới hạn độ cao đai nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc hạ thấp hơn so với miền Nam là do

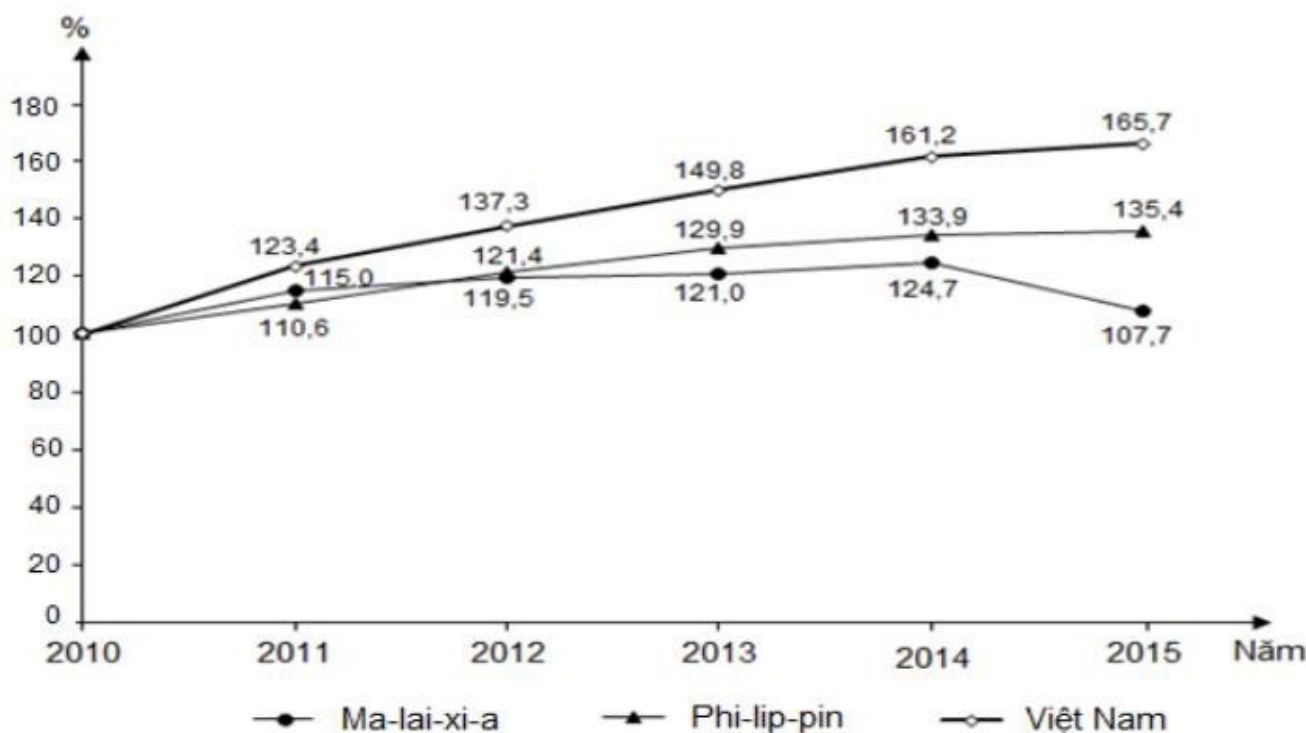
A. tác động của gió mùa kết hợp với hướng núi.

B. ảnh hưởng của tín phong Đông Bắc

C. địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi.

D. hoạt động của gió mùa Đông Bắc

Câu 60: Cho biểu đồ:



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, NXB Thống kê, 2017)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Quy mô GDP/người của một số quốc gia Đông Nam Á giai đoạn 2010 - 2015.

B. Quy mô và cơ cấu GDP/người của một số quốc gia Đông Nam Á giai đoạn 2010 - 2015.

C. Cơ cấu GDP/người của một số quốc gia Đông Nam Á giai đoạn 2010 - 2015.

D. Tốc độ tăng trưởng GDP/người của một số quốc gia Đông Nam Á giai đoạn 2010 - 2015.

Câu 61: Vĩ độ phần đất liền nước ta theo chiều từ Bắc vào Nam nằm trong phạm vi

A. 23°20'B - 8°34'B.

B. 23°23'B - 8°34'B.

C. 23°34' B - 8°23'B.

D. 23°23'B - 8°20'B.

Câu 62: Nước ta có thể mở rộng giao lưu kinh tế với các nước trên thế giới thuận lợi là do vị trí

A. nằm ở rìa đông bán đảo Đông Dương.

B. nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế.

C. ở nơi giao thoa giữa nhiều vành đai sinh khoáng.

D. nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa

Câu 63: Tỷ lệ lao động thiếu việc làm ở nông thôn cao hơn ở thành thị là do

A. chất lượng nguồn lao động nông thôn cao.

B. tính mùa vụ của lao động nông nghiệp.

C. kinh tế nông thôn phát triển mạnh.

D. cơ cấu ngành nghề ở nông thôn đa dạng.

Câu 64: Dạng địa hình nào sau đây ở ven biển thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản?

A. Các tam giác châu có bãi triều rộng.

B. Các rạn san hô.

C. Các đảo ven bờ.

D. Vịnh cửa sông.

Câu 65: Vấn đề quan trọng nhất trong việc sử dụng tài nguyên nước hiện nay ở nước ta là

A. lượng nước phân bố không đều giữa các mùa và các vùng.

B. lũ lụt trong mùa mưa và ô nhiễm nguồn nước sông.

C. thiếu nước trong mùa khô và ô nhiễm môi trường nước

D. nguồn nước ngầm có nguy cơ cạn kiệt.

Câu 66: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, khu vực đồi núi Tây Bắc theo lát cắt địa hình từ C đến D (C - D) có đặc điểm địa hình là

A. cao dần từ đông sang tây, nhiều đỉnh núi thấp, cao nhất là dãy Hoàng Liên Sơn

B. thấp dần từ tây bắc về đông nam, có các thung lũng sông đan xen đồi núi cao.

C. cao ở tây bắc thấp dần về đông nam, có nhiều đỉnh núi cao, các cao nguyên xen các thung lũng sông.

D. cao ở đông bắc thấp dần về tây nam, có nhiều đỉnh núi cao, các cao nguyên xen các thung lũng sông.

Câu 67: Sự phân hóa thiên nhiên theo Đông - Tây ở vùng đồi núi là do các

A. sự phân hóa theo độ cao.

B. sự phân hóa theo độ cao và hướng núi.

C. tác động của gió mùa với hướng các dãy núi.

D. tác động của biển Đông.

Câu 68: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây có qui mô dân số dưới 500 nghìn người (năm 2007)?

A. Cần Thơ.

B. Biên Hòa

C. Hạ Long.

D. Đà Nẵng.

Câu 69: Vùng núi nào của nước ta nằm ở phía đông thung lũng sông Hồng?

A. Trường Sơn Nam.

B. Đông Bắc

C. Trường Sơn Bắc

D. Tây Bắc

Câu 70: Vì sao ở nước ta tỉ lệ gia tăng dân số giảm nhưng số người tăng hàng năm vẫn lớn?

A. Qui mô dân số nước ta lớn.

B. Ý thức chấp hành pháp lệnh dân số chưa tốt của người dân.

C. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình triển khai chưa đồng bộ.

D. Cơ cấu dân số thuộc loại trẻ.

Câu 71: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết mỏ vàng Bồng Miêu thuộc tỉnh (thành phố) nào dưới đây?

A. Bình Định.

B. Quảng Ngãi.

C. Quảng Nam.

D. Đà Nẵng.

Câu 72: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 16, cho biết phần lớn dân cư thuộc nhóm ngữ hệ Nam Đảo tập trung ở vùng nào sau đây?

A. Đông Nam Bộ.

B. Tây Nguyên

C. Duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 73: Rừng tự nhiên của nước ta được chia làm 3 loại là

A. rừng phòng hộ, rừng sản xuất, rừng tái sinh.

B. rừng khoanh nuôi, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

C. rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

D. rừng phòng hộ, rừng ngập mặn, rừng khoanh nuôi.

Câu 74: Đặc điểm địa hình nhiều đồi núi thấp của nước ta đã làm cho

A. tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của tự nhiên được bảo toàn.

B. địa hình có sự phân bậc rõ ràng.

C. địa hình ít hiểm trở.

D. thiên nhiên có sự phân hóa sâu sắc

Câu 75: Chế độ nước chảy sông ngòi của nước ta phụ thuộc chủ yếu vào

A. hướng địa hình.

B. độ dốc của địa hình.

C. lớp phủ thực vật.

D. chế độ mưa

Câu 76: Đề phòng chống khô hạn ở nước ta, biện pháp quan trọng nhất là

A. xây dựng các công trình thủy lợi.

B. thực hiện tốt công tác dự báo.

C. tạo ra các giống cây chịu hạn.

D. chuyển đổi cơ cấu mùa vụ.

Câu 77: Cho bảng số liệu:

TỔNG SỐ DÂN VÀ TỐC ĐỘ TĂNG DÂN SỐ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2005 - 2014

Năm	2005	2009	2012	2014
Tổng số dân (triệu người)	83,4	84,6	88,8	90,7
- Dân thành thị	23,3	23,9	27,3	29,0
- Dân nông thôn	60,1	60,7	61,5	61,7
Tốc độ tăng dân số (%)	1,17	1,09	1,11	1,06

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2015, NXB Thống kê, 2016)

Để thể hiện số dân và tốc độ tăng dân số của nước ta trong giai đoạn 2005 - 2014, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Biểu đồ cột.

B. Biểu đồ miền.

C. Biểu đồ đường.

D. Biểu đồ kết hợp.

Câu 78: Cảnh quan rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đồi núi thấp là kiểu cảnh quan chiếm ưu thế của nước ta vì

A. nước ta nằm trong khu vực châu Á gió mùa

B. nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.

C. nước ta nằm tiếp giáp với biển Đông.

D. đồi núi thấp chiếm 85% diện tích lãnh thổ.

Câu 79: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết khu vực chịu ảnh hưởng của gió Tây khô nóng rõ nét nhất nước ta là khu vực nào sau đây?

A. Tây Bắc.

B. Bắc Trung Bộ.

C. Đồng bằng sông Hồng.

D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 80: Lãnh thổ nước ta nhận được lượng bức xạ Mặt trời lớn là do

A. nằm ở rìa động của bán đảo Đông Dương.

B. hình thể kéo dài theo chiều vĩ tuyến.

C. nằm trong vùng nội chí tuyến.

D. đồi núi chiếm phần lớn diện tích.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

41-A	42-D	43-A	44-D	45-A	46-B	47-B	48-C	49-C	50-A
51-D	52-A	53-B	54-D	55-D	56-A	57-C	58-B	59-D	60-D
61-B	62-B	63-B	64-A	65-C	66-C	67-C	68-C	69-B	70-A
71-C	72-B	73-C	74-A	75-D	76-A	77-D	78-D	79-B	80-C

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 41.

Dựa vào BSL ta có 1 số nhận xét về sự thay đổi diện tích cao su của các nước Đông Nam Á và thế giới giai đoạn 1985 – 2013:

Diện tích cao su của thế giới tăng mạnh (gấp 3 lần). => B đúng. Tốc độ tăng diện tích cao su của Đông

Nam Á (264,7%) chậm hơn của thế giới (285,7%)=>C đúng, A sai. Diện tích cao su Đông Nam Á tăng liên tục =>D đúng.

Chọn A

Câu 42.

Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ không có địa hình Đồng bằng hạ lưu sông mở rộng, màu mỡ. Miền chủ yếu có các đồng bằng giữa núi, đồng bằng ven biển nhỏ, hẹp.

Chọn D

Câu 43.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, xác định vị trí sông Sài Gòn, sông thuộc lưu vực sông Đồng Nai (màu xanh lá cây).

Chọn A

Câu 44.

Hậu quả của việc tăng nhanh dân số ở nước ta là: sức ép đối với phát triển kinh tế, xã hội và môi trường. (SGK Địa lý 12CB trang 68).

Chọn D

Câu 45.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, nhận xét các yếu tố về nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam => A sai.

Chọn A

Câu 46.

Trong những năm gần đây, ngành công nghiệp tăng nhanh và ngày càng trở thành thế mạnh của nhiều nước Đông Nam Á là lắp ráp ô tô, xe máy, thiết bị điện tử. (SGK Địa lý 11 CB trang 103).

Chọn B

Câu 47.

Địa bàn thuận lợi để phát triển tập trung cây công nghiệp dài ngày là đặc điểm cơ bản của vùng núi.

Chọn B

Câu 48.

Vườn quốc gia Tràm Chim thuộc tỉnh Đồng Tháp là một khu đất ngập nước, được xếp trong hệ thống rừng đặc dụng của Việt Nam. Nơi đây có nhiều loài chim quý, đặc biệt là sếu đầu đỏ, một loài chim cực

Câu 52.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, xác định vị trí dãy Hoành Sơn. Dãy Hoành Sơn là ranh giới giữa 2 tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình

Chọn A

Câu 53.

Chất lượng lao động nước ta ngày càng được nâng cao lên, chủ yếu là do những thành tựu trong phát triển văn hóa, giáo dục và y tế. (SGK Địa lý 12 CB trang 73).

Chọn B

Câu 54.

Sự màu mỡ của đất feralit ở miền đồi núi nước ta phụ thuộc chủ yếu vào nguồn gốc đá mẹ khác nhau. (SGK Địa lý 11 CB trang 103).

Chọn D

Câu 55.

Dân cư tập trung đông ở đồng bằng: có điều kiện tự nhiên thuận lợi (địa hình, nguồn nước,...); nghề trồng lúa nước cần nhiều lao động, tập trung nhiều trung tâm công nghiệp.

Chọn D

Câu 56.

Căn cứ Atlat địa lí Việt Nam trang 14, ngọn núi cao nhất miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là núi Ngọc Linh (đỉnh cao 2398m).

Chọn A

Câu 57.

Địa hình ĐNA lục địa bị chia cắt bởi các dãy núi chạy dài theo hướng tây bắc – đông nam, tây - đông nên C không đúng.

Chọn C

Câu 58.

Hiện tượng ngập lụt ở Đồng bằng sông Cửu Long là do mưa lớn trên diện rộng và triều cường. (SGK Địa lý 12 CB trang 63).

Chọn B

Câu 59.

Nguyên nhân dẫn đến độ cao đai nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc thấp hơn ở miền Nam là Miền Bắc gần chí tuyến và chịu ảnh hưởng mạnh của gió mùa Đông Bắc nên nền nhiệt độ của miền Bắc nhìn chung thấp hơn miền Nam. Vì thế chỉ cần lên tới độ cao 600 – 700m là nhiệt độ đã thấp, không có tháng nào trên 25°C tương đương 900-1000m ở miền Nam.

Chọn D

Câu 60.

Dựa vào nội dung biểu đồ, dạng biểu đồ ta có biểu đồ đường thể hiện 3 đối tượng (3 nước), cùng đơn vị, trong giai đoạn 2010 – 2015 của Đông Nam Á

=> Tốc độ tăng trưởng GDP/người của một số quốc gia Đông Nam Á giai đoạn 2010 - 2015.

Chọn D

Câu 61.

Vĩ độ phần đất liền nước ta theo chiều từ Bắc vào Nam nằm trong phạm vi 23° 23'B 8°34'B. (SGK Địa lý 12 CB trang 13).

Chọn B

Câu 62.

Nước ta có thể mở rộng giao lưu kinh tế với các nước trên thế giới thuận lợi là do vị trí nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế. (SGK Địa lý 12 CB trang 16, 17).

Câu 63.

Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là cây trồng, vật nuôi, là những vật thể sống có sự phát triển, sinh trưởng theo quy luật nhất định=> Phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, thời gian sản xuất dài hơn thời gian lao động => Có tính mùa vụ. Tỷ lệ lao động thiếu việc làm ở nông thôn cao hơn ở thành thị là do tính mùa vụ của lao động nông nghiệp.

Chọn B

Câu 64.

Dạng địa hình ở ven biển thuận lợi nhất cho nuôi trồng thủy hải sản các tam giác châu với bãi triều rộng thuận lợi nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước mặn.

Chọn A

Câu 65.

Vấn đề quan trọng nhất trong việc sử dụng tài nguyên nước hiện nay ở nước ta là: thiếu nước trong mùa khô và ô nhiễm môi trường nước. (SGK Địa lý 12 CB trang 61).

Chọn C

Câu 66.

Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, khu vực đồi núi Tây Bắc theo lát cắt địa hình từ C đến DC - D) có đặc điểm địa hình là: cao ở tây bắc (dãy Hoàng Liên Sơn) thấp dần về đông nam (sông Chu), có nhiều đỉnh núi cao, các cao nguyên xen các thung lũng sông.

Chọn C

Câu 67.

Sự phân hóa thiên nhiên theo Đông - Tây ở vùng đồi núi là do tác động của gió mùa với hướng các dãy núi. Ví dụ: Vùng núi phía Bắc do bức chắn địa hình của dãy Hoàng Liên Sơn nên gió mùa đông bắc giảm bớt ảnh hưởng lên vùng núi phía Tây Bắc => làm cho vùng có mùa đông ấm hơn Đông Bắc. Vùng núi Trường Sơn Bắc chắn gió Tây Nam gây nên hiệu ứng phơn khô nóng vào đầu mùa hạ cho thiên nhiên vùng đồng bằng ven biển phía đông...

Chọn C

Câu 68.

Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 15, xác định kí hiệu đô thị có qui mô dân số dưới 500 nghìn người (năm 2007). => Hạ Long.

Cần Thơ, Đà Nẵng, Biên Hòa có quy mô từ 500 001 đến 1000 000 người.

Chọn C

Câu 69.

Đông Bắc là vùng núi nằm ở phía đông thung lũng sông Hồng. (SGK Địa lý 12 CB trang 30).

Chọn B

Câu 70.

Tỉ lệ gia tăng dân số nước ta giảm nhưng số người tăng hàng năm vẫn lớn do qui mô dân số nước ta lớn.

Chọn A

Câu 71.

Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 8, xác định kí hiệu mỏ vàng, tìm vị trí mỏ vàng Bồng Miêu => thuộc tỉnh Quảng Nam.

Chọn C

Câu 72.

Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 16, phần lớn dân cư thuộc nhóm ngữ hệ Nam Đảo (Gia-rai, E-đê,...) tập trung ở vùng Tây Nguyên.

Chọn B

Câu 73.

Rừng tự nhiên của nước ta được chia làm 3 loại là: rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. (SGK Địa lý 12 CB trang 104).

Chọn C

Câu 74.

Đặc điểm địa hình nhiều đồi núi thấp của nước ta đã làm cho tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của tự nhiên được bảo toàn.

Chọn A

Câu 75.

Chế độ nước chảy sông ngòi của nước ta phụ thuộc chủ yếu vào chế độ mưa. Mưa theo mùa, sông ngòi thủy chế thay đổi theo mùa: mùa lũ trùng mùa mưa và mùa cạn trùng mùa khô.

Chọn D

Câu 76.

Đề phòng chống khô hạn ở nước ta, biện pháp quan trọng nhất là xây dựng các công trình thủy lợi. (SGK Địa lý 12 CB trang 64).

Chọn A

Câu 77.

Để thể hiện số dân và tốc độ tăng dân số (2 đối tượng có đơn vị khác nhau) của nước ta trong giai đoạn 2005 – 2014 (4 mốc thời gian). Biểu đồ kết hợp là thích hợp nhất

Chọn D

Câu 78.

Cảnh quan rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đồi núi thấp là kiểu cảnh quan chiếm ưu thế của nước ta vì địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi, đồi núi thấp chiếm 85% diện tích lãnh thổ.

Chọn D

Câu 79.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, xác định kí hiệu gió Tây khô nóng. Khu vực Bắc Trung Bộ chịu ảnh hưởng của gió Tây khô nóng rõ nét nhất nước ta .

Chọn B

Câu 80.

Lãnh thổ nước ta nhận được lượng bức xạ Mặt trời lớn là do nằm trong vùng nội chí tuyến, 1 năm có 2 lần Mặt Trời nên thiên đỉnh, Mặt Trời luôn ở trên đường chân trời.

Chọn C

SỞ GD&ĐT HẢI PHÒNG KỲ THI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUỐC GIA NĂM 2019 TRƯỜNG THPT NGÔ QUYÊN
Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI
Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ 12 ĐỀ THI THỬ LẦN 2
Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề
Mã đề thi: 210

Câu 41: Lợi ích to lớn do người nhập cư mang đến cho Hoa Kỳ là:

- A.** làm phong phú thêm nền văn hóa
- B.** nguồn đầu tư vốn lớn.
- C.** nguồn lao động có trình độ cao.
- D.** làm đa dạng về chủng tộc

Câu 42: Để tăng sản lượng lương thực ở nước ta, biện pháp quan trọng nhất là:

- A.** kêu gọi đầu tư nước ngoài vào sản xuất nông nghiệp.
- B.** đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất.
- C.** đẩy mạnh khai hoang, phục hoá ở miền núi.
- D.** mở rộng diện tích đất trồng cây lương thực

Câu 43: Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có mùa đông lạnh nhất nước ta là do:

- A.** có vị trí giáp biển và các đảo ven bờ nhiều.
- B.** có nhiều dãy núi cao hướng tây bắc - đông nam.
- C.** ảnh hưởng của vị trí và các dãy núi hướng vòng cung.
- D.** các đồng bằng đón gió.

Câu 44: Thời gian qua, mức gia tăng dân số ở nước ta giảm do

- A.** kết quả của chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình.
- B.** dân số có xu hướng già hoá.
- C.** quy mô dân số giảm.
- D.** tỉ lệ người trong độ tuổi sinh đẻ giảm.

Câu 45: Ngành kinh tế biển nào dưới đây không xuất hiện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A.** Khai thác dầu khí.
- B.** Du lịch biển.
- C.** Giao thông vận tải biển.
- D.** Khai thác và nuôi trồng thủy, hải sản.

Câu 46: Cho bảng số liệu:

MỘT SỐ MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2016

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

Năm	2010	2013	2014	2016
Hạt tiêu	421,5	889,8	1201,9	1428,6
Cà phê	1851,4	2717,3	3557,4	3334,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng một số mặt hàng xuất khẩu của nước ta, giai đoạn 2010 - 2016, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột. B. Kết hợp. C. Đường. D. Miền.

Câu 47: Căn cứ vào bản đồ Công nghiệp năng lượng trang 22 kết hợp với trang 10 của Atlas Địa lí Việt Nam, hãy cho biết nhà máy thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi nằm trên sông nào sau đây?

- A. Ba B. La Ngà. C. Trà Khúc D. Hàn.

Câu 48: Căn cứ vào bản đồ nhiệt độ ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, nền nhiệt độ trung bình tháng 1 ở miền khí hậu phía Bắc phổ biến là:

- A. từ 18 đến 20°C. B. trên 24°C. C. dưới 18°C D. dưới 14°C.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, các trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành công nghiệp luyện kim màu?

- A. Hà Nội, TP Hồ Chí Minh. B. TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu
C. Thái Nguyên, TP Hồ Chí Minh, D. TP Hồ Chí Minh, Thủ Dầu Một.

Câu 50: Vùng Đồng bằng sông Hồng phải đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ là do:

- A. khả năng mở rộng diện tích hết sức khó khăn.
B. khí hậu thuận lợi.
C. nhu cầu của thị trường tăng cao.
D. có nguồn lao động dồi dào.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, hãy cho biết đỉnh núi nào sau đây cao nhất ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

- A. Kon Ka Kinh. B. Ngọc Linh C. Chu Yang Sin. D. Lang Bian.

Câu 52: Nước ta cần phải đẩy mạnh đánh bắt thủy sản xa bờ vì:

- A. nguồn lợi thủy sản xa bờ đã hết.
B. mang lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần bảo vệ vùng trời, vùng biển và thềm lục địa
C. đánh bắt ven bờ ảnh hưởng đến việc khai thác dầu khí.
D. nước ta có nhiều ngư trường xa bờ hơn.

Câu 53: Loại cây ăn quả đặc trưng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. mận, đào, lê. B. cam, quýt, sầu riêng.
C. mít, xoài, vải. D. nhãn, chôm chôm, bưởi.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết cây chè được trồng chủ yếu ở những vùng nào sau đây?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.
B. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên.
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đông Nam Bộ.
D. Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 55: Cho bảng số liệu:

XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA PHI-LIP-PIN, GIAI ĐOẠN 2010 – 2015

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Năm	2010	2012	2014	2015
Xuất khẩu	69,5	77,1	82,2	82,4
Nhập khẩu	73,1	85,2	92,3	101,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về cán cân xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Phi-lip-pin, giai đoạn 2010 - 2015?

- A. Từ năm 2010 đến năm 2015 đều nhập siêu.
B. Giá trị nhập siêu năm 2010 lớn hơn năm 2012.
C. Giá trị nhập siêu năm 2015 nhỏ hơn năm 2014.
D. Từ năm 2010 đến năm 2015 đều xuất siêu.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết ở Duyên hải Nam Trung Bộ, trâu được

nuôi ở các tỉnh nào sau đây?

- A. Ninh Thuận, Bình Thuận, Quảng Nam. B. Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định.
C. Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Thuận. D. Quảng Nam, Khánh Hòa, Quảng Ngãi

Câu 57: Hướng vòng cung của địa hình nước ta thể hiện trong các khu vực:

- A. vùng núi Tây Bắc và vùng núi Trường Sơn Bắc
B. vùng núi Trường Sơn Bắc và vùng núi Trường Sơn Nam.
C. vùng núi Đông Bắc và vùng núi Trường Sơn Nam.
D. vùng núi Tây Bắc và vùng núi Đông Bắc

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Lào?

- A. Kon Tum B. Gia Lai. C. Đắk Lắk. D. Đắk Nông.

Câu 59: Năng lượng được coi là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta, phải đi trước một bước là do:

- A. thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài.
B. sử dụng ít lao động, không đòi hỏi quá cao về trình độ.
C. trình độ công nghệ sản xuất cao, không gây ô nhiễm môi trường.
D. ngành này có nhiều lợi thế và là động lực để thúc đẩy các ngành khác

Câu 60: Phải đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở vùng Đồng bằng sông Hồng vì:

- A. nhằm khai thác hợp lí các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội.
B. nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế.
C. góp phần giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường trong vùng.
D. việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng còn chậm, chưa phát huy hết thế mạnh của vùng.

Câu 61: Tuyến đường sắt dài nhất nước ta là

- A. Hà Nội - Thái Nguyên, B. Đường sắt Thống Nhất.
C. Hà Nội - Hải Phòng. D. Hà Nội - Lào Cai.

Câu 62: Để phát triển công nghiệp, vấn đề cần quan tâm nhất ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là:

- A. bổ sung nguồn lao động. B. giải quyết tốt vấn đề năng lượng.
C. giải quyết vấn đề nước D. xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông vận tải.

Câu 63: Nguyên nhân chủ yếu làm cho ngành giao thông vận tải và thông tin liên lạc nước ta có vai trò đặc biệt quan trọng hiện nay là do:

- A. nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng sâu, vùng xa
B. sự mở cửa, hội nhập và phát triển mạnh nền kinh tế thị trường.
C. đời sống nhân dân đang dần được ổn định,
D. kinh tế - xã hội đang phát triển mạnh mẽ theo chiều rộng.

Câu 64: Ý nào dưới đây không đúng khi nói về dân số và lao động của vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Là vùng đông dân nhất nước ta
B. Người lao động có kinh nghiệm và trình độ sản xuất
C. Có nguồn lao động dồi dào.
D. Phần lớn dân số sống ở thành thị.

Câu 65: Vùng biên mà ranh giới ngoài của nó chính là biên giới trên biển của quốc gia, được gọi là

- A. nội thủy. B. vùng tiếp giáp lãnh hải.
C. lãnh hải. D. vùng đặc quyền về kinh tế.

Câu 66: Bắc Trung Bộ có thể mạnh để chăn nuôi gia súc là do:

- A. có các bãi bồi ven sông. B. có dải đồng bằng kéo dài.
C. có vùng đồi trước núi. D. có vùng núi ở phía tây.

Câu 67: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây không thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Lào Cai. B. Thanh Thủy. C. Móng Cái. D. Cầu Treo.

Câu 68: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết đỉnh lũ trên sông Hồng vào tháng nào sau đây?

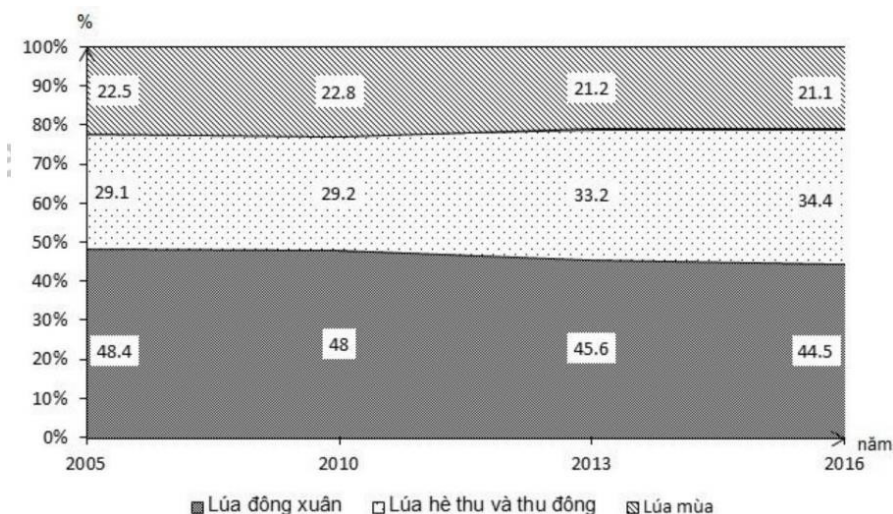
A. VII.

B. IX

C. VIII.

D. X

Câu 69: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU SẢN LƯỢNG CỦA PHÂN THEO MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2016

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây không đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu sản lượng lúa phân theo mùa vụ của nước ta, giai đoạn 2015 - 2016?

A. Lúa hè thu và thu đông tăng, lúa đông xuân giảm.

B. Lúa mùa giảm, lúa hè thu và thu đông tăng.

C. Lúa đông xuân giảm, lúa mùa giảm.

D. Lúa đông xuân tăng, lúa mùa tăng.

Câu 70: Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta biểu hiện ở:

A. trong năm có hai mùa rõ rệt.

B. độ ẩm lớn, cân bằng âm luôn dương.

C. lượng mưa lớn, trung bình năm từ 1500 đến 2000 mm.

D. tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm.

Câu 71: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết trong cơ cấu xuất khẩu của nước ta, mặt hàng nào sau đây có tỉ trọng lớn nhất?

A. Công nghiệp nặng và khoáng sản.

B. Nông, lâm sản.

C. Thủy sản

D. Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.

Câu 72: Để giảm bớt tình trạng di dân tự do vào các đô thị, giải pháp chủ yếu và lâu dài là:

A. kiểm soát việc nhập hộ khẩu của dân nông thôn về thành phố.

B. giảm tỉ suất gia tăng dân số ở nông thôn.

C. xây dựng nông thôn mới, đa dạng hóa hoạt động kinh tế ở nông thôn.

D. phát triển và mở rộng mạng lưới đô thị,

Câu 73: Đặc điểm tự nhiên có ảnh hưởng lớn nhất đến việc hình thành vùng chuyên canh chè ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

A. khí hậu nhiệt đới trên núi có mùa đông lạnh.

B. đất feralit giàu dinh dưỡng.

C. địa hình đồi thấp.

D. lượng mưa lớn.

Câu 74: Phát biểu nào sau đây không đúng với Đông Nam Á lục địa?

A. Có nhiều đảo và quần đảo núi lửa

B. Có các đồng bằng phù sa

C. Địa hình núi bị chia cắt mạnh.

D. Có một số sông lớn nhiều nước

Câu 75: Hàm lượng phù sa của sông ngòi nước ta lớn là do: ven

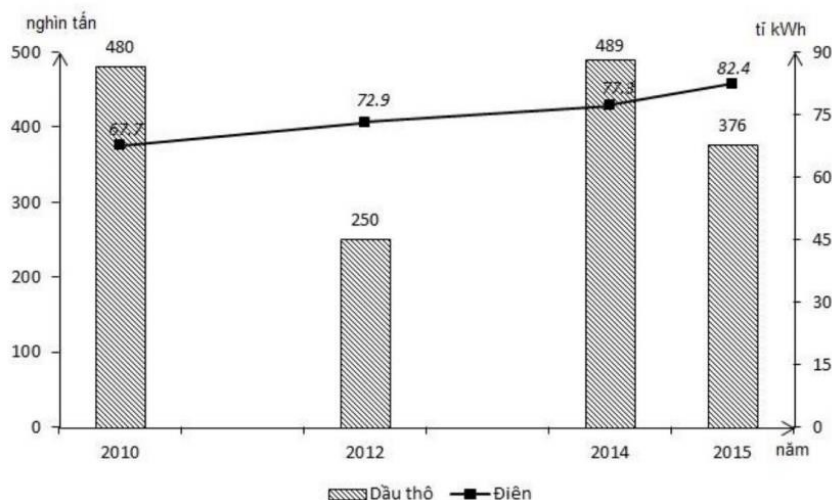
A. tổng lượng nước sông lớn.

B. chế độ nước sông thay đổi theo mùa

C. mạng lưới sông ngòi dày đặc

D. quá trình xâm thực bào mòn mạnh mẽ ở đồi núi.

Câu 76: Cho biểu đồ về dầu thô và điện của Phi-lip-pin, giai đoạn 2010 - 2015:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô và cơ cấu sản lượng dầu thô, điện của Phi-lip-pin, giai đoạn 2010 - 2015.
- B. Tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu thô và điện của Phi-lip-pin, giai đoạn 2010 - 2015.
- C. Cơ cấu sản lượng dầu thô và điện của Phi-lip-pin, giai đoạn 2010 - 2015.
- D. Sản lượng dầu thô và sản lượng điện của Phi-lip-pin, giai đoạn 2010 - 2015.

Câu 77: Loại gió có cơ chế hoạt động quanh năm ở nước ta là:

- A. Tín phong.
- B. gió mùa Đông Bắc
- C. gió mùa Đông Nam.
- D. gió mùa Tây Nam.

Câu 78: Các huyện đảo thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là:

- A. Hoàng Sa, Lý Sơn, Phú Quý, Trường Sa
- B. Lý Sơn, Cồn Cỏ, Phú Quý, Côn Đảo.
- C. Hoàng Sa, Trường Sa, Côn Đảo, Lý Sơn.
- D. Hoàng Sa, Trường Sa, Phú Quý, Phú Quốc

Câu 79: Căn cứ vào bản đồ Thủy sản (năm 2007) trang 20 của Atlas Địa lí Việt Nam, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn nhất cả nước?

- A. Bạc Liêu.
- B. An Giang.
- C. Cà Mau.
- D. Đồng Tháp.

Câu 80: Trong những năm qua, nội bộ ngành nông nghiệp của nước ta có sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng

- A. tỉ trọng ngành trồng trọt và tỉ trọng ngành chăn nuôi càng tăng.
- B. tỉ trọng ngành trồng trọt tăng, tỉ trọng ngành chăn nuôi giảm.
- C. tỉ trọng ngành trồng trọt và tỉ trọng ngành chăn nuôi cùng giảm.
- D. tỉ trọng ngành trồng trọt giảm, tỉ trọng ngành chăn nuôi tăng.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

41-C	42-B	43-	44-C	45-A	46-C	47-B	48-C	49-C	50-A
51-B	52-B	53-	54-A	55-A	56-B	57-C	58-A	59-D	60-D
61-B	62-B	63-	64-B	65-C	66-C	67-D	68-D	69-D	70-D

71-D	72-C	73-	74-A	75-D	76-D	77-A	78-A	79-B	80-D
------	------	-----	------	------	------	------	------	------	------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 41.

Người nhập cư đem lại nguồn tri thức, vốn và lực lượng lao động lớn mà không mất tri phí đào tạo. SGK Địa lí 11, CB, trang 39.

=> **Chọn C**

Câu 42.

Để tăng sản lượng lương thực ở nước ta, biện pháp quan trọng nhất ảnh hưởng thâm canh, tăng năng suất.

=> **Chọn B**

Câu 43.

Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có mùa đông lạnh nhất nước ta là do ảnh hưởng của vị trí (nơi đầu tiên và cuối cùng chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc) và các dãy núi hướng vòng cung (đón gió và tạo điều kiện cho sự xâm nhập sâu của gió mùa Đông Bắc).

=> **Chọn C**

Câu 44.

Thời gian qua, mức gia tăng dân số ở nước ta giảm do kết quả của chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình. Ví dụ, chính sách: mỗi cặp vợ chồng chỉ có hai con

=> **Chọn A**

Câu 45.

Do vùng biển không có tiềm năng dầu khí nên khai thác dầu khí không xuất hiện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

=> **Chọn A**

Câu 46.

Dựa vào kĩ năng nhận diện biểu đồ và bảng số liệu, ta có từ khóa “tốc độ tăng trưởng”. Biểu đồ đường là thích hợp nhất.

=> **Chọn C**

Câu 47.

Nhà máy thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi là một tổ hợp thủy điện nằm trên sông La Ngà thuộc lưu vực sông Đồng Nai. Nhà máy được đặt trên địa phận tỉnh Bình Thuận, có công suất 300 MW.

=> **Chọn B**

Câu 48.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, xác định kí hiệu các đỉnh núi và độ cao.

Độ cao của các đỉnh núi như sau:

Kon Ka Kinh: 1484m Ngọc Linh: 2598m (Cao nhất) Chu Yang Sin: 2405m

Lang Bian: 2167m

=> **Chọn B**

Câu 52.

Việc đánh bắt thủy sản xa bờ giúp khai thác tốt hơn nguồn lợi hải sản, mang lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần bảo vệ vùng trời, vùng biển và thềm lục địa

=> **Chọn B**

Câu 53.

Trung du và miền núi Bắc Bộ có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh nên thích hợp trồng các cây cận nhiệt đới, ôn đới. Đặc trưng là: mận, đào, lê, chè, hồi, quế,...

=> **Chọn A**

Câu 54.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, xác định kí hiệu cây chè. Chè được trồng chủ yếu ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên.

=> **Chọn B**

Câu 55.

Căn cứ vào bảng số liệu và yêu cầu câu hỏi, tính cán cân xuất nhập khẩu qua các năm:

Năm 2010: -3,6 tỷ đô la Mỹ

Năm 2012: -8,1 tỷ đô la Mỹ

Năm 2014: -10,1 tỷ đô la Mỹ

Năm 2015: -19,5 tỷ đô la Mỹ (lớn nhất)

Vậy, Các năm đều có giá trị nhập siêu.

Giá trị nhập siêu năm 2010 nhỏ hơn năm 2012.

Giá trị nhập siêu năm 2015 lớn hơn năm 2014.

=> **Chọn A.**

Câu 56.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, xác định kí hiệu trâu. Trâu được nuôi nhiều ở: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định.

=> **Chọn B**

Câu 57.

Hướng vòng cung của địa hình nước ta thể hiện trong các khu vực vùng núi Đông Bắc và vùng núi Trường Sơn Nam.

=> **Chọn C**

Câu 58.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, xác định đường biên giới Việt – Lào. Các tỉnh giáp biên giới Việt Lào bao gồm: Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Kon Tum.

=> **Chọn A**

Câu 59.

Năng lượng được coi là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta, phải đi trước một bước là do: ngành này có nhiều lợi thế (Nguồn nguyên liệu phong phú và đa dạng, cơ sở vật chất) và là động lực để thúc đẩy các ngành khác (Cung cấp nguồn năng lượng phục vụ hoạt động sản xuất phát triển kinh tế - xã hội của cả nước)

=> **Chọn D**

Câu 60.

Phải đẩy mạnh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng vì Đồng bằng sông Hồng là một trong hai vùng kinh tế phát triển nhất cả nước nên việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng là điều tất yếu, tạo động lực phát triển kinh tế cho cả nước, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng còn chậm, chưa phát huy hết thế mạnh của vùng.

=> **Chọn D**

Câu 61.

Tuyến đường sắt dài nhất nước ta là đường sắt Thống Nhất (1726km). Là tuyến đường sắt bắt đầu từ thủ đô Hà Nội và kết thúc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chạy gần song song với quốc lộ 1A, đi qua nhiều vùng kinh tế.

=> **Chọn B**

Câu 62.

Cơ sở năng lượng (điện) chưa đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp cũng như các hoạt động kinh tế khác của DHNTB. Để phát triển công nghiệp, vấn đề cần quan tâm nhất ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là giải quyết tốt vấn đề năng lượng (Tham khảo thêm SGK Địa lí 12CB, Trang 163).

=> **Chọn B**

Câu 63.

Nguyên nhân chủ yếu làm cho ngành giao thông vận tải và thông tin liên lạc nước ta có vai trò đặc biệt quan trọng hiện nay là do sự mở cửa, hội nhập và phát triển mạnh nền kinh tế thị trường. (Nhu cầu đi lại, thông tin liên lạc, giao lưu cao).

=> **Chọn B**

Câu 64.

Vùng ĐBSH là vùng đông dân nhất nước ta, có nguồn lao động dồi dào, người lao động có kinh nghiệm và trình độ sản xuất. Do là vùng có truyền thống sản xuất nông nghiệp nên dân cư tập trung nhiều ở nông thôn. D sai.

=> **Chọn D**

Câu 65.

Vùng biên mà ranh giới ngoài của nó chính là biên giới trên biển của quốc gia, được gọi là: Lãnh hải. (Tham khảo thêm SGK Địa lí 12CB, Trang 15).

=> **Chọn C**

Câu 66.

Bắc Trung Bộ có thể mạnh để chăn nuôi gia súc là do: có vùng đồi trước núi. (Tham khảo thêm SGK Địa lí 12CB, Trang 157). .

=> **Chọn C**

Câu 67.

Các khu kinh tế cửa khẩu thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ là: Lào Cai (Lào Cai), Móng Cái (Quảng Ninh), Thanh Thủy (Hà Giang).

Cầu Treo (Hà Tĩnh) thuộc Bắc Trung Bộ.

=> **Chọn D**

Câu 68.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10 (Phần biểu đồ đường), xác định đường thể hiện lưu lượng nước sông Hồng, đỉnh lũ rơi vào tháng 8 (VIII).

=> **Chọn C**

Câu 69.

Dựa vào biểu đồ, ta có 1 số nhận xét sau về tỉ trọng lúa:

Lúa mùa, lúa đông xuân: giảm.

Lúa hè thu và thu đông tăng.

Vậy, A, B, C đúng.

=> **Chọn D**

Câu 70.

Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta biểu hiện ở: tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm. (Tham khảo thêm SGK Địa lí 12CB, Trang 40).

=> **Chọn D**

Câu 71.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24 (phần biểu đồ bát úp, phần nửa tròn ở trên). Mặt hàng có tỉ trọng lớn nhất là công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp (chiếm 42,6%).

=> **Chọn D**

Câu 72.

Để giảm bớt tình trạng di dân tự do vào các đô thị, giải pháp chủ yếu và lâu dài là: Xây dựng nông thôn mới, đa dạng hoá hoạt động kinh tế ở nông thôn.

=> **Chọn C**

Câu 73.

Đặc điểm tự nhiên có ảnh hưởng lớn nhất đến việc hình thành vùng chuyên canh chè ở Trung du và miền núi

Bắc Bộ là: khí hậu nhiệt đới trên núi có mùa đông lạnh. (Thích hợp với sự phát triển cây chè).

=> **Chọn A**

Câu 74.

Đông Nam Á lục địa không có nhiều đảo và quần đảo núi lửa. Nên A sai.

=> **Chọn A**

Câu 75.

Hàm lượng phù sa của sông ngòi nước ta lớn là do quá trình xâm thực bào mòn mạnh mẽ ở đồi núi, làm cho các vật liệu ở miền núi bị rửa trôi.

=> **Chọn D**

Câu 76.

Biểu đồ cột kết hợp đường thể hiện 2 đối tượng khác nhau, 2 đơn vị khác nhau (sản lượng dầu thô và điện).

Biểu đồ thể hiện: Sản lượng dầu thô và sản lượng điện của Phi-lip-pin, giai đoạn 2010 - 2015.

=> **Chọn D**

Câu 77.

Nước ta nằm trong khu vực nội chí tuyến, quanh năm chịu ảnh hưởng của gió Tín Phong (gió Mậu Dịch). Nhưng do chịu tác động lớn của gió mùa nên gió Tín Phong bị lấn át.

=> **Chọn A**

Câu 78.

Các huyện đảo thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là: Hoàng Sa (Đà Nẵng), Lý Sơn (Quảng Ngãi), Trường Sa (Khánh Hòa), Phú Quý (Bình Thuận)

=> **Chọn A**

Câu 79. Căn cứ vào bản đồ Thủy sản (năm 2007) trang 20 của Atlas Địa lí Việt Nam, xác định kí hiệu nuôi trồng thủy sản (cột màu xanh). Tỉnh có sản lượng NUÔI TRỒNG lớn nhất là An Giang (263914 tấn)

=> **Chọn B**

Câu 80.

Trong những năm qua, nội bộ ngành nông nghiệp của nước ta có sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỉ trọng ngành thủy sản. Năm 1990, tỉ trọng ngành nông nghiệp là 83,4% đến năm 2005 chỉ còn 71,5%. Cùng những năm đó, tỉ trọng ngành thủy sản tăng từ 8,7% lên 24,8%. Nếu xét riêng nông nghiệp (theo nghĩa hẹp) thì tỉ trọng của ngành trồng trọt giảm, còn tỉ trọng của ngành chăn nuôi tăng.

=> **Chọn D**

SỞ GD&ĐT HÀ TĨNH

1 TRƯỜNG THPT CHUYÊN

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2019 – LẦN

Môn thi: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)

Họ và tên:.....Số báo danh:

.....

Câu 41. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

A. Pu Si Lung B. Pha Luông. C. Phu Luông. D. Pu Tha Ca

Câu 42. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết gió mùa hạ thổi vào vùng khí hậu Trung và Nam Bắc Bộ theo hướng nào sau đây?

A. Tây nam. B. Tây bắc C. Đông bắc D. Đông nam

Câu 43. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết cảng nào sau đây là cảng sông ?

A. Cửa Ông. B. Việt Trì C. Dung Quất. D. Cam Ranh.

Câu 44. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn?

A. Hà Nội. B. Cần Thơ. C. Đà Nẵng. D. Quy Nhơn.

Câu 45. Trong những năm gần đây, diện tích đất trống, đồi trọc của nước ta

A. giảm mạnh. B. tăng nhanh. C. tăng rất ít. D. giữ ổn định.

Câu 46. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây là phụ lưu của sông Thái Bình?

A. Sông Lô. B. Sông Gâm. C. Sông Thương. D. Sông Chảy.

Câu 47. Việt Nam nằm ở rìa phía đông của

A. khu vực Đông Bắc Á. B. khu vực Đông Nam Á.
C. bán đảo Đông Dương. D. Thái Bình Dương.

Câu 48. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây thuộc vùng kinh tế Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Hạ Long. B. Bắc Ninh. C. Nam Định. D. Hải Dương.

Câu 49. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết dừa được trồng nhiều ở tỉnh nào sau đây?

A. Bình Thuận. B. Gia Lai. C. Bình Định. D. Ninh Thuận.

Câu 50. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết tỉnh nào sau đây có GDP bình quân đầu người thấp nhất?

A. Bắc Ninh. B. Tây Ninh C. Vĩnh Phúc D. Bình Dương.

Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn hơn sản lượng thủy sản khai thác?

A. Ninh Thuận. B. Kiên Giang. C. Quảng Nam. D. Đồng Tháp

Câu 52. Ngập lụt ở đồng bằng sông Hồng không phải do

A. lũ quét. B. đê bao bọc C. mặt đất thấp. D. mưa lớn.

Câu 53. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế ven biển Hòn La thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Thừa Thiên Huế. B. Quảng Trị. C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình.

Câu 54. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5 cho biết đảo Cái Bầu thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Nam Định. B. Thái Bình. C. Quảng Ninh . D. Thanh Hóa

Câu 55. Để nâng cao hệ số sử dụng đất trồng lúa ở nước ta hiện nay, giải pháp nào sau đây là cơ bản nhất?

A. Đẩy mạnh khai hoang mở rộng đất canh tác
B. Phát triển thủy lợi nhằm đảm bảo nước tưới.
C. Đưa các giống năng suất cao vào sản xuất.
D. Chủ động phòng chống thiên tai và sâu bệnh.

Câu 56. Khó khăn nào sau đây là chủ yếu ảnh hưởng đến giao thông đường bộ của nước ta hiện nay?

A. Khí hậu nhiệt đới ẩm, thiên tai xảy ra nhiều.
B. Chưa kết nối vào mạng lưới đường xuyên Á.
C. Thiếu vốn để đầu tư phát triển mạng lưới.
D. Phương tiện vận tải lạc hậu, chậm đổi mới.

Câu 57. Phát biểu nào sau đây đúng về dải đồng bằng ven biển miền Trung nước ta?

A. Diện tích nhỏ hẹp, đều do biển bồi tụ. B. Đất đều nghèo dinh dưỡng, nhiều cát.

C. Địa hình đa dạng, chia cắt phức tạp.

D. Không có hệ thống đê sông, đê biển.

Câu 58. Phát biểu nào sau đây không đúng với chân cư và xã hội Đông Nam Á hiện nay.

A. Dân số đông, mật độ dân số ở mức thấp.

B. Thiếu lao động có trình độ chuyên môn.

C. Văn hóa của các nước nhiều tương đồng.

D. Gia tăng dân số tự nhiên ngày càng giảm.

Câu 59. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	1910,9	330,8	300,0	513,1
Dân số (triệu người)	264,0	31,6	105,0	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018) Nam A, năm 2017)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây không đúng khi so sánh mật độ dân số của một số quốc gia

A. Ma-lai-xi-a thấp hơn Thái Lan.

B. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin.

C. Phi-lip-pin cao hơn Ma-lai-xi-a

D. In-đô-nê-xi-a cao hơn Thái Lan.

Câu 60. Phát biểu nào sau đây không đúng với Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

A. Là vùng kinh tế trọng điểm có diện tích nhỏ nhất.

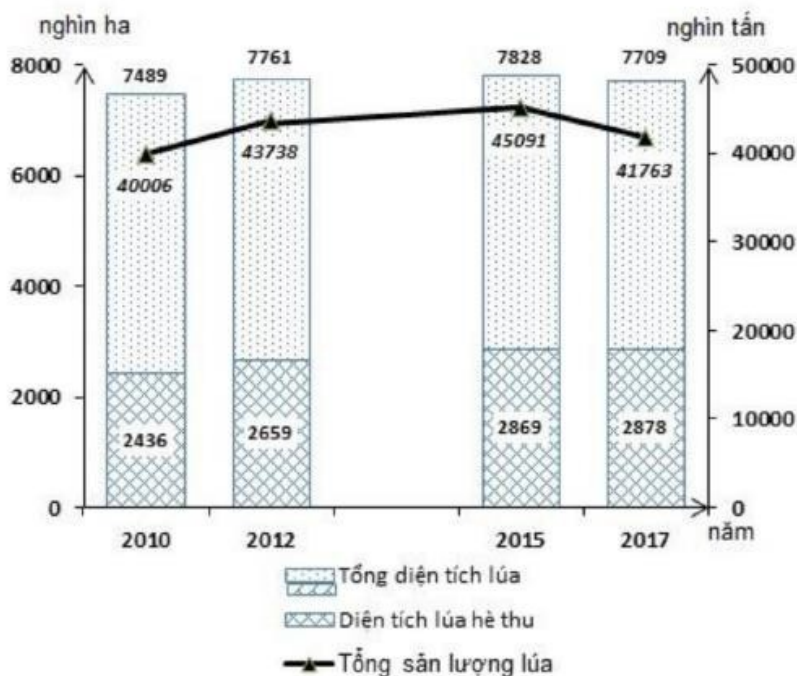
B. Dân cư đông, lao động dồi dào và có chất lượng.

C. Cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối tốt và đồng bộ.

D. Ngành công nghiệp là động lực cho sự phát triển,

Câu 61. Cho biểu đồ:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2017



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018) Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về tình hình phát triển diện tích và sản lượng lúa của nước ta, giai đoạn 2010 - 2017?

A. Tổng diện tích lúa và diện tích lúa hè thu tăng liên tục qua các năm.

B. Tổng diện tích lúa và tổng sản lượng lúa tăng liên tục qua các năm.

C. Tổng sản lượng lúa tăng đều qua các năm còn tổng diện tích lúa giảm.

D. Tổng diện tích lúa biến động còn diện tích lúa hè thu ngày càng tăng.

Câu 62. Sự phân công lao động xã hội theo ngành của nước ta còn chậm chuyển biến là do nguyên nhân chính nào sau đây?

- A. Năng suất lao động và trình độ phát triển kinh tế thấp.
- B. Chất lượng lao động thấp và phân bố còn chưa hợp lí.
- C. Chưa đa dạng thành phần kinh tế, thu hút đầu tư chậm.
- D. Quá trình đô thị hóa diễn ra chậm, quy mô đô thị nhỏ.

Câu 63. Lợi ích chủ yếu của việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển đảo ở nước ta là

- A. tăng cường giao lưu kinh tế giữa đất liền và các đảo.
- B. bảo vệ chủ quyền vùng biển, hải đảo và thềm lục địa
- C. khai thác hợp lí các nguồn lợi, phòng tránh thiên tai.
- D. Mang lại hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường.

Câu 64. Dân số nước ta hiện nay vẫn còn tăng khá nhanh chủ yếu là

- A. y tế phát triển, tuổi thọ người dân tăng
- B. tỉ lệ sinh rất cao, tỉ lệ tử đang tăng lên.
- C. kinh tế phát triển, mức sống nâng cao
- D. tỷ lệ sinh khá cao, tỷ lệ tử ở mức thấp

Câu 65. Cơ cấu câu sản phẩm của các vùng nông nghiệp nước ta thay đổi nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. tác hại của thiên tai, sâu bệnh và dịch bệnh.
- B. phù hợp hơn với các vùng sinh thái nông nghiệp.
- C. Đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường
- D. Thuận lợi hơn cho việc chế biến, trao đổi nông sản.

Câu 66. Mục đích chủ yếu của tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở nước ta là

- A. đáp ứng tốt nhu cầu thị trường thế giới
- B. giảm chênh lệch trình độ giữa các vùng
- C. phát triển bền vững ngành công nghiệp
- D. phát huy hiệu quả các nguồn lực có sẵn.

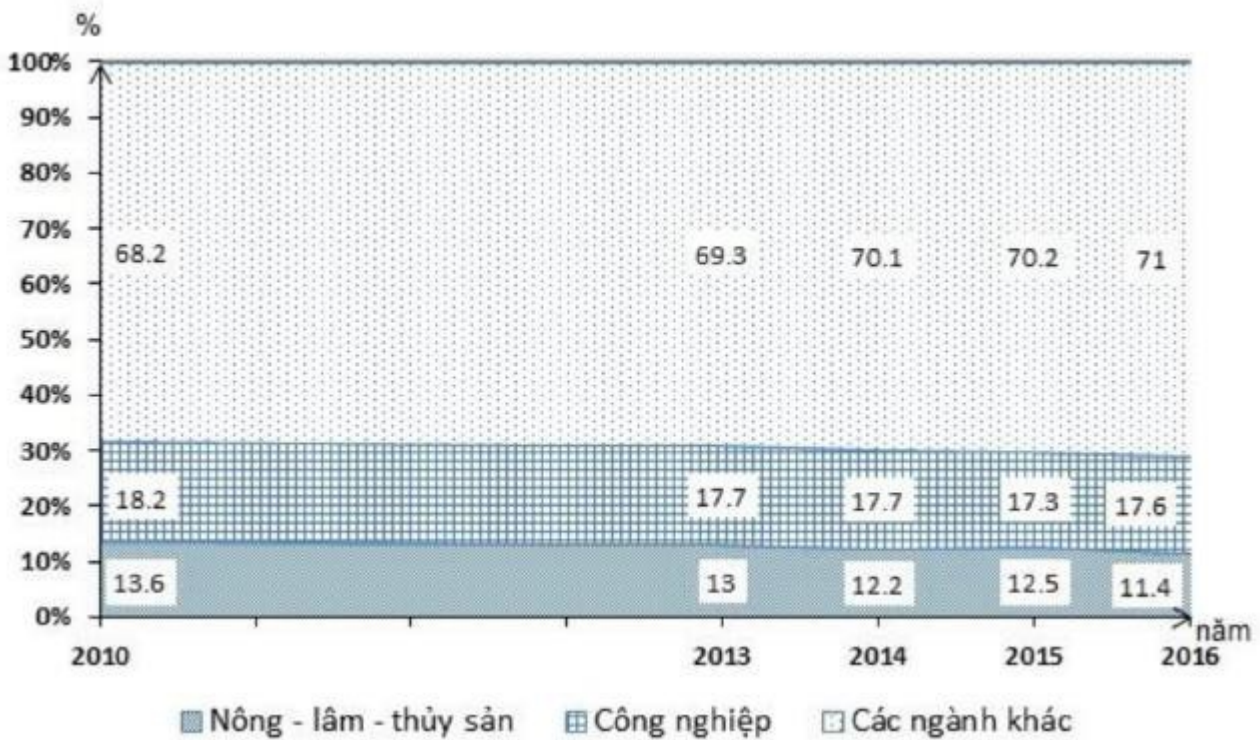
Câu 67. Khó khăn chủ yếu ảnh hưởng đến việc nuôi trồng thủy sản nước lợ của Đông Nam Á hiện nay là

- A. thị trường tiêu thụ biến động lớn.
- B. dịch bệnh thường xuyên xảy ra.
- C. khí hậu diễn biến thất thường.
- D. chất lượng vật nuôi còn hạn chế.

Câu 68. Giải pháp chủ yếu để tăng lượng khách du lịch quốc tế đến với Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. đầu tư cơ sở hạ tầng, tăng cường quảng bá hình ảnh du lịch.
- B. tăng cường quảng bá hình ảnh du lịch, bảo vệ môi trường.
- C. bảo vệ môi trường, phát triển đa dạng các loại hình du lịch.
- D. phát triển đa dạng các loại hình du lịch, đầu tư cơ sở hạ tầng.

Câu 69. Cho biểu đồ về lao động của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010 - 2016:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô và cơ cấu lao động phân theo ngành kinh tế của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010 - 2016.
- B. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010 - 2016.
- C. Sự thay đổi cơ cấu lao động phân theo ngành kinh tế của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010 - 2016.
- D. Cơ cấu nguồn lao động phân theo thành phần kinh tế của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010 - 2016.

Câu 70. Phát biểu nào sau đây đúng về chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế của nước ta hiện nay?

- A. Hình thành các khu chế xuất, khu công nghiệp.
- B. Mạng lưới giao thông ngày càng được mở rộng.
- C. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng tỉ trọng.
- D. Tỉ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng tăng.

Câu 71. Biên độ nhiệt độ trung bình năm của nước ta giảm dần từ Bắc vào Nam chủ yếu là do

- A. hình dáng lãnh thổ và ảnh hưởng của gió mùa
- B. ảnh hưởng của gió mùa và độ cao của địa hình.
- C. độ cao của địa hình và hoạt động của dải hội tụ.
- D. hoạt động của dải hội tụ và hình dáng lãnh thổ.

Câu 72. Tây Nguyên có thể thành lập các nông trường, vùng chuyên canh quy mô lớn là nhờ thế mạnh chủ yếu nào sau đây?

- A. Đất badan có tầng phong hóa sâu, giàu dinh dưỡng.
- B. Có nhiều cao nguyên xếp tầng, khí hậu cận xích đạo.
- C. Địa hình khá bằng phẳng, đất đai phân bố tập trung
- D. Thị trường tiêu thụ rộng, công nghiệp chế biến nhiều.

Câu 73. Khó khăn nào sau đây là chủ yếu ảnh hưởng đến việc phát triển cây lương thực ở Bắc Trung Bộ?

- A. Đồng bằng ven biển có diện tích nhỏ.
- B. Chịu ảnh hưởng của bão và áp thấp.
- C. Tình trạng hạn hán xảy ra ở nhiều nơi.
- D. Lũ lụt gây hậu quả rất nghiêm trọng.

Câu 74. Diện tích đất phù sa ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long có xu hướng thu hẹp chủ yếu là do

- A. thời gian mùa khô hạn ngày càng kéo dài.
- B. chế độ nước của sông Mê Công thay đổi.
- C. đẩy mạnh đắp đê nên phù sa ít được bồi lấp

D. mở rộng việc nuôi trồng thủy sản nước lợ.

Câu 75. Nhân tố nào sau đây là chủ yếu dẫn đến kim ngạch nhập khẩu của nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây?

- A.** Mở rộng và đa dạng hóa thị trường nhập khẩu.
- B.** Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư của nước ngoài.
- C.** Dân số nước ta đông, mức sống được nâng cao.
- D.** Nhu cầu của sản xuất trong nước đang tăng lên.

Câu 76. Giải pháp chủ yếu để nâng cao sản lượng cây công nghiệp ở Đông Nam Bộ là

- A.** đa dạng hóa cây trồng và thâm canh tăng vụ.
- B.** thay đổi cơ cấu cây trồng, mở rộng diện tích.
- C.** phát triển thủy lợi và thay đổi cơ cấu mùa vụ.
- D.** phát triển việc chế biến, đẩy mạnh xuất khẩu.

Câu 77. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu dẫn đến tỉ lệ thiếu việc làm ở Đồng bằng sông Hồng còn cao?

- A.** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành diễn ra còn chậm.
- B.** Tập trung nhiều thành phố lớn với mật độ dân số rất cao.
- C.** Là vùng trồng lúa nên sử dụng lao động mang tính mùa vụ.
- D.** Diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người giảm xuống.

Câu 78. Cho bảng số liệu:

MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2017

Năm	2010	2012	2015	2017
Muối biển (nghìn tấn)	975,3	776,4	1061,0	854,3
Thủy sản ướp đông (nghìn tấn)	1278,3	1372,1	1666,0	1940,0
Nước mắm (triệu lít)	257,1	306,0	339,5	380,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tình hình phát triển một số sản phẩm công nghiệp của nước ta, giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A.** Miền.
- B.** Tròn.
- C.** Cột chồng.
- D.** Kết hợp.

Câu 79. Khó khăn lớn nhất ảnh hưởng đến việc phát triển ngành chăn nuôi gia súc nhỏ ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A.** kết cấu hạ tầng còn nhiều hạn chế.
- B.** có một mùa đông lạnh và kéo dài.
- C.** dịch bệnh còn xảy ra ở nhiều nơi.
- D.** công nghiệp chế biến còn lạc hậu.

Câu 80. Việc thay đổi cơ cấu mùa vụ nông nghiệp ở nước ta nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A.** Phù hợp với điều kiện sinh thái nông nghiệp và tăng năng suất.
- B.** Phòng tránh thiên tai và sâu bệnh, nâng cao hiệu quả về kinh tế.
- C.** Tăng cường việc trao đổi giữa các vùng, khắc phục tình mùa vụ.
- D.** Đẩy mạnh xuất khẩu nông sản, phát triển công nghiệp chế biến.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

41-D	42-D	43-B	44-B	45-A	46-C	47-C	48-A	49-C	50-B
51-D	52-A	53-D	54-C	55-B	56-C	57-C	58-A	59-B	60-A

61-D	62-A	63-D	64-D	65-C	66-D	67-B	68-A	69-C	70-C
71-A	72-C	73-B	74-B	75-D	76-B	77-A	78-D	79-C	80-B

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 41.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, xác định kí hiệu đỉnh núi và phạm vi miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ => đỉnh núi Pu Tha Ca (Hà Giang) thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

Chọn: D

Câu 42.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, xác định vị trí vùng khí hậu Trung và Nam Bắc) và kí hiệu hướng gió mùa hạ (mũi tên màu đỏ có đuôi vuông)

=> Gió mùa mùa hạ thổi vào vùng khí hậu Trung và Nam Bắc Bộ theo hướng Đông Nam. Do áp thấp Bắc Bộ hút gió làm đổi hướng gió mùa Tây Nam thành gió Đông Nam.

Chọn: D

Câu 43.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, xác định kí hiệu cảng sông (kí hiệu cánh cung màu đen) => cảng sông nước ta là cảng Việt Trì (thuộc tỉnh Phú Thọ).

Chọn: B

Câu 44.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, xác định vị trí các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm trên bản đồ và xem kí hiệu quy mô TTCN (có 4 cấp)=> xác định được Hà Nội có quy mô rất lớn, Đà Nẵng và Quy Nhơn có quy mô vừa, Cần Thơ có quy mô lớn.

Chọn: B

Câu 45.

Trong những năm gần đây, do chủ trương toàn dân đẩy mạnh bảo vệ rừng và trồng rừng nên diện tích đất trồng đồi núi trọc nước ta giảm mạnh. (SGK/60 Địa lí 12)

Chọn: A

Câu 46.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, xác định được sông Thương là phụ lưu của sông Thái Bình. (sông Lô, sông Gâm, sông Chảy là phụ lưu của sông Hồng)

Chọn: C

Câu 47.

Việt Nam nằm ở rìa phía đông của bán đảo **Đông Dương**

Chọn: C

Câu 48.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, trung tâm kinh tế thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh). Các trung tâm kinh tế Bắc Ninh, Nam Định, Hải Dương thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng.

Chọn: A

Câu 49.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, xác định kí hiệu cây dừa => dừa được trồng nhiều ở vùng duyên hải tỉnh Bình Định.

Chọn: C

Câu 50.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, trong 3 vùng kinh tế trọng điểm nước ta, tỉnh có GDP bình quân đầu người thấp nhất là Tây Ninh (nền màu nhạt nhất: dưới 6 triệu đồng/người)

Chọn: B

Câu 51.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, xác định được tỉnh Đồng Tháp có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn hơn khai thác (kí hiệu cột màu xanh cao hơn cột màu hồng) với sản lượng thủy sản nuôi trồng là 230008 tấn.

Chọn: D

Câu 52.

Ngập lụt ở đồng bằng sông Hồng là do diện mưa bão rộng, lũ tập trung trong các hệ thống sông lớn, kết hợp mặt đất thấp, xung quanh có đê sông đê biển bao bọc, mật độ nhà cửa dày đặc nên nước khó thoát. => loại đáp án B, C, D => Nguyên nhân gây ngập lụt ở đồng bằng sông Hồng không phải do lũ quét.

Chọn: A

Câu 53.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, xác định được khu kinh tế ven biển Hòn La thuộc tỉnh Quảng Bình.

Chọn: D

Câu 54.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, xác định được đảo Cái Bầu thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Chọn: C

Câu 55.

Để nâng cao hệ số sử dụng đất trồng lúa ở nước ta hiện nay, “giải pháp cơ bản nhất là phát triển thủy lợi nhằm đảm bảo nguồn nước tưới cho các vùng khô hạn về mùa khô và tiêu nước cho các vùng thấp bị ngập úng, làm tăng diện tích đất trồng trọt, tăng hệ số sử dụng đất trồng hàng năm.

Chọn: B

Câu 56.

- Đồng bằng ven biển miền Trung không vẫn có xây dựng các hệ thống đê sông, đê biển để ngăn chặn lũ lụt, tuy nhiên chủ yếu là các hệ thống đê nhỏ mang tính địa phương. => loại D

- Địa hình vùng đồng bằng ven biển miền Trung đa dạng, được chia làm 3 dải: giáp biển là cồn cát, đầm phá; ở giữa là vùng trũng thấp, dải trong cùng được bồi tụ thành đồng bằng, tuy nhiên đồng bằng hẹp ngang và bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ. => C đúng

Chọn: C

Câu 58.

Đặc điểm dân cư – xã hội Đông Nam Á hiện nay là dân số đông, mật độ dân số cao. Nhận định mật độ dân số thấp là không đúng.

Chọn: A

Câu 59.

Mật độ dân số = Dân số

- Diện tích (người/km²) Áp dụng công thức tính được mật độ dân số các nước:

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin	Thái Lan
Mật độ dân số (người/km ²)	138,1	95,5	350,0	128,8

Như vậy, mật độ dân số In-đô-nê-xi-a thấp hơn Phi-lip-pin (138,1 < 350,0 người/km²)

=> Nhận xét In-đô-nê-xi-a có mật độ dân số cao hơn Phi-lip-pin là không đúng

Chọn: B

Câu 60.

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có diện tích gần 30,6 nghìn km² (chiếm hơn 9,2% diện tích tự nhiên cả nước), diện tích lớn nhất trong 3 vùng kinh tế trọng điểm nước ta (phía Bắc gần 15,3 nghìn km², miền Trung gần 28 nghìn km²)

=> Nhận xét vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có diện tích nhỏ nhất là không đúng

Chọn: A

Câu 61.

- Tổng diện tích lúa có tăng lên nhưng còn biến động giai đoạn 2010 – 2015 tăng đều liên tục từ 7489 lên 7828 nghìn ha, đến năm 2017 giảm nhẹ còn 7709 nghìn ha.

- Diện tích lúa hè thu tăng liên tục từ 2436 (2010) đến 2878 nghìn ha (năm 2017)

Nhận xét D: Tổng diện tích lúa biến động còn diện tích lúa hè thu ngày càng tăng lên là chính xác

Chọn: D

Câu 62.

Sự phân công lao động xã hội theo ngành của nước ta còn chậm chuyển biến nguyên nhân là do năng suất lao động và trình độ phát triển kinh tế thấp. Phân công lao động xã hội theo ngành của nước ta còn chậm chuyển biến, biểu hiện ở sự tập trung lao động chủ yếu trong ngành nông-lâm - ngư nghiệp; lao động trong công nghiệp xây dựng và dịch vụ còn ít. Nguyên nhân do trình độ phát triển kinh tế còn thấp, hoạt động sản xuất nông nghiệp vẫn phổ biến, công nghiệp và dịch vụ còn chậm chuyển biến nên tạo ra việc làm ít, mặt khác năng suất lao động còn thấp – do trình độ lao động và việc áp dụng các tiến bộ khoa học – kỹ thuật và máy móc trong sản xuất còn hạn chế => sự chuyển biến về lao động giữa các ngành hạn chế.

Chọn: A

Câu 63.

Lợi ích chủ yếu của việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển đảo ở nước ta là mang lại hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường. Bởi các ngành kinh tế biển rất đa dạng, gồm đánh bắt nuôi trồng thủy sản, khai thác khoáng sản biển, du lịch biển và giao thông vận tải biển => chỉ có khai thác tổng hợp mới đem lại hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường (SGK/192 Địa lí 12)

Chọn: D

Câu 64.

Dân số nước ta hiện nay vẫn còn tăng khá nhanh chủ yếu là do tỷ lệ sinh khá cao (mặc dù có giảm nhưng còn chậm) và tỉ lệ tử ở mức thấp (do y tế phát triển, người dân quan tâm đến sức khỏe nhiều hơn)

Chọn: D

Câu 65.

Cơ cấu sản phẩm của các vùng nông nghiệp nước ta thay đổi nhằm mục đích chủ yếu là đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu tiêu thụ ngày càng đa dạng của thị trường.

Chọn: C

Câu 66.

Tổ chức lãnh thổ công nghiệp là sự sắp xếp, phối hợp các quá trình và cơ sở sản xuất công nghiệp trên một lãnh thổ nhất định để sử dụng hợp lý các nguồn lực sẵn có nhằm đạt hiệu quả cao về các mặt kinh tế, xã hội và môi trường. (SGK/125 Địa lí 12)

=> Mục đích chủ yếu của tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở nước ta là phát huy hiệu quả các nguồn lực có sẵn.

Chọn: D

Câu 67.

Khó khăn chủ yếu ảnh hưởng đến việc nuôi trồng thủy sản nước lợ của Đông Nam Á là dịch bệnh thường xuyên xảy ra.

Chọn: B

Câu 68.

Giải pháp chủ yếu để tăng lượng khách du lịch quốc tế đến với Duyên hải Nam Trung Bộ là đẩy mạnh

đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch hiện đại hơn, xây dựng nhiều khu nghỉ dưỡng cao cấp, các khu resort,...để đáp ứng yêu cầu về dịch vụ cao cấp của khách du lịch quốc tế. Đồng thời cần tăng cường quảng bá hình ảnh du lịch của vùng trên trường quốc tế để nhiều bạn bè các nước biết đến.

Chọn: A

Câu 69.

Biểu đồ miền có khả năng thể hiện sự thay đổi (chuyển dịch) cơ cấu của đối tượng trong thời gian từ 4 năm trở lên. Biểu đồ đề ra là biểu đồ miền, thể hiện đối tượng là lao động thuộc 3 ngành kinh tế.

=> Biểu đồ thể hiện sự thay đổi cơ cấu lao động phân theo ngành kinh tế của Ma-lai-xi-a giai đoạn 2010 – 2016

Chọn: C

Câu 70.

Cơ cấu thành phần kinh tế của nước ta chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Chọn: C

Câu 71.

Biên độ nhiệt độ trung bình năm của nước ta giảm dần từ Bắc vào Nam chủ yếu là do hình dáng lãnh thổ và ảnh hưởng của gió mùa: lãnh thổ kéo dài theo chiều bắc - nam nên càng vào phía nam càng gần xích đạo góc nhập xạ càng lớn, chênh lệch thời gian chiếu sáng càng giảm nên biên độ nhiệt giảm dần; mặt khác miền Bắc chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc làm hạ thấp nền nhiệt vào mùa đông khiến biên độ nhiệt miền Bắc rất lớn, miền Nam không chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc, nhiệt độ cao quanh năm.

Chọn: A

Câu 72.

Tây Nguyên diện tích đất badan rộng lớn, màu mỡ phân bố tập trung với những mặt bằng rộng lớn trên các cao nguyên có bề mặt khá bằng phẳng => thuận lợi để thành lập các nông trường vùng chuyên canh quy mô lớn. (SGK/168 Địa lí 12)

Chọn: C

Câu 73.

Khó khăn chủ yếu ảnh hưởng đến việc phát triển cây lương thực ở Bắc Trung Bộ là tình trạng hạn hán xảy ra ở nhiều nơi, ảnh hưởng đến vụ sản xuất lúa hè thu của vùng. Do đây là thời kì nắng nóng đỉnh điểm của miền Trung lại chịu ảnh hưởng của hiệu ứng phơn khô nóng khiến lượng mưa đầu mùa hạ rất ít, mực nước các sông, hồ, kênh mương thiếu hụt=>nhiều vụ lúa bị cháy, khô không thể phát triển.

Chọn: C

Câu 74.

Diện tích đất phù sa ngọt ở đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu do phù sa của sông Mê Công bồi đắp. Nước ta nằm ở phần cuối (hạ lưu) sông Mê Công do vậy phần lớn lượng phù sa của sông Mê Công đổ vào lãnh thổ nước ta đều bắt nguồn từ lãnh thổ Trung Quốc ở vùng thượng nguồn. Hiện nay việc xây dựng hệ thống các đập thủy điện ở Trung Quốc và Lào đã làm thay đổi lưu lượng dòng chảy sông Mê Công và làm giảm khoảng 50% lượng phù sa chảy vào vùng đồng bằng sông Cửu Long khiến diện tích đất phù sa ngọt có xu hướng thu hẹp.

Chọn: B

Câu 75.

Kim ngạch xuất nhập khẩu của nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây chủ yếu do nhu cầu của sản xuất trong nước tăng lên. Nước ta chủ yếu nhập khẩu tư liệu sản xuất (nguyên liệu, máy móc, thiết bị, vật liệu).

Chọn: D

Câu 76.

Giải pháp chủ yếu để nâng cao sản lượng cây công nghiệp ở Đông Nam Bộ là thay đổi cơ cấu cây trồng,

mở rộng diện tích. Việc thay đổi cơ cấu cây trồng đang nâng cao hơn vị trí của vùng là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn của cả nước. Những vườn cây cao su già cỗi, năng suất thấp được thay thế bằng các giống cao su cho năng suất cao và ứng dụng công nghệ trồng mới, nhờ thế mà sản lượng cao su của vùng không ngừng tăng lên (SGK/222 Địa lí 12)

Chọn: B

Câu 77.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tỉ lệ thiếu việc làm ở ĐBS Hồng ngày càng cao là do sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành diễn ra chậm, không đáp ứng đủ số lượng việc làm cho nguồn lao động đông đảo hiện nay.

Chọn: A

Chọn 78.

- Bảng số liệu có 2 đơn vị: nghìn tấn và triệu lít.

- Đề bài yêu cầu thể hiện tình hình phát triển -> số lượng tuyệt đối thể hiện giá trị/độ lớn

=> Biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện tình hình phát triển một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2010 – 2017 là biểu đồ kết hợp

Chọn: D

Chọn 79.

Khó khăn lớn nhất ảnh hưởng đến việc phát triển chăn nuôi gia súc nhỏ ở Trung du miền núi Bắc Bộ là dịch bệnh còn xảy ra ở nhiều (dịch tả lợn)

Chọn: C

Câu 80.

Cơ cấu mùa vụ nông nghiệp ở nước ta có những thay đổi với các giống cây ngắn ngày, chống chịu sâu bệnh và có thể thu hoạch trước mùa bão lụt hay hạn hán giúp phòng chống thiên tai và sâu bệnh và nâng cao hiệu quả về kinh tế.

Chọn: B

**SỞ GD&ĐT CAO BẰNG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN**

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2019 – LẦN 1

Môn thi: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)

Họ và tên:.....Số báo danh:.....

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, nhận xét nào sau đây chưa chính xác?

- A. So với năm 1960, qui mô dân số nước ta năm 2007 lớn gấp 2,8 lần.
- B. Dân số nông thôn nước ta năm 2000 là 75,8%.
- C. Tốc độ tăng dân số thành thị giai đoạn 1976 - 1999 nhanh hơn giai đoạn 1999 – 2007.
- D. Tỉ lệ dân thành thị và dân nông thôn năm 2007 lần lượt là 72,6 và 27,4%.

Câu 42: Ý nào sau đây **không** phải là phương hướng chủ yếu để tiếp tục hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp nước ta hiện nay?

- A. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.
- B. Đẩy mạnh phát triển tất cả các ngành công nghiệp.
- C. Xây dựng cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt.
- D. Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.

Câu 43: Ý nào dưới đây không thể hiện xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ ở nước ta?

- A. Hình thành các vùng kinh tế trọng điểm.
- B. Hình thành các vùng chuyên canh.
- C. Phát triển hình thức khu công nghiệp tập trung khu chế xuất có quy mô lớn.
- D. Phát triển các ngành tận dụng được lợi thế nguồn lao động dồi dào.

Câu 44: Trong những năm qua ngành vận tải đường biển của nước ta phát triển nhanh chủ yếu do

- A. nước ta đang thực hiện mở cửa, quan hệ quốc tế ngày càng tăng.
- B. nước ta có điều kiện thuận lợi để phát triển ngành đường biển.
- C. ngoại thương nước ta phát triển mạnh, lượng hàng xuất nhập khẩu lớn.
- D. ngành dầu khí phát triển mạnh, vận chuyển chủ yếu bằng đường biển.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, vùng khí hậu chịu ảnh hưởng của bão với tần suất cao nhất nước ta là.

- A. Bắc Trung Bộ.
- B. Nam Bộ.
- C. Nam Trung Bộ.
- D. Đông Bắc Bộ.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết quốc lộ nào sau đây nối cửa khẩu Hữu Nghị với Hà Nội?

- A. Quốc lộ 5.
- B. Quốc lộ 1.
- C. Quốc lộ 18.
- D. Quốc lộ 2.

Câu 47: Để khắc phục tình trạng đất nhiễm mặn, phèn ở Đồng bằng sông Cửu Long, trong nông nghiệp cần có giải pháp

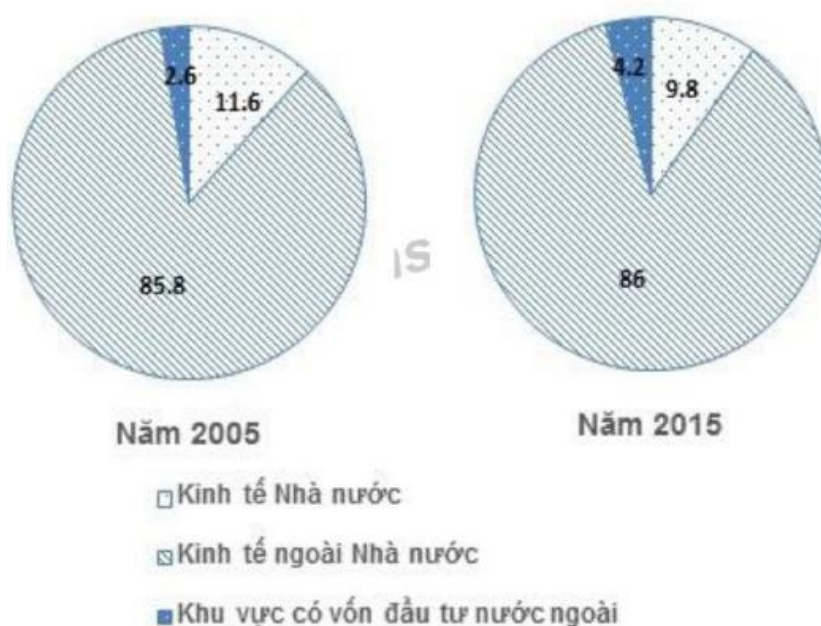
- A. đắp đê để hạn chế tình trạng ngập nước vào mùa lũ.
- B. mở rộng diện tích trồng trọt, chuyển đổi cơ cấu.
- C. chọn các vùng đất không bị nhiễm phèn, mặn để đưa vào sản xuất.
- D. phát triển thủy lợi kết hợp với việc lựa chọn cơ cấu cây trồng thích hợp.

Câu 48: Bộ phận được coi như phần lãnh thổ trên đất liền của nước ta là vùng

- A. tiếp giáp lãnh hải.
- B. nội thủy.
- C. đặc quyền kinh tế.
- D. lãnh hải.

Câu 49: Cho biểu đồ:

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA (%)



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu lao động phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2015 so với năm 2005?

- A. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và kinh tế Nhà nước tăng.
- B. Kinh tế ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm.
- C. Kinh tế Nhà nước giảm, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng.
- D. Kinh tế ngoài Nhà nước giảm, kinh tế Nhà nước tăng.

Câu 50: Ý nào dưới đây **không** đúng khi nói về vai trò của Đông Nam Bộ trong nền kinh tế cả nước?

- A. Vùng dẫn đầu cả nước về giá trị sản xuất công nghiệp.
- B. Đông Nam Bộ là vùng đứng đầu cả nước về tổng sản phẩm xã hội.
- C. Đông Nam Bộ là vùng đứng đầu cả nước về diện tích, dân số.
- D. Giá trị xuất khẩu của vùng cao nhất cả nước

Câu 51: Tác động của khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương tới khí hậu nước ta vào mùa hạ là

- A. gây nên mùa khô cho Nam Bộ và Tây Nguyên.
- B. gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên.
- C. gây mưa lớn cho đồng bằng ven biển Trung Bộ.
- D. gây khô nóng cho đồng bằng Bắc Bộ.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, đỉnh núi nào sau đây không thuộc vùng núi Đông Bắc?

- A. Kiều Liêu Ti.
- B. Tây Côn Lĩnh.
- C. Phu Luông.
- D. Pu Tha Ca

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết dừa được trồng nhiều ở tỉnh nào sau đây?

- A. Cà Mau.
- B. Nam Định.
- C. Thái Bình.
- D. Hà Tĩnh.

Câu 54: Xu hướng chuyển dịch trong khu vực I của đồng bằng sông Hồng là

- A. tăng tỉ trọng ngành trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.
- B. giảm tỉ trọng của ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng của ngành chăn nuôi và thủy sản.
- C. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt và ngành thủy sản, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi.
- D. tăng tỉ trọng ngành trồng trọt và chăn nuôi, giảm tỉ trọng ngành thủy sản.

Câu 55: Ý nào dưới đây **không** đúng với tài nguyên khoáng sản vùng biển nước ta?

- A. Vùng biển nước ta có các mỏ sa khoáng ô xít titan có giá trị xuất khẩu.
- B. Dọc bờ biển Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều vùng, vịnh thuận lợi cho sản xuất muối.
- C. Cát trắng ở Quảng Ninh, Khánh Hoà là nguyên liệu quý để sản xuất thủy tinh, pha lê.
- D. Vùng thềm lục địa có các bể trầm tích lớn với nhiều mỏ đang được thăm dò, khai thác

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có ngành chế biến đường, sữa, bánh kẹo?

- A. Thủ Dầu Một.
- B. Thái Nguyên.
- C. Buôn Ma Thuột.
- D. Phan Thiết.

Câu 57: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TẠI HÀ NỘI VÀ HUẾ

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
Huế	19,7	20,9	23,2	26,0	28,0	29,2	29,4	28,8	27,0	25,1	23,2	20,8

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 - Nâng cao, NXB Giáo dục, 2007)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng với chế độ nhiệt của Hà Nội và Huế?

- A. Hà Nội và Huế đều có 3 tháng nhiệt độ trung bình dưới 20°C.
- B. Nhiệt độ trung bình của 12 tháng lần lượt là 23,5°C và 25,1°C.
- C. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lần lượt là 9,7°C và 12,5°C.
- D. Biên độ nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội gấp 2,8 lần Huế.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết các trung tâm công nghiệp nào của Đồng bằng sông Hồng có cùng cấp qui mô giá trị sản xuất?

- A. Hà Nội, Hải Phòng.
- B. Hải Phòng, Nam Định.
- C. Bắc Ninh, Phúc Yên.
- D. Bắc Ninh, Hải Dương.

Câu 59: Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU HẠT TIÊU VÀ CÀ PHÊ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010-2016

(triệu USD)

Năm	2010	2013	2014	2016
Hạt tiêu	421,5	889,8	1201,9	1428,6
Cà phê	1851,4	2717,3	3557,4	3334,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê,

2018) Theo bảng số liệu, để thể hiện giá trị xuất khẩu hạt tiêu và cà phê của nước ta giai đoạn 2010 - 2016, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột. B. Tròn. C. Kết hợp. D. Miền.

Câu 60: Một trong những thành phố trực thuộc trung ương của nước ta là

- A. Vũng Tàu. B. Lạng Sơn. C. Cần Thơ. D. Hạ Long.

Câu 61: Nhận định nào dưới đây không đúng với đặc điểm khí hậu của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta?

- A. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C. B. Biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ.
C. Ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc. D. Có 2-3 tháng nhiệt độ dưới 18°C.

Câu 62: Mục tiêu tổng quát của ASEAN là

- A. xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình, ổn định có nền kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển.
B. đoàn kết và hợp tác vì một ASEAN hòa bình, ổn định, cùng phát triển.
C. giải quyết khác biệt trong nội bộ liên quan đến quan hệ giữa ASEAN với các nước
D. thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục và tiến bộ xã hội ở các nước thành viên.

Câu 63: Ý nào dưới đây không phải là hướng phát triển công nghiệp ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

- A. Phát triển các ngành công nghiệp cơ bản.
B. Hạn chế việc hình thành các khu công nghiệp tập trung để bảo vệ môi trường.
C. Đẩy mạnh sự phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.
D. Đầu tư vào các ngành công nghệ cao.

Câu 64: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, đô thị nào sau đây không phải đô thị loại hai?

- A. Đà Lạt. B. Mỹ Tho. C. Buôn Ma Thuột. D. Bảo Lộc

Câu 65: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SỐ DÂN CỦA MỘT SỐ VÙNG Ở NƯỚC TA, NĂM 2017

Vùng	Diện tích (km ²)	Dân số trung bình (nghìn người)
Đồng bằng sông Hồng	15082,0	20099,0
Tây Nguyên	54508,3	5778,5
Đông Nam Bộ	23552,6	16739,6
Đồng bằng sông Cửu Long	40816,3	17738,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số của các vùng, năm 2017?

- A. Đông Nam Bộ cao hơn Đồng bằng sông Hồng.
B. Đông Nam Bộ cao hơn Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đồng bằng sông Cửu Long cao hơn Đồng bằng sông Hồng.
D. Tây Nguyên cao hơn Đồng bằng sông Hồng.

Câu 66: Tuyến đường xương sống của cả hệ thống đường bộ nước ta là

- A. đường Hồ Chí Minh. B. quốc lộ 1. C. đường 14. D. đường 9.

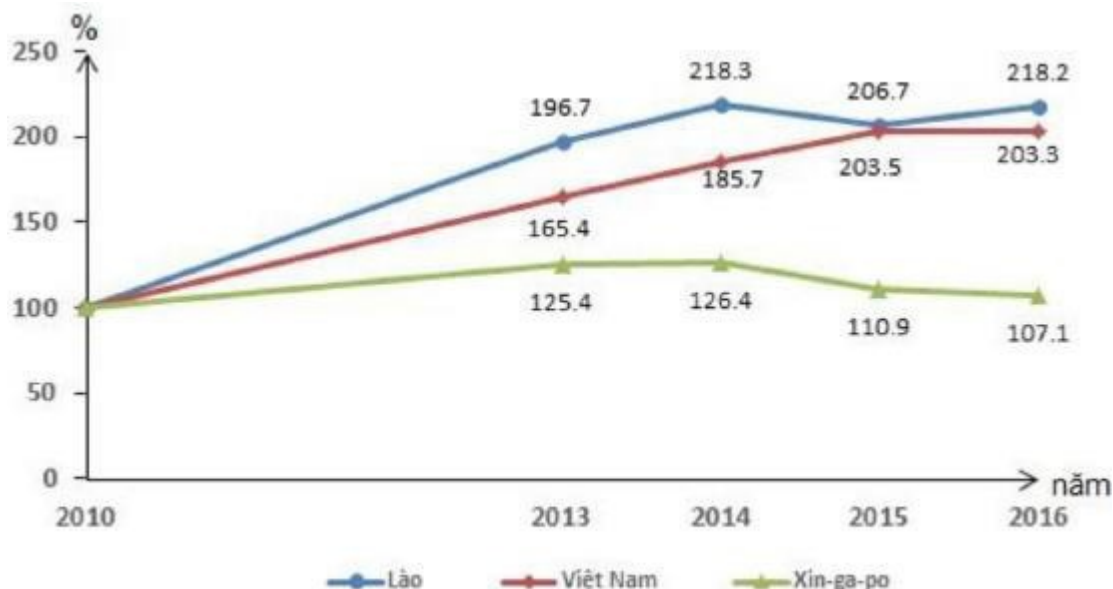
Câu 67: Kinh tế Đông Nam Á đang chuyển dịch theo hướng tích cực biểu hiện ở

- A. kinh tế nông nghiệp ngày càng đóng vai trò quan trọng.
B. từ kinh tế nông nghiệp chuyển sang kinh tế công nghiệp, lâm nghiệp.
C. từ kinh tế nông nghiệp chuyển sang kinh tế công nghiệp và dịch vụ.
D. đóng góp lớn cho GDP chủ yếu là dịch vụ.

Câu 68: Nhân tố quyết định tính chất phong phú về thành phần loài của giới thực vật ở Việt Nam

- A. địa hình đồi núi chiếm ưu thế và phân hóa phức tạp
B. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa
C. sự phong phú đa dạng của các nhóm đất.
D. nằm ở nơi giao lưu của các luồng sinh vật.

Câu 69: Cho biểu đồ về xuất nhập khẩu của Lào, Việt Nam và Xin-ga-po năm 2010 – 2016



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Giá trị xuất nhập khẩu của Lào, Việt Nam và Xin-ga-po.
- B. Chuyển dịch cơ cấu xuất nhập khẩu của Lào, Việt Nam và Xin-ga-po.
- C. Tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu của Lào, Việt Nam và Xin-ga-po.
- D. Cơ cấu xuất nhập khẩu của Lào, Việt Nam và Xin-ga-po.

Câu 70: Trong phương hướng hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta, ngành được ưu tiên đi trước một bước là

- A. công nghiệp điện lực
- B. sản xuất hàng tiêu dùng.
- C. khai thác và chế biến dầu khí.
- D. chế biến nông, lâm, thủy sản.

Câu 71: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hồ Ba Bể thuộc lưu vực hệ thống sông nào?

- A. Thái Bình.
- B. Kì Cùng - Bằng Giang
- C. Mã.
- D. Hồng.

Câu 72: Tây Nguyên trở thành vùng chuyên canh cà phê số 1 của nước ta là nhờ

- A. khí hậu nhiệt đới với sự phân hoá đa dạng theo độ cao.
- B. có nhiều vùng núi cao phù hợp với trồng cà phê.
- C. có nhiều đồn điền cà phê từ thời Pháp để lại.
- D. có nhiều đất bazan và khí hậu cận xích đạo.

Câu 73: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh, thành phố nào sau đây không giáp với biển Đông?

- A. Hải Dương.
- B. Phú Yên.
- C. Thanh Hoá.
- D. Quảng Ngãi.

Câu 74: Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với sản xuất nông nghiệp ở các tỉnh cực Nam Trung, Bộ là

- A. địa hình phân hoá sâu sắc, nhiều núi cao, hẻm vực
- B. cát bay lấn sâu vào làng mạc, ruộng đồng.
- C. thường xuyên chịu ảnh hưởng của gió phơn và bão.
- D. lượng mưa ít dẫn đến thiếu nước, nhất là vào mùa khô.

Câu 75: Nhận định nào dưới đây chưa chính xác trong khai thác thế mạnh vùng Tây Nguyên?

- A. Mùa khô sâu sắc hoàn toàn mang đến những trở ngại to lớn đối với việc phát triển nông nghiệp Tây Nguyên.
- B. Đất bazan là tài nguyên quan trọng hàng đầu về tự nhiên đối với phát triển cây công nghiệp ở Tây Nguyên.
- C. Mùa mưa tăng nguy cơ xói mòn đất ở Tây Nguyên nếu thiếu lớp phủ thực vật.
- D. Sự phân hoá khí hậu theo độ cao tạo điều kiện để Tây Nguyên phát triển các loại cây công nghiệp nhiệt đới và cận nhiệt.

Câu 76: Các điểm cực Bắc, Nam, Đông Tây của lãnh thổ đất liền nước ta lần lượt thuộc các tỉnh

- A. Hà Giang, Cà Mau, Khánh Hoà, Điện Biên.
- B. Hà Giang, Cà Mau, Phú Yên, Điện Biên.
- C. Lạng Sơn, Cà Mau, Phú Yên, Điện Biên.
- D. Lạng Sơn, Bạc Liêu, Phú Yên, Điện Biên.

Câu 77: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm dân tộc của nước ta?

- A. Dân tộc Kinh chiếm tỉ lệ lớn nhất trong tổng dân số.
- B. Có nhiều thành phần dân tộc, bản sắc văn hóa đa dạng.
- C. Các dân tộc sống tập trung chủ yếu ở đồng bằng.
- D. Mức sống của một bộ phận dân tộc ít người còn thấp.

Câu 78: Loại cây công nghiệp nào sau đây thích hợp trồng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Hồ tiêu.
- B. Cà phê.
- C. Chè.
- D. Cao su.

Câu 79: Nhân tố chính tạo ra sự khác biệt về cơ cấu mùa vụ giữa các vùng miền ở nước ta là

- A. đất đai.
- B. nguồn nước
- C. địa hình.
- D. khí hậu.

Câu 80: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Vùng có vùng biển rộng lớn ở phía đông.
- B. Ở phía tây của vùng có đồi núi thấp.
- C. Tất cả các tỉnh trong vùng đều giáp biển.
- D. Vùng có các đồng bằng rộng lớn ven biển

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

41-D	42-A	43-D	44-C	45-A	46-B	47-D	48-B	49-C	50-C
51-B	52-C	53-A	54-B	55-B	56-A	57-B	58-C	59-A	60-C
61-B	62-B	63-B	64-D	65-B	66-B	67-C	68-D	69-C	70-A
71-D	72-D	73-A	74-D	75-A	76-C	77-C	78-C	79-D	80-D

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 41.

Dựa vào Atlas Địa lí trang 15 - Dân số năm 2007 gấp năm 1960 là: $85,177 \div 30,17 = 2,8$ lần $\Rightarrow$ A đúng

- Dân số nông thôn năm 2000 là 58,86 triệu người, chiếm: $(58,86 \div 77,63) \times 100 = 75,8\% \Rightarrow$ B đúng

- Tốc độ tăng dân số thành thị: Tốc độ tăng giai đoạn = $(\text{Giá trị năm cuối} / \text{giá trị năm đầu}) \times 100 (\%)$

+ Giai đoạn 1976 – 1999 là: $(76,6 / 41,06) \times 100 = 186,5\%$

+ Giai đoạn 1999 – 2007 là: $(85,171 \div 76,6) \times 100 = 111,2\%$

$\Rightarrow$ Tốc độ tăng dân số giai đoạn 1976 – 1999 nhanh hơn giai đoạn 1999 – 2007 $\Rightarrow$ C đúng

- Năm 2007:

+ Tỉ lệ dân thành thị = $(23,37 / 85,17) \times 100 = 27,4\%$

+ Tỷ lệ dân nông thôn = $(61,8 / 85,17) \times 100 = 72,6\%$

=> Nhận xét D: Năm 2007, tỷ lệ dân thành thị: 72,6% và dân nông thôn: 27,4% là không đúng.

Chọn: D

Câu 42.

Kiến thức SGK/114 Địa lí 12, phương hướng chủ yếu để hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp gồm:

- Xây dựng một cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.
- Đẩy mạnh ngành công nghiệp chế biến nông-lâm- thủy sản, công nghiệp sản xuất tiêu dùng, tập trung phát triển công nghiệp khai thác và chế biến dầu khí, đưa công nghiệp điện lực đi trước một bước. Các ngành khác có thể điều chỉnh theo nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước.
- Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị công nghệ

=> Nhận định: Đẩy mạnh phát triển công nghiệp trọng điểm không nằm trong phương hướng hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp.

Chọn: A

Câu 43.

Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ của nước ta là hình thành các vùng kinh tế trọng điểm, các vùng chuyên canh, phát triển khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất có quy mô lớn. (SGK/85 Địa lí 12) Nhận định: phát triển các ngành tận dụng được lợi thế nguồn lao động là không đúng

Chọn: D

Câu 44.

Vận tải đường biển với ưu thế lớn nhất là vận chuyển hàng hóa trên những tuyến đường dài, đảm nhận vai trò vận tải quốc tế. Trong những năm qua ngành vận tải đường biển của nước ta phát triển nhanh chủ yếu do ngoại thương của nước ta phát triển mạnh, lượng hàng xuất nhập khẩu lớn nên nhu cầu vận chuyển, trao đổi hàng hóa, nguyên nhiên liệu bằng đường biển ngày càng tăng lên.

Chọn: C

Chú ý:

- Rất dễ nhầm lẫn với nhận định A do nước ta thực hiện mở cửa, quan hệ quốc tế ngày càng tăng. Nhận định A: việc thực hiện mở cửa và giao lưu quốc tế là vai trò đối với sự phát triển của ngành ngoại thương nói chung. Trong câu hỏi này nhấn mạnh về vận tải biển -> vai trò chuyên chở và trao đổi hàng hóa.

Câu 45.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, vùng khí hậu chịu ảnh hưởng của bão với tần suất cao nhất nước

Câu 49.

Biểu đồ cho thấy:

- Khu vực kinh tế Nhà nước giảm từ 11,6% (năm 2005) xuống 9,8% (năm 2015)
- Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng từ 2,6% (năm 2005) lên 4,2% (năm 2015)

=> Như vậy, nhận xét C: Kinh tế Nhà nước giảm, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng là đúng

Chọn: C

Câu 50.

Theo bảng 39 sgk và kiến thức trang 176 –Địa lí 12, vai trò của Đông Nam Bộ đối với nền kinh tế cả nước được thể hiện rõ thông qua các chỉ số kinh tế, vùng dẫn đầu cả nước về giá trị sản xuất công nghiệp (55,6%), giá trị xuất khẩu và tổng sản phẩm xã hội (GDP) với 42%. Mặc dù diện tích của vùng chỉ xếp vào loại nhỏ so với các vùng khác (23,6 nghìn km²), số dân vào loại trung bình (12 triệu người – năm 2006).

=> “Đứng đầu cả nước về diện tích và dân số” không phải là nhận định đúng về vai trò của Đông Nam Bộ đối với nền kinh tế cả nước.

Chọn: C

Câu 51.

Vào đầu mùa hạ, khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương di chuyển vào nước ta theo hướng tây nam xâm nhập trực tiếp và gây mưa lớn cho đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên.

Chọn: B

Câu 52.

Dựa vào Atlas Địa lí trang 13, xác định kí hiệu các đỉnh núi thuộc vùng núi Đông Bắc gồm: núi Kiều Li Ti, Tây Côn Lĩnh và Pu Tha Ca. Núi Phu Luông (2986m) nằm ở phía Nam dãy Hoàng Liên Sơn và thuộc vùng núi Tây Bắc.

Chọn: C

Câu 53.

Dựa vào Atlas Địa lí trang 19, xác định kí hiệu cây dừa trên bản đồ => dừa được trồng nhiều ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long trong đó có Cà Mau.

Chọn: A

Câu 54.

Xu hướng chuyển dịch trong khu vực I của đồng bằng sông Hồng là giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản. (SGK/153 Địa 12)

Chọn: B

Câu 55.

Vùng có nhiều điều kiện thuận lợi nhất để sản xuất muối ở nước ta là các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ (nhờ có khí hậu nắng nóng nền cao nhiệt ổn định, các cửa sông nhỏ và ít, biển có độ mặn cao). Đồng bằng sông Cửu Long không phải là vùng có điều kiện thuận lợi để sản xuất muối ở nước ta.

Chọn: B

Câu 56.

Dựa vào Atlas trang 22, xác định kí hiệu công nghiệp chế biến đường, sữa, bánh kẹo => đối chiếu các kí hiệu thuộc 4 TTCN đề bài đã cho, chỉ ra được Thủ Dầu Một là trung tâm công nghiệp có ngành chế biến đường, sữa, bánh kẹo.

Chọn: A

Câu 57.

Dựa vào bảng số liệu ta tính nhiệt độ trung bình của 12 tháng và biên độ nhiệt độ trung bình năm của 2 địa điểm theo công thức sau:

- Nhiệt độ trung bình 12 tháng = Tổng nhiệt độ của 12 tháng / 12

Hà Nội = $(16,4 + 17,0 + \dots + 21,4 + 18,2) / 12 = 23,5^{\circ}\text{C}$

Huế = $(19,7 + 20,9 + \dots + 23,2 + 20,8) / 12 = 25,1^{\circ}\text{C}$

=> Nhiệt độ trung bình 12 tháng của Hà Nội và Huế lần lượt là $23,5^{\circ}\text{C}$ và $25,1^{\circ}\text{C}$ => nhận xét B đúng

- Biên độ nhiệt độ trung bình năm = nhiệt độ tháng cao nhất – nhiệt độ tháng thấp nhất

Biên độ nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội và Huế lần lượt là: Hà Nội = $28,9 - 16,4 = 12,5^{\circ}\text{C}$ và Huế = $29,4 - 19,7 = 9,7^{\circ}\text{C}$ (Hà Nội gấp Huế: $12,5 : 9,7 = 1,29$ lần) => nhận xét C, D không đúng

- Huế chỉ có 1 tháng nhiệt độ dưới 20°C (tháng 1: $19,7^{\circ}\text{C}$) => nhận xét A không đúng

Chọn: B

Câu 58.

Dựa vào Atlas Địa lí trang 26, các trung tâm công nghiệp Bắc Ninh và Phúc Yên (thuộc đồng bằng sông Hồng) có cùng cấp quy mô giá trị sản xuất từ 9 – 40 nghìn tỉ đồng.

Chọn: C

Câu 59.

- Đề bài yêu cầu thể hiện giá trị xuất khẩu (giá trị tuyệt đối) => thể hiện độ lớn của đối tượng - Bảng số liệu có 4 năm, đơn vị: triệu USD

=> Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị xuất khẩu hạt tiêu và cà phê của nước ta giai đoạn 2010 – 2016 là biểu đồ cột (cột ghép) .

Chọn: A

Câu 60.

Năm thành phố trực thuộc TW của nước ta gồm: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ.

Chọn: C

Câu 61.

Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với một mùa đông lạnh, biên độ nhiệt trung bình năm lớn, khoảng 10 – 12 °C (do chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của gió mùa Đông Bắc khiến nhiệt mùa đông hạ thấp).

=> Nhận xét biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ là không đúng

Chọn: B

Câu 62.

Mục tiêu tổng quát của ASEAN là đoàn kết, hợp tác vì một ASEAN hòa bình, ổn định cùng phát triển.

Chọn: B

Câu 63.

Hướng phát triển công nghiệp của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là phát triển các ngành công nghiệp cơ bản, công nghiệp trọng điểm, công nghệ cao và hình thành các khu công nghiệp tập trung để thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

=> Định hướng, hạn chế việc hình thành các khu công nghiệp tập trung để bảo vệ môi trường là không đúng

Chọn: B

Câu 64.

Dựa vào Atlas Địa lí trang 15, đô thị loại 2 là Đà Lạt, Mỹ Tho, Buôn Ma Thuột (có kí hiệu chấm tròn màu đen, chữ hoa in đậm); Bảo Lộc là đô thị loại 3 (kí hiệu chấm tròn màu trắng, chữ hoa không in đậm)

Chọn: D

Câu 65.

Công thức tính mật độ dân số: Mật độ dân số = Dân số/ diện tích (người/km²)

Tính được kết quả ở bảng sau:

Vùng	Mật độ dân số (người/km ²)
Đồng bằng sông Hồng	1326,7
Tây Nguyên	106,0
Đông Nam Bộ	710,7
Đồng bằng sông Cửu Long	434,6

Như vậy mật độ dân số của Đông Nam Bộ cao hơn đồng bằng sông Cửu Long (710,6 > 434,6 người/km²)

Chọn: B

Câu 66.

Tuyến đường xương sống của cả hệ thống đường bộ nước ta là quốc lộ 1, chạy từ cửa khẩu Hữu Nghị (Lạng Sơn) đến Năm Căn (Cà Mau), dài 2300km.

Chọn: B

Câu 67.

Kinh tế Đông Nam Á đang dịch chuyển theo hướng tích cực, theo hướng từ nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp chuyển sang kinh tế công nghiệp và dịch vụ. (SGK/102 Địa lí 12)

Chọn: C

Câu 68.

Nhân tố quyết định tính chất phong phú về thành phần loài của giới thực vật ở Việt Nam là do nước ta nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và đại dương, trên đường di cư và di lưu của nhiều loài động, thực vật

nên có tài nguyên sinh vật (thực vật và động vật) vô cùng phong phú. (SGK/16 Địa lí 12)

Chọn D

Câu 69.

Biểu đồ đường thường dùng để thể hiện tốc độ tăng trưởng của đối tượng trong thời gian từ 4 năm trở lên.
=> Biểu đồ đã cho thể hiện tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu của Lào, Việt Nam và Xin-ga-po giai đoạn 2010 – 2016.

Chọn: C

Câu 70.

Trong phương hướng hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta, ngành được ưu tiên đi trước một bước là công nghiệp điện lực. (SGK/114 Địa lí 12)

Chọn: A

Câu 71.

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, xác định nền màu để phân biệt phạm vi các hệ thống sông trên bản đồ => hồ Ba Bể thuộc lưu vực hệ thống sông Hồng (có nền màu xanh lá nhạt)

Chọn: D

Câu 72.

Tây Nguyên trở thành vùng chuyên canh cà phê số 1 của nước ta là nhờ diện tích đất badan màu mỡ tập trung trên các cao nguyên rộng lớn và khí hậu cận xích đạo với nền nhiệt cao.

Chọn: D

Câu 73.

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, xác định vị trí các tỉnh/thành phố trên bản đồ => Hải Dương không tiếp giáp biển Đông.

Chọn: A

Câu 74.

Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với sản xuất nông nghiệp ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ là lượng mưa ít dẫn đến thiếu nước, khô hạn, nhất là vào mùa khô. Khu vực này đang có nguy cơ đối mặt với hiện tượng hoang mạc hóa.

Chọn: D

Câu 75.

Khí hậu Tây Nguyên có tính chất cận xích đạo với một mùa mưa và một mùa khô kéo dài (4 – 5 tháng), mùa khô khiến mực nước ngầm hạ thấp nên việc làm thủy lợi gặp khó khăn gây trở ngại cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, mùa khô ở Tây Nguyên vẫn mang lại điều kiện để phơi sấy, bảo quản sản phẩm nên không hoàn toàn gây trở ngại cho phát triển nông nghiệp.

Chọn A

Câu 76.

Hệ tọa độ địa lí của nước ta là: - Cực Bắc tại xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, Hà Giang
- Cực Nam tại xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, Cà Mau - Cực Đông tại xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, Khánh Hòa
- Cực Tây tại xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, Điện Biên
=> Các điểm cực Bắc, Nam, Đông, Tây của lãnh thổ đất liền nước ta lần lượt thuộc các tỉnh: Hà Giang, Cà Mau, Khánh Hòa, Điện Biên

Chọn: A

Câu 77.

Các dân tộc nước ta phân bố chủ yếu ở miền núi => nhận định các dân tộc sống tập trung chủ yếu ở đồng bằng là không đúng.

Chọn: C

Câu 78.

Chè là cây trồng cận nhiệt, thích hợp với điều kiện khí hậu cận nhiệt đới mát mẻ ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Chọn: C

Câu 79.

Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có sự phân hóa rõ rệt theo chiều Bắc – Nam và theo độ cao địa hình nên có ảnh hưởng rất căn bản đến cơ cấu mùa vụ giữa các vùng miền nước ta. (SGK/88 Địa lí 12)

Chọn: D

Câu 80.

Bắc Trung Bộ gồm dải đồng bằng ven biển nhỏ hẹp ở phía đông, bị chia cắt mạnh, biển đóng vai trò chính trong quá trình thành tạo.

=> Nhận định vùng có các đồng bằng rộng lớn ven biển là không đúng.

Chọn: D

**SỞ GD&ĐT HẢI PHÒNG
CỤM CHUYÊN MÔN**

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Môn thi: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)

Họ và tên:.....Số báo danh:.....

Câu 41. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết nơi nào sau đây là di sản văn hóa thế giới?

A. Mỹ Khê **B.** Mỹ Sơn **C.** Vịnh Hạ Long **D.** Hoàng Liên

Câu 42. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết tỉnh nào sau đây có ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng phát triển nhất?

A. Thừa Thiên Huế **B.** Quảng Trị **C.** Hà Tĩnh **D.** Thanh Hóa

Câu 43. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết bông được trồng nhiều ở tỉnh nào sau đây?

A. Bình Thuận **B.** Khánh Hòa **C.** Bình Định **D.** Ninh Thuận

Câu 44. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành luyện kim màu?

A. Long Xuyên **B.** Vũng Tàu **C.** Biên Hòa **D.** Thủ Dầu Một.

Câu 45. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, cho biết thành phố Tam Kỳ thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Bình Định **B.** Quảng Bình **C.** Phú Yên **D.** Quảng Nam

Câu 46. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết nơi nào sau đây có sắt?

A. Nông Sơn **B.** Thạch Khê **C.** Vàng Danh **D.** Bồng Miêu

Câu 47. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nơi nào sau đây có lượng mưa trung bình năm nhiều nhất?

A. Lũng Cú **B.** Hà Nội **C.** Huế **D.** TP. Hồ Chí Minh

Câu 48. Nguyên nhân chính gây ngập lụt ở các đồng bằng Nam Trung Bộ là mưa bão, nước biển dâng và

A. lũ nguồn về **B.** triều cường **C.** thủy triều lên **D.** lũ quét

Câu 49. Diện tích đất canh tác của nước ta phân bố chủ yếu ở

A. khu vực đồi núi **B.** khu vực đồng bằng **C.** dọc các dòng sông **D.** dọc đường bờ biển

Câu 50. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết núi Chư Pha nằm trên cao nguyên nào sau đây?

A. Đắk Lắk **B.** Lâm Viên **C.** Di Linh **D.** Kon Tum

Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết tỉnh nào sau đây có cả khu kinh tế cửa khẩu và khu kinh tế ven biển?

A. Bình Định **B.** Quảng Bình **C.** Quảng Ngãi **D.** Sơn La

Câu 52. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết dừa được trồng nhiều ở tỉnh nào sau đây?

A. Đồng Nai **B.** Đồng Tháp **C.** Bến Tre **D.** Bình Phước

Câu 53. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn?

- A. Hà Nội B. Phan Thiết C. Đà Nẵng D. Hải Phòng

Câu 54. Việt Nam nằm ở rìa phía đông của

- A. bán đảo Đông Dương B. khu vực Đông Nam Á
C. khu vực Đông Bắc Á D. Thái Bình Dương

Câu 55. Để tăng thêm diện tích gieo trồng lúa ở nước ta hiện nay, giải pháp nào sau đây là quan trọng nhất?

- A. Khai hoang mở rộng đất trồng lúa B. Xây mới các công trình thủy lợi
C. Đưa thêm giống mới vào sản xuất D. Nâng cao hệ số sử dụng đất

Câu 56. Mật độ dân số của nước ta tăng lên là do

- A. gia tăng cơ học phát triển mạnh B. số dân nước ta ngày càng tăng
C. đẩy mạnh quá trình đô thị hóa D. quy mô dân số của nước ta lớn.

Câu 57. Phát biểu nào sau đây đúng về đồng bằng ven biển nước ta?

- A. Do phù sa của sông và biển bồi đắp. B. Đất đai không thích hợp cho trồng trọt.
C. Các đồng bằng đều nhỏ hẹp, chia cắt. D. Bề mặt có nhiều vùng trũng rộng lớn.

Câu 58. Tỷ lệ gia tăng dân số hiện nay của nước ta giảm xuống nhưng số dân tăng thêm hàng năm vẫn nhiều là

- A. việc chuyển cư giữa các vùng. B. nhận thức của người dân tăng.
C. thực hiện tốt chính sách dân số. D. quy mô dân số của nước ta lớn.

Câu 59. Khó khăn nào sau đây là chủ yếu ảnh hưởng đến hoạt động vận tải bằng đường bộ của nước ta hiện nay?

- A. Thiếu vốn đầu tư phát triển mạng lưới. B. Phương tiện vận tải lạc hậu, chậm đổi mới
C. Khí hậu nhiệt đới, thiên tai xảy ra nhiều. D. Mạng lưới giao thông còn nhiều hạn chế.

Câu 60. Phát biểu nào sau đây không đúng với dân cư và xã hội Đông Nam Á hiện nay.

- A. Gia tăng dân số tự nhiên ngày càng giảm. B. Thiếu lao động có trình độ chuyên môn
C. Dân số đông, mật độ dân số ở mức thấp. D. Văn hóa của các nước nhiều tương đồng

Câu 61. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ VÀ GDP CỦA MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG NAM Á NĂM 2017

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin	Thái Lan
Dân số (triệu người)	264,0	31,6	105,0	66,1
GDP (triệu USD)	932259	296536	304905	407026

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê,

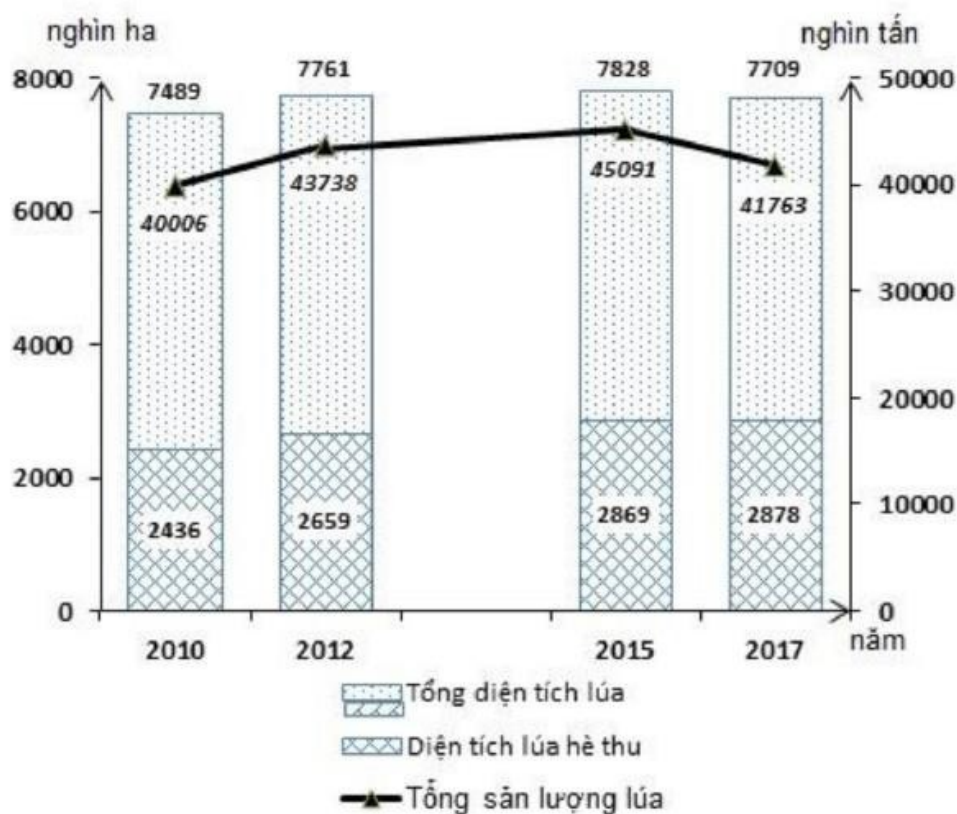
2018) Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh GDP bình quân đầu người của một số quốc gia năm 2017?

- A. Thái Lan thấp hơn Phi-lip-pin. B. Ma-lai-xi-a thấp hơn Thái Lan.
C. Phi-lip-pin thấp hơn In-đô-nê-xi-a D. Ma-lai-xi-a thấp hơn In-đô-nê-xi-a

Câu 62. Khó khăn nào sau đây là chủ yếu ảnh hưởng đến hoạt động vận tải bằng đường sông của nước ta?

- A. Sông ngòi phần lớn ngắn và dốc B. Hiện tượng bồi đắp phù sa nhiều.
C. Chế độ nước có sự phân mùa rõ. D. Các cảng sông có công suất nhỏ.

Câu 63. Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về tình hình phát triển diện tích và sản lượng lúa của nước ta, giai đoạn 2010 - 2017?

- A. Tổng diện tích lúa và tổng sản lượng lúa tăng liên tục qua các năm.
- B. Tổng diện tích lúa và diện tích lúa hè thu tăng liên tục qua các năm.
- C. Tổng sản lượng lúa tăng đều qua các năm còn tổng diện tích lúa giảm.
- D. Tổng diện tích lúa biến động còn diện tích lúa hè thu ngày càng tăng.

Câu 64. Sự phân công lao động xã hội theo ngành của nước ta còn chậm chuyển biến là do nguyên nhân chính nào sau đây?

- A. Chưa đa dạng thành phần và mới mở cửa nền kinh tế.
- B. Quá trình đô thị hóa diễn ra chậm, quy mô đô thị nhỏ.
- C. Năng suất lao động và trình độ phát triển kinh tế thấp.
- D. Chất lượng lao động thấp và phân bố còn chưa hợp lý.

Câu 65. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu dẫn đến khí hậu nước ta phân hóa theo chiều Bắc - Nam?

- A. Số giờ chiếu sáng trong năm và dải hội tụ nội chí tuyến.
- B. Dải hội tụ nội chí tuyến và sự thay đổi của góc nhập xạ.
- C. Sự thay đổi của góc nhập xạ và hoạt động của gió mùa.
- D. Hoạt động của gió mùa và số giờ chiếu sáng trong năm.

Câu 66. Kinh tế trang trại ra đời và phát triển nhanh trong những năm gần đây chủ yếu là do

- A. chính sách đẩy mạnh xuất khẩu
- B. chính sách Đổi mới của Nhà nước
- C. nguồn vốn đầu tư ngày càng tăng.
- D. giao thông vận tải phát triển mạnh.

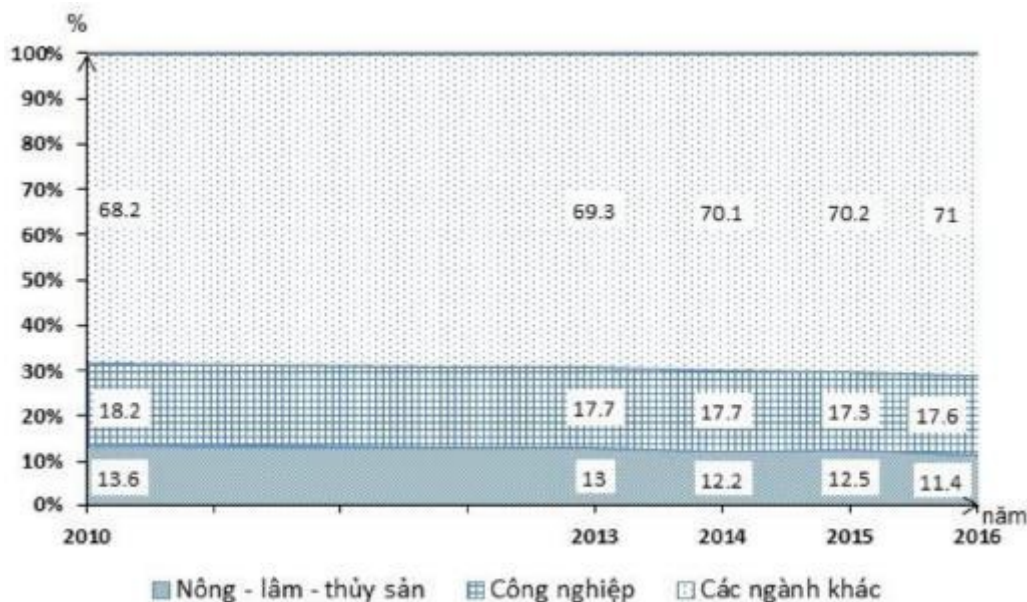
Câu 67. Phát biểu nào sau đây đúng về vùng nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Có các đồng bằng ven biển rộng, đất đai màu mỡ.
- B. Nhiều vịnh biển thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản.
- C. Ở ven biển điều kiện giao thông vận tải khó khăn.
- D. Trình độ thâm canh thấp, sử dụng nhiều lao động.

Câu 68. Khó khăn chủ yếu ảnh hưởng đến việc nuôi trồng thủy sản nước lợ của Đông Nam Á hiện nay là

- A. khí hậu diễn biến thất thường. B. dịch bệnh thường xuyên xảy ra
C. thị trường tiêu thụ biến động lớn. D. chất lượng vật nuôi còn hạn chế.

Câu 69. Cho biểu đồ về lao động của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010 - 2016:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu nguồn lao động phân theo thành phần kinh tế của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010 - 2016.
B. Chuyển dịch cơ cấu lao động phân theo ngành kinh tế của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010 - 2016.
C. Thay đổi cơ cấu lao động phân theo thành phần kinh tế của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010 - 2016.
D. Quy mô và cơ cấu lao động phân theo ngành kinh tế của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010 - 2016.

Câu 70. Ý nghĩa chủ yếu của việc tạo dựng môi trường hòa bình, ổn định giữa các nước ASEAN là

- A. khắc phục những sự khác biệt về thể chế chính trị.
B. tạo việc làm và nâng cao đời sống cho người dân.
C. tạo cơ sở vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội.
D. khắc phục những bất ổn về mặt chính trị và xã hội.

Câu 71. Công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi của nước ta chưa phát triển mạnh chủ yếu là do

- A. chất lượng sản phẩm vẫn còn thấp. B. đây không phải là ngành truyền thống.
C. khó cạnh tranh với hàng ngoại nhập. D. nguyên liệu cho ngành này bị hạn chế.

Câu 72. Phát biểu nào sau đây không đúng về chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế của nước ta hiện nay?

- A. Nhiều vùng chuyên canh nông nghiệp xây dựng.
B. Hình thành các khu công nghiệp có quy mô lớn.
C. Giảm phân hóa sản xuất giữa các vùng trong nước
D. Trong nội bộ của từng vùng đều có sự chuyển dịch.

Câu 73. Việc thay đổi cơ cấu mùa vụ nông nghiệp ở nước ta nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Phù hợp với điều kiện sinh thái nông nghiệp và tăng năng suất.
B. Phòng tránh thiên tai và sâu bệnh, nâng cao hiệu quả về kinh tế.
C. Đẩy mạnh xuất khẩu nông sản, phát triển công nghiệp chế biến.
D. Tăng cường việc trao đổi giữa các vùng, khắc phục tình mùa vụ.

Câu 74. Nhân tố nào sau đây là chủ yếu dẫn đến kim ngạch nhập khẩu của nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây?

- A. Mở rộng và đa dạng hóa thị trường B. Đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài
C. Nhu cầu nhập khẩu hàng tiêu dùng tăng D. Nhu cầu sản xuất trong nước tăng lên

Câu 75. Khó khăn lớn nhất ảnh hưởng đến việc phát triển ngành chăn nuôi theo hướng hàng hóa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. kết cấu hạ tầng còn nhiều hạn chế
B. khí hậu khắc nghiệt và lắm thiên tai
C. công nghiệp chế biến chưa phát triển
D. diện tích đồng cỏ ít, chất lượng thấp

Câu 76. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu dẫn đến tỉ lệ thiếu việc làm ở đồng bằng sông Hồng cao?

- A. Diện tích đất nông nghiệp bình quân theo đầu người thấp
B. Công nghiệp mới bước đầu phát triển với cơ cấu đơn giản
C. Dòng người di cư từ nông thôn lên thành phố tìm việc làm lớn
D. Tập trung nhiều thành phố lớn với mật độ dân số rất cao

Câu 77. Hạn chế nào sau đây là chủ yếu ảnh hưởng đến việc phát triển công nghiệp của Bắc Trung Bộ?

- A. Thiếu điện, nguyên liệu hạn chế
B. Thiếu vốn, hạn chế về kĩ thuật
C. Thừa dân, thị trường tiêu thụ nhỏ
D. Nghèo tài nguyên, lắm thiên tai.

Câu 78. Cho bảng số liệu:

DOANH THU DU LỊCH LỮ HÀNH PHẦN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA
NĂM 2010 VÀ NĂM 2016

(Đơn vị: tỷ đồng)

Năm	Tổng số	Kinh tế Nhà nước	Kinh tế ngoài Nhà nước	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài
2010	15539,3	4950,4	9366,8	1222,1
2016	32530,3	4899,2	23996,2	3634,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, NXB Thống kê,

2010) Theo bảng số liệu trên, để thể hiện quy mô doanh thu du lịch lữ hành và cơ cấu của nó phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2010 và năm 2016, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền
B. Kết hợp
C. Cột chồng
D. Tròn

Câu 79. Khó khăn nào sau đây là chủ yếu ảnh hưởng đến việc đánh bắt thủy sản ven bờ ở Bắc Trung Bộ?

- A. Vùng biển hẹp, ít ngư trường
B. Bão và gió Lào hoạt động mạnh
C. Nguồn lợi ít, phương tiện lạc hậu
D. Căng cá và việc chế biến hạn chế

Câu 80. Việc phân bố lại cây trồng vật nuôi ở nước ta nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Phòng tránh thiên tai và sâu bệnh, đáp ứng yêu cầu thị trường
B. Nâng cao năng suất cây trồng, đa dạng sản phẩm nông nghiệp
C. Phù hợp hơn với điều kiện sinh thái và tăng hiệu quả về kinh tế
D. Đẩy mạnh xuất khẩu nông sản, phát triển công nghiệp chế biến.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

41-B	42-C	43-A	44-C	45-D	46-B	47-C	48-A	49-A	50-A
51-B	52-C	53-D	54-A	55-D	56-B	57-A	58-D	59-D	60-C
61-C	62-C	63-D	64-C	65-C	66-B	67-B	68-B	69-B	70-C
71-D	72-C	73-B	74-D	75-A	76-A	77-B	78-D	79-C	80-C

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 41.

Dựa vào Atlas Địa lí trang 25, xác định kí hiệu di sản văn hóa thế giới => Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam) là di sản văn hóa thế giới của nước ta.

Chọn: B

Câu 42.

Dựa vào Atlas Địa lí trang 27, xác định kí hiệu công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng => Thanh Hóa có ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng phát triển nhất: các nhà máy sản xuất xi măng (Nghệ Sơn, Bỉm Sơn...)

Chọn: C

Câu 43.

Căn cứ vào Atlas Địa lí trang 28, xác định kí hiệu cây bông => bông được trồng nhiều nhất ở Bình Thuận,

Chọn: A

Câu 44.

Dựa vào Atlas Địa lí trang 29, xác định kí hiệu ngành luyện kim màu => trung tâm công nghiệp có ngành luyện kim màu là Biên Hòa.

Chọn: C

Câu 45.

Dựa vào Atlas Địa lí trang 4 – 5, thành phố Tam Kỳ thuộc tỉnh Quảng Nam.

Chọn: D

Câu 46.

Dựa vào Atlas Địa lí trang 8, xác định kí hiệu mỏ sắt => mỏ sắt Thạch Khê phân bố ở tỉnh Hà Tĩnh.

Chọn: B

Câu 47.

Dựa vào Atlas Địa lí trang 9, quan sát bảng kí hiệu phân tầng lượng mưa, màu xanh càng đậm thể hiện lượng mưa càng lớn => Huế có nền màu đậm nhất với lượng mưa lớn nhất (trên 2800mm)

Chọn: C

Câu 48.

Nguyên nhân chính gây ngập lụt ở đồng bằng Nam Trung Bộ là mưa bão, nước biển dâng và lũ nguồn tràn về. Do khu vực có địa hình hẹp ngang, độ dốc lớn kết hợp mưa lớn tập trung nên lũ trên thượng nguồn dồn về nhanh.

Chọn: A

Câu 49.

Diện tích đất chưa sử dụng của nước ta phân bố chủ yếu ở khu vực đồi núi. Trong số 5,35 triệu ha đất chưa sử dụng thì đất bằng chỉ có khoảng 350 nghìn ha, còn lại 5 triệu ha là đất đồi núi đang bị thoái hóa. (SGK/60 Địa lí 12)

Chọn: A

tâm công nghiệp có quy mô lớn => trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm có quy mô lớn là Hải Phòng.

Chọn: D

Câu 54.

Việt Nam nằm ở rìa phía đông của bán đảo Đông Dương.

Chọn: A

Câu 55.

Để tăng diện tích gieo trồng lúa ở nước ta hiện nay, giải pháp quan trọng nhất là nâng cao hệ số sử dụng

đất đai bằng cách áp dụng các biện pháp thâm canh, tăng vụ tăng sản lượng.

Chọn: D

Câu 56.

Mật độ dân số = Dân số / diện tích. Mật độ dân số nước ta tăng lên là do dân số ngày càng tăng trong khi diện tích lãnh thổ không đổi.

Chọn: B

Câu 57.

- Vùng đồng bằng ven biển nhiều nơi vẫn thích hợp cho trồng lúa và cây công nghiệp ngắn ngày => nhận xét B: không thích hợp cho trồng trọt là không đúng => loại B

- Phần lớn đồng bằng ven biển nhỏ hẹp, bị chia cắt, tuy nhiên một số đồng bằng được mở rộng (Thanh Hóa, Nghệ An, Tuy Hòa. => nhận xét các đồng bằng đều nhỏ hẹp, chia cắt là không đúng => loại C

- Các đồng bằng thường có 3 dải: giáp biển là cồn cát, đầm phá, ở giữa đồng bằng có các vùng trũng thấp (tuy nhiên không lớn); dải trong cùng là vùng đồng bằng => nhận xét bề mặt có nhiều vùng trũng rộng lớn không đúng => loại D

- Đồng bằng ven biển nước ta do phù sa của sông và biển bồi đắp, trong đó biển đóng vai trò chính trong quá trình thành tạo.

Chọn: A

Câu 58.

Tỉ lệ gia tăng dân số hiện nay của nước ta giảm xuống nhưng số dân tăng thêm hằng năm vẫn nhiều là do quy mô dân số của nước ta lớn trong khi cơ cấu dân số trẻ nên số trẻ em sinh ra hằng năm vẫn lớn.

Chọn: D

Câu 59.

Hoạt động giao thông vận tải bằng đường bộ của nước ta hiện nay gặp khó khăn chủ yếu là mạng lưới giao thông còn nhiều hạn chế (mặc dù đã được đầu tư mở rộng và hiện đại hóa): mật độ đường bộ của Việt Nam còn thấp so với một số nước trong khu vực, chất lượng đường cũng còn nhiều hạn chế như tỉ lệ đường rải nhựa thấp, khổ đường hẹp, nhiều cầu có tải trọng nhỏ...

Chọn: D

Câu 60.

Đặc điểm dân cư – xã hội Đông Nam Á hiện nay là dân số đông, mật độ dân số cao (trung bình là 124 người/km² trong khi thế giới chỉ 48 người/km²)=> nhận xét mật độ dân số thấp là không đúng

Chọn: C

Câu 61.

$GDP/người = GDP / \text{dân số (USD/người)}$

=> Áp dụng công thức tính được:

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin	Thái Lan
GDP/người	3531,3	9384,1	2903,9	6157,7

Như vậy, GDP/người của Phi-lip-pin thấp hơn In-đô-nê-xi-a (2903,9 < 3531,3)

Chọn: C

Câu 62.

Khó khăn chủ yếu ảnh hưởng đến hoạt động vận tải đường sông của nước ta là chế độ nước có sự phân mùa rõ rệt dẫn đến sự thay đổi thất thường về độ sâu luồng lạch: mùa mưa tập trung nguồn nước lớn khiến mực nước nhiều con sông dâng lên đột ngột, nước chảy xiết gây ảnh hưởng hoạt động của thuyền bè, ngược lại mùa cạn mực nước sông hạ thấp cũng hạn chế hoạt động của thuyền bè trên sông.

Chọn: C

Câu 63.

Biểu đồ cho thấy:

- Tổng diện tích lúa nhìn chung có tăng lên nhưng còn biến động: giai đoạn 2010 – 2015 tăng đều liên tục từ 7489 lên 7828 nghìn ha, đến năm 2017 giảm nhẹ còn 7709 nghìn ha.

- Diện tích lúa hè thu tăng liên tục từ 2436 (2010) đến 2878 nghìn ha (năm 2017)

Nhận xét D: Tổng diện tích lúa biến động còn diện tích lúa hè thu ngày càng tăng lên là chính xác

Chọn: D

Câu 64.

Sự phân công lao động xã hội theo ngành của nước ta còn chậm chuyển biến nguyên nhân là do năng suất lao động và trình độ phát triển kinh tế thấp. Phân công lao động xã hội theo ngành của nước ta còn chậm chuyển biến, biểu hiện ở sự tập trung lao động chủ yếu trong ngành nông – lâm – ngư nghiệp; lao động

trong công nghiệp xây dựng và dịch vụ còn ít. Nguyên nhân do trình độ phát triển kinh tế còn thấp, hoạt động sản xuất nông nghiệp vẫn phổ biến, công nghiệp và dịch vụ còn chậm chuyển biến nên tạo ra việc làm ít, mặt khác năng suất lao động còn thấp – do trình độ lao động và việc áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật và máy móc trong sản xuất còn hạn chế => sự chuyển biến về lao động giữa các ngành hạn chế.

Chọn: C

Câu 65.

Nguyên nhân chủ yếu khiến khí hậu nước ta phân hóa theo chiều bắc - nam là do sự thay đổi của góc nhập xạ và hoạt động của gió mùa: lãnh thổ nước ta kéo dài theo chiều bắc – nam nên từ bắc vào nam góc nhập xạ tăng dần, kết hợp gió mùa đông bắc làm nền nhiệt độ miền Bắc hạ thấp vào mùa đông, từ đây Bạch Mã trở vào gió mùa đông bắc gần như không hoạt động

=> Kết quả, khí hậu phân hóa bắc - nam: miền bắc khí hậu nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh, miền nam có khí hậu cận xích đạo nắng nóng quanh năm.

Chọn: C

Câu 66.

Kinh tế trang trại ra đời và phát triển nhanh trong những năm gần đây chủ yếu do chính sách Đổi mới của nhà nước thể hiện ở việc khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và trồng cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả, thực phẩm. Ngoài ra nhà nước cũng có những chính sách ưu đãi về đất trồng, giống, kỹ thuật và nguồn vốn để hỗ trợ người dân phát triển các mô hình kinh tế trang trại, đem lại hiệu quả cao.

Chọn: B

Câu 67.

Vùng nông nghiệp duyên hải NTB có dải đồng bằng ven biển nhỏ hẹp, đất nghèo dinh dưỡng, ven biển có thể xây dựng nhiều cảng biển nước sâu, kín gió thuận lợi cho phát triển giao thông đường biển, mặt khác giao thông bắc - nam cũng phát triển (quốc lộ 1, đường sắt BHN), trình độ thâm canh khá cao và sử dụng nhiều lao động.

=> Các nhận định A, C, D không đúng => loại A, C, D Vùng nông nghiệp duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều vùng biển thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản => B đúng

Chọn: B

Câu 68.

Việc nuôi trồng thủy sản nước lợ của Đông Nam Á hiện nay gặp khó khăn chủ yếu là dịch bệnh thường xuyên xảy ra, đặc biệt trong nuôi tôm.

Chọn: B

Câu 69.

Biểu đồ miền có khả năng thể hiện sự thay đổi, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của đối tượng trong thời gian từ 4 năm trở lên

=> Biểu đồ đã cho thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu lao động phân theo ngành kinh tế của Ma-lai-xi-a giai

đoạn 2010 – 2016.

Chọn: B

Câu 70.

Ý nghĩa chủ yếu của việc tạo dựng môi trường hòa bình, ổn định giữa các nước ASEAN là tạo cơ sở vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội.

Chọn: C

Câu 71.

Công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi của nước ta chưa phát triển mạnh chủ yếu do ngành chăn nuôi nói chung và chăn nuôi lấy thịt, sữa, trứng nói riêng còn ở vị trí thứ yếu so với ngành trồng trọt -> do đó cơ sở nguyên liệu cho ngành công nghiệp này bị hạn chế.

Chọn: D

Câu 72.

Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế của nước ta thể hiện ở việc hình thành các khu công nghiệp có quy mô lớn, các khu chế xuất, vùng chuyên canh nông nghiệp... Kết quả là hiện nay ở nước ta đã hình thành 7 vùng kinh tế, các vùng kinh tế trọng điểm...

=> Nhận định chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ làm giảm sự phân hóa sản xuất giữa các vùng trong nước là không đúng.

Chọn: C

Câu 73.

Việc thay đổi cơ cấu mùa vụ nông nghiệp ở nước ta nhằm mục đích chủ yếu là phòng tránh thiên tai, sâu bệnh nâng cao hiệu quả về kinh tế => với các giống cây ngắn ngày, chịu được sâu bệnh và có thể thu hoạch trước mùa mưa bão, lũ lụt hoặc hạn hán. (SGK/88 Địa lí 12)

Chọn: B

Câu 74.

Nhân tố chủ yếu dẫn đến kim ngạch nhập khẩu của nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây là do sự phục hồi và phát triển của sản xuất trong nước => phần lớn các mặt hàng nhập khẩu của nước ta là nguyên liệu, tư liệu sản xuất. (SGK/139 Địa lí 12)

Chọn: D

Câu 75.

Khó khăn lớn nhất ảnh hưởng đến việc phát triển ngành chăn nuôi theo hướng hàng hóa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là kết cấu hạ tầng ngành chăn nuôi còn nhiều hạn chế. Cụ thể là cơ sở chế biến các sản phẩm chăn nuôi chưa phát triển, chủ yếu có quy mô nhỏ, các trung tâm dịch vụ thú y chưa phát triển, việc áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong chăn nuôi còn hạn chế, cơ sở hạ tầng giao thông vận tải) còn gặp khó khăn ảnh hưởng đến công tác vận chuyển các sản phẩm chăn nuôi tới vùng tiêu thụ...

Chọn: A

Câu 76.

Vấn đề thiếu việc làm ở đồng bằng sông Hồng diễn ra phổ biến ở khu vực nông thôn. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tỉ lệ thiếu việc làm ở đồng bằng sông Hồng là do phần lớn dân cư của vùng tập trung ở vùng nông thôn và hoạt động kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, quy mô dân số ngày càng lớn trong điều kiện bình quân diện tích đất nông nghiệp thấp (do diện tích đất sản xuất nông nghiệp hạn chế và ngày càng thu hẹp)=> dẫn đến tình trạng thiếu đất sản xuất nông nghiệp, thời gian nông nhàn lớn, lao động dư thừa trong nông nghiệp nông thôn ở ĐBSH ngày càng cao.

Chọn: A

Câu 77.

Hạn chế chủ yếu ảnh hưởng đến việc phát triển công nghiệp của Bắc Trung Bộ là thiếu vốn, kĩ thuật còn hạn chế => dẫn đến cơ cấu công nghiệp của vùng chưa thật định hình. (SGK/159 Địa lí 12)

Chọn: B

Câu 78.

- Bảng số liệu có 2 năm, số liệu dạng cơ cấu (tổng và thành phần) –

Đề bài yêu cầu thể hiện quy mô doanh thu du lịch và cơ cấu phân theo thành phần kinh tế

=> Biểu đồ tròn thích hợp nhất để thể hiện quy mô doanh thu du lịch lũy hành và cơ cấu của nó phân theo thành phần kinh tế nước ta năm 2010 và 2016.

Chọn: D

Câu 79.

Khó khăn chủ yếu ảnh hưởng đến việc đánh bắt thủy sản ven bờ ở Bắc Trung Bộ là nguồn lợi thủy sản ven bờ có nguy cơ suy giảm rõ rệt do đánh bắt quá mức, trong khi đó phần lớn tàu thuyền có công suất nhỏ, lạc hậu nên việc chuyển sang đánh bắt xa bờ gặp hạn chế.

Chọn: C.

Câu 80.

Việc phân bố lại cây trồng vật nuôi ở nước ta nhằm mục đích chủ yếu là phù hợp hơn với điều kiện sinh thái và tăng hiệu quả về kinh tế. (SGK/88 Địa lí 12)

Chọn: C

SỐ GD&ĐT HƯNG YÊN

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Môn thi: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)

Họ và tên:.....Số báo danh:.....

Câu 41: Năng suất lao động trong ngành đánh bắt thủy sản nước ta còn thấp chủ yếu do

- A. đẩy mạnh đánh bắt xa bờ, thời gian đánh bắt dài.
- B. phương tiện đánh bắt còn lạc hậu, chậm đổi mới.
- C. hoạt động của bão và gió mùa Đông Bắc
- D. ngư dân còn thiếu kinh nghiệm đánh bắt.

Câu 42: Hiện nay vùng có giá trị sản xuất công nghiệp nhỏ nhất nước ta là

- A. Bắc Trung Bộ.
- B. Tây Nguyên.
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 43: Năng suất lúa ở nước ta tăng nhanh trong những năm qua chủ yếu do

- A. thâm canh, khai hoang.
- B. khai hoang, tăng vụ.
- C. thâm canh, sử dụng giống mới.
- D. khai hoang, sử dụng giống mới.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết hai đô thị nào sau đây thuộc loại 1 ở nước ta năm 2007?

- A. Hải Phòng và Đà Nẵng.
- B. Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh.
- C. TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội.
- D. Hà Nội và Hải Phòng,

Câu 45: Chăn nuôi lợn phát triển mạnh ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu là do:

- A. nguồn thức ăn dồi dào và thị trường tiêu thụ lớn.
- B. có mạng lưới dịch vụ giống và thú y phát triển.
- C. nguồn lao động dồi dào và kinh nghiệm chăn nuôi. thực phẩm.
- D. tập trung các cơ sở công nghiệp chế biến

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết ngành công nghiệp chế biến nào sau đây không có trung tâm công nghiệp Hạ Long năm 2007?

- A. Chế biến lương thực
- B. Chế biến thủy hải sản.
- C. Chế biến sản phẩm chăn nuôi.
- D. Chế biến chè, cà phê, thuốc lá.

Câu 47: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm dân cư nước ta?

- A. Dân số đông, có nhiều thành phần dân tộc
- B. Phân bố hợp lý giữa thành thị và nông thôn.

C. Cơ cấu dân số theo độ tuổi chuyển dịch nhanh theo hướng già hóa

D. Gia tăng dân số có xu hướng giảm, nhưng còn cao so với thế giới.

Câu 48: Ở nước ta, ngành du lịch phát triển mạnh trong những năm qua chủ yếu là do

A. dân số đông, gia tăng dân số có xu hướng giảm nhưng còn cao.

B. tài nguyên du lịch phong phú, trong đó có nhiều di sản thế giới.

C. sự phát triển các công ty du lịch lữ hành.

D. sự phát triển cơ sở hạ tầng ngành du lịch.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết trong số các tỉnh/thành phố sau đây, tỉnh/thành phố nào có giá trị xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu năm 2007?.

A. Lào Cai.

B. Hà Nội.

C. Hải Phòng.

D. Quảng Ninh.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết nước ta có bao nhiêu tỉnh tiếp giáp với Lào?

A. 7.

B. 10.

C. 25.

D. 28.

Câu 51: Giới hạn tự nhiên phía Nam của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là dãy

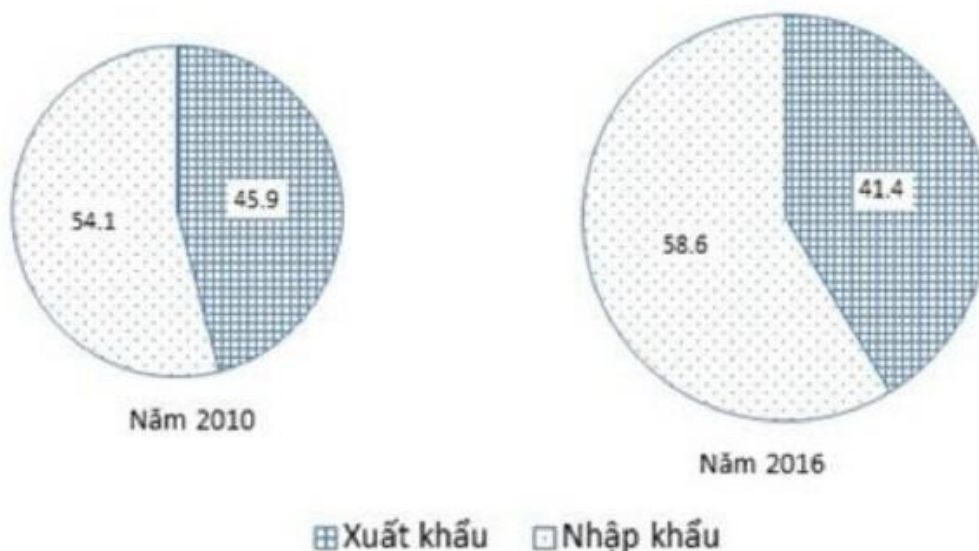
A. Bạch Mã.

B. Hoàng Sơn.

C. Trường Sơn Nam.

D. Trường Sơn Bắc

Câu 52: Cho biểu đồ về xuất nhập khẩu của Lào năm 2010 và năm 2016



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Sự thay đổi giá trị xuất khẩu và nhập khẩu của Lào giai đoạn 2010 – 2016.

B. Quy mô và cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Lào năm 2010, năm 2016.

C. Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất, nhập khẩu của Lào năm 2010 – 2016.

D. Tình hình giá trị xuất khẩu và nhập khẩu của Lào năm 2010, năm 2016.

Câu 53: Trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt nước ta, nhóm cây trồng chiếm tỉ trọng cao nhất là

A. Cây ăn quả.

B. Cây lương thực

C. Cây công nghiệp.

D. Cây rau đậu.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa Lý Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí hậu Thanh Hoá thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

A. Trung và Nam Bắc Bộ. Bộ.

B. Đông Bắc Bộ.

C. Tây Bắc Bộ.

D. Bắc Trung

Câu 55: Hai vùng trọng điểm về sản xuất lương thực, thực phẩm ở nước ta là

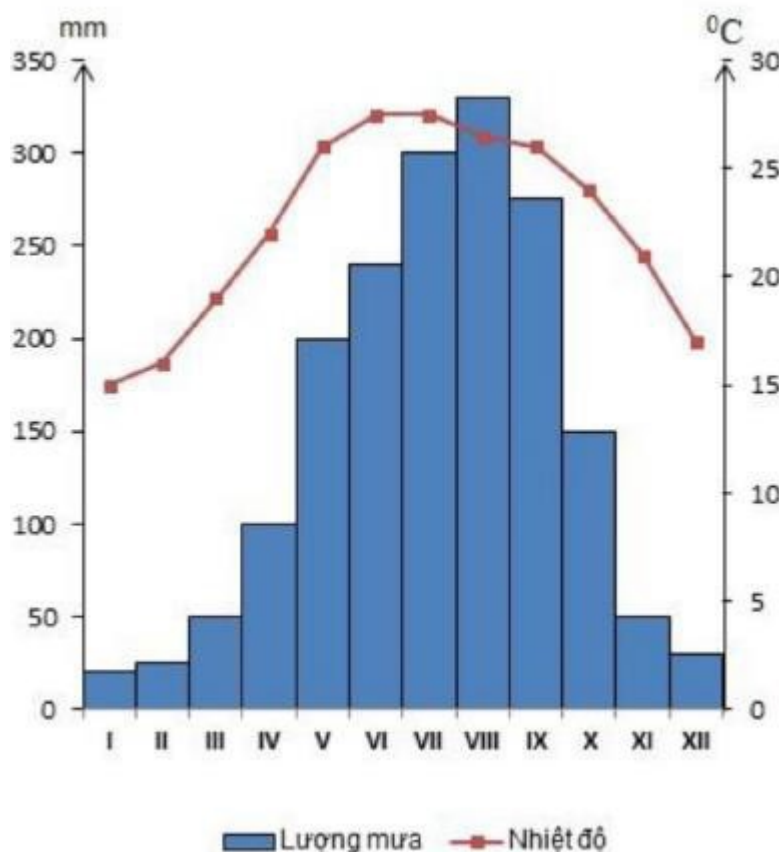
A. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ

B. Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long

C. Đông Nam Bộ và Trung du – miền núi Bắc Bộ.

D. Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên.

Câu 56: Cho biểu đồ sau:



NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG Ở HÀ NỘI

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về chế độ nhiệt và chế độ mưa ở Hà Nội?

- A. Có 6 tháng mùa mưa trong năm.
- B. Có 5 tháng nhiệt độ dưới 20°C.
- C. Tháng XII có nhiệt độ cao nhất.
- D. Chế độ mưa phân mùa rõ rệt.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết miền khí hậu phía Bắc được chia thành bao nhiêu vùng khí hậu?

- A. 3.
- B. 7.
- C. 2.
- D. 4.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm của khu công nghiệp ở nước ta?

- A. Ra đời vào thời kì công nghiệp hóa
- B. Không có dân cư sinh sống
- C. Gần với đô thị vừa hoặc lớn.
- D. Do Chính phủ quyết định thành lập

Câu 59: Mục đích chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất lương thực ở nước ta là:

- A. cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp.
- B. đảm bảo lương thực cho nhân dân.
- C. giải quyết việc làm cho người lao động.
- D. tạo nguồn hàng xuất khẩu có giá trị.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây không phải trung tâm du lịch quốc gia năm 2007?

- A. Hà Nội.
- B. Đà Nẵng.
- C. Huế.
- D. Vinh.

Câu 61: Đặc điểm tự nhiên của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta là

- A. có mùa đông lạnh.
- B. biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ.
- C. khí hậu mang tính chất cận xích đạo.
- D. quanh năm nóng.

Câu 62: Hình thức hợp tác, liên kết nào sau đây thể hiện rõ nhất sự thống nhất cao trong EU?

- A. Sử dụng một đồng tiền chung.
- B. Liên kết vùng Ma-xơ Rai-ng.
- C. Hợp tác sản xuất máy bay E-bót.
- D. Thiết lập một thị trường chung.

Câu 63: Ở nước ta, giá trị xuất khẩu tăng nhanh trong những năm qua chủ yếu là do

- A. nhiều thành phần kinh tế tham gia sản xuất hàng xuất khẩu.

- B. sự phục hồi và phát triển sản xuất trong nước
- C. mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu.
- D. tỉ trọng hàng xuất khẩu qua chế biến có xu hướng tăng lên.

Câu 64: Ở nước ta, hai vùng núi nào sau đây có hướng cánh cung?

- A. Đông Bắc và Trường Sơn Bắc
- B. Tây Bắc và Trường Sơn Nam.
- C. Đông Bắc và Trường Sơn Nam.
- D. Tây Bắc và Trường Sơn Bắc

Câu 65: Mục đích chính của trồng cây công nghiệp nhiệt đới lâu năm ở các nước Đông Nam Á là

- A. giữ cân bằng sinh thái môi trường.
- B. cung cấp nguồn hàng xuất khẩu thu ngoại
- C. sử dụng hợp lý tài nguyên tự nhiên.
- D. giải quyết việc làm và phân bố lại dân cư.

Câu 66: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cách sắp xếp nào sau đây đúng thứ tự từ Bắc vào Nam một số khu kinh tế ven biển ở Bắc Trung Bộ?

- A. Chân Mây - Lăng Cô, Hòn La, Vũng Áng, Nghi Sơn.
- B. Nghi Sơn, Đông Nam Nghệ An, Hòn La, Vũng Áng.
- C. Vũng Áng, Đông Nam Nghệ An, Hòn La, Nghi Sơn. Mây - Lăng Cô.
- D. Nghi Sơn, Vũng Áng, Hòn La, Chân

Câu 67: Vùng nào sau đây có số lượng đô thị ít nhất nước ta?

- A. Bắc Trung Bộ.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 68: Nửa đầu thế kỉ XX, gia tăng dân số tự nhiên của nước ta thấp là do

- A. tỉ suất sinh thấp, tỉ suất tử thấp.
- B. tỉ suất sinh thấp, tỉ suất tử cao.
- C. tỉ suất sinh cao, tỉ suất tử cao.
- D. tỉ suất sinh cao, tỉ suất tử thấp.

Câu 69: Địa hình đồi núi nước ta chiếm khoảng

- A. 2/3 diện tích lãnh thổ.
- B. 1/3 diện tích lãnh thổ.
- C. 3/4 diện tích lãnh thổ.
- D. 1/4 diện tích lãnh

Câu 70: Sự phân bố công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm ở nước ta phụ thuộc chủ yếu vào

- A. nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.
- B. cơ sở năng lượng và thị trường tiêu thụ.
- C. nguồn lao động và cơ sở năng lượng.
- D. nguồn lao động và thị trường tiêu thụ.

Câu 71: Gió mùa mùa hạ ở nước ta thổi theo hướng

- A. Đông Nam và Tây Bắc
- B. Đông Bắc và Đông Nam.
- C. Tây Bắc và Đông Bắc
- D. Tây Nam và Đông Nam.

Câu 72: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây ở nước ta có tỉ lệ diện tích gieo trồng cây công nghiệp so với tổng diện tích gieo trồng đạt trên 50% năm 2007?

- A. Đắk Lắk
- B. Phú Thọ.
- C. Tây Ninh.
- D. Kon Tum

Câu 73: Nơi nào sau đây ở nước ta có hoạt động động đất mạnh nhất?

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Tây Nguyên.
- C. Đông Bắc
- D. Tây Bắc

Câu 74: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 5 và trang 28, cho biết cách sắp xếp nào sau đây đúng thứ tự từ Nam ra Bắc một số trung tâm công nghiệp ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Đà Nẵng, Nha Trang Quy Nhơn, Phan Thiết.
- B. Phan Thiết, Nha Trang, Quy Nhơn, Đà Nẵng.
- C. Phan Thiết, Quảng Ngãi, Nha Trang, Đà Nẵng.
- D. Đà Nẵng Quảng Ngãi, Nha Trang Phan Thiết.

Câu 75: Ngành hàng không nước ta non trẻ, nhưng đã có bước tiến rất nhanh không phải do:

- A. nhanh chóng hiện đại hóa cơ sở vật chất.
- B. sử dụng các sân bay đã có sẵn.
- C. kế thừa các kinh nghiệm đã có trước đây.
- D. có chiến lược phát triển táo bạo.

Câu 76: Ngư trường trọng điểm nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Ninh Thuận - Bình Thuận - Bà Rịa Vũng Tàu. B. Cà Mau - Kiên Giang.
C. Quần đảo Hoàng Sa - quần đảo Trường Sa D. Hải Phòng - Quảng Ninh.

Câu 77: Cho bảng số liệu

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Giày dép	5,1	10,3	12,0	14,7
Dệt may	11,2	20,1	22,8	26,0
Điện thoại và các linh kiện	2,3	23,6	30,2	45,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam

2017) Để thể hiện tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu một số sản phẩm công nghiệp nước ta giai đoạn 2010 - 2017 theo bảng số liệu trên, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ kết hợp. B. Biểu đồ miền. C. Biểu đồ tròn D. Biểu đồ đường.

Câu 78: Phát biểu nào sau đây đúng với ngành viễn thông ở nước ta?

- A. Ngành mang tính phục vụ cao. B. Quy trình nghiệp vụ còn thủ công.
C. Thiều lao động có trình độ cao. D. Tốc độ phát triển nhanh vượt bậc

Câu 79: Cho bảng số liệu sau:

MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2010 – 2015

Năm	2010	2012	2013	2014	2015
Dầu thô (triệu tấn)	203	207	210	211	215
Than (triệu tấn)	3428	3945	3974	3874	3750
Điện (tỉ kWh)	4207	4988	5432	5650	5811

Căn cứ vào bảng số liệu cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tình hình sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của Trung Quốc giai đoạn 2010 – 2015:

- A. Sản lượng than tăng nhanh hơn sản lượng điện.
B. Sản lượng dầu thô giảm liên tục qua các năm.
C. Sản lượng than tăng liên tục qua các năm.
D. Sản lượng điện tăng nhanh hơn sản lượng dầu thô.

Câu 80: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác lớn nhất nước ta năm 2007?

- A. Kiên Giang. B. Bình Định. C. Bình Thuận. D. Cà Mau.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

41-B	42-B	43-C	44-A	45-A	46-D	47-B	48-D	49-D	50-B
51-A	52-B	53-B	54-A	55-B	56-B	57-D	58-C	59-B	60-D
61-A	62-D	63-C	64-A	65-B	66-D	67-B	68-C	69-C	70-A
71-D	72-A	73-D	74-B	75-C	76-B	77-D	78-D	79-D	80-A

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 41.

Năng suất lao động trong ngành đánh bắt thủy sản nước ta còn thấp chủ yếu do phương tiện đánh bắt còn lạc hậu, chậm đổi mới. (Tham khảo SGK trang 101).

Chọn B

Câu 42.

Hiện nay vùng có giá trị sản xuất công nghiệp nhỏ nhất nước ta là Tây Nguyên (0,7% giá trị sản xuất công nghiệp 2005).

Chọn B

Câu 43.

Năng suất lúa ở nước ta tăng nhanh trong những năm qua chủ yếu do thâm canh, sử dụng giống mới.

Chọn C

Câu 44.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, xác định kí hiệu đô thị loại 1 $\Rightarrow$ Hồ Chí Minh và Hà Nội là đô thị đặc biệt nên B, C, D loại.

Chọn A

Câu 45.

Chăn nuôi lợn phát triển mạnh ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu là do: nguồn thức ăn dồi dào (hoa màu từ nông nghiệp và CN chế biến) và dân cư đông đúc, đời sống người dân tốt nên thị trường tiêu thụ lớn.

Chọn A

Câu 46.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, xác định các ngành thuộc trung tâm công nghiệp Hạ Long năm 2007 là: Lương thực, thủy hải sản, sản phẩm chăn nuôi.

Chế biến chè, cà phê, thuốc lá không thuộc trung tâm công nghiệp Hạ Long $\Rightarrow$ nhận xét D không đúng.

Chọn D.

Câu 47.

Phân bố dân cư nước ta không hợp lí giữa thành thị và nông thôn. Tập trung nhiều ở nông thôn do kinh tế nông nghiệp chiếm vai trò quan trọng.

Nhận xét B: dân cư phân bố hợp lí giữa thành thị và nông thôn là không đúng.

Chọn B

Câu 48.

Ở nước ta, ngành du lịch phát triển mạnh trong những năm qua chủ yếu là do sự phát triển cơ sở hạ tầng của ngành du lịch, từ khách sạn, nhà hàng, các hoạt động du lịch đến dịch vụ ăn uống,... đều rất đa dạng, tiện nghi, đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, đặc biệt là thu hút khách du lịch nước ngoài.

Chọn D

Câu 49.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, so sánh giá trị xuất khẩu và nhập khẩu năm 2007 của các tỉnh thành phố.

Quảng Ninh có giá trị xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu (cột xanh lớn hơn cột đỏ).

Chọn D

Câu 50.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, xác định đường biên giới Việt Lào. Các tỉnh giáp biên giới Việt Lào bao gồm: Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Kon Tum. Như vậy nước ta có 10 tỉnh giáp với Lào.

Chọn B

Chọn A

Câu 55.

Hai vùng trọng điểm về sản xuất lương thực, thực phẩm ở nước ta là: do sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long

Chọn B

Câu 56.

- Về lượng mưa: Chế độ mưa phân mùa rõ rệt: 2 mùa: Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 (6 tháng mùa mưa); mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4. =>D, A đúng. - Về nhiệt độ: + Tháng XII có nhiệt độ cao nhất. =>C đúng, + Các tháng nhiệt độ dưới 20°C là: Tháng 12, 1, 2=> có 3 tháng nhiệt độ dưới 20° C nên B sai.

Chọn B

Câu 57.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết miền khí hậu phía Bắc được chia thành 4 vùng khí hậu. Đó là: Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ, Đông Bắc Bộ, Trung và Nam Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.

Chọn D

Câu 58.

Khu công nghiệp ở nước ta **không** có đặc điểm: Gắn với đô thị vừa hoặc lớn. Do khu công nghiệp không có dân cư sinh sống. Nên C sai.

Chọn C

Câu 59.

Ở nước ta, việc sản xuất lương thực có tầm quan trọng đặc biệt, nhằm đảm bảo an ninh lương thực cho một nước có trên 80 triệu dân.

Chọn B

Câu 60.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, xác định các trung tâm du lịch cấp quốc gia: Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, TP.Hồ Chí Minh. Vậy, Vinh không phải là trung tâm du lịch quốc gia năm 2007. D sai.

Chọn D

Câu 61.

Đặc điểm tự nhiên của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta là: khí hậu mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.

Chọn A

Câu 62.

Thiết lập một thị trường chung là hình thức hợp tác, liên kết nào thể hiện rõ nhất sự thống nhất cao trong EU.

Chọn D

Câu 63.

Nước ta, giá trị xuất khẩu tăng nhanh trong những năm qua chủ yếu là do mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. Ngoài những thị trường truyền thống như Liên Bang Nga, Trung Quốc,... thì các mặt hàng nước ta đang thâm nhập ngày càng nhiều vào các thị trường khó tính như Bắc Mỹ, EU, Nhật, ...

Chọn C.

Câu 64.

Hướng vòng cung của địa hình nước ta thể hiện trong các khu vực vùng núi Đông Bắc và vùng núi Trường Sơn Nam.

Chọn A

Câu 65.

Mục đích chính của trồng cây công nghiệp nhiệt đới lâu năm (Cà phê, cao su,...) ở các nước Đông Nam Á là cung cấp nguồn hàng xuất khẩu thu ngoại tệ.

Chọn B**Câu 66.**

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, xác định các khu kinh tế ven biển ở Bắc Trung Bộ theo hướng từ Bắc vào Nam: Nghi Sơn (Thanh Hóa), Vũng Áng (Hà Tĩnh), Hòn La (Quảng Bình), Chân Mây - Lăng Cô (Thừa Thiên Huế).

Chọn D**Câu 67.**

Vùng có số lượng đô thị ít nhất là: Đông Nam Bộ (50 đô thị). Tham khảo SGK Địa lí 12 CB trang 78.

Chọn B**Câu 68.**

Gia tăng dân số tự nhiên – Tỉ suất sinh – Tỉ suất tử

Nửa đầu thế kỉ XX, gia tăng dân số tự nhiên của nước ta thấp là do tỉ suất sinh cao, tỉ suất tử cao. Đây là thời kì chiến tranh nên số người chết rất lớn và số người sinh ra (sinh bù sau chiến tranh) cũng rất lớn nên gia tăng tự nhiên vào nửa đầu thế kỉ XX nước ta vẫn thấp.

Chọn C.**Câu 69.**

Địa hình đồi núi nước ta chiếm khoảng 3/4 diện tích lãnh thổ. Tham khảo SGK Địa lí 12 CB trang 29.

Chọn C**Câu 70.**

Sự phân bố công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm ở nước ta phụ thuộc chủ yếu vào nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.

Chọn A**Câu 71.**

Gió mùa mùa hạ ở nước ta thổi theo hướng Tây Nam, riêng ở Bắc Bộ gió thổi hướng Đông Nam (do áp thấp Bắc Bộ khơi sâu khiến gió di chuyển đổi hướng Đông Nam)

Chọn D**Câu 72.**

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, xác định kí hiệu tỉ lệ diện tích gieo trồng cây công nghiệp so với tổng diện tích gieo trồng đạt trên 50%. (Màu xanh đậm nhất).

Đắk Lắk có tỉ lệ diện tích gieo trồng cây công nghiệp so với tổng diện tích gieo trồng đạt trên 50% năm 2007.

Chọn A**Câu 73.**

Tây Bắc nằm trên vùng địa chất không ổn định nên có hoạt động động đất mạnh nhất nước ta.

Chọn D**Câu 74.**

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 5 và trang 28, từ Nam ra Bắc một số trung tâm công nghiệp ở Duyên hải Nam Trung Bộ từ Nam ra Bắc là: Phan Thiết (Bình Thuận), Nha Trang (Khánh Hòa), Quy Nhơn (Bình Định), Đà Nẵng.

Chọn B**Câu 75.**

- Ngành hàng không nước ta non trẻ, nhưng đã có bước tiến rất nhanh nhờ nhanh chóng hiện đại hóa cơ sở vật chất và có chiến lược phát triển táo bạo, trên cơ sở hệ thống các sân bay có sẵn nước ta đã đang khôi phục, nâng cấp và hoàn thiện từng bước => loại A, B, D

- Ngành hàng không nước ta có lịch sử phát triển non trẻ, sự phát triển đi lên từ ngành hàng không dân dụng năm 1956 với cơ sở vật chất rất hạn chế, trải qua các thời kì với sự ra đời của Vietnam Airlines và liên tục đổi mới đội máy bay, phi công, mở rộng hợp tác với bên ngoài đã đưa hàng không Việt Nam phát

triển mạnh. Do vậy nói sự phát triển của ngành hàng không là nhờ kế thừa các kinh nghiệm đã có trước đây là không đúng.

Chọn C

Câu 76.

Ngư trường trọng điểm thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long là: Cà Mau

- Kiên Giang (ngư trường Vịnh Thái Lan).

Chọn B

Câu 77.

Dựa vào kĩ năng nhận dạng biểu đồ và bảng số liệu.

Biểu đồ thể hiện **tốc độ tăng trưởng** giá trị xuất khẩu một số sản phẩm công nghiệp nước ta giai đoạn 2010 – 2017 là: biểu đồ đường.

Chọn D

Câu 78.

Ngành viễn thông ở nước ta có Tốc độ phát triển nhanh vượt bậc và đón đầu được các thành tựu kĩ thuật hiện đại. Tham khảo SGK Địa lí 12 CB trang 134.

Chọn D

Câu 79.

- Sản lượng dầu thô tăng liên tục qua các năm (203 triệu tấn lên 215 triệu tấn) => B sai

- Sản lượng than có tăng lên nhưng còn biến động (từ 2010 – 2012 tăng sau đó giai đoạn 2012 – 2015 giảm xuống) => C sai

- Sản lượng dầu thô tăng gấp 1,05 lần; than tăng gấp 1,09 lần, điện tăng gấp 1,38 lần

+ Sản lượng than tăng chậm hơn điện ($1,09 < 1,38$) => A sai

+ Sản lượng điện tăng nhanh nhất và nhanh hơn dầu thô ($1,38 > 1,05$) => D đúng => **Chọn D**

Câu 80.

Căn cứ vào bản đồ Thủy sản (năm 2007) trang 20 của Atlas Địa lí Việt Nam, xác định kí hiệu thể hiện sản lượng thủy sản “khai thác” (cột màu hồng). Tỉnh có sản lượng thủy sản khai thác lớn nhất là Kiên Giang (315157 tấn).

Chọn A

**SỞ GD&ĐT NGHỆ AN
LIÊN TRƯỜNG THPT**

KÌ THI THỬ THPT QUỐC GIA LẦN 2 NĂM 2019

Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI.

Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Mã đề thi: 302

Câu 41. Vùng biển có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển của nước ta là vùng

A. lãnh hải

B. thềm lục địa.

C. đặc quyền kinh tế

D. tiếp giáp lãnh hải

Câu 42. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết vùng nào có giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản dưới 5% năm 2007?

A. Tây Nguyên..

B. Duyên hải Nam Trung Bộ.

C. Đồng Bằng sông Hồng

D. Đông Nam Bộ.

Câu 43. Khu công nghiệp là hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nước ta hình thành từ

A. những năm 90 của thế kỷ XX **B.** thế kỷ XX **B.** Thế kỷ XX

C. khi thực hiện công cuộc đổi mới (1986).

D. khi tiến hành công nghiệp hóa.

Câu 44. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam(trang 21) cho biết tỉnh (TP) nào sau đây có tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp so với cả nước thấp nhất ?

A. Đồng Nai.

B. Khánh Hòa.

C. Thanh Hóa.

D. Quảng Ninh.

Câu 45. Khó khăn chủ yếu trong việc hình thành cơ cấu công nghiệp của Bắc Trung Bộ là

- A. thiếu năng lượng.
- B. đội ngũ lao động có trình độ cao còn ít.
- C. ít tài nguyên khoáng sản.
- D. CSVC hạ tầng còn nhiều hạn chế.

Câu 46. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 23, tuyến đường bộ nối Hà Nội - Hải Phòng là quốc lộ số

A. 1 B. 5 C. 4. D. 2

Câu 47. Quá trình đô thị hóa của nước ta có đặc điểm nổi bật nào sau đây?

- A. Đô thị phân bố đều giữa các vùng.
- B. Nhiều đô thị lớn và hiện đại được hình thành từ thế kỷ XX.
- C. Tỷ lệ dân thành thị tăng cao nhất trong khu vực Đông Nam Á.
- D. Diễn ra chậm chạp, trình độ đô thị hóa thấp.

Câu 48. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 14, hãy cho biết tên 6 cao nguyên từ dãy Bạch Mã trở vào Nam theo thứ tự là:

- A. Trường Sơn Nam, Kon Tum, Pleiku, Đắk Lắk, Mơ Nông, Di Linh
- B. Trường Sơn Nam, Kon Tum, Pleiku, Đắk Lắk, Mơ Nông, Lâm Viên
- C. Kon Tum, Pleiku, Đắk Lắk, Mơ Nông, Lâm Viên, Di Linh.
- D. Kon Tum, Pleiku, Đắk Lắk, Mơ Nông, Di Linh, Lâm Viên

Câu 49. Ngành du lịch nước ta chỉ thật sự phát triển nhanh từ đầu thập kỷ 90 cho đến nay là nhờ

- A. chính sách đổi mới của Nhà nước.
- B. sự giàu có về tài nguyên du lịch.
- C. cơ sở vật chất của ngành du lịch được hoàn thiện.
- D. đời sống nhân dân được nâng cao.

Câu 50. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây trực tiếp làm cho sản lượng lúa nước ta tăng nhanh?

- A. Đẩy mạnh sản xuất hàng hóa. B. Cơ cấu mùa vụ thay đổi.
- C. Sử dụng giống cho năng suất cao. D. Mở rộng diện tích, tăng năng suất.

Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 15, tỷ lệ lao động của nước ta trong khu vực dịch vụ năm 2007 là

- A. 25,9 %.
- B. 26,1 %.
- C. 65,7 %.
- D. 24,6 %.

Câu 52. Địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta thể hiện rõ nét nhất qua quá trình

- A. xâm thực mạnh ở vùng đồi núi. B. phong hóa vật lý.
- C. cacxtơ đá vôi. D. phong hóa hóa học.

Câu 53. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 18, hãy cho biết chè được trồng nhiều nhất ở các vùng nào sau đây?

- A. Tây Nguyên, Đông Nam Bộ B. Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên.
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên. D. Đông Nam Bộ, Bắc Trung Bộ.

Câu 54. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam, hãy cho biết đô thị nào sau đây ở vùng Bắc Trung Bộ có quy mô dân số dưới 100 000 người ?

- A. Vinh. B. Đông Hà. C. Hà Tĩnh. D. Đồng Hới.

Câu 55. Ý nào dưới đây đúng khi nói về sự chuyển dịch trong nội bộ ngành ở khu vực II (công nghiệp-xây dựng)?

- A. Giảm tỉ trọng các sản phẩm cao cấp, có chất lượng và tăng khả năng cạnh tranh.
- B. Tăng tỉ trọng các loại sản phẩm thấp không phù hợp với thị trường.
- C. Tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác, giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến.
- D. Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến, giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác.

Câu 56. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp của nước ta trong những năm qua thay đổi theo hướng

- A. Cơ cấu mùa vụ thay đổi.
- B. tăng cường chuyên môn hóa sản xuất.

C. phát triển mạnh kinh tế hộ gia đình.

D. phát triển nông sản xuất khẩu.

Câu 57. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt nam trang 4,5, hãy cho biết tỉnh nào sau đây của nước ta vừa giáp với Lào, vừa giáp với Trung Quốc?

A. Điện Biên

B. Lào Cai

C. Lạng Sơn

D. Lai Châu

Câu 58. Các tổ chức liên kết khu vực được hình thành chủ yếu dựa trên cơ sở

A. nằm trong một châu lục .

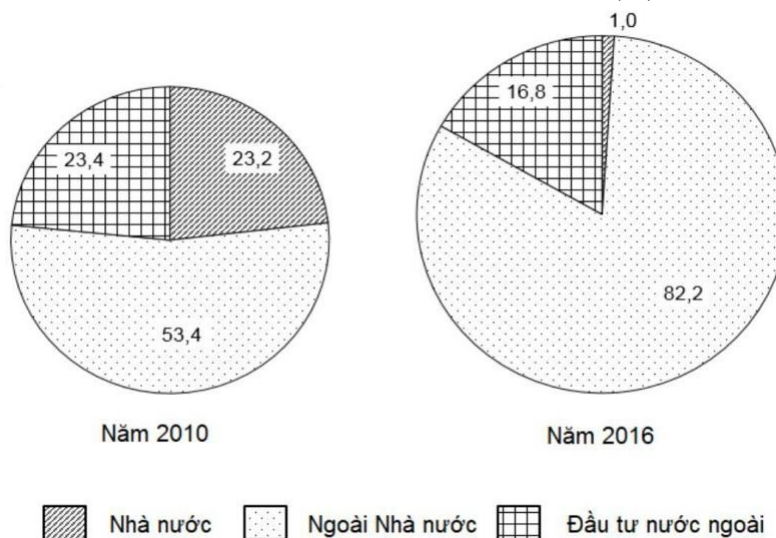
B. có quy mô dân số tương đồng nhau.

C. có chung mục tiêu lợi ích phát triển.

D. đều bị cạnh tranh gay gắt.

Câu 59. Cho biểu đồ:

CƠ CẤU SẢN LƯỢNG ĐƯỜNG KÍNH PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA, NĂM 2010 VÀ 2016 (%)



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tỉ trọng sản lượng đường kính phân theo thành phần kinh tế của nước ta từ năm 2010 đến năm 2016?

A. Vốn đầu tư nước ngoài và ngoài Nhà nước đều tăng

B. Kinh tế ngoài Nhà nước giảm, kinh tế Nhà nước tăng.

C. Đầu tư nước ngoài tăng nhanh nhất.

D. Ngoài Nhà nước luôn chiếm tỷ trọng cao nhất.

Câu 60. Thị trường nhập khẩu lớn nhất hiện nay của nước ta là

A. Châu Á - Thái Bình Dương Nhật Bản và Trung Quốc.

B. Châu Á – Thái Bình Dương và Châu Âu.

C. Hoa Kỳ, Nhật Bản và Trung Quốc.

D. Đông Nam Á, Nhật Bản và Trung Quốc.

Câu 61. Ý nào sau đây đúng khi nói về hướng hoàn thiện cơ cấu công nghiệp nước ta ?

A. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp khai thác nhằm phát huy tiềm năng.

B. Tập trung cao độ cho các ngành công nghiệp hiện đại.

C. Xây dựng một cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt.

D. Tăng cường các ngành công nghiệp phục vụ xuất khẩu.

Câu 62. Năng suất lao động của ngành đánh bắt thủy sản nước ta còn thấp chủ yếu là do

A. hệ thống cảng cá chưa đáp ứng được nhu cầu.

B. phương tiện đánh bắt chậm được đổi mới.

C. thiên tai thường xuyên xảy ra.

D. ngành chế biến còn nhiều hạn chế.

Câu 63. Trong những năm qua, sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác là do

- A. nuôi trồng hướng đến nhu cầu thị trường thu nhiều lợi nhuận.
- B. nuôi trồng có nhiều thuận lợi.
- C. nuôi trồng ít chịu ảnh hưởng của bão.
- D. nguồn lợi cho đánh bắt suy giảm mạnh.

Câu 64. Cây công nghiệp được quan trọng nhất của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. cao su.
- B. cà phê..
- C. hồ tiêu.
- D. chè.

Câu 65. Cho bảng số liệu:

Chỉ số về tình hình dân số Nhật Bản.

Năm	Dân số (triệu người).	Tỉ lệ sinh(%)	Dân thành thị (triệu người) 2010
2010	127,3	1,34	115,3
2015	126,6	1,40	118,6
2016	126,3	1,41	118,9
2017	126,0	1,41	119,2

Nhận xét nào sau đây **không** đúng về tình hình dân số Nhật Bản giai đoạn 2010 -2017?

- A. Năm 2017 tỉ lệ dân thành thị của Nhật Bản là 94,6%.
- B. Dân thành thị tăng.
- C. Tỉ lệ sinh có xu hướng tăng.
- D. Dân số tăng chậm.

Câu 66. Khí hậu cận nhiệt đới, ôn đới trên núi, có mùa đông lạnh là điều kiện sinh thái nông nghiệp của vùng

- A. Bắc Trung Bộ.
- B. Trung du miền núi Bắc Bộ.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Đông Nam Bộ.

Câu 67. Yếu tố cho phép và đòi hỏi trong sản xuất nông nghiệp nước ta phải áp dụng các hệ th khác nhau giữa các vùng lãnh thổ là

- A. sự phân hóa của khí hậu.
- B. sự phân hóa của các yếu tố kinh tế xã hội
- C. trình độ thâm canh khác nhau giữa các vùng.
- D. sự phân hóa của địa hình và đất trồng.

Câu 68. Cho bảng số liệu:

GDP VÀ SỐ DÂN CỦA TRUNG QUỐC, GIAI ĐOẠN 1985- 2010

Năm	1985	1995	2014	2010
GDP (tỉ USD)	239,0	679,6	1649,3	5880,0
Số dân (triệu người)	1070	1211	1299	134,7

(Nguồn tuyển tập đề thi Olympic 30/4/2012, NXB ĐH Sư Phạm)

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng GDP, GDP/người và số dân của Trung Quốc giai đoạn 1985- 2010, thích hợp nhất là biểu đồ

- A. cột.
- B. miền
- C. kết hợp.
- D. đường.

Câu 69. Xu hướng phát triển của ngành chăn nuôi nước ta không phải là

- A. phát triển chăn nuôi trang trại theo hình thức công nghiệp..
- B. đẩy mạnh phát triển chăn nuôi các loại gia súc lớn cho nhiều lợi nhuận.
- C. tăng tỷ trọng các sản phẩm không qua giết thịt.
- D. tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa.

Câu 70. Việc hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp ở vùng Bắc Trung Bộ **không** có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Tạo thế liên hoàn phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian.

- B. Phát huy hiệu quả các thế mạnh sẵn có của vùng.
- C. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp hàng hóa.
- D. Hình thành cơ cấu kinh tế chung của vùng.

Câu 71. Định hướng trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Đồng bằng sông Hồng là

- A. hình thành các ngành công nghiệp trọng điểm.
- B. tập trung phát triển các ngành công nghiệp hiện đại.
- C. đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động.
- D. tập trung phát triển các ngành công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 72. Khó khăn lớn nhất trong việc khai thác khoáng sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. thiếu vốn và hạn chế về kỹ thuật..
- B. Khí hậu diễn biến thất thường.
- C. thiếu lực lượng lao động.
- D. địa hình chủ yếu đồi núi.

Câu 73. Đây **không** phải là biểu hiện chứng tỏ nước ta đang khai thác hiệu quả nền nông nghiệp nhiệt đới?

- A. Tính mùa vụ được khai thác tốt hơn nhờ đẩy mạnh hoạt động vận tải, phát triển công nghiệp chế biến.
- B. Đẩy mạnh sản xuất các nông sản xuất khẩu (gạo, cà phê, cao su, hoa quả...)
- C. Tăng cường chuyên môn hóa sản xuất.
- D. Các tập đoàn cây con được phân bố phù hợp với các vùng sinh thái nông nghiệp.

Câu 74. Thế mạnh về tự nhiên tạo điều kiện cho Đồng bằng Sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là

- A. có một mùa lạnh kéo dài.
- B. đất đai màu mỡ đa dạng.
- C. nguồn nước phong phú.
- D. ít có thiên tai.

Câu 75. Nhận định nào sau đây **không** đúng với tình hình phát triển ngành ngoại thương nước ta sau đổi mới đến nay?

- A. Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu tăng nhanh.
- B. Hàng tiêu dùng chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu hàng nhập khẩu.
- C. Cán cân ngoại thương chủ yếu là nhập siêu.
- D. Mở rộng thị trường theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa.

Câu 76. Thế mạnh nổi bật của ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nước ta là

- A. lao động dồi dào.
- B. có nhiều truyền thống kinh nghiệm.
- C. thị trường trong nước có nhu cầu lớn.
- D. nguyên liệu tại chỗ phong phú.

Câu 77. Việt Nam gia nhập ASEAN vào năm

- A. 1995.
- B. 1967
- C. 1997.
- D. 1985

Câu 78. Cho bảng số liệu sau:

Dân số Việt Nam qua các năm

(Nghìn người)

Năm	2000	2005	2009	2014
Tổng dân số	77.631	82.392	86.025	90.729
Dân thành thị	18.725	22.332	25.585	30.035
Dân nông thôn	58.906	60.060	60.440	60.694

Để thể hiện cơ cấu dân số nước ta phân theo thành thị nông thôn giai đoạn 2010 - 2014 biểu đồ thích hợp nhất là

- A. kết hợp. B. cột. C. miền. D. đường

Câu 79. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết hai đô thị có quy mô dân số lớn nhất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ ?

- A. Bắc Giang, Cẩm Phả. B. Thái Nguyên, Hải Phòng.
C. Bắc Giang, Hạ Long. D. Thái Nguyên, Hạ Long.

Câu 80. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết sản lượng điện nước ta năm 2007 là bao nhiêu ?

- A. 64 tỷ KWh B. 16,4 tỷ KWh C. 64,1 tỷ KWh D. 61,4 tỷ KWh

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

41-C	42-A	43-A	4-C	45-D	46-B	47-D	48-C	49-A	50-D
51-B	52-A	53-C	54-B	55-D	56-B	57-A	58-C	59-B	60-B
61-C	62-B	63-A	64-D	65-D	66-B	67-D	68-D	69-B	60-C
71-A	72-A	73-C	74-A	75-B	76-D	77-A	78-C	79-D	80-C

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 41. Vùng đặc quyền kinh tế là vùng tiếp liền với lãnh hải và hợp với lãnh hải thành một vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở. (SGK/15 Địa lí 12)

Chọn C.

Câu 42.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, vùng có giá trị sản xuất nông – lâm – thủy sản dưới 5% năm 2007 là Tây Nguyên và Trung du miền núi Bắc Bộ (kí hiệu nền màu vàng nhạt nhất).

Chọn A.

Câu 43.

Khu công nghiệp là hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nước ta hình thành từ những năm 90 của thế kỷ XX cho đến nay (SGK/126 Địa lí 12)

Chọn A.

Câu 44.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam(trang 21), xác định kí hiệu thể hiện giá trị sản xuất công nghiệp so với

cả nước => Thanh Hóa là tỉnh có tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp so với cả nước thấp nhất (ở mức trên 0,5 – 1%).

Chọn C.

Câu 45.

Khó khăn chủ yếu trong việc hình thành cơ cấu công nghiệp của Bắc Trung Bộ là cơ sở vật chất hạ tầng còn nhiều hạn chế về kỹ thuật, cơ sở năng lượng, giao thông vận tải...).

Chọn D.

Câu 46.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, tuyến đường bộ nối Hà Nội Hải Phòng là quốc lộ số 5.

Chọn B.

Câu 47.

Quá trình đô thị hóa của nước ta có đặc điểm là diễn ra chậm chạp và trình độ đô thị hóa thấp (SGK/77 Địa 12)

Chọn D.

Câu 48.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, hãy cho biết tên 6 cao nguyên từ dãy Bạch Mã trở vào Nam theo thứ tự là: Kon Tum, PleiKu, Đắk Lắk, Mơ Nông, Lâm Viên, Di Linh.

Chọn C.

Câu 49.

Ngành du lịch nước ta chỉ thật sự phát triển nhanh từ đầu thập kỷ 90 cho đến nay là nhờ chính sách đổi mới của Nhà nước: hình thành các vùng du lịch trọng điểm, đầu tư tôn tạo nhiều di tích, công trình văn hóa, chú trọng vấn đề môi trường du lịch và bảo vệ thắng cảnh tự nhiên..., đầu tư cơ sở vật chất hạ tầng, mở rộng thị trường..

Chọn A.

Chọn 50.

Nguyên nhân chủ yếu trực tiếp làm cho sản lượng lúa nước ta tăng nhanh là việc sử dụng các giống lúa cho năng suất cao. Chú ý từ khóa: trực tiếp” để phân biệt với đáp án D

Chọn C.

Câu 51.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, tỷ lệ lao động của nước ta trong khu vực dịch vụ năm 2007 là 26,1%.

Chọn B.

Câu 52.

Địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta thể hiện rõ nét nhất qua quá trình xâm thực mạnh ở vùng đồi núi (SGK/45 Địa lí 12)

- Trên các sườn dốc mất lớp phủ thực vật, bề mặt địa hình bị cắt xẻ, đất bị xói mòn, rửa trôi, nhiều nơi tro sỏi đá, mưa lớn có thể xảy ra hiện tượng đất trượt, đá lở.
- Vùng núi đá vôi hình thành các địa hình cax-tơ với hang động, suối cạn, thung khô.
- Các vùng thềm phù sa cổ bị chia cắt thành các đồi thấp xen thung lũng rộng 6

Chọn A.

Câu 53. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, xác định kí hiệu cây chè => chè được trồng nhiều nhất ở các vùng Trung du miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên.

Chọn C.

Câu 54. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam, xác định được đô thị Đông Hà (tỉnh Quảng Trị) thuộc vùng Bắc Trung Bộ có quy mô dân số dưới 100 000 người.

Chọn B.

Câu 55.

Sự chuyển dịch trong nội bộ ngành ở khu vực II (công nghiệp - xây dựng) được biểu hiện là: tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến, giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác. (SGK/83 Địa lí 12)

Chọn D.

Câu 56.

Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp của nước ta trong những năm qua thay đổi theo hướng tăng cường chuyên môn hóa sản xuất, phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu.

Ví dụ: Tây Nguyên, Đông Nam Bộ đã trở thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn, ĐBSCL trở thành vùng trọng điểm sản xuất lương thực của cả nước. (SGK/109 Địa lí 12)

Chọn B.

Câu 57.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4,5, xác định khu vực đường biên giới trên đất liền với Lào và Trung Quốc

=> Điện Biên là tỉnh vừa giáp với Lào, vừa giáp với Trung Quốc.

Chọn A.

Câu 58.

Các tổ chức liên kết khu vực được hình thành chủ yếu dựa trên cơ sở có chung mục tiêu lợi ích phát triển. (SGK/11 Địa lí 11)

Chọn C.

Câu 59.

Biểu đồ cho thấy:

- Tỉ trọng khu vực kinh tế ngoài nhà nước tăng nhanh từ 53,4% (2010) lên 82,3% (2016)
 - Tỉ trọng khu vực kinh tế Nhà nước giảm rất nhanh: từ 23,2% (2010) xuống chỉ còn 1% (2016)
- => Nhận xét D: Kinh tế ngoài Nhà nước giảm, kinh tế Nhà nước tăng là không đúng

Chọn B.

Câu 60.

Thị trường nhập khẩu lớn nhất hiện nay của nước ta là Châu Á – Thái Bình Dương và Châu Âu (SGK/139 Địa

Chọn B.

Câu 61.

Hướng hoàn thiện cơ cấu công nghiệp nước ta là: xây dựng một cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt, thích nghi với cơ chế thị trường, phù hợp với tình hình thực tế của đất nước cũng như xu thế chung của khu vực và thế giới (SGK/114 Địa 12)

Chọn C.

Câu 62.

Năng suất lao động của ngành đánh bắt thủy sản nước ta còn thấp chủ yếu là do tàu thuyền và phương tiện đánh bắt chậm đổi mới. (SGK/101 Địa 12)

Chọn B.

Câu 63.

Trong những năm qua, sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác là do các mặt hàng thủy sản nuôi trồng có sản lượng ổn định gần như quanh năm, mặt hàng thủy sản đẹp và đều...đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường hiện nay, ngoài ra phát triển nuôi trồng thủy sản cũng mang lại nhiều lợi nhuận lớn. Do vậy, hiện nay nuôi trồng thủy sản được đẩy mạnh phát triển hơn.

Chọn A.

Câu 64.

Chè là cây công nghiệp quan trọng nhất của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, thích hợp với điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có một mùa đông lạnh và đất feralit đồi núi của vùng.

Chọn D.

Câu 65.

Bảng số liệu cho thấy giai đoạn 2010 – 2017 dân số Nhật Bản có xu hướng giảm đều và liên tục từ 127,3 triệu người xuống còn 126,0 triệu người. Nhận định dân số Nhật Bản tăng chậm là không đúng.

Chọn D.

Câu 66.

Câu 69.

Xu hướng phát triển của ngành chăn nuôi nước ta là phát triển chăn nuôi trang trại theo hình thức công nghiệp; tăng tỷ trọng các sản phẩm không qua giết thịt (trứng, sữa); chăn nuôi đang tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa. (SGK/96 Địa 12) => loại đáp án A, C, D

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi các loại gia súc lớn cho nhiều lợi nhuận không phải là xu hướng phát triển của chăn nuôi nước ta.

Chọn B.

Câu 70.

Hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư ở BTB chủ yếu nhằm tạo thế liên hoàn phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian, phát huy hiệu quả các thế mạnh sẵn có của vùng, hình thành cơ cấu kinh tế chung. (SGK/ 156 Địa 12) => loại A, B, D

Việc hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp ở vùng Bắc Trung Bộ không có ý nghĩa trong việc đẩy mạnh phát triển nông nghiệp hàng hóa.

Chọn C.

Câu 71. Định hướng trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Đồng bằng sông Hồng là: đối với khu vực II quá trình chuyển dịch gắn với việc hình thành các ngành công nghiệp trọng điểm để sử dụng có hiệu quả các thế mạnh về tự nhiên và con người của vùng... (SGK/153 Địa 12)

Chọn A.

Câu 72.

Khó khăn lớn nhất trong việc khai thác khoáng sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là thiếu vốn và hạn chế về kỹ thuật nên việc khai thác các mỏ khoáng sản phân bố ở sâu dưới lòng đất, tại những vùng địa hình hiểm trở là rất hạn chế và cho hiệu quả thấp.

Câu 73.

Các biểu hiện chứng tỏ nước ta đang khai thác hiệu quả nền nông nghiệp nhiệt đới là (SGK/88 Địa lí 12)

- Các tập đoàn cây con được phân bố phù hợp với các vùng sinh thái nông nghiệp => loại D
- Tính mùa vụ được khai thác tốt hơn nhờ đẩy mạnh hoạt động vận tải, phát triển công nghiệp chế biến và bảo quản nông sản => loại A
- Đẩy mạnh sản xuất các nông sản xuất khẩu (gạo, cà phê, cao su, hoa quả...) => loại B

Tăng cường chuyên môn hóa sản xuất, phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn là phương hướng phát triển của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp nước ta. Đây không phải là biểu hiện chứng tỏ nước ta đang khai thác có hiệu quả nền nông nghiệp nhiệt đới.

Chọn C.

Câu 74.

Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông lạnh, kéo dài tạo điều kiện cho Đồng bằng Sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông.

Chọn A.

Câu 75.

Tình hình phát triển ngành ngoại thương nước ta sau đổi mới đến nay là: trong cơ cấu các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là nguyên liệu và tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng chiếm một phần nhỏ. (SGK/139 Địa 12)

=> Nhận định hàng tiêu dùng chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu hàng nhập khẩu nước ta là không đúng.

Chọn B.

Câu 76.

Thế mạnh nổi bật của ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nước ta là có nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú từ ngành nông – lâm – thủy sản.

Chọn D.

Câu 77.

Việt Nam gia nhập ASEAN vào ngày 28-7-1995 và trở thành thành viên thứ 7 của tổ chức này.

Chọn A.

Câu 78.

- Đề bài yêu cầu thể hiện cơ cấu dân số => có 2 khả năng là biểu đồ tròn và miền.

- Tuy nhiên bảng số liệu có 4 năm (biểu đồ tròn chỉ thích hợp thể hiện 1 – 3 năm) do đó biểu đồ miền là thích hợp nhất.

=> Đề thể hiện cơ cấu dân số nước ta phân theo thành thị nông thôn giai đoạn 2000 - 2014 biểu đồ thích hợp nhất là miền (cần xử lí số liệu ra tỷ trọng %)

Chọn C.

Câu 79.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, xác định tên hai đô thị có quy mô dân số lớn nhất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là Thái Nguyên và Hạ Long (kí hiệu ô vuông màu trắng) với quy mô dân số từ 200 001 – 500 000 người.

Chọn D.

Câu 80.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, sản lượng điện nước ta năm 2007 là bao nhiêu 64,1 tỷ kWh.

Chọn C.

**SỞ GD&ĐT NGHỆ AN
2019 LIÊN TRƯỜNG THPT**

KÌ THI THỬ THPT QUỐC GIA LẦN 1 NĂM

Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI.

Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Mã đề thi: 301

Câu 41: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH CAO SU CỦA CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ THẾ GIỚI

(Đơn vị: Triệu ha)

Năm	1985	1995	2005	2013
Đông Nam Á	3,4	4,9	6,4	9,0
Thế giới	4,2	6,3	9,0	12,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2014, NXB Thống kê ,

2015) Nhận xét nào sau đây không đúng về sự thay đổi diện tích cao su của các nước Đông Nam Á và thế giới giai đoạn 1985 - 2013?

A. Diện tích cao su của Đông Nam Á tăng nhanh hơn của thế giới.

B. Diện tích cao su của thế giới tăng mạnh.

C. Tốc độ tăng diện tích cao su của Đông Nam Á chậm hơn của thế giới.

D. Diện tích cao su Đông Nam Á tăng liên tục

Câu 42: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ không có bộ phận địa hình nào dưới đây?

- A. Vùng đồi chuyển tiếp nhỏ hẹp. B. Vùng núi cao đồ sộ nhất cả nước.
C. Các sơn nguyên và cao nguyên đá vôi. D. Đồng bằng hạ lưu sông mở rộng, màu mỡ.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông Sài Gòn thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Sông Đồng Nai. B. Sông Mê Công C. Sông Ba (Đà Rằng). D. Sông Thu Bồn.

Câu 44: Hậu quả của việc tăng nhanh dân số ở nước ta là

- A. đẩy nhanh quá trình hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới.
B. quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh.
C. nguồn lao động dồi dào thuận lợi cho phát triển kinh tế.
D. sức ép đối với phát triển kinh tế, xã hội và môi trường.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhận xét nào dưới đây không đúng về chế độ nhiệt nước ta?

- A. Nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ Bắc vào Nam.
B. Nhiệt độ trung bình năm có sự phân hóa theo không gian.
C. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C (trừ các vùng núi cao).
D. Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam.

Câu 46: Trong những năm gần đây, ngành công nghiệp tăng nhanh và ngày càng trở thành thế mạnh của nhiều nước Đông Nam Á là:

- A. các ngành tiểu thủ công nghiệp. B. lắp ráp ô tô, xe máy, thiết bị điện tử.
C. dệt may, da giày. D. khai thác than và khoáng sản kim loại.

Câu 47: Thuận lợi nào sau đây không phải là chủ yếu của khu vực đồng bằng?

- A. Là điều kiện thuận lợi để tập trung các khu công nghiệp, thành phố.
B. Địa bàn thuận lợi để phát triển tập trung cây công nghiệp dài ngày.
C. Là cơ sở để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng hóa cây trồng.
D. Cung cấp các nguồn lợi khác về thủy sản, lâm sản, khoáng sản,

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết sếu đầu đỏ là loài động vật đặc hữu của vườn quốc gia nào sau đây?

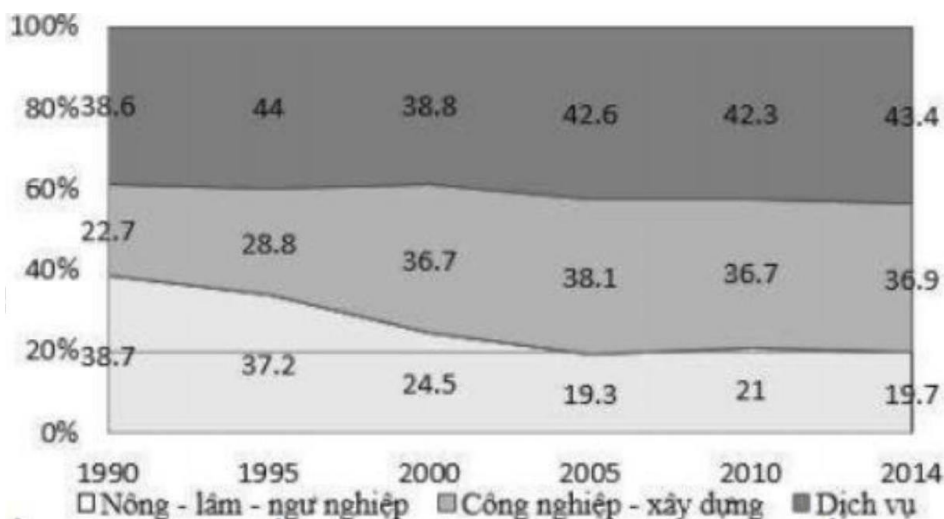
- A. Bạch Mã. B. Vũ Quang. C. Tràm Chim. D. Cát Tiên.

Câu 49: Vùng cực Nam Trung Bộ là nơi có nghề làm muối rất lý tưởng vì

- A. không có bão, ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc
B. có thêm lục địa kéo dài.
C. có nhiệt độ cao, nhiều nắng, chỉ có vài sông nhỏ đổ ra biển.
D. có những hệ núi cao lan ra sát biển nên bờ biển khúc khuỷu.

Câu 50: Cho biểu đồ:

CƠ CẤU GDP PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1990 – 2014



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2015, NXB Thống kê, 2016)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng với sự thay đổi cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nước ta giai đoạn 1990 - 2014?

- A. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng, nông - lâm - ngư nghiệp giảm.
- B. Tỷ trọng dịch vụ tăng nhanh nhất, công nghiệp - xây dựng xếp thứ 2 con nông - lâm - ngư nghiệp giảm.
- C. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng tăng, dịch vụ và nông - lâm - ngư nghiệp giảm.
- D. Tỷ trọng dịch vụ tăng, công nghiệp - xây dựng và nông - lâm - ngư nghiệp giảm.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây không có đường biên giới với Lào?

- A. Quảng Trị.
- B. Điện Biên.
- C. Thanh Hóa
- D. Lai Châu.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy Hoàng Sơn là ranh giới giữa 2 tỉnh nào?

- A. Hà Tĩnh và Quảng Bình.
- B. Quảng Bình và Quảng Trị.
- C. Thừa Thiên Huế và Đà Nẵng.
- D. Nghệ An và Hà Tĩnh.

Câu 53: Chất lượng lao động nước ta ngày càng được nâng cao lên, chủ yếu là do

- A. những thành tựu trong công tác hướng nghiệp, dạy nghề.
- B. những thành tựu trong phát triển văn hóa, giáo dục và y tế.
- C. xuất khẩu lao động ra nước ngoài.
- D. thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 54: Sự màu mỡ của đất feralit ở miền đồi núi nước ta phụ thuộc chủ yếu vào

- A. điều kiện khí hậu ở các vùng núi.
- B. quá trình xâm thực - bồi tụ.
- C. kĩ thuật canh tác của con người.
- D. nguồn gốc đá mẹ khác nhau.

Câu 55: Giải thích nào sau đây không đúng với việc dân cư tập trung đông ở đồng bằng?

- A. có điều kiện tự nhiên thuận lợi.
- B. nghề trồng lúa nước cần nhiều lao động.
- C. tập trung nhiều trung tâm công nghiệp.
- D. thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết đỉnh núi nào sau đây có độ cao lớn nhất ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

- A. Ngọc Linh.
- B. Bà Đen.
- C. Kon Ka Kinh.
- D. Chư Pha

Câu 57: Ý nào sau đây không đúng với đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa?

- A. Phía bắc Mianma, bắc Việt Nam có mùa đông lạnh
- B. Ven biển có các đồng bằng phù sa màu mỡ của những con sông lớn như Mê Công
- C. Địa hình bị chia cắt bởi các dãy núi chạy dài theo hướng đông bắc - tây nam hoặc đông - tây.
- D. Đông Nam Á lục địa có khí hậu nhiệt đới gió mùa

Câu 58: Nguyên nhân chủ yếu gây ra hiện tượng ngập lụt ở Đồng bằng sông Cửu Long là do

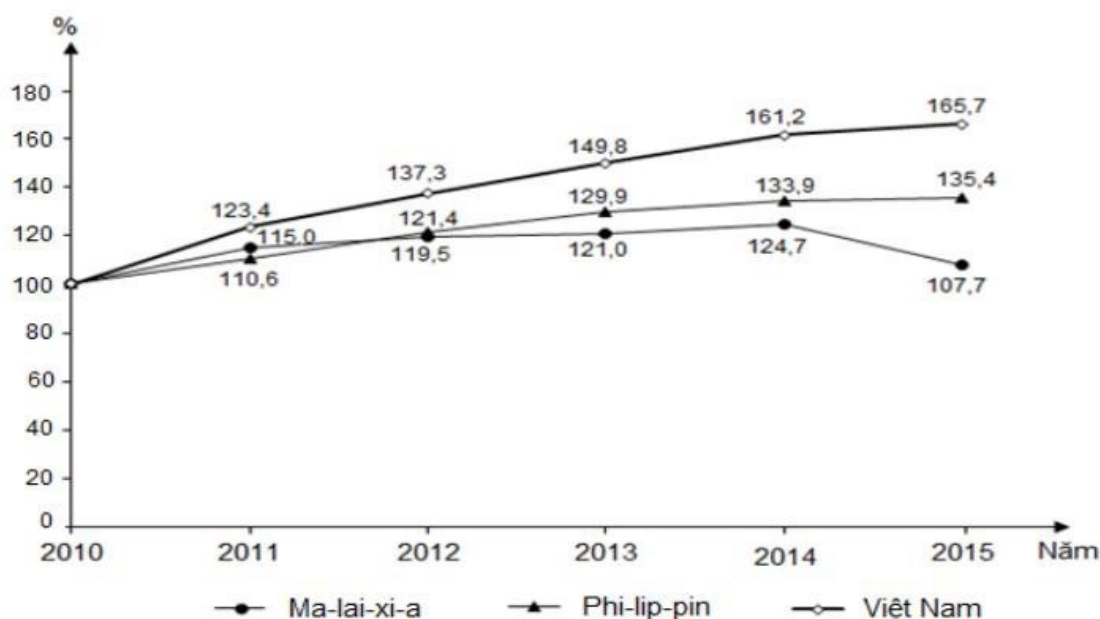
- A. mùa mưa kéo dài.

- B. mưa lớn và triều cường.
- C. có nhiều sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.
- D. mưa bão và nước biển dâng.

Câu 59: Giới hạn độ cao đai nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc hạ thấp hơn so với miền Nam là do

- A. tác động của gió mùa kết hợp với hướng núi.
- B. ảnh hưởng của tín phong Đông Bắc
- C. địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi.
- D. hoạt động của gió mùa Đông Bắc

Câu 60: Cho biểu đồ:



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, NXB Thống kê, 2017)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô GDP/người của một số quốc gia Đông Nam Á giai đoạn 2010 - 2015.
- B. Quy mô và cơ cấu GDP/người của một số quốc gia Đông Nam Á giai đoạn 2010 - 2015.
- C. Cơ cấu GDP/người của một số quốc gia Đông Nam Á giai đoạn 2010 - 2015.
- D. Tốc độ tăng trưởng GDP/người của một số quốc gia Đông Nam Á giai đoạn 2010 - 2015.

Câu 61: Vĩ độ phần đất liền nước ta theo chiều từ Bắc vào Nam nằm trong phạm vi

- A. 23°20'B - 8°34'B.
- B. 23°23'B - 8°34'B.
- C. 23°34' B - 8°23'B.
- D. 23°23'B - 8°20'B.

Câu 62: Nước ta có thể mở rộng giao lưu kinh tế với các nước trên thế giới thuận lợi là do vị trí

- A. nằm ở rìa đông bán đảo Đông Dương.
- B. nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế.
- C. ở nơi giao thoa giữa nhiều vành đai sinh khoáng.
- D. nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa

Câu 63: Tỷ lệ lao động thiếu việc làm ở nông thôn cao hơn ở thành thị là do

- A. chất lượng nguồn lao động nông thôn cao.
- B. tính mùa vụ của lao động nông nghiệp.
- C. kinh tế nông thôn phát triển mạnh.
- D. cơ cấu ngành nghề ở nông thôn đa dạng.

Câu 64: Dạng địa hình nào sau đây ở ven biển thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản?

- A. Các tam giác châu có bãi triều rộng.
- B. Các rạn san hô.
- C. Các đảo ven bờ.
- D. Vịnh cửa sông.

Câu 65: Vấn đề quan trọng nhất trong việc sử dụng tài nguyên nước hiện nay ở nước ta là

- A. lượng nước phân bố không đều giữa các mùa và các vùng.
- B. lũ lụt trong mùa mưa và ô nhiễm nguồn nước sông.
- C. thiếu nước trong mùa khô và ô nhiễm môi trường nước
- D. nguồn nước ngầm có nguy cơ cạn kiệt.

Câu 66: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, khu vực đồi núi Tây Bắc theo lát cắt địa hình từ C đến D (C - D) có đặc điểm địa hình là

- A. cao dần từ đông sang tây, nhiều đỉnh núi thấp, cao nhất là dãy Hoàng Liên Sơn
- B. thấp dần từ tây bắc về đông nam, có các thung lũng sông đan xen đồi núi cao.
- C. cao ở tây bắc thấp dần về đông nam, có nhiều đỉnh núi cao, các cao nguyên xen các thung lũng sông.
- D. cao ở đông bắc thấp dần về tây nam, có nhiều đỉnh núi cao, các cao nguyên xen các thung lũng sông.

Câu 67: Sự phân hóa thiên nhiên theo Đông - Tây ở vùng đồi núi là do các

- A. sự phân hóa theo độ cao.
- B. sự phân hóa theo độ cao và hướng núi.
- C. tác động của gió mùa với hướng các dãy núi.
- D. tác động của biển Đông.

Câu 68: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây có qui mô dân số dưới 500 nghìn người (năm 2007)?

- A. Cần Thơ.
- B. Biên Hòa
- C. Hạ Long.
- D. Đà Nẵng.

Câu 69: Vùng núi nào của nước ta nằm ở phía đông thung lũng sông Hồng?

- A. Trường Sơn Nam.
- B. Đông Bắc
- C. Trường Sơn Bắc
- D. Tây Bắc

Câu 70: Vì sao ở nước ta tỉ lệ gia tăng dân số giảm nhưng số người tăng hàng năm vẫn lớn?

- A. Qui mô dân số nước ta lớn.
- B. Ý thức chấp hành pháp lệnh dân số chưa tốt của người dân.
- C. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình triển khai chưa đồng bộ.
- D. Cơ cấu dân số thuộc loại trẻ.

Câu 71: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết mỏ vàng Bồng Miêu thuộc tỉnh (thành phố) nào dưới đây?

- A. Bình Định.
- B. Quảng Ngãi.
- C. Quảng Nam.
- D. Đà Nẵng.

Câu 72: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 16, cho biết phần lớn dân cư thuộc nhóm ngữ hệ Nam Đảo tập trung ở vùng nào sau đây?

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Tây Nguyên
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 73: Rừng tự nhiên của nước ta được chia làm 3 loại là

- A. rừng phòng hộ, rừng sản xuất, rừng tái sinh.
- B. rừng khoanh nuôi, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.
- C. rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.
- D. rừng phòng hộ, rừng ngập mặn, rừng khoanh nuôi.

Câu 74: Đặc điểm địa hình nhiều đồi núi thấp của nước ta đã làm cho

- A. tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của tự nhiên được bảo toàn.
- B. địa hình có sự phân bậc rõ ràng.
- C. địa hình ít hiểm trở.
- D. thiên nhiên có sự phân hóa sâu sắc

Câu 75: Chế độ nước chảy sông ngòi của nước ta phụ thuộc chủ yếu vào

- A. hướng địa hình.
- B. độ dốc của địa hình.
- C. lớp phủ thực vật.
- D. chế độ mưa

Câu 76: Đề phòng chống khô hạn ở nước ta, biện pháp quan trọng nhất là

- A. xây dựng các công trình thủy lợi. B. thực hiện tốt công tác dự báo.
C. tạo ra các giống cây chịu hạn. D. chuyển đổi cơ cấu mùa vụ.

Câu 77: Cho bảng số liệu:

TỔNG SỐ DÂN VÀ TỐC ĐỘ TĂNG DÂN SỐ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2005 - 2014

Năm	2005	2009	2012	2014
Tổng số dân (triệu người)	83,4	84,6	88,8	90,7
- Dân thành thị	23,3	23,9	27,3	29,0
- Dân nông thôn	60,1	60,7	61,5	61,7
Tốc độ tăng dân số (%)	1,17	1,09	1,11	1,06

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2015, NXB Thống kê, 2016)

Để thể hiện số dân và tốc độ tăng dân số của nước ta trong giai đoạn 2005 - 2014, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ cột. B. Biểu đồ miền. C. Biểu đồ đường. D. Biểu đồ kết hợp.

Câu 78: Cảnh quan rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đồi núi thấp là kiểu cảnh quan chiếm ưu thế của nước ta vì

- A. nước ta nằm trong khu vực châu Á gió mùa
B. nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
C. nước ta nằm tiếp giáp với biển Đông.
D. đồi núi thấp chiếm 85% diện tích lãnh thổ.

Câu 79: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết khu vực chịu ảnh hưởng của gió Tây khô nóng rõ nét nhất nước ta là khu vực nào sau đây?

- A. Tây Bắc. B. Bắc Trung Bộ.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 80: Lãnh thổ nước ta nhận được lượng bức xạ Mặt trời lớn là do

- A. nằm ở rìa động của bán đảo Đông Dương.
B. hình thể kéo dài theo chiều vĩ tuyến.
C. nằm trong vùng nội chí tuyến.
D. đồi núi chiếm phần lớn diện tích.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

41-A	42-D	43-A	44-D	45-A	46-B	47-B	48-C	49-C	50-A
51-D	52-A	53-B	54-D	55-D	56-A	57-C	58-B	59-D	60-D
61-B	62-B	63-B	64-A	65-C	66-C	67-C	68-C	69-B	70-A
71-C	72-B	73-C	74-A	75-D	76-A	77-D	78-D	79-B	80-C

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 41.

Dựa vào BSL ta có 1 số nhận xét về sự thay đổi diện tích cao su của các nước Đông Nam Á và thế giới giai đoạn 1985 – 2013:

Diện tích cao su của thế giới tăng mạnh (gấp 3 lần). => B đúng.

Tốc độ tăng diện tích cao su của Đông Nam Á (264,7%) chậm hơn của thế giới (285,7%)=>C đúng, A sai.

Diện tích cao su Đông Nam Á tăng liên tục =>D đúng.

Chọn A

Câu 42.

Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ không có địa hình Đồng bằng hạ lưu sông mở rộng, màu mỡ. Miền chủ yếu có các đồng bằng giữa núi, đồng bằng ven biển nhỏ, hẹp.

Chọn D

Câu 43.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, xác định vị trí sông Sài Gòn, sông thuộc lưu vực sông Đồng Nai (màu xanh lá cây).

Chọn A

Câu 44.

Hậu quả của việc tăng nhanh dân số ở nước ta là: sức ép đối với phát triển kinh tế, xã hội và môi trường. (SGK Địa lý 12CB trang 68).

Chọn D

Câu 45.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, nhận xét các yếu tố về nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam => A sai.

Chọn A

Câu 54.

Sự màu mỡ của đất feralit ở miền đồi núi nước ta phụ thuộc chủ yếu vào nguồn gốc đá mẹ khác nhau. (SGK Địa lý 11 CB trang 103).

Chọn D

Câu 55.

Dân cư tập trung đông ở đồng bằng: có điều kiện tự nhiên thuận lợi (địa hình, nguồn nước,...); nghề trồng lúa nước cần nhiều lao động, tập trung nhiều trung tâm công nghiệp.

Chọn D

Câu 56.

Căn cứ Atlas địa lí Việt Nam trang 14, ngọn núi cao nhất miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là núi Ngọc Linh (đỉnh cao 2398m).

Chọn A

Câu 57.

Địa hình ĐNA lục địa bị chia cắt bởi các dãy núi chạy dài theo hướng tây bắc – đông nam, tây - đông nên C không đúng.

Chọn C

Câu 58.

Hiện tượng ngập lụt ở Đồng bằng sông Cửu Long là do mưa lớn trên diện rộng và triều cường. (SGK Địa lý 12 CB trang 63).

Chọn B

Câu 59.

Nguyên nhân dẫn đến độ cao đai nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc thấp hơn ở miền Nam là Miền Bắc gần chí tuyến và chịu ảnh hưởng mạnh của gió mùa Đông Bắc nên nền nhiệt độ của miền Bắc nhìn chung thấp hơn miền Nam. Vì thế chỉ cần lên tới độ cao 600 – 700m là nhiệt độ đã thấp, không có tháng nào trên

250C tương đương 900-1000m ở miền Nam.

Chọn D

Câu 60.

Dựa vào nội dung biểu đồ, dạng biểu đồ ta có biểu đồ đường thể hiện 3 đối tượng (3 nước), cùng đơn vị, trong giai đoạn 2010 – 2015 của Đông Nam Á

Tốc độ tăng trưởng GDP/người của một số quốc gia Đông Nam Á giai đoạn 2010 - 2015.

Chọn D

Câu 61.

Vĩ độ phần đất liền nước ta theo chiều từ Bắc vào Nam nằm trong phạm vi 23° 23° B 8° $34'$ B. (SGK Địa lý 12 CB trang 13).

Chọn B

Câu 62.

Nước ta có thể mở rộng giao lưu kinh tế với các nước trên thế giới thuận lợi là do vị trí nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế. (SGK Địa lý 12 CB trang 16, 17).

Chọn B

Câu 63.

Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là cây trồng, vật nuôi, là những vật thể sống có sự phát triển, sinh trưởng theo quy luật nhất định=> Phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, thời gian sản xuất dài hơn thời gian lao động=> Có tính mùa vụ. Tỷ lệ lao động thiếu việc làm ở nông thôn cao hơn ở thành thị là do tính mùa vụ của lao động nông nghiệp.

Chọn B

Câu 64.

Dạng địa hình ở ven biển thuận lợi nhất cho nuôi trồng thủy hải sản các tam giác châu với bãi triều rộng thuận lợi nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước mặn.

Chọn A

Câu 65.

Vấn đề quan trọng nhất trong việc sử dụng tài nguyên nước hiện nay ở nước ta là: thiếu nước trong mùa khô và ô nhiễm môi trường nước. (SGK Địa lý 12 CB trang 61).

Chọn C

Câu 66.

Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 13, khu vực đồi núi Tây Bắc theo lát cắt địa hình từ C đến DC - D) có đặc điểm địa hình là: cao ở tây bắc (dãy Hoàng Liên Sơn) thấp dần về đông nam (sông Chu), có nhiều đỉnh núi cao, các cao nguyên xen các thung lũng sông.

Chọn C

Câu 67.

Sự phân hóa thiên nhiên theo Đông - Tây ở vùng đồi núi là do tác động của gió mùa với hướng các dãy núi.

Ví dụ: Vùng núi phía Bắc do bức chắn địa hình của dãy Hoàng Liên Sơn nên gió mùa đông bắc giảm bớt ảnh hưởng lên vùng núi phía Tây Bắc=> làm cho vùng có mùa đông ẩm hơn Đông Bắc. Vùng núi Trường Sơn Bắc chắn gió Tây Nam gây nên hiệu ứng phơn khô nóng vào đầu mùa hạ cho thiên nhiên vùng đồng bằng ven biển phía đông...

Chọn C

Câu 68.

Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 15, xác định kí hiệu đô thị có quy mô dân số dưới 500 nghìn người (năm 2007).

=> Hạ Long, Cần Thơ, Đà Nẵng, Biên Hòa có quy mô từ 500 001 đến 1 000 000 người.

Chọn C

Câu 69.

Đông Bắc là vùng núi nằm ở phía đông thung lũng sông Hồng. (SGK Địa lý 12 CB trang 30).

Chọn B

Câu 70.

Tỉ lệ gia tăng dân số nước ta giảm nhưng số người tăng hàng năm vẫn lớn do qui mô dân số nước ta lớn.

Chọn A

Câu 71.

Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 8, xác định kí hiệu mỏ vàng, tìm vị trí mỏ vàng Bồng Miêu => thuộc tỉnh Quảng Nam.

Chọn C

Câu 72.

Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 16, phần lớn dân cư thuộc nhóm ngữ hệ Nam Đảo (Gia-rai, E-đê,...) tập trung ở vùng Tây Nguyên.

Chọn B

Câu 73.

Rừng tự nhiên của nước ta được chia làm 3 loại là: rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. (SGK Địa lý 12 CB trang 104).

Chọn C

Câu 74.

Đặc điểm địa hình nhiều đồi núi thấp của nước ta đã làm cho tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của tự nhiên được bảo toàn.

Chọn A

Câu 75.

Chế độ nước chảy sông ngòi của nước ta phụ thuộc chủ yếu vào chế độ mưa. Mưa theo mùa, sông ngòi thủy chế thay đổi theo mùa: mùa lũ trùng mùa mưa và mùa cạn trùng mùa khô.

Chọn D

Câu 76.

Đề phòng chống khô hạn ở nước ta, biện pháp quan trọng nhất là xây dựng các công trình thủy lợi. (SGK Địa lý 12 CB trang 64).

Chọn A

Câu 77.

Để thể hiện số dân và tốc độ tăng dân số (2 đối tượng có đơn vị khác nhau) của nước ta trong giai đoạn 2005 – 2014 (4 mốc thời gian). Biểu đồ kết hợp là thích hợp nhất

Chọn D

Câu 78.

Cảnh quan rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đồi núi thấp là kiểu cảnh quan chiếm ưu thế của nước ta vì địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi, đồi núi thấp chiếm 85% diện tích lãnh thổ.

Chọn D

Câu 79.

Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 9, xác định kí hiệu gió Tây khô nóng. Khu vực Bắc Trung Bộ chịu ảnh hưởng của gió Tây khô nóng rõ nét nhất nước ta .

Chọn B

Câu 80.

Lãnh thổ nước ta nhận được lượng bức xạ Mặt trời lớn là do nằm trong vùng nội chí tuyến, 1 năm có 2 lần Mặt Trời nên thiên đỉnh, Mặt Trời luôn ở trên đường chân trời.

Chọn C

THPT TRẦN HƯNG ĐẠO

Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI.

Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Mã đề thi: 056

Câu 1: Vùng núi nổi tiếng nhất của Mỹ La tinh là

- A. Cooc-di-e. B. An-tai. C. An-đet D. An-po.

Câu 2: Mỹ la tinh có điều kiện thuận lợi để phát triển

- A. cây lương thực, cây ăn quả nhiệt đới, chăn nuôi gia súc nhỏ.
B. cây lương thực, cây công nghiệp nhiệt đới, chăn nuôi gia súc nhỏ.
C. cây công nghiệp, cây ăn quả nhiệt đới, chăn nuôi gia súc
D. cây công nghiệp, cây lương thực, chăn nuôi gia đại gia súc ra

Câu 3: Tài nguyên khoáng sản nổi bật ở Mỹ la tinh là

- A. kim loại màu, sắt, kim loại hiếm, photphat.
B. kim loại đen, kim loại quý và nhiên liệu.
C. kim loại đen, kim loại màu, dầu mỏ.
D. kim loại đen, kim loại mỳ, kim loại hiếm.

Câu 4: Khu vực nào có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất thế giới?

- A. Bắc Mỹ. B. Đông Âu. C. Tây Âu. D. Tây Nam Á.

Câu 5: Tự nhiên nước ta phân hóa đa dạng thành các vùng khác nhau giữa miền Bắc và miền Nam, giữa miền núi và đồng bằng, ven biển, hải đảo là do:

- A. Tiếp giáp với vùng biển rộng lớn và địa hình phân bậc rõ nét.
B. Lãnh thổ kéo dài theo chiều kinh tuyến. Tiếp giáp với vùng biển rộng lớn và địa hình phân bậc rõ nét.
C. Vị trí nằm trong vùng nhiệt đới ở nửa cầu Bắc
D. Lãnh thổ kéo dài theo chiều kinh tuyến.

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Tổng sản phẩm trong nước phân theo khu vực kinh tế của nước ta thời kì 1990 – 2009

(Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	Nông - lâm - ngư nghiệp	Công nghiệp - xây dựng	Dịch vụ
1990	42 003	33 221	56 704
1997	55 895	75 474	99 895
2005	76 905	157 808	158 276
2009	88 168	214 799	213 601

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) phân theo khu vực kinh tế của nước ta thời kì 1990 - 2009 là:

- A. Biểu đồ miền B. Biểu đồ hình tròn C. Biểu đồ đường D. Biểu đồ hình cột

Câu 7: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết cửa khẩu nào sau đây nằm trên đường biên giới Việt - Trung?

- A. Móng Cái B. Cầu Treo. C. Mộc Bài. D. Vĩnh Xương

Câu 8: Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới vào năm:

- A. 2007. B. 2010. C. 2009. D. 2008.

Câu 9: Nước nào ở Trung Á ít chịu ảnh hưởng của đạo hồi?

- A. Curoguxtan. B. Cadăcxtan. C. Udzbekistan. D. Mông Cổ.

Câu 10: Trong các khái niệm sau, chọn khái niệm chính xác nhất về nhóm nước Công nghiệp mới (NICs)

- A. Là các nước phát triển đã hoàn thành xong quá trình công nghiệp hóa và đạt được trình độ phát

triển nhất định về công nghiệp.

B. Là các nước phát triển đã hoàn thành xong quá trình công nghiệp hóa và phát triển rất mạnh về công nghiệp.

C. Là các nước đang phát triển đã hoàn thành xong quá trình công nghiệp hóa và đạt được trình độ phát triển nhất định về công nghiệp.

D. Là các nước đang phát triển chưa hoàn thành quá trình công nghiệp hóa nhưng đã đạt được những thành tựu nhất định về công nghiệp.

Câu 11: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7, hãy cho biết vịnh Xuân Đài thuộc tỉnh (thành phố) nào của nước ta?

A. Thanh Hóa

B. Phú Yên

C. Bình Định.

D. Quảng Ngãi

Câu 12: Nguồn sinh vật trên thế giới đang bị suy giảm nghiêm trọng là do:

A. con người khai thác thiên nhiên quá mức

B. chặt phá rừng bừa bãi

C. sử dụng các chất nổ trong đánh bắt

D. cạn kiệt nguồn thức ăn

Câu 13: Nhận xét đúng nhất về một số đặc điểm kinh tế - xã hội của nhóm nước phát triển.

A. Giá trị đầu tư ra nước ngoài lớn, tuổi thọ trung bình thấp, chỉ số HDI ở mức cao.

B. Giá trị đầu tư ra nước ngoài lớn tuổi thọ trung bình cao, chỉ số HDI ở mức cao.

C. Giá trị đầu tư ra nước ngoài nhỏ, tuổi thọ trung bình cao, chỉ số HDI ở mức cao.

D. Giá trị đầu tư ra nước ngoài lớn, tuổi thọ trung bình cao, chỉ số HDI ở mức thấp

Câu 14: Tổ chức tài chính có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế toàn cầu là

A. WB và ADB

B. ADB và IBRD

C. WB và IMF

D. IMF và ADB

Câu 15: Điểm cực Bắc, Nam, Đông, Tây phần đất liền nước ta thuộc các tỉnh:

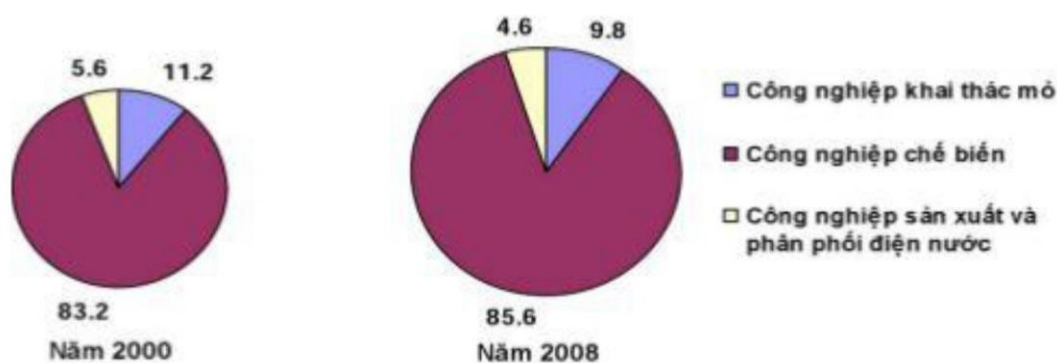
A. Hà Giang, Cà Mau, Lai Châu, Khánh Hòa

B. Hà Giang, Cà Mau, Khánh Hòa, Điện Biên.

C. Cao Bằng, Kiên Giang, Lai Châu, Khánh Hòa

D. Hà Giang, Cà Mau, Điện Biên, Ninh Thuận.

Câu 16: Biểu đồ thể hiện cơ cấu giá trị sản lượng công nghiệp phân theo ngành ở nước ta trong năm 2000 và 2008 (Đơn vị: %)



Nhận xét nào sau đây chính xác:

A. Tỷ trọng của các ngành công nghiệp đều có xu hướng tăng

B. Tỷ trọng ngành công nghiệp khai thác mỏ, công nghiệp sản xuất và phân phối điện nước có xu hướng giảm tỷ trọng; tỷ trọng công nghiệp chế biến có xu hướng tăng.

C. Tỷ trọng ngành công nghiệp khai thác mỏ, công nghiệp sản xuất và phân phối điện nước có xu hướng tăng tỷ trọng, tỷ trọng công nghiệp chế biến có xu hướng giảm.

D. Tỷ trọng ngành công nghiệp khai thác mỏ có xu hướng giảm tỷ trọng, tỷ trọng công nghiệp chế biến, công nghiệp sản xuất và phân phối điện nước có xu hướng tăng.

Câu 17: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4- 5, hãy cho biết huyện đảo Cô Tô thuộc tỉnh (thành phố) nào của nước ta?

A. Đà Nẵng.

B. Hải Phòng.

C. Thanh Hóa

D. Quảng Ninh.

Câu 18: Trên đất liền, điểm cực Bắc của nước ta ở vĩ độ:

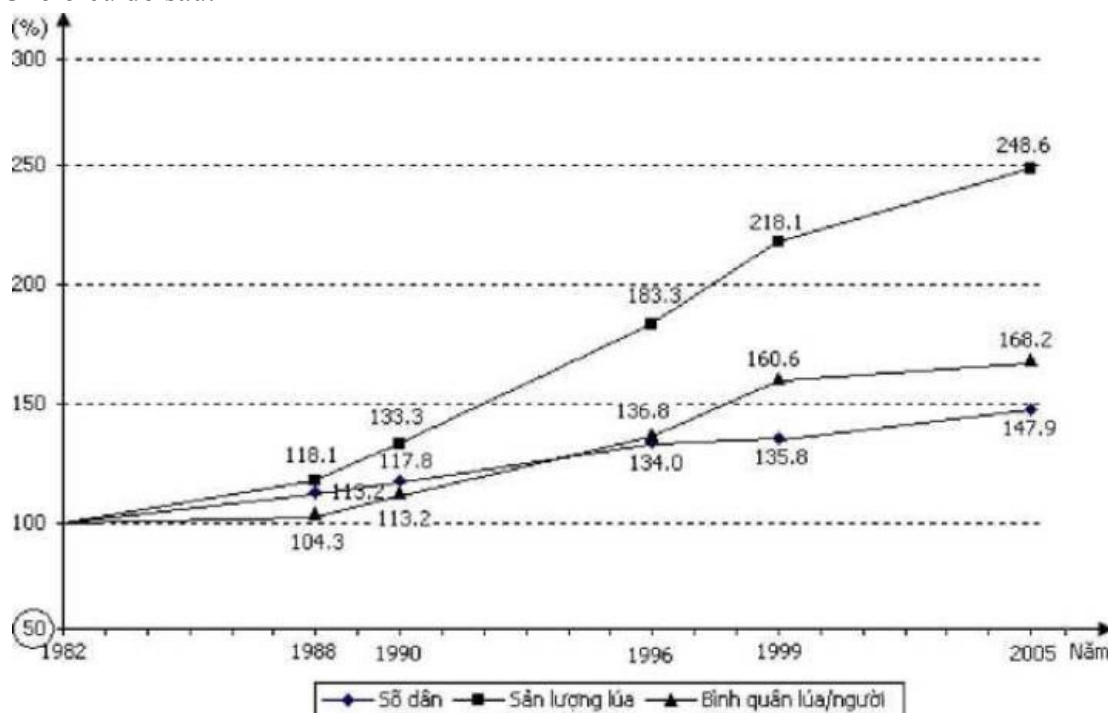
A. $23^{\circ}24'B$.

B. $23^{\circ}26'B$

C. $23^{\circ}25'B$.

D. $23^{\circ}23'B$.

Câu 19: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào dưới đây?

A. Biểu đồ thể hiện giá trị sản lượng lúa, số dân và bình quân lương thực theo đầu người của nước ta giai đoạn 1982 - 2005

B. Biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng của số dân, sản lượng lúa và bình quân theo đầu người nước ta giai đoạn 1982 – 2005.

C. Biểu đồ thể hiện cơ cấu số dân, sản lượng và bình quân lúa theo đầu người của nước ta giai đoạn 1982 - 2005

D. Biểu đồ thể hiện tình hình sản xuất lúa của nước ta giai đoạn 1982 – 2005

Câu 23: Đặc điểm nào là của các nước đang phát triển?

A. GDP bình quân đầu người cao, chỉ số HDI ở mức thấp, nợ nước ngoài nhiều.

B. năng suất lao động xã hội cao, chỉ số HDI ở mức thấp, nợ nước ngoài nhiều.

C. GDP bình quân đầu người thấp, chỉ số HDI ở mức thấp, nợ nước ngoài nhiều.

D. GDP bình quân đầu người thấp, chỉ số HDI ở mức cao, nợ nước ngoài nhiều.

Câu 24: Công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt được thành tựu to lớn về mặt xã hội là:

A. Lạm phát được đẩy lùi và kiềm chế ở mức một con số.

B. Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao.

C. Công cuộc xóa đói giảm nghèo đạt được nhiều thành tựu to lớn.

D. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Câu 25: Xu thế Đổi mới nền kinh tế - xã hội của nước ta không phải là:

A. Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa

B. Thực hiện chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo.

C. Tăng cường giao lưu và hợp tác với các nước trên thế giới.

D. Dân chủ hóa đời sống kinh tế - xã hội

Câu 26: Công cuộc đổi mới ở nước ta được manh nha từ năm:

A. 1981.

B. 1980.

C. 1979

D. 1982.

Câu 27: CƠ CẤU GDP PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1990- 2013

(Đơn vị: %)

Năm	1990	1995	1998	2005	2013
Nông- lâm - ngư nghiệp	38,7	27,2	25,8	21,0	18,4
Công nghiệp - xây dựng	22,7	28,8	32,5	41,0	38,3
Dịch vụ	38,6	44,0	41,7	38,0	43,3

Theo bảng trên, hãy cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về sự chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nước ta giai đoạn 1990 - 2013?

- A. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa
- B. Tỉ trọng ngành dịch vụ hiện nay chiếm cao nhất trong cơ cấu GDP của cả nước
- C. Tỉ trọng của công nghiệp và xây dựng tăng nhanh nhất trong cơ cấu GDP.
- D. Khu vực nông - lâm - ngư nghiệp vẫn chiếm tỉ trọng lớn nhất nhưng đang có xu hướng giảm

Câu 28: Việt Nam và Hoa Kỳ bình thường hóa quan hệ năm:

- A. 1997.
- B. 1996.
- C. 1998.
- D. 1995.

Câu 29: Sự biến động diện tích rừng ở nước ta giai đoạn 1943 – 2013

(Đơn vị: triệu ha)

Năm	Tổng diện tích rừng	Diện tích rừng tự nhiên	Diện tích rừng trồng
1943	14,3	14,3	0
1983	7,2	6,8	0,4
2005	12,7	10,2	2,5
2013	13,9	10,4	3,5

Để vẽ biểu đồ thể hiện sự biến động diện tích rừng ở nước ta giai đoạn 1943 – 2013, biểu đồ nào là thích hợp nhất.

- A. đường.
- B. cột ghép.
- C. cột chồng.
- D. kết hợp cột với đường.

Câu 30: Số dân thành thị và tỉ lệ dân cư thành thị ở nước ta giai đoạn 1995 - 2005

Năm	1995	2000	2003	2005
Số dân thành thị (triệu người)	14,9	18,8	20,9	22,3
Tỉ lệ dân cư thành thị (%)	20,8	24,2	25,8	26,9

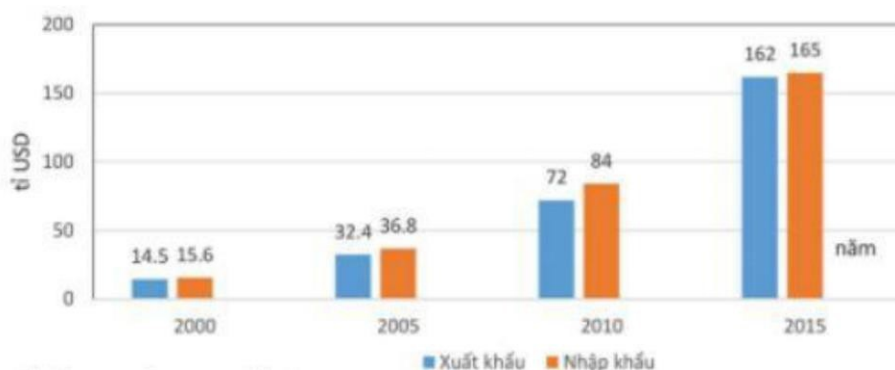
Để vẽ biểu đồ thể hiện số dân và tỉ lệ dân cư thành thị nước ta giai đoạn 1995-2005, biểu đồ thích hợp nhất là.

- A. biểu đồ kết hợp cột và đường.
- B. biểu đồ cột.
- C. biểu đồ miền.
- D. biểu đồ tròn.

Câu 31: Công cuộc hội nhập quốc tế và khu vực của nước ta đã đạt được thành tựu to lớn là:

- A. Tỉ lệ tăng trưởng GDP khá cao.
- B. Đã thu hút mạnh các nguồn vốn đầu tư nước ngoài (ODA, FDI).
- C. Tỉ trọng công nghiệp và xây dựng tăng nhanh nhất trong cơ cấu kinh tế.
- D. Tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội được đẩy lùi.

Câu 32: Cho biểu đồ:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa của nước ta qua các năm.
- B. Cơ cấu xuất, nhập khẩu hàng hóa của nước ta qua các năm.
- C. Quy mô và cơ cấu xuất, nhập khẩu hàng hóa của nước ta qua các năm.
- D. Tốc độ tăng trưởng xuất, nhập khẩu hàng hóa của nước ta qua các năm.

Câu 33: Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc, nên:

- A. Có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá.
- B. Khí hậu có hai mùa rõ rệt: mùa đông bớt nóng, khô và mùa hạ nóng, mưa nhiều.
- C. Có sự phân hóa tự nhiên theo lãnh thổ rõ rệt.
- D. Nền nhiệt độ cao, cán cân bức xạ quanh năm dương.

Câu 34: TỔNG GDP CỦA VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN 1985 – 2015 (Đơn vị: tỷ USD)

Năm	1985	1995	2000	2005	2010	2015
GDP	14,1	20,7	33,64	57,6	116	194

(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam, 2016)

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn 1985 - 2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ cột.
- B. Biểu đồ miền.
- C. Biểu đồ tròn.
- D. Biểu đồ đường

Câu 35: Nguyên nhân gây ra hiệu ứng nhà kính là do:

- A. khai thác quá mức các loại tài nguyên khoáng sản
- B. tăng lượng khí CO₂ trong khí quyển
- C. sử dụng nhiều thuốc trừ sâu trong nông nghiệp
- D. trình độ công nghệ trong sản xuất lạc hậu

Câu 36: Định hướng nào sau đây không phải là định hướng chính để đẩy mạnh công cuộc đổi mới?

- A. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển nền kinh tế tri thức
- B. Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế để tăng tiềm lực kinh tế quốc gia
- C. Thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục dân số- kế hoạch hóa gia đình.
- D. Có các giải pháp hữu hiệu bảo vệ tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững.

Câu 37: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, sắp xếp các bãi tắm nổi tiếng sau từ Bắc vào Nam.

- A. Trà Cổ, Đồ Sơn, Sầm Sơn, Thiên Cầm, Mỹ Khê.
- B. Trà Cổ, Cát Bà, Thiên Cầm, Cửa Lò, Vũng Tàu.
- C. Mũi Né, Lăng Cô, Dốc Lết, Vũng Tàu, Phú Quốc
- D. Bãi Cháy, Sầm Sơn, Đồ Sơn, Nha Trang, Mỹ Khê.

Câu 38: Liên kết khu vực được đánh giá là thành công nhất trong lịch sử là

- A. EU
- B. ASEAN
- C. NAFTA
- D. AU

Câu 39: Ý nghĩa văn hóa - xã hội của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam là tạo điều kiện:

- A. Mở lối ra biển thuận lợi cho Lào, Đông Bắc Campuchia và Tây Nam Trung Quốc
- B. Cho giao lưu với các nước xung quanh bằng đường bộ, đường biển, đường hàng không.
- C. Để nước ta thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
- D. Cho nước ta chung sống hòa bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển với các nước Đông Nam Á.

Câu 40: Hậu quả lớn nhất của toàn cầu hoá kinh tế là

- A. Gia tăng khoảng cách giàu nghèo.
- B. Tác động xấu đến môi trường xã hội.
- C. Làm ô nhiễm môi trường tự nhiên.
- D. Làm tăng cường các hoạt động tội phạm.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

1-C	2-C	3-B	4-D	5-B	6-A	7-A	8-A	9-D	10-C
11-B	12-A	13-B	14-C	15-B	16-B	17-D	18-D	19-B	20-B
21-A	22-C	23-C	24-C	25-B	26-C	27-D	28-D	29-C	30-A
31-B	32-A	33-D	34-D	35-B	36-C	37-A	38-A	39-D	40-A

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**Câu 1.**

Vùng núi nổi tiếng nhất của Mỹ La tinh là dãy núi An-đet. Dãy An-đet nằm dọc ven biển phía Tây của khu vực Mỹ la tinh (SGK/24, địa lí 11 cơ bản).

Chọn C

Câu 2.

Mĩ La tinh có điều kiện thuận lợi để phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả nhiệt đới, chăn nuôi gia súc (SGK/25, địa lí 11 cơ bản).

Chọn C

Câu 3.

Tài nguyên khoáng sản nổi bật ở Mỹ La tinh là kim loại đen, kim loại quý và nhiên liệu (SGK/25, địa lí 11 cơ bản).

Chọn B

Câu 4.

Tây Nam Á là khu vực có trữ lượng dầu mỏ, khí đốt lớn nhất thế giới. Một số nước có sản lượng dầu mỏ đứng đầu thế giới như Ả-rập Xê-út, Iran, I-ran,...

Chọn D

Câu 5.

Do lãnh thổ nước ta kéo dài theo chiều kinh tuyến nên tự nhiên nước ta có sự phân hóa khác nhau giữa miền Bắc và miền Nam, đường bờ biển dài, tiếp giáp biển đông rộng lớn kết hợp với sự phân bậc rõ nét của địa hình: gồm miền núi cao, đồi trung du, đồng bằng, thềm lục địa, kết hợp hướng các dãy núi => tạo nên sự phân hóa đa dạng giữa miền núi và đồng bằng, ven biển, hải đảo.

Chọn B

Câu 6.

- Dựa vào bảng số liệu: có 3 đối tượng, 4 mốc năm quê

- Yêu cầu đề bài, thể hiện sự thay đổi cơ cấu tổng sản phẩm trong nước

Biểu đồ miền là biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) phân theo khu vực kinh tế của nước ta thời kì 1990 – 2009.

Chọn A

Câu 7.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, ta thấy cửa khẩu Móng Cái (Quảng Ninh) nằm trên đường biên giới Việt - Trung. Còn cửa khẩu Cầu Treo (Hà Tĩnh) nằm trên đường biên giới Việt – Lào, cửa khẩu Mộc Bài và Vĩnh Xương nằm trên đường biên giới Việt - Cam.

Chọn A

Câu 8.

Vào năm 2007 Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (SGK/9, địa lí 12 cơ bản).

Chọn A

Câu 9.

Ở Trung Á quốc gia ít chịu ảnh hưởng của đạo hồi nhất là Mông Cổ.

Chọn D

Câu 10.

Nhóm nước Công nghiệp mới (NICs) là các nước đang phát triển đã hoàn thành xong quá trình công nghiệp hóa và đạt được trình độ phát triển nhất định về công nghiệp (SGK/7, địa lí 11 cơ bản).

Câu 15.

Điểm cực Bắc, Nam, Đông, Tây phần đất liền nước ta thuộc các tỉnh Hà Giang, Cà Mau, Khánh Hòa, Điện Biên. (SGK/13, địa lí 12 cơ bản).

Chọn B

Câu 16.

Qua biểu đồ, rút ra những nhận xét sau:

- Tỉ trọng ngành công nghiệp khai thác mỏ giảm và giảm đi 1,4%. (từ 11,2% xuống 9,8%)
- Tỉ trọng ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện nước có xu hướng giảm và giảm 1%. (từ 5,6% xuống 4,6%)
- Tỉ trọng công nghiệp chế biến có xu hướng tăng lên và tăng thêm 2,4%. (từ 83,2% lên 85,6%) Như vậy, các ý A, C và D chưa chính xác. Ý B là đúng nhất.

=>Chọn B

Câu 17.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4- 5, ta thấy huyện đảo Cô Tô thuộc tỉnh Quảng Ninh của nước ta.

Chọn D

Câu 18.

Trên đất liền, điểm cực Bắc của nước ta ở vĩ độ 23°23'B thuộc xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang (SGK/13, địa lí 12 cơ bản).

Chọn D

Câu 19.

Biểu đồ đã cho là biểu đồ đường, thể hiện 3 đối tượng, lấy năm 1982 = 100%

Nội dung biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng của số dân, sản lượng lúa và bình quân theo đầu người nước ta giai đoạn 1982 – 2005.

Chọn B

Câu 20.

Khí hậu châu Phi có đặc điểm chủ yếu là khô và nóng. Châu Phi được mệnh danh là lục địa nóng (SGK/20, địa lí 11 cơ bản).

Chọn B

Câu 21.

Việc khai thác khoáng sản nhằm mang lại lợi nhuận cao cho nhiều công ty tư bản nước ngoài đã làm cho nguồn tài nguyên này bị cạn kiệt và môi trường bị tàn phá (SGK/20, địa lí 11 cơ bản).

Chọn A

Câu 22.

Khoáng sản và rừng là những tài nguyên đang bị khai thác mạnh. Rừng bị khai phá quá mức để lấy gỗ, chất đốt và mở rộng diện tích canh tác làm cho đất đai của nhiều khu vực bị hoang hóa, nhất là ven các hoang mạc, bán hoang mạc. Việc khai thác khoáng sản nhằm mang lại lợi nhuận cao cho nhiều công ty tư

bản nước ngoài đã làm cho nguồn tài nguyên này bị cạn kiệt và môi trường bị tàn phá.

Chọn C

Câu 23.

Đặc điểm kinh tế - xã hội của các nước đang phát triển là GDP bình quân đầu người thấp, chỉ số HDI ở mức thấp, nợ nước ngoài nhiều (SGK/7, địa lí 11 cơ bản).

Chọn C

Câu 24.

Công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt được thành tựu to lớn về mặt xã hội là công cuộc xóa đói giảm nghèo đạt được nhiều thành tựu to lớn. Các ý A, B và D là thành tựu về mặt kinh tế.

Chọn C

Câu 25.

Đường lối Đổi mới được khẳng định từ Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI (năm 1986), đưa nền kinh tế-xã hội của nước ta phát triển theo ba xu thế:

- Dân chủ hóa đời sống-xã hội => loại D
- Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo hướng định hướng xã hội chủ nghĩa => loại A
- Tăng cường giao lưu và hợp tác với các nước trên thế giới => loại C

Như vậy, ý B không chính xác.

Chọn B

Câu 26.

Công cuộc đổi mới ở nước ta được mạnh mẽ từ năm 1979 (SGK/7, địa lí 12 cơ bản). => Chọn C

Câu 27.

Tuy Sự chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nước ta giai đoạn 1990 – 2013 như sau:

- Tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư có xu hướng giảm mạnh (giảm 20,3%), ngành công nghiệp - xây dựng tăng nhanh nhất (tăng thêm 15,6%), ngành dịch vụ tăng (4,7%). Như vậy, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế đang theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa => Ý A và C đúng
- Tỷ trọng ngành dịch vụ cao nhất (43,3%), tiếp đến là ngành công nghiệp - xây dựng (38,3%) và ngành nông - lâm - ngư nghiệp chiếm tỷ trọng thấp nhất (18,4%) Ý B đúng.
- Nhận xét D: khu vực nông - lâm - ngư nghiệp chiếm tỷ trọng lớn nhất là không đúng.

Chọn D

Câu 28.

Vào năm 1995 Việt Nam và Hoa Kỳ bình thường hóa quan hệ (SGK/9, địa lí 12 cơ bản).

Chọn D

Câu 29.

- Căn cứ vào bảng số liệu: đơn vị tuyệt đối (triệu ha), có 4 mốc năm
- Đề bài yêu cầu thể hiện: sự biến động diện tích

Biểu đồ cột (cụ thể là cột chồng) là biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện sự biến động diện tích rừng nước ta giai đoạn 1943 – 2013.

Chọn C

Câu 30.

- Căn cứ vào bảng số liệu: có 2 đơn vị: triệu người và %
- Yêu cầu: thể hiện giá trị tuyệt đối (số dân, tỉ lệ)

Biểu đồ kết hợp (cụ thể là cột thể hiện dân số thành thị và đường thể hiện tỉ lệ dân cư thành thị) là biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện số dân và tỉ lệ dân cư thành thị nước ta giai đoạn 1995-2005.

Chọn A

Câu 31.

Công cuộc hội nhập quốc tế và khu vực của nước ta đã đạt được thành tựu to lớn là thu hút mạnh các nguồn vốn đầu tư nước ngoài (ODA, FDI)-(SGK/10, địa lí 12 cơ bản).

Chọn B**Câu 32.**

Qua biểu đồ kết hợp bảng chú giải: biểu đồ cột, thể hiện giá trị xuất khẩu và nhập khẩu (đơn vị: tỉ USD)
 Nội dung biểu đồ thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa của nước từ năm 2000 đến năm 2015.

Chọn A**Câu 33.**

Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc, nên nước ta luôn có nền nhiệt độ cao, cán cân bức xạ quanh năm dương (SGK/16, địa lí 12 cơ bản).

Chọn D**Câu 34.**

Căn cứ vào bảng số liệu và yêu cầu của biểu đồ: bảng số liệu có tới 7 năm, đơn vị: %
 => Biểu đồ đường là biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn 1985 – 2015.

Chọn D**Câu 35.**

Lượng CO₂ tăng đáng kể trong khí quyển gây ra hiệu ứng nhà kính, làm cho nhiệt độ Trái đất tăng lên (SGK/14, địa lí 11 cơ bản).

Chọn B**Câu 36.**

Theo SGK/11 Địa lí 12 CB, một số định hướng để đẩy mạnh công cuộc đổi mới là:
 - Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển nền kinh tế tri thức => loại A
 - Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc dân để tăng tiềm lực kinh tế quốc dân => loại B
 - Có các giải pháp hữu hiệu bảo vệ tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững => loại D
 => loại đáp án A, B, D Như vậy, thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục dân số- kế hoạch hóa gia đình không phải định hướng chính để đẩy mạnh công cuộc đổi mới.

Chọn C**Câu 37.**

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, các bãi tắm nổi tiếng lần lượt từ Bắc vào Nam là Trà Cổ (Quảng Ninh), Đồ Sơn (Hải Phòng), Sầm Sơn (Thanh Hóa), Thiên Cầm (Hà Tĩnh), Mỹ Khê (Đà Nẵng).

Chọn A**Câu 38.**

Liên minh châu Âu - EU là liên kết khu vực được đánh giá là thành công nhất trong lịch sử (tổ chức thương mại hàng đầu thế giới, thiết lập được khối thị trường chung, có vai trò lớn đối với nền kinh tế thế giới...).

Chọn A**Câu 39.**

Ý nghĩa văn hóa - xã hội của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam vị trí liền kề với nhiều nét văn hóa tương đồng về lịch sử, văn hóa – xã hội và mối giao lưu lâu đời
 => tạo điều kiện cho nước ta chung sống hòa bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển với các nước Đông Nam Á (SGK/17, địa lí 12 cơ bản).

Chọn D**Câu 40.**

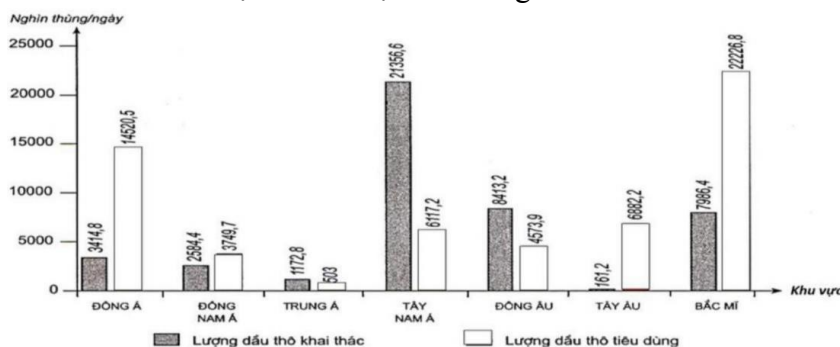
Hậu quả lớn nhất của toàn cầu hoá kinh tế là gia tăng khoảng cách giàu nghèo (SGK/11, địa lí 11 cơ bản).

Chọn A

SỞ GD&ĐT VĨNH PHÚC
TRƯỜNG THPT LIÊN SƠN

ĐỀ THI KIỂM TRA CHUYÊN ĐỀ LẦN 3
MÔN: ĐỊA LÍ– LỚP 12 NĂM HỌC 2018 – 2019
(Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian giao đề)

- Câu 1:** Biện pháp có hiệu quả để cải tạo đất hoang, đồi núi trọc hiện nay là nhà
- A. phát triển mạnh thủy lợi. B. phát triển mô hình nông - lâm kết hợp.
C. thực hiện các kĩ thuật canh tác D. xóa đói giảm nghèo cho người dân.
- Câu 2:** Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc (từ dãy Bạch Mã trở ra) là
- A. đới rừng cận xích đạo gió mùa B. đới rừng nhiệt đới gió mùa
C. đới rừng xích đạo. D. đới rừng lá kim
- Câu 3:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết apatit có ở nơi nào sau đây?
- A. Sinh Quyền. B. Cam Đường. C. Văn Bàn. D. Quỳnh Nhai.
- Câu 4:** Nước ta có lượng mưa lớn, trung bình 1500 – 2000 mm/ năm, nguyên nhân chính là do
- A. địa hình cao đón gió gây mưa lớn.
B. nhiệt độ cao nên lượng bốc hơi lớn.
C. các khối không khí qua biển mang ẩm vào đất liền.
D. tín phong mang mưa tới.
- Câu 5:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết miền khí hậu phía Nam gồm những vùng khí hậu nào sau đây?
- A. Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ.
B. Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Tây Bắc Bộ.
C. Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Bắc Bộ.
D. Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ.
- Câu 6:** Cho biểu đồ về dầu thô ở một số khu vực của thế giới năm 2003



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô và cơ cấu sản lượng dầu thô khai thác và tiêu dùng ở một số khu vực của thế giới.
B. Tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu thô khai thác và tiêu dùng ở một số khu vực của thế giới.
C. Sự chuyển dịch cơ cấu sản lượng dầu thô khai thác và tiêu dùng ở một số khu vực của thế giới
D. Sản lượng dầu thô khai thác và lượng dầu thô tiêu dùng ở một số khu vực của thế giới

Câu 7: Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên là

- A. hiệu số giữa tỉ suất sinh và tỉ suất tử. B. tổng số giữa tỉ suất sinh và tỉ suất tử.
C. hiệu số giữa người xuất cư, nhập cư. D. tổng số giữa người xuất cư, nhập cư.

Câu 8: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết đỉnh lũ trên sông Hồng vào tháng nào sau đây?

- A. VIII. B. VII. C. IX. D. X

Câu 9: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết hệ thống sông nào sau đây có tỉ lệ diện tích lưu vực nhỏ nhất trong các hệ thống sông?

- A. Sông Thái Bình. B. Sông Kỳ Cùng - Bằng Giang.
C. Sông Thu Bồn. D. Sông Ba

Câu 10: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Lào?

- A. Đắc Nông. B. Kon Tum. C. Đắc Lắc. D. Gia Lai.

Câu 11: Sự thay đổi có quy luật của tất cả các thành phần địa lý và cảnh quan địa lý từ Xích đạo đến cực là biểu hiện của quy luật

- A. địa đới. B. địa ô. C. thống nhất D. đai cao.

Câu 12: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 13, cho biết sông Cả đổ ra biển qua cửa nào sau đây?

- A. Cửa Hội. B. Cửa Tùng. C. Cửa Gianh. D. Cửa Việt.

Câu 13: Quá trình feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng của vùng có khí hậu

- A. ôn hòa B. khô, lạnh. C. nóng, ẩm. D. khô, nóng.

Câu 14: Mạng lưới sông ngòi nước ta dày đặc là do

- A. lượng mưa lớn, có các đồng bằng rộng.
B. đồi núi dốc, lớp phủ thực vật bị phá hủy.
C. địa hình nhiều đồi núi, lượng mưa lớn.
D. có các đồng bằng rộng, đồi núi dốc

Câu 15: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA, NĂM 2005 VÀ NĂM 2016 (Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	Tổng số	Lúa mùa đông	Lúa hè thu	Lúa mùa
2005	35832,9	17331,6	10436,2	8065,1
2016	43609,5	19404,4	150101,1	9195,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô và cơ cấu sản lượng lúa phân theo mùa vụ năm 2005 và năm 2016, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Tròn. C. Cột. D. Kết hợp.

Câu 16: Cho bảng số liệu:

XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2010	2012	2014	2015
Xuất khẩu	183,5	225,7	210,5	181,8
Nhập khẩu	169,2	229,4	217,5	179,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về cán cân xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của In-đô-nê-xi a, giai đoạn 2010 - 2015?

- A. Giá trị nhập siêu năm 2012 lớn hơn năm 2014.
B. Từ năm 2010 đến năm 2015 đều nhập siêu.
C. Giá trị xuất siêu năm 2010 lớn hơn năm 2015.
D. Từ năm 2010 đến năm 2015 đều xuất siêu.

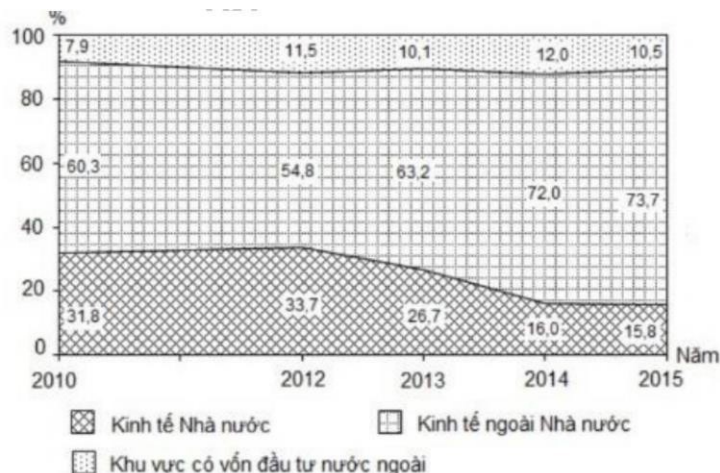
Câu 17: Các nước công nghiệp mới (NICs) tập trung chủ yếu ở

- A. châu Âu và Tây Nam Á. B. châu Phi và Bắc Mỹ.
C. châu Đại Dương và Nam Á D. châu Á và Mỹ La tinh.

Câu 18: Do nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á nên nước ta có

- A. khí hậu tạo thành hai mùa rõ rệt. B. nền nhiệt độ cả nước cao.
C. hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh. D. tổng bức xạ trong năm lớn.

Câu 19: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DOANH THU DỊCH VỤ LỮ HÀNH PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu doanh thu dịch vụ lữ hành phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2010 - 2015?

- A. Kinh tế Nhà nước giảm, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm
- B. Kinh tế Nhà nước giảm, kinh tế ngoài Nhà nước tăng.
- C. Kinh tế ngoài Nhà nước tăng, kinh tế Nhà nước tăng.
- D. Kinh tế ngoài Nhà nước tăng, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm.

Câu 20: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Tây Trang thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Cao Bằng
- B. Lai Châu.
- C. Điện Biên, sinh
- D. Lạng Sơn.

Câu 21: Loại đất có diện tích lớn nhất ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đất phèn.
- B. đất xám trên phù sa cổ.
- C. đất mặn.
- D. đất phù sa ngọt.

Câu 24: Vùng núi Đông Bắc có mùa đông lạnh nhất ở nước ta, nguyên nhân là do

- A. có độ cao lớn nhất.
- B. chịu tác động mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc
- C. nằm xa biển nhất .
- D. nằm xa xích đạo nhất trong cả nước

Câu 25: Vùng biển được xem như bộ phận lãnh thổ trên đất liền là

- A. tiếp giáp lãnh hải.
- B. lãnh hải.
- C. đặc quyền kinh tế.
- D. nội thủy.

Câu 26: Phần lớn diện tích Đông Nam Á lục địa có khí hậu

- A. xích đạo.
- B. cận nhiệt đới.
- C. ôn đới.
- D. nhiệt đới gió mùa

Câu 27: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, hãy cho biết đất feralit trên đá vôi tập trung nhiều nhất ở nơi nào sau đây?

- A. Bắc Trung Bộ.
- B. Tây nguyên
- C. Đông Bắc
- D. Tây Bắc

Câu 28: Phát biểu nào sau đây không đúng với Đông Nam Á lục địa?

- A. Địa hình bị chia cắt mạnh.
- B. Nhiều quần đảo, đảo và núi lửa
- C. Có một số sông lớn, nhiều nước
- D. Có các đồng bằng phù sa

Câu 29: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về chế độ nhiệt của Hà Nội so với Cần Thơ?

- A. Nhiệt độ trung bình tháng I thấp hơn.
- B. Biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ hơn.
- C. Nhiệt độ trung bình tháng VII thấp hơn.

D. Nhiệt độ trung bình năm cao hơn.

Câu 30: Do mưa nhiều, độ dốc lớn, nên miền núi là nơi dễ xảy ra

- A. lở. B. mưa đá. C. lũ quét. D. sương muối

Câu 31: Nhân tố làm phá vỡ nền tảng nhiệt đới của khí hậu nước ta và làm giảm sút nhiệt độ mạnh mẽ, nhất là trong mùa đông là do

- A. địa hình nhiều đồi núi và gió mùa B. địa hình nhiều đồi núi.
C. gió mùa mùa đông. D. ảnh hưởng của biển.

Câu 32: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết dãy núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Pu Sam Sao. B. Tam Điệp. C. Hoàng Liên Sơn. D. Con Voi.

Câu 33: Hiện tượng cát bay, cát chảy lấn chiếm ruộng vườn, làng mạc thường hay xảy ra ở vùng ven biển

- A. Đông Nam Bộ. B. Bắc Bộ.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. miền Trung.

Câu 34: Nguyên nhân sâu xa gây nên tình trạng mất ổn định ở khu vực Tây Nam Á là

- A. tồn tại nhiều tôn giáo và tỉ lệ người dân theo đạo Hồi cao.
B. sự can thiệp của các thế lực bên ngoài.
C. sự phân hóa giàu nghèo rõ rệt trong dân cư và sự xung đột sắc tộc
D. vị trí địa - chính trị quan trọng và nguồn dầu mỏ phong phú.

Câu 35: Loại gió nào sau đây gây mưa lớn cho Nam Bộ nước ta vào giữa và cuối mùa hạ?

- A. Gió mùa Đông Bắc B. Gió mùa Tây Nam.
C. Gió phơn Tây Nam. D. Tín phong bán cầu Bắc

Câu 36: Nơi có sự đối lập nhau rõ rệt về hai mùa mưa và khô là

- A. Nam Bộ và Tây Nguyên. B. miền Nam và miền Trung.
C. miền Bắc và miền Nam. D. duyên hải miền Trung và Tây Nguyên.

Câu 37: Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất **không** phải là nguyên nhân chính gây nên hiện tượng

- A. giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày.
B. khác nhau giữa các mùa trong một năm.
C. sự luân phiên ngày đêm trên Trái Đất.
D. lệch hướng chuyển động của các vật thể.

Câu 38: Mùa mưa ở miền Nam dài hơn miền Bắc là do

- A. miền Nam có vị trí gần xích đạo hơn.
B. hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới chậm dần từ bắc vào nam.
C. hoạt động kéo dài của gió mùa Tây Nam ở phía Nam.
D. miền Nam có hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh gần nhau hơn.

Câu 39: Biện pháp nào sau đây được sử dụng trong bảo vệ đất ở đồng bằng nước ta?

- A. Chống nhiễm mặn. B. Trồng cây theo băng.
C. Đào hồ vẫy cá. D. Làm ruộng bậc thang.

Câu 40: Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ không có đai ôn đới là do

- A. không có núi cao trên 2600m. B. vị trí nằm gần xích đạo.
C. nằm kề vùng biển ấm rất rộng, D. không có gió mùa Đông Bắc

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

1-B	2-B	3-B	4-C	5-A	6-D	7-A	8-A	9-C	10-B
11-A	12-A	13-C	14-C	15-B	16-C	17-D	18-A	19-B	20-C
21-A	22-C	23-C	24-B	25-D	26-D	27-D	28-B	29-A	30-C
31-A	32-D	33-D	34-D	35-B	36-D	37-B	38-C	39-A	40-A

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1. B

Biện pháp có hiệu quả để cải tạo đất hoang, đồi núi trọc hiện nay là phát triển mô hình nông – lâm kết hợp, nghĩa là vừa sản xuất nông nghiệp vừa bảo vệ rừng và trồng rừng.

Câu 2. B

Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc (từ dãy Bạch Mã trở ra) là đới rừng nhiệt đới gió

Câu 3. B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, xác định kí hiệu Apatit => Apatit phân bố ở Cam Đường (Lào Cai).

Câu 4. C

Nước ta có lượng mưa lớn, trung bình 1500 – 2000 mm/ năm, nguyên nhân chính là do các khối khí qua biển được tăng cường ẩm vào đất liền đem lại lượng mưa lớn.

Câu 5. A

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, xác định ranh giới miền khí hậu phía Nam (N) gồm những vùng khí hậu Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ

Câu 6. D

Dựa vào biểu đồ đã cho, và kĩ năng nhận diện biểu đồ, biểu đồ đã cho có đơn vị nghìn thùng ngày, thể hiện sản lượng dầu thô

=> Biểu đồ thể hiện: Sản lượng dầu thô khai thác và tiêu dùng ở một số khu vực của thế giới.

Câu 7. A

Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên là hiệu số giữa tỉ suất sinh và tỉ suất tử.

Câu 8. A

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10 (biểu đồ đường).

Xác định đường lưu lượng nước sông Hồng. Đỉnh lũ rơi vào tháng VIII(8).

Câu 9. C

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10(Biểu đồ tròn), xác định tỉ lệ diện tích lưu vực các hệ thống sông Sông Thu Bồn (3,12%). Sông Thái Bình (4,58%), sông Ba (4,19%), sông Kì Cùng, Bằng Giang (3,38%).

=> Hệ thống sông Thu Bồn có tỉ lệ diện tích lưu vực nhỏ nhất

Câu 10. B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, Kon Tum là tỉnh vừa giáp Lào, vừa giáp Campuchia. Các tỉnh còn lại chỉ giáp Cam Pu Chia.

Câu 11. A

Sự thay đổi có quy luật của tất cả các thành phần địa lý và cảnh quan địa lý từ Xích đạo đến cực là biểu hiện của quy luật địa đới.

Câu 12. A

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, xác định sông Cả, sông Cả đổ ra biển qua cửa Hội (Nghệ An)

Câu 13. C

Quá trình feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng của vùng có khí hậu nhiệt đới ẩm với tính chất nóng, ẩm. Trong điều kiện nhiệt ẩm cao, quá trình phong hóa diễn ra với cường độ mạnh, tạo nên một lớp đất dày. Mưa nhiều rửa trôi các chất bazơ dễ tan làm đất chua, đồng thời có sự tích tụ ô xít sắt và ô xít nhôm tạo ra màu đỏ vàng. (SGK/46 Địa 12)

Câu 14. C

Mạng lưới sông ngòi nước ta dày đặc là do địa hình nhiều đồi núi, bị cắt xẻ mạnh tạo thành nhiều khe rãnh kết hợp với lượng mưa lớn hình thành các dòng chảy sông ngòi.

Câu 15. B

Từ khóa: thể hiện quy mô và cơ cấu”, bảng số liệu có dạng cơ cấu, thể hiện 2 mốc năm.

=> Biểu đồ tròn thích hợp nhất để thể hiện quy mô và cơ cấu sản lượng lúa phân theo mùa vụ năm 2005 và 2016.

Câu 16. C

Cán cân XNK = Xuất khẩu - nhập khẩu

=> Áp dụng công thức tính được cán cân xuất nhập khẩu lần lượt qua các năm là:

Năm	2010	2012	2014	2015
Cán cân XNK	+ 14,3	- 3,7	- 7	+ 2,1

- Giá trị nhập siêu năm 2012 lớn hơn năm 2014 (năm 2014 nhập siêu nhiều hơn năm 2012)

=> A sai - Từ năm 2010 và 2015 xuất siêu, năm 2012 và 2014 nhập siêu

=> nhận xét B, D sai - Giá trị xuất siêu năm 2010 lớn hơn năm 2015 (+14,3 > +2,1) => C đúng.

Câu 17. D

Các nước công nghiệp mới (NICs) tập trung chủ yếu ở Châu Á (Hàn Quốc, Xin-ga-po), Mỹ La Tinh (Argentina, Braxin).

Câu 18. A

Do nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á nên nước ta có khí hậu phân thành 2 mùa rõ rệt.

Câu 19. B

Biểu đồ cho thấy: ven

- Khu vực kinh tế Nhà nước giảm từ 31,8% xuống 15,8%

- Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước tăng từ 60,3% lên 73,7%

- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng từ 7,9% lên 10,5%

=> Nhận xét A, C, D sai, nhận xét “B. Kinh tế Nhà nước giảm, kinh tế ngoài Nhà nước tăng” đúng

Câu 20.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, xác định kí hiệu “khu kinh tế cửa khẩu” => Khu kinh tế của cầu

Tây Trang thuộc tỉnh Điện Biên.

Câu 21. A

Loại đất có diện tích lớn nhất ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là đất phèn (41%).

Câu 22. C

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, VQG Cát Bà (Hải Phòng) nằm trên đảo Cát Bà.

Câu 23. C

Khí hậu miền Bắc có một mùa đông lạnh làm nền nhiệt độ hạ thấp (có 3 tháng dưới 18°C) khiến biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn (từ 10 – 12°C)

=> nhận xét biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ là không đúng

Câu 24. B

Vùng núi Đông Bắc là nơi đầu tiên và trực tiếp đón gió mùa Đông Bắc ở nước ta đem lại một mùa đông lạnh và kéo dài nhất cả nước.

Câu 25. D

Nội thủy được xem là một bộ phận lãnh thổ trên đất liền.(SGK/15 Địa lí 12)

Câu 26. D

Phần lớn diện tích Đông Nam Á lục địa có khí hậu nhiệt đới gió mùa.

Câu 27. D

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, đất feralit trên đá vôi (màu hồng) tập trung nhiều nhất ở Tây Bắc.

Câu 28. B

Đông Nam Á lục địa không có đặc điểm nhiều quần đảo và núi lửa (đây là đặc điểm của Đông Nam Á biển đảo)

Câu 38. C

Mùa mưa ở miền Nam dài hơn miền Bắc là do hoạt động kéo dài của gió mùa Tây Nam ở phía Nam vào giữa và cuối mùa hạ (SGK/42 Địa lí 12)

Câu 39. A

Việc chống nhiễm mặn có tác dụng bảo vệ đất ở đồng bằng, điển hình là các vùng đất nhiễm mặn ở đồng bằng sông Cửu Long. Trồng cây theo băng, đào hồ vẫy cá và làm ruộng bậc thang là biện pháp bảo vệ đất ở vùng đồi núi có địa hình dốc.

Câu 40. A

Đai ôn đới núi cao chỉ hình thành ở khu vực có độ cao trên 2600m trở lên. Miền NTB và Nam Bộ không có đai ôn đới là do không có núi cao trên 2600m.

SỞ GD&ĐT HẢI DƯƠNG

THPT TRẦN HỒNG QUANG

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA LẦN 2 NĂM 2019

Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI.

Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Mã đề thi: 039

Câu 1: Căn cứ Atlas địa lí Việt Nam trang 23 Đường quốc lộ số 5 đi qua những tỉnh là sau đây

- A. Hà Nội - Hải Dương - Hải Phòng - Quảng Ninh.
- B. Hà Nội - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh.
- C. Hà Nội - Hưng Yên - Hải Dương - Hải Phòng.
- D. Hà Nội - Hải Phòng - Hà Nam - Quảng Ninh.

Câu 2: Nhận định nào sau đây không đúng khi nói về khí hậu các vùng miền ở nước ta?

- A. Đồng bằng ven biển Trung Trung Bộ có lượng mưa cao nhất ở nước ta
- B. Miền Nam có hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô.
- C. Tây Nguyên mùa mưa và mùa khô có sự đối lập nhau.
- D. Miền Bắc có mùa đông lạnh, ít mưa, mùa hạ nóng ẩm mưa nhiều.

Câu 3: Nhận định nào dưới đây không phù hợp với ngành công nghiệp trọng điểm?

- A. Sử dụng tài nguyên thiên nhiên với quy mô lớn.
- B. Mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.
- C. Thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển.
- D. Có thể mạnh lâu dài về tự nhiên, kinh tế - xã hội.

Câu 4: Đặc điểm nào dưới đây **không** phải của nền nông nghiệp hàng hóa ở nước ta?

- A. Gắn bó chặt chẽ với công nghiệp chế biến và dịch vụ nông nghiệp.
- B. Sản xuất với quy mô lớn.
- C. Đẩy mạnh thâm canh, sử dụng nhiều máy móc

D. Sản xuất tự cấp tự túc

Câu 5: Nguyên nhân dẫn tới cây công nghiệp ở nước ta chủ yếu là cây công nghiệp nhiệt đới.

A. Khí hậu. B. Kinh nghiệm sản xuất.

C. Thị trường tiêu thụ sản phẩm. D. Đất trồng nhu

Câu 6: Tiềm năng lớn nhất để Nhật Bản phát triển mạnh ngành khai thác hải sản là:

A. có cơ sở vật chất, trình độ KHKT cao. B. công nghiệp chế biến phát triển mạnh.

C. có nhiều ngư trường rộng lớn. D. có nghề truyền thống đánh bắt lâu đời.

Câu 7: Vấn đề quan trọng nhất trong việc sử dụng tài nguyên nước hiện nay ở nước ta là:

A. lũ lụt trong mùa mưa và ô nhiễm nguồn nước sông.

B. ô nhiễm nguồn nước trên hệ thống sông, hồ, nước ngầm có nguy cơ cạn kiệt.

C. ngập lụt vào mùa mưa, thiếu nước vào mùa khô và ô nhiễm môi trường nước

D. lượng nước phân bố không đều giữa các mùa

Câu 8: Hệ sinh thái ngập mặn của nước ta tập trung nhiều nhất ở vùng ven biển

A. Nam Bộ. B. miền Trung. C. đồng bằng sông Hồng. D. Bắc Bộ.

Câu 9: Tổ chức chi phối mạnh nhất (95%) hoạt động thương mại thế giới là:

A. Liên Minh Châu Âu. B. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

C. Tổ chức thương mại thế giới. D. Hiệp ước tự do thương mại Bắc Mỹ.

Câu 10: Ý nghĩa của việc phân bố lại dân cư và lao động trên phạm vi cả nước là có

A. làm cho dân cư giữa các vùng lãnh thổ phân bố đều hơn.

B. nhằm thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa ở nước ta.

C. nhằm thực hiện tốt chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình.

D. nhằm sử dụng hợp lý nguồn lao động và khai thác tài nguyên.

Câu 11: Đồng bằng sông Hồng phải đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành là do nguyên nhân chính nào?

A. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa phát huy hết thế mạnh của vùng.

B. Góp phần giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường trong vùng.

C. Nhằm khai thác hợp lý các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội.

D. Nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Câu 12: Nhận định nào sau đây là một đặc điểm của vị trí địa lí nước ta?

A. Phần lớn lãnh thổ nước ta nằm ở vùng đồi núi.

B. Nằm ở rìa phía đông của bán đảo Đông Dương, gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.

C. Phía đông bắc Thái Bình Dương, khu vực kinh tế sôi động của thế giới.

D. Nằm trên bán đảo Trung An, khu vực cận nhiệt đới.

Câu 13: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 21. Trung tâm công nghiệp Quảng Ngãi thuộc vùng kinh tế

A. Đông Nam Bộ.

B. Duyên Hải Nam Trung Bộ.

C. Tây Nguyên.

D. Duyên Hải Miền Trung.

Câu 14: Căn cứ Atlas địa lí Việt Nam trang 24, Năm nào nước ta có giá trị nhập siêu cao nhất

A. 2000.

B. 2007.

C. 2002.

D. 2005.

Câu 15: Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 8, cho biết các mỏ dầu có ở nơi nào sau đây:

A. Vịnh Bắc Bộ.

B. Ven biển miền Trung.

C. Thềm lục địa phía Nam.

D. Vịnh Thái Lan.

Câu 16: Thảm thực vật rừng ở nước ta đa dạng về kiểu hệ sinh thái là do

A. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có sự phân hóa phức tạp với nhiều kiểu khí hậu và hội.

B. tài nguyên đất của nước ta rất phong phú, đa dạng.

C. vị trí nằm ở nơi giao thoa của các luồng di cư sinh vật.

D. địa hình đồi núi chiếm ưu thế, phân hóa phức tạp.

Câu 17: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 17, tỉnh nào sau đây không thuộc vùng kinh tế Tây Nguyên?

- A. Lâm Đồng. B. Gia Lai. C. Thái Nguyên. D. Đắk Nông.

Câu 18: Cơ sở để phát huy cây công nghiệp nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. Diện tích vùng đồi núi thấp lớn.
 B. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông lạnh, lại chịu ảnh hưởng sâu sắc điều kiện địa hình vùng núi.
 C. Đất Feralit chiếm diện tích lớn.
 D. Mạng lưới sông suối dày đặc cung cấp đủ nước tưới.

Câu 19: Đô thị hóa đã tác động mạnh nhất đến nền kinh tế nước ta là

- A. tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động B. làm tăng nhanh tỉ lệ dân thành thị.
 C. tăng thu nhập cho người dân. D. làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 20: Cho bảng số liệu sau:

SỐ DÂN VÀ SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CÓ HẠT CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG NĂM 1995-2005

Năm	1995	2005
Số dân (nghìn người)	16137	18028
Sản lượng lương thực có hạt (nghìn tấn)	5340	6518

(Nguồn: Sách giáo khoa địa lí 12 trang 154 - Xuất bản 2014)

Bình quân lương thực có hạt theo đầu người của Đồng bằng sông Hồng năm 2005 là:

- A. 330,9 kg/người. B. 375,0 kg/người. C. 361,5 kg/người. D. 365,5 kg/người.

Câu 21: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 4-5. Tỉnh nào sau đây giáp Cam Pu Chia

- A. Cần Thơ. B. Kiên Giang. C. Tiền Giang. D. Bình Dương.

Câu 22: Sản xuất công nghiệp của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỉ trọng cao nhất là do

- A. nước ta gia nhập các tổ chức liên kết kinh tế khu vực
 B. đây là khu vực kinh tế có vai trò chủ đạo.
 C. các thành phần kinh tế khác chậm phát triển.
 D. kết quả của công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội.

Câu 23: Dựa vào Atlas địa Việt Nam trang 11, Đất feralit trên đá badan tập trung nhiều nhất ở

- A. Duyên Hải Nam Trung Bộ. B. Tây nguyên.
 C. Bắc Trung Bộ. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 24: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG PHÂN THEO CÁC NHÓM CÂY

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	1990	2000	2010	2014
Nhóm cây				
Cây lương thực	6474,6	8399,1	8615,9	8992,3
Cây công nghiệp	1199,3	2229,4	2808,1	2844,6
Cây rau đậu, cây ăn quả, cây khác	1366,1	2015,8	2637,1	2967,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015)

Nhận xét nào sau đây đúng nhất với tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây trong giai đoạn 1990 - 2014?

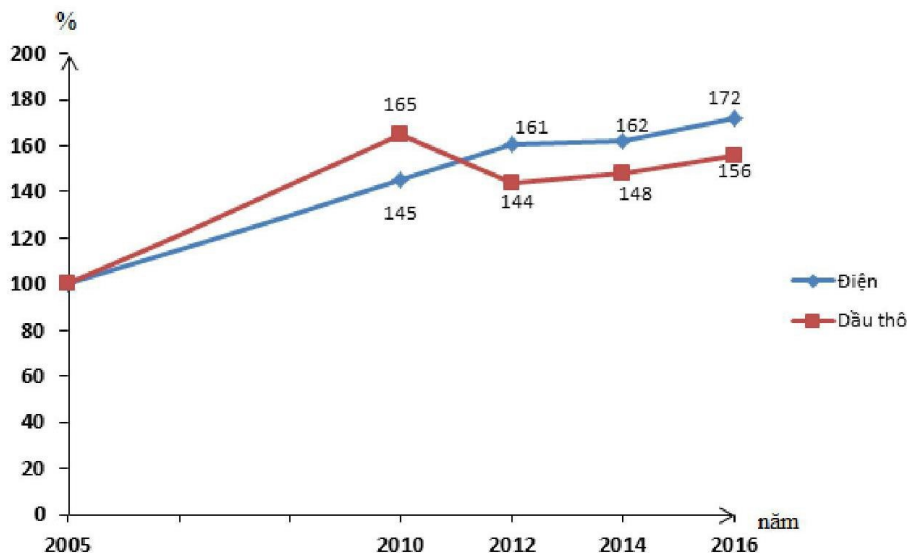
- A. Diện tích gieo trồng của nhóm cây công nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất.
 B. Diện tích gieo trồng của các nhóm cây trồng đều tăng với tốc độ tăng nhau.
 C. Diện tích gieo trồng của nhóm cây rau đậu, cây ăn quả, cây khác tăng nhanh nhất.

D. Diện tích gieo trồng của nhóm cây lương thực tăng nhanh nhất.

Câu 25: Đây là hai di sản thiên nhiên thế giới ở Việt Nam?

- A.** Vườn quốc gia Cúc Phương và đảo Cát Bà.
- B.** Vịnh Hạ Long và quần thể Phong Nha Kẻ Bàng.
- C.** Phố cổ Hội An và di tích Mỹ Sơn.
- D.** Bãi đá cổ SaPa và Thành nhà Hồ.

Câu 26: Cho biểu đồ:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây:

- A.** Sản lượng dầu thô, điện của Thái Lan từ 2005 – 2016.
- B.** Tỷ trọng dầu thô, điện của Thái Lan từ 2005 - 2016.
- C.** Cơ cấu sản lượng dầu thô, điện giai đoạn 2005 – 2016.
- D.** Tốc độ tăng sản lượng dầu thô, sản lượng điện của Thái Lan giai đoạn 2015 - 2016.

Câu 27: Khu vực đồng bằng ở nước ta chiếm có

- A.** 25% diện tích lãnh thổ.
- B.** 30% diện tích lãnh thổ.
- C.** 20% diện tích lãnh thổ.
- D.** 27% diện tích lãnh thổ.

Câu 28: Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 25. Điểm du lịch biển nào sau đây không thuộc vùng Bắc Trung Bộ

- A.** Đá Nhảy.
- B.** Sầm Sơn.
- C.** Đồ Sơn.
- D.** Thiên Cầm.

Câu 29: Ngành công nghiệp nào sau đây không được xem là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay?

- A.** Luyện kim.
- B.** Sản xuất hàng tiêu dùng.
- C.** Năng lượng.
- D.** Chế biến lương thực, thực phẩm.

Câu 30: Căn cứ Atlas địa lí Việt Nam trang 22, Nhà máy thủy điện A Vương thuộc tỉnh

- A.** Bình Định.
- B.** Thừa Thiên Huế.
- C.** Quảng Nam.
- D.** Quảng Ngãi.

Câu 31: Trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành nông - lâm - ngư nghiệp tỉ trọng của ngành nông nghiệp có xu hướng

- A.** giảm sút.
- B.** không ổn định.
- C.** tăng nhanh.
- D.** ổn định.

Câu 32: Nhìn chung ở nước ta mùa bão bắt đầu và kết thúc ở các tháng

- A.** từ tháng VI đến tháng XII.
- B.** từ tháng V đến tháng X.
- C.** từ tháng VI đến tháng XI.
- D.** từ tháng VII đến tháng XI.

Câu 33: Ngành chăn nuôi lợn và chăn nuôi gia cầm phát triển mạnh ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng Sông Cửu Long là do:

- A.** lực lượng lao động dồi dào nhiều kinh nghiệm.

- B. nguồn thức ăn cho chăn nuôi phong phú, thị trường tiêu thụ rộng lớn.
C. đã sử dụng nhiều giống mới năng suất cao, giá trị kinh tế lớn.
D. điều kiện tự nhiên thuận lợi.

Câu 34: Tuyến đường bộ nào có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của dải đất phía tây nước ta
A. Quốc lộ 1. B. Quốc lộ 9.
C. Quốc lộ 6. D. Đường Hồ Chí Minh.

Câu 36: Cho bảng số liệu sau:

XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XIA GIAI ĐOẠN 2010 – 2015

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2010	2012	2014	2015
Xuất khẩu	185,5	225,7	210,5	182
Nhập khẩu	169,2	229,4	217,5	180

Nhận xét nào đúng với bảng số liệu trên:

- A. Cán cân xuất nhập khẩu các năm đều dương. B. Có năm 2010 và 2015 xuất siêu.
C. Tất cả các năm đều nhập siêu. D. In-đô-nê-xia từ 2010 – 2015 đều xuất siêu.

Câu 37: Căn cứ Atlas địa lý Việt Nam trang 20 tỉnh nào sau đây có giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản cao nhất nước ta (>50%).

- A. Thái Bình B. An Giang C. Hà Tĩnh. D. Cà Mau

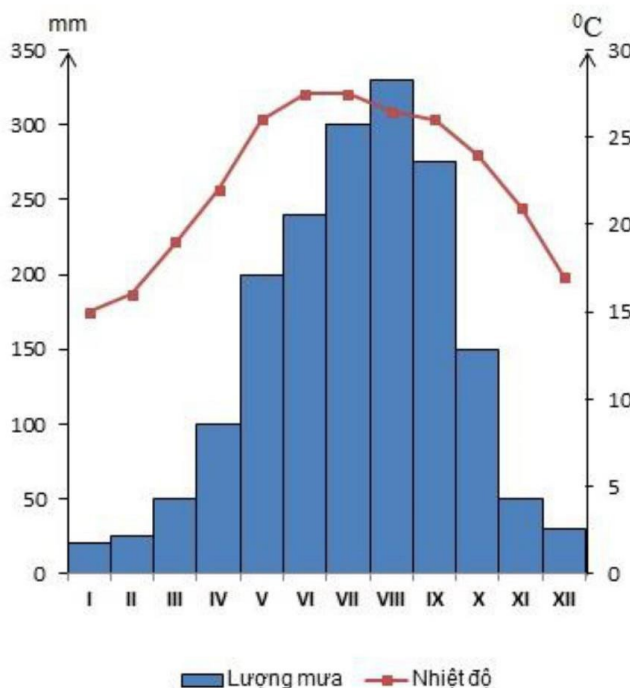
Câu 38: Vùng trung du và miền núi Bắc bộ gồm có

- A. 15 tỉnh. B. 14 tỉnh. C. 16 tỉnh. D. 17 tỉnh.

Câu 39: Căn cứ Atlas địa lý Việt Nam trang 9, cho biết nhận định nào sau đây không đúng về chế độ nhiệt của Hà Nội so với TP Hồ Chí Minh:

- A. Nhiệt độ trung bình năm thấp hơn. B. Nhiệt độ trung bình năm lớn hơn.
C. Nhiệt độ trung bình tháng VII cao hơn. D. Nhiệt độ trung bình tháng I thấp hơn.

Câu 40: Cho biểu đồ:



Nhận xét nào sau đây không đúng với chế độ nhiệt và chế độ mưa ở Hà Nội:

- A. Nóng quanh năm, mưa ít vào các tháng mùa hạ.
B. Nhiệt độ trung bình năm cao (23,5°C), tổng lượng mưa lớn (1667 mm).
C. Hà Nội mưa nhiều vào các tháng V, VI, VII, VIII, XI, X; nóng nhất vào tháng VI.
D. Khí hậu có sự phân mùa rõ rệt: mùa hạ nóng, mưa nhiều.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

1-C	2-A	3-A	4-D	5-A	6-C	7-C	8-A	9-C	10-D
11-A	12-B	13-B	14-B	15-C	16-A	17-C	18-B	19-D	20-C
21-B	22-A	23-B	24-A	25-B	26-D	27-A	28-C	29-A	30-C
31-A	32-C	33-B	34-D	35-B	36-B	37-D	38-A	39-B	40-A

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1.

Căn cứ Atlat địa lí Việt Nam trang 23 (giao thông) kết hợp Atlat trang 4 - 5 (hành chính), ta thấy đường quốc lộ số 5 đi qua các tỉnh sau: Hà Nội - Hưng Yên - Hải Dương - Hải Phòng.

Chọn C.

Câu 2.

Sự luân phiên hoạt động của các khối khí theo mùa khác nhau cả về tính chất và hướng đã tạo nên sự phân mùa khí hậu:

- Miền Bắc: có mùa đông lạnh khô, ít mưa, mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều.
- Miền Nam: có hai mùa mưa, khô rõ rệt, đặc biệt Tây Nguyên có sự đối lập về mùa mưa – khô sâu sắc.

=>Loại đáp án B, C, D

- Quan sát Atlat Địa lí trang 9

- Khí hậu có thể thấy vùng Trung Trung Bộ (gồm các tỉnh/TP: Thừa Thiên Huế đến Quảng Ngãi) có lượng mưa cao nhất cả nước (trên 2000mm/năm). Tuy nhiên, lượng mưa trên 2000mm tập trung chủ yếu ở vùng phía tây lãnh thổ, hay khu vực núi cao đón gió, vùng đồng bằng ven biển có lượng mưa thấp hơn (nền màu nhạt hơn).

=> Nhận xét vùng đồng bằng ven biển miền Trung có lượng mưa cao nhất cả nước không hoàn toàn chính xác.

Chọn A.

Câu 3.

Ngành công nghiệp trọng điểm là ngành có thể mạnh lâu dài về tự nhiên, kinh tế - xã hội; Mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao và thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển. Như vậy, ý A không đúng.

Chọn A

Câu 4.

Sản xuất tự cấp tự túc là đặc điểm của nền nông nghiệp cổ truyền. Như vậy, ý D không phải là đặc điểm của nền nông nghiệp hàng hóa ở nước ta.

Chọn D

Câu 5.

Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc nên có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với nền nhiệt, ẩm cao là nguyên nhân dẫn tới cây công nghiệp ở nước ta chủ yếu là cây công nghiệp nhiệt đới. Ngoài ra

nước ta còn có các loại cây có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới.

Chọn A

Câu 6.

Vùng biển Nhật Bản rộng, với các dòng biển nóng và lạnh gặp nhau tạo nên ngư trường lớn với nhiều loài cá (cá ngừ, cá thu, cá mòi, cá trích, cá hồi,...). Đó là tiềm năng lớn nhất để Nhật Bản phát triển mạnh ngành khai thác hải sản.

Chọn C

Câu 7.

Vấn đề quan trọng nhất trong việc sử dụng tài nguyên nước hiện nay ở nước ta là: ngập lụt vào mùa mưa, thiếu nước vào mùa khô và ô nhiễm môi trường nước (SGK/61, địa lí 12 cơ bản).

Chọn C

Câu 8.

Hệ sinh thái ngập mặn của nước ta tập trung nhiều nhất ở vùng ven biển Nam Bộ. Diện tích hệ sinh thái rừng ngập mặn ở nước ta đứng thứ 2 thế giới (chỉ sau diện tích rừng ngập mặn ở A-ma-zon).

Chọn A

Câu 9.

Tổ chức thương mại thế giới (WTO) với 150 thành viên chi phối tới 95% hoạt động thương mại thế giới (SGK/10 Địa lí 11)

Chọn C

Câu 10.

Ý nghĩa của việc phân bố lại dân cư và lao động trên phạm vi cả nước là nhằm sử dụng hợp lý nguồn lao động và khai thác tài nguyên (SGK/71, địa lí 12 cơ bản).

Chọn D

Câu 11.

Đồng bằng sông Hồng phải đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành nguyên nhân chính là do việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng còn chậm, chưa phát huy hết các thế mạnh của vùng (SGK/150-151, địa lí 12 cơ bản).

Chọn A

Câu 12.

Nước Việt Nam nằm ở phía rìa đông của bán đảo Đông Dương, gần trung tâm của khu vực Đông Nam Á (SGK/13, địa lí 12 cơ bản). Như vậy, ý B là đúng nhất.

Chọn B.

Câu 13.

Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 21. Trung tâm công nghiệp Quảng Ngãi thuộc vùng kinh tế Duyên hải Nam Trung Bộ.

Chọn B

Câu 14.

Căn cứ Atlas địa lí Việt Nam trang 24, nước ta có giá trị nhập siêu cao nhất vào năm 2007 (-14,2 tỉ đôla Mỹ), tiếp đến là năm 2005 (-4,4 tỉ đôla Mỹ).

Chọn B

Câu 15.

Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 8, ta thấy các mỏ dầu ở nước ta chủ yếu tập trung ở thềm lục địa phía Nam. Một số mỏ tiêu biểu như Bạch Hổ, Đại Hùng, Rồng Rạng Đông,...

Chọn C

Câu 16.

Thảm thực vật rừng ở nước ta đa dạng về kiểu hệ sinh thái là do khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có sự phân hóa phức tạp với nhiều kiểu khí hậu.

Chọn A**Câu 17.**

Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 17, tỉnh Thái Nguyên thuộc vùng kinh tế Trung du và miền núi Bắc Bộ. Các tỉnh thuộc vùng kinh tế Tây Nguyên là Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng.

Chọn C**Câu 18.**

Cơ sở để phát huy cây công nghiệp nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông lạnh, lại chịu ảnh hưởng sâu sắc điều kiện địa hình vùng núi cao hình thành đại cận nhiệt đới và ôn đới gió mùa trên núi.

Chọn B**Câu 19.**

Tác động mạnh nhất của đô thị hóa đến nền kinh tế nước ta là làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế (SGK/79, địa lí 12 cơ bản).

Chọn D**Câu 20.**

Bình quân lương thực = sản lượng / dân số (kg/người). Áp dụng công thức trên, ta có bình quân lương thực có hạt theo đầu người của Đồng bằng sông Hồng năm 2005 là: $6518 / 18028 = 0,3615$ nghìn tấn/người = 361,5 kg/người.

Chọn C**Câu 21.**

Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 4-5. Ta thấy, tỉnh Kiên Giang là tỉnh giáp Cam-pu chia. Các tỉnh Cần Thơ, Bình Dương là hai tỉnh nằm trong nội địa, tỉnh Tiền Giang giáp biển nhưng không giáp với Cam-pu chia.

Chọn B**Câu 22.**

Sản xuất công nghiệp của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỉ trọng cao nhất là do nước ta gia nhập các tổ chức liên kết kinh tế khu vực => giúp mở rộng thị trường, thu hút mạnh mẽ các nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Một số tổ chức Việt Nam tham gia như ASEAN, APEC, WTO,...

Chọn A**Câu 23.**

Dựa vào Atlas địa Việt Nam trang 11, đất feralit trên đá badan tập trung nhiều nhất ở vùng Tây Nguyên, tiếp đến là vùng Đông Nam Bộ,... (đất badan được kí hiệu màu vàng cam đậm).

Chọn B**Câu 24.**

Tốc độ tăng trưởng = (giá trị năm cuối / giá trị năm đầu) x 100 (đơn vị: %). Với công thức trên, ta tính được kết quả tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây trong giai đoạn 1990 – 2014 như sau:

- Cây lương thực tăng $(8992,3 / 6474,6) \times 100 = 138,9\%$.
- Cây công nghiệp tăng $(2844,6 / 1199,3) \times 100 = 237,2\%$.
- Cây rau đậu, cây ăn quả, cây khác tăng $(2967,2 / 1366,1) \times 100 = 217,2\%$.

Như vậy, ta thấy cây công nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất, tiếp đến là cây rau đậu, cây ăn quả, cây khác và cây lương thực tăng chậm nhất => Đáp án A là đúng nhất.

Chọn A**Câu 25.**

Hai di sản thiên nhiên thế giới ở Việt Nam là Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh) và Phong Nha – Kẻ Bàng (Quảng Bình).

Chọn B**Câu 26.**

Căn cứ và biểu đồ và bảng chú giải: biểu đồ đường, đơn vị %, có 2 đối tượng là dầu thô và điện

=> Biểu đồ trên thể hiện nội dung tốc độ tăng sản lượng dầu thô, sản lượng điện của Thái Lan giai đoạn 2005 - 2016.

Chọn D**Câu 27.**

Khu vực đồng bằng ở nước ta chiếm 1/4 (25%) diện tích lãnh thổ, còn khu vực đồi núi chiếm tới 3/4 diện tích lãnh thổ.

Chọn A.**Câu 28.**

Dựa vào Atlas địa lý Việt Nam trang 25. Các điểm du lịch Sầm Sơn (Thanh Hóa), Thiên Cầm (Hà Tĩnh), Đá Nhảy (Quảng Bình) thuộc khu vực Bắc Trung Bộ. Còn khu du lịch Đồ Sơn (Hải Phòng) thuộc khu vực Đồng bằng sông Hồng.

Chọn C**Câu 29.**

Các ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay là công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng. Ngành công nghiệp luyện kim không phải ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay. (SGK/139 Địa lý 12).

Chọn A**Câu 35.**

Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi vị trí địa lý nằm trong vùng nội chí tuyến (SGK/40, địa lý 12 cơ bản).

Chọn B**Câu 36.**

Ta có công thức: Cán cân XNK = Xuất khẩu - Nhập khẩu

Năm	2010	2012	2014	2015
Cán cân XNK	+15,8	-3,7	-7	+2

Cán cân xuất nhập khẩu có sự thay đổi khác nhau giữa các năm:

- Năm 2010 và 2015 cán cân XNK dương (+15,8 và +2) => năm 2010 và 2015 xuất siêu => nhận xét B đúng

- Năm 2012 và 2014 cán cân XNK âm => năm 2012 và 2014 nhập siêu

=> nhận xét A và C và D sai

Chọn B**Câu 37.**

Căn cứ Atlas địa lý Việt Nam trang 20, ta thấy tỉnh có giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản cao nhất nước ta (>50%) là Cà Mau (Kí hiệu bằng màu hồng đậm nhất).

Chọn D**Câu 38.**

Vùng trung du và miền núi Bắc bộ gồm có 15 tỉnh, đó là Điện Biên, Sơn La, Lai Châu, Hòa Bình, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Bắc Giang và Quảng Ninh (SGK/145, địa lý 12 cơ bản).

Chọn A**Câu 39.**

Căn cứ Atlas địa lý Việt Nam trang 9, ta thấy:

- Hà Nội nằm ở miền khí hậu phía Bắc nên chịu ảnh hưởng mạnh của gió mùa Đông Bắc với 1 mùa đông

lạnh.

- TP. Hồ Chí Minh nằm trong miền khí hậu phía Nam không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên có nền nhiệt độ cao quanh năm.

=> Hà Nội có nền nhiệt trung bình thấp hơn TP. Hồ Chí Minh => Ý A đúng, ý B sai

- Nhiệt độ trung bình tháng I của Hà Nội thấp hơn TP.HCM ($17^{\circ}\text{C} < 25^{\circ}\text{C}$), nhưng nhiệt độ tháng VII lại cao hơn ($28^{\circ}\text{C} < 26^{\circ}\text{C}$) => ý C và D đúng.

Chọn B

Câu 40.

Hà Nội nằm ở miền khí hậu phía Bắc nên chịu ảnh hưởng mạnh của gió mùa Đông Bắc với 1 mùa đông lạnh dài 3 tháng, mùa hạ nóng và mưa nhiều nên nhận xét “Hà Nội nóng quanh năm, mưa ít vào các tháng mùa hạ” là không đúng => Ý A sai. Các ý B, C, D đều đúng.

Chọn A

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

KỶ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI

Môn thể thành phần: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài 50 phút, không kể thời gian giao đề

Mã đề 305

Câu 1: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết tỉnh nào sau đây thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

- A. Kiên Giang. B. Bình Định. C. Bình Phước D. Tiền Giang,

Câu 2: Quá trình đô thị hóa ở nước ta diễn ra

- A. khá nhanh, trình độ đô thị hóa cao.
B. nhanh, tuy nhiên trình độ đô thị hóa còn thấp.
C. chậm chạp, trình độ đô thị hóa thấp.
D. nhanh hơn quá trình đô thị hóa của thế giới.

Câu 3: Chất lượng lao động nước ta ngày càng được nâng lên nhờ

- A. xu hướng tất yếu của quá trình hội nhập quốc tế.
B. các thành tựu trong phát triển văn hóa, giáo dục, y tế.
C. đời sống vật chất của người lao động tăng
D. học hỏi quá trình tăng cường xuất khẩu lao động

Câu 4: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết sân bay Phù Cát thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Bình Định. B. Quảng Nam. C. Phú Yên. D. Quảng Ngãi.

Câu 5: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất nước ta?

- A. Sông Cả. B. Sông Thái Bình. C. Sông Đồng Nai. D. sông Hồng.

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết sông Bến Hải đổ ra biển qua cửa nào sau đây?

- A. Cửa Hội. B. Cửa Gianh. C. Cửa Tùng. D. Cửa Nhượng.

Câu 7: Ý nghĩa quan trọng nhất của các đảo và quần đảo đối với an ninh quốc phòng nước ta là

- A. thuận lợi phát triển giao thông vận tải biển.
B. hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền.
C. có nhiều thế mạnh phát triển du lịch.
D. nguồn lợi sinh vật biển phong phú.

Câu 8: Bộ phận nào sau đây của vùng biển nước ta ở phía trong đường cơ sở?

- A. Vùng đặc quyền về kinh tế. B. Vùng tiếp giáp lãnh hải.
C. Nội thủy. D. Lãnh hải.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây không đúng với đặc điểm chung của địa hình nước ta?

- A. Thấp dần từ tây bắc xuống đông nam. B. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích.
C. Chịu tác động mạnh mẽ của con người. D. Hướng núi chính là đông bắc - tây nam.

Câu 10: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 7 nối cảng Cửa Lò với cửa khẩu quốc tế nào sau đây?

- A. Cầu Treo. B. Nậm Cắn. C. Na Mèo. D. Tây Trang

Câu 11: Phát biểu nào sau đây đúng với giao thông đường bộ (đường ô tô) ở nước ta hiện nay?

- A. Tập trung chủ yếu ở dọc ven biển. B. Chưa hội nhập vào đường xuyên Á.
C. Phương tiện hầu hết cũ kĩ, lạc hậu. D. Mạng lưới đường được mở rộng.

Câu 12: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Phú Yên

- A. Cam Ranh. B. Tam Kỳ. C. Hội An. Sin D. Tuy Hòa

Câu 13: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp Huế không có ngành sản xuất hàng tiêu dùng nào sau đây?

- A. Giấy in, văn phòng phẩm. B. Da, giấy.
C. Gỗ, giấy, xenlulô. D. Dệt, may.

Câu 14: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết cảng biển Cửa Lò thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Nghệ An. B. Quảng Bình. C. Hà Tĩnh. D. Thanh Hóa

Câu 15: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5 cho biết tỉnh nào sau đây không giáp biên?

- A. Quảng Ninh. B. Lâm Đồng. C. Ninh Bình. D. Quảng Bình.

Câu 16: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Sa Pa thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

- A. Tây Bắc Bộ. B. Đông Bắc Bộ.
C. Trung và Nam Bắc Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 17: Nguyên nhân chính gây ra ngập lụt ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. lũ nguồn về. B. mưa bão rộng. C. nước biển dâng. D. triều cường.

Câu 18: Mùa khô ở miền Bắc nước ta không sâu sắc như ở miền Nam là do ở đây có

- A. gió lạnh. B. tuyết rơi. C. mưa phùn. D. sương muối.

Câu 19: Cơ cấu sản xuất công nghiệp của nước ta đang chuyển dịch theo hướng

- A. tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác
B. giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến.
C. tăng tỉ trọng sản phẩm chất lượng thấp.
D. đa dạng hóa sản phẩm công nghiệp.

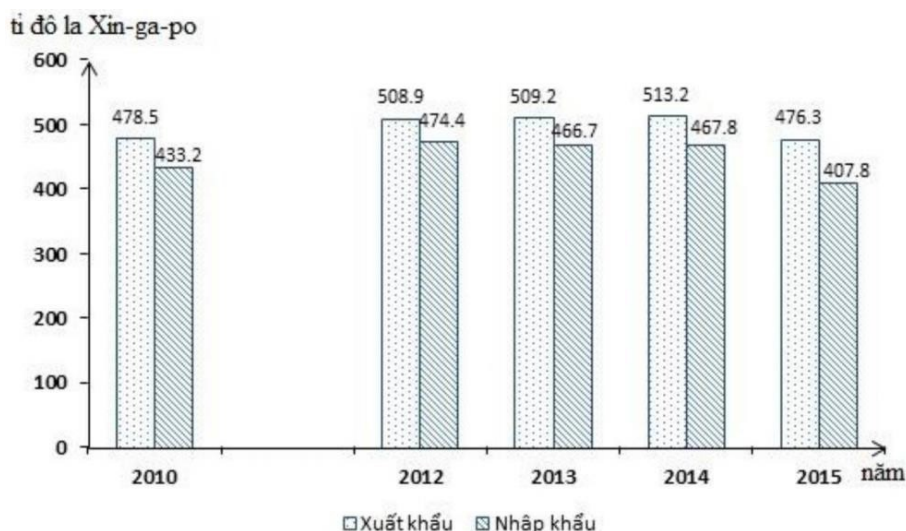
Câu 20: Giải pháp để ngành công nghiệp của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc có vị trí xứng đáng hơn trong nền kinh tế của cả nước?

- A. Cùng với các ngành công nghiệp cơ bản, phát triển các ngành có kĩ thuật cao.
B. Phát triển ngành có hàm lượng kĩ thuật cao, không gây ô nhiễm môi trường.
C. Hình thành các ngành công nghiệp trọng điểm có thế mạnh về tài nguyên,
D. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp chế biến và khai thác than nâu.

Câu 21: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết bò được nuôi nhiều nhất ở tỉnh nào sau đây?

- A. Đắk Lắk. B. Thanh Hóa C. Kon Tum. D. Bình Thuận.

Câu 22: Cho biểu đồ về xuất, nhập khẩu của Xin-ga-po qua các năm



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây? (Nguồn: số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016)

- A. Giá trị xuất, nhập khẩu của Xin-ga-po qua các năm.
- B. Quy mô, cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Xin-ga-po qua các năm.
- C. Cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Xin-ga-po qua các năm.
- D. Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất, nhập khẩu của Xin-ga-po qua các năm.

Câu 25: Khó khăn nào sau đây đã được khắc phục đối với ngành chăn nuôi nước ta?

- A. Dịch bệnh hại gia súc, gia cầm đe dọa trên diện rộng.
- B. Hiệu quả chăn nuôi chưa thật cao và chưa ổn định.
- C. Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi không được đảm bảo.
- D. Giống gia súc, gia cầm cho năng suất cao còn ít.

Câu 26: Yếu tố nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nước ta có cơ cấu đa dạng?

- A. Thị trường tiêu thụ rộng lớn và nhiều thành phần kinh tế tham gia
- B. Thị trường tiêu thụ rộng lớn và cơ sở vật chất kỹ thuật phát triển.
- C. Nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú và thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- D. Nhiều thành phần kinh tế cùng sản xuất và nguyên liệu phong phú.

Câu 27: Phát biểu nào sau đây không đúng với thành tựu của ASEAN sau hơn 50 năm phát triển?

- A. Bộ mặt của nhiều quốc gia có sự thay đổi nhanh chóng.
- B. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước khá cao.
- C. Chất lượng cuộc sống của người dân được cải thiện.
- D. Trình độ phát triển kinh tế đồng đều giữa các nước

Câu 28: Ở Bắc Trung Bộ hiện nay, để tạo thể liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian cần phải

- A. gắn các vùng sản xuất nông nghiệp với lâm và ngư nghiệp.
- B. chú trọng phát triển kinh tế - xã hội ở vùng miền núi.
- C. hình thành các trung tâm công nghiệp gắn với các đô thị.
- D. đầu tư mạnh cho xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật.

Câu 29: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho Trung du và miền núi Bắc Bộ có khả năng đa dạng hóa cơ cấu kinh tế?

- A. Chính sách Nhà nước phát triển.
- B. Giao lưu thuận lợi với các vùng.
- C. Nguồn lao động có nhiều kinh nghiệm,
- D. Nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Câu 30: Đường Hồ Chí Minh, trục đường bộ xuyên quốc gia thứ hai của nước ta, đã đem lại ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

- A. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của dải đất phía tây.
- B. Khắc phục được thiên tai làm gián đoạn giao thông bắc - nam.
- C. Giảm bớt áp lực về sự quá tải vận chuyển trên tuyến quốc lộ 1.
- D. Là dấu tích lịch sử giải phóng miền nam thống nhất cả nước

Câu 31: Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp và cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ của nước ta sẽ đem lại ý nghĩa chủ yếu nào sau đây cho sự phát triển kinh tế của vùng?

- A. Tạo nguồn hàng xuất khẩu, cạnh tranh với Trung Quốc
- B. Hạn chế nạn du canh, du cư của lao động trong vùng.
- C. Phát triển nền nông nghiệp hàng hóa có hiệu quả cao.
- D. Tạo ra nguyên liệu tại chỗ cho công nghiệp chế biến.

Câu 32: Cho bảng số liệu .

SẢN LƯỢNG THAN, DẦU THÔ VÀ ĐIỆN CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

Năm	2000	2005	2010	2014
Than (triệu tấn)	11,6	34,1	44,8	41,7
Dầu thô (triệu tấn)	16,3	18,5	15,0	17,4
Điện (tỉ KWh)	26,7	52,1	91,7	140,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Để thể hiện rõ nhất, tốc độ tăng trưởng sản lượng than, dầu thô và điện của nước ta giai đoạn 2006 đến 2014, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Kết hợp.
- B. Đường.
- C. Miền.
- D. Cột.

Câu 33: Ở nhiều nơi của vùng biển phía Nam nước ta, hoạt động du lịch biển diễn ra được trong suốt cả năm chủ yếu là do

- A. nền nhiệt cao quanh năm.
- B. gió mùa thổi trong năm.
- C. thời gian mưa khô kéo dài.
- D. địa hình ven biển đa dạng.

Câu 34: Đặc điểm nào sau đây không phải của Đồng bằng sông Hồng

- A. Phần lớn diện tích là đồng bằng, đồi núi phân bố chủ yếu ở phía đông gian
- B. Là vùng trọng điểm thứ hai của cả nước về lương thực, thực phẩm,
- C. Dân số đông, nguồn lao động dồi dào, có trình độ thâm canh cao.
- D. Có một mùa đông lạnh do chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc

Câu 35: Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA 2010

(Đơn vị: tỉ USD)

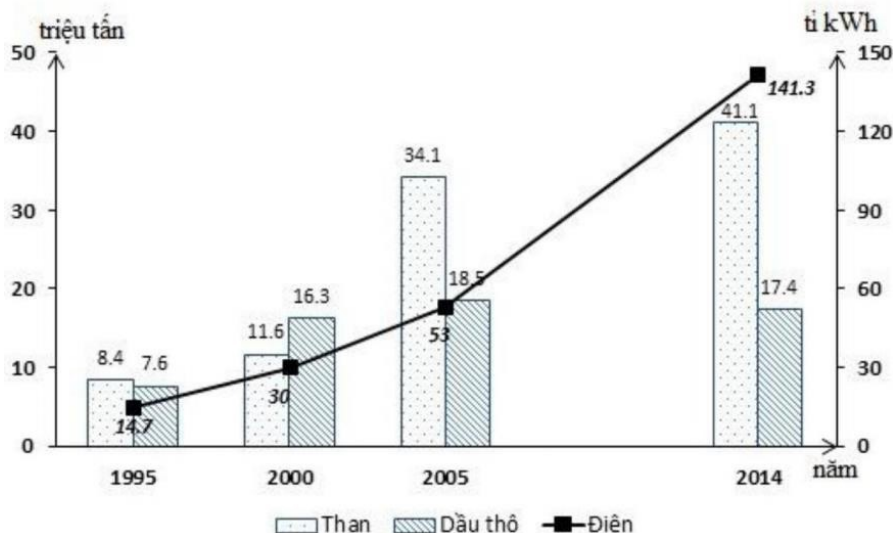
Năm	2010	2011	2012	2013	2014
Xin-ga-po	471,1	445,2	566,7	579,0	577,7
Thái Lan	225,5	275,5	275,5	284,5	280,1
Việt Nam	79,7	105,6	124,1	142,7	161,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB thống kê, 2016)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của một số quốc gia giai đoạn 2010 – 2014?

- A. Thái Lan tăng ít hơn so với Việt Nam.
- B. Các quốc gia đều có xu hướng tăng.
- C. Việt Nam tăng ít hơn Xin-ga-po.
- D. Việt Nam tăng chậm hơn Xin-ga-po.

Câu 36: Cho biểu đồ:



SẢN LƯỢNG THAN, DẦU THÔ VÀ ĐIỆN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1995 - 2014

Căn cứ vào biểu đồ trên, cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về sản lượng than, dầu thô, điện của nước ta, giai đoạn 1995 - 2014?

- A. Dầu thô giai đoạn 2005-2014 giảm. B. Dầu thô tăng nhanh hơn than.
C. Điện tăng liên tục và nhanh nhất. D. Than tăng nhanh hơn dầu thô.

Câu 37: Biện pháp quan trọng nhất để khai thác tốt hơn tiềm năng tự nhiên cho sản xuất lương thực Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. giải quyết tốt vấn đề thủy lợi. B. tăng cường bảo vệ rừng ngập mặn.
C. chuyển đổi cơ cấu mùa vụ. D. phát triển công nghiệp chế biến.

Câu 38: Phát biểu nào sau đây không đúng với công nghiệp điện lực của Bắc Trung Bộ?

- A. Đã và đang xây dựng một số nhà máy thủy điện trên các sông.
B. Phát triển điện lực là một ưu tiên trong phát triển công nghiệp.
C. Việc giải quyết nhu cầu về điện chủ yếu dựa vào lưới điện quốc gia
D. Tập trung nhiều nhà máy điện công suất lớn nhất so với cả nước

Câu 39: Nhiệm vụ quan trọng nhất để phát triển bền vững công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là

- A. tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật.
B. hình thành thêm nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất mới.
C. bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển công nghiệp theo chiều sâu.
D. phát triển mạnh công nghiệp khai thác và chế biến dầu khí.

Câu 40: Sản xuất với trình độ thâm canh cao, sử dụng nhiều máy móc, vật tư nông nghiệp là đặc điểm của vùng nông nghiệp

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

1-D	2-C	3-B	4-A	5-D	6-C	7-B	8-C	9-D	10-B
11-D	12-D	13-C	14-A	15-B	16-B	17-B	18-C	19-D	20-B
21-B	22-A	23-D	24-A	25-C	26-C	27-D	28-A	29-D	30-A

31-C	32-B	33-A	34-A	35-D	36-B	37-A	38-D	39-C	40-B
------	------	------	------	------	------	------	------	------	------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1. D

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, ta thấy các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam gồm: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước, Tây Ninh, Long An và **Tiền Giang**.

Câu 2. C

Quá trình đô thị hóa ở nước ta diễn ra chậm, trình độ đô thị hóa thấp và dân số thành thị đang có xu hướng tăng lên nhanh,... (SGK/77, địa lí 12 cơ bản).
ta diễn ra

Câu 3. B

Chất lượng lao động nước ta ngày càng được nâng lên nhờ các thành tựu trong phát triển văn hóa, giáo dục, y tế (SGK/73, địa lí 12 cơ bản).

Câu 4. A

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, ta thấy sân bay Phù Cát thuộc tỉnh Bình Định.

Câu 5. D

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hệ thống sông có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất nước ta là sông Hồng (21,91%), tiếp đến là sông Mê Công (29,40%), sông Đồng Nai,...

Câu 6. C

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, ta thấy sông Bến Hải đổ ra biển qua cửa Tùng thuộc tỉnh Quảng Trị.

Câu 7. B

Ý nghĩa quan trọng nhất của các đảo và quần đảo đối với an ninh quốc phòng nước ta là hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền (SGK/191, địa lí 12 cơ bản).

Câu 8. C

Nội thủy là bộ phận của vùng biển nước ta ở phía trong đường cơ sở và được coi là một bộ phận lãnh thổ của đất liền (SGK/15, địa lí 12 cơ bản).

Câu 9. D

Đặc điểm chung của địa hình nước ta là: Địa hình đồi núi chiếm phần lớn nhưng chủ yếu là đồi núi thấp, cấu trúc địa hình khá đa dạng nhưng có 2 hướng chính là hướng vòng cung và **hướng tây bắc - đông nam**, địa hình chịu tác động của con người và địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa
=> Nhận định: **Hướng núi chính đông bắc - tây nam là không đúng.**

Câu 10. B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, ta thấy đường số 7 nối cảng Cửa Lò với cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn.

Câu 11. D

- Mạng lưới đường bộ đã được mở rộng và hiện đại => C sai, D đúng
- Về cơ bản, mạng lưới đường ô tô đã phủ kín các vùng => A sai
- Hệ thống đường bộ của nước ta đang được hội nhập vào hệ thống đường bộ trong khu vực với các tuyến đường thuộc mạng đường bộ xuyên Á.
=> B sai

Câu 12. D

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, ta thấy Tuy Hòa là đô thị thuộc tỉnh Phú Yên.

Câu 13. C

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, ta thấy trung tâm công nghiệp Huế có các ngành sản xuất hàng tiêu dùng sau: Dệt – may, da – giày và giấy, in, văn phòng phẩm. Ngành gỗ, giấy, xenlulô không có ở Huế.

Câu 14. A

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, ta thấy cảng biển Cửa Lò thuộc tỉnh Nghệ An.

Câu 15. B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, ta thấy Lâm Đồng (Tây Nguyên) là tỉnh không giáp biển. Các tỉnh còn lại Quảng Ninh, Ninh Bình và Quảng Bình đều giáp biển.

Câu 16. B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, ta thấy Sa Pa thuộc vùng khí hậu Đông Bắc Bộ (kí hiệu màu xanh đậm).

Câu 17. B

Hiện nay, vùng chịu lụt ứng nghiêm trọng nhất là vùng châu thổ sông Hồng do diện **mưa bão rộng**, lũ lụt tập trung trong các hệ thống sông lớn, mặt đất thấp, xung quanh lại có đê sông, đê biển bao bọc. Mật độ xây dựng cao cũng làm cho mức độ ngập lụt nghiêm trọng hơn (SGK/63, địa lí 12 cơ bản).

Câu 18. C

Mùa khô ở miền Bắc nước ta không sâu sắc như ở miền Nam là do ở đây vào mùa khô vẫn có những đợt mưa phùn vào cuối đông do gió mùa Đông Bắc đi qua biển đem lại.

Câu 19. D

Cơ cấu sản xuất công nghiệp của nước ta đang chuyển dịch theo hướng đa dạng hóa sản phẩm công nghiệp, tăng tỉ trọng ngành công nghiệp chế biến và giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác,... (SGK/113, địa lí 12 cơ bản).

Câu 20. B

Để vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc có vị thế xứng đáng hơn trong nền kinh tế của cả nước, cần phải tập trung giải quyết một số vấn đề chủ yếu liên quan đến các ngành kinh tế vens

- Về công nghiệp, đẩy mạnh các ngành công nghiệp trọng điểm, ***nhANH chóng phát triển các ngành có hàm lượng kĩ thuật cao, không gây ô nhiễm môi trường***, tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường đồng thời với việc phát triển các khu công nghiệp tập trung.
- Về dịch vụ, chú trọng đến thương mại và các hoạt động dịch vụ khác, nhất là du lịch.
- Về nông nghiệp, cần chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng sản xuất hàng hóa có chất lượng cao.

Câu 21. B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, ta thấy bò được nuôi nhiều nhất ở tỉnh **Thanh Hóa**, Nghệ An, Bình Định, Gia Lai,... (Kí hiệu hình cột màu xanh dương).

Câu 22. A

Căn cứ vào biểu đồ và bảng chú giải: biểu đồ cột ghép, đối tượng xuất khẩu và nhập khẩu, đơn vị: tỉ đô la => thể hiện giá trị tuyệt đối của đối tượng. COI

=> Biểu đồ trên thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu của Xin-ga-po qua các năm.

Câu 23. D

- Đông Nam Á biển đảo là một trong những khu vực tập trung đảo lớn nhất thế giới, bao gồm nhiều quần đảo và hàng vạn đảo lớn, nhỏ=> Ý A đúng.

- Đông Nam Á biển đảo ít đồng bằng, nhiều đồi, núi và núi lửa. Núi thường có độ cao dưới 3000 m. Đồng bằng lớn chỉ tập trung ở các đảo Ca-li-man-tan. Xu-ma-tra, Niu Ghi-nê... ; các đồng bằng này có đất đai màu mỡ vì là đất phù sa có thêm các khoáng chất từ dung nham của núi lửa được phong hóa => Ý B, C đúng.

Câu 28. A

Ở Bắc Trung Bộ hiện nay, để tạo thể liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian cần phải gắn các vùng sản xuất nông nghiệp với lâm và ngư nghiệp. Việc phát triển cơ cấu nông - lâm - ngư

ng nghiệp góp phần phát triển bền vững ở Bắc Trung Bộ,... (SGK/156, địa lí 12 cơ bản).

Câu 29. D

Nguyên nhân chủ yếu nhất làm cho Trung du và miền núi Bắc Bộ có khả năng đa dạng hóa cơ cấu kinh tế là do vùng này có tài nguyên thiên nhiên hết sức đa dạng, từ khoáng sản, thủy điện đến tài nguyên du lịch, các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản,...

Câu 30. A

Đường Hồ Chí Minh, trục đường bộ xuyên quốc gia thứ hai của nước ta, đã đem lại ý nghĩa chủ yếu thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của dải đất phía tây (SGK/131, địa lí 12 cơ bản).

Câu 31. C

Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp và cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ của nước ta sẽ đem lại ý nghĩa chủ yếu là triển nền nông nghiệp hàng hóa có hiệu quả cao, góp phần đẩy mạnh sự phát triển kinh tế chung của vùng. Đồng thời, cũng có tác dụng hạn chế nạn du canh, du cư của lao động trong vùng.

Câu 32. B

Căn cứ vào bảng số liệu và yêu cầu đề bài: thể hiện tốc độ tăng trưởng > Biểu đồ đường là biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng than, dầu thô và điện của nước ta giai đoạn 2006 đến 2014.

Câu 33. A

Ở nhiều nơi của vùng biển phía Nam nước ta, hoạt động du lịch biển diễn ra được trong suốt cả năm chủ yếu là do ở phía Nam không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên có nền nhiệt độ cao quanh năm rất thích hợp cho sự phát triển của các hoạt động du lịch biển.

Câu 34. A

Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ, địa hình thấp và bằng phẳng, được bồi tụ phù sa của hệ thống sông Hồng và hệ thống sông Thái Bình. Đồng bằng rộng khoảng 15 nghìn km, địa hình cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển. ***ĐBSH không có khu vực đồi núi ở phía đông (chỉ có một số đồi núi sót)*** => ***Ý A không đúng.***

Câu 35. D

Qua bảng số liệu, rút ra một số nhận xét sau:

- Các quốc gia đều có xu hướng tăng lên => B đúng
- Thái Lan tăng 54,6 tỉ đô la, Việt Nam tăng 81,6 tỉ đô la, Xin-ga-po tăng 106,6 tỉ đô la
=> Thái Lan tăng ít hơn Việt Nam và Việt Nam tăng ít hơn Xin-ga-po=> A, C đúng
- Về tốc độ tăng:
 - + Việt Nam, tăng nhanh nhất: $(161,3/79,7) \times 100 = 202,3\%$
 - + Tiếp đến là Thái Lan, tăng: $(280,1/225,5) \times 100 = 124\%$
 - + Cuối cùng là Xin-ga-po tăng chậm nhất, tăng $(577,7/471,1) \times 100 = 123\% 2$
- => Việt Nam nhanh hơn Xin-ga-po => nhận xét D sai

Câu 36. B

Qua biểu đồ, rút ra một số nhận xét sau:

- Nhìn chung, sản lượng than, dầu và điện đều có xu hướng tăng lên nhưng có dầu thô vào giai đoạn 2005 – 2014 giảm nhẹ (giảm 1,1 triệu tấn)=>Ý A đúng.
- Về tốc độ tăng:
 - + Dầu thô tăng: $(17,477,6) \times 100 = 229\%$
 - + Than tăng: $(41,18,4) \times 100 = 489\%$
 - + Điện tăng: $(141,3/14,7) \times 100 = 961\%$
- => Dầu thô tăng chậm nhất, chậm hơn than và điện => nhận xét B sai

Câu 37. A

Biện pháp quan trọng nhất để khai thác tốt hơn tiềm năng tự nhiên cho sản xuất lương thực Đồng bằng

sông Cửu Long là giải quyết tốt vấn đề thủy lợi vì vùng Đồng bằng sông Cửu Long có mùa khô sâu sắc, diện tích đất mặn và đất phèn lớn. Sau

=> Phát triển thủy lợi giúp đảm bảo nguồn nước tưới tiêu, thau chua rửa mặn, cải tạo và mở rộng diện tích đất sản xuất (SGK/188, địa lí 12 cơ bản).

Câu 38. D

Nhận xét Bắc Trung Bộ tập trung nhiều nhà máy điện công suất lớn nhất so với cả nước là không đúng. Các nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất nước ta là Sơn La (2400MW), Hòa Bình (1920MW),... đều tập trung ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 39. C

Nhiệm vụ quan trọng nhất để phát triển bền vững công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển công nghiệp theo chiều sâu (SGK/177, địa lí 12 cơ bản).

Câu 40. B

Sản xuất với trình độ thâm canh cao, sử dụng nhiều máy móc, vật tư nông nghiệp là đặc điểm của vùng nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long (SGK/108, địa lí 12 cơ bản).

SỞ GD&ĐT NINH BÌNH

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA LẦN 2 NĂM 2019

Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI.

Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Mã đề thi: 022

Câu 41. Phát biểu nào sau đây không đúng với đặc điểm dân số của nước ta hiện nay?

- A. Nhiều thành phần dân tộc
- B. Đông dân.
- C. Dân số tăng nhanh, cơ cấu dân số trẻ.
- D. Phân bố dân cư chưa hợp lý.

Câu 42. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết hồ thủy lợi Dầu Tiếng thuộc sông nào sau đây?

- A. Sông Hồng.
- B. Sông Đà.
- C. Sông Sài Gòn.
- D. Sông Đồng Nai

Câu 43. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, phía tây giáp Lào tỉnh Nghệ An có mật độ dân số khoảng

- A. trên 2000 người/km².
- B. từ 50-100 người/km².
- C. từ 500-1000 người/km².
- D. dưới 50 người/km².

Câu 44. Phát biểu nào sau đây không đúng với cảnh quan thiên nhiên của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta?

- A. Động vật tiêu biểu là các loài thú lớn vùng nhiệt đới và xích đạo.
- B. Vùng đồng bằng, vào mùa đông trồng rau, quả cận nhiệt và ôn đới.
- C. Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu là đới rừng nhiệt đới gió mùa
- D. Mùa đông bầu trời nhiều mây, trời lạnh, mưa ít, nhiều loài cây rụng lá.

Câu 45. Phương hướng nào sau đây không đặt ra để tiếp tục hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta?

- A. Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị, công nghệ.
- B. Mở rộng, tìm kiếm thị trường xuất khẩu sản phẩm công nghiệp.
- C. Tập trung phát triển công nghiệp khai thác và chế biến dầu khí.
- D. Xây dựng cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt.

Câu 46. Trong những năm gần đây mạng lưới đường bộ ở nước ta được mở rộng và hiện đại hóa là nhờ

- A. chính sách phát triển, nhu cầu vận chuyển hàng hóa tăng.
- B. huy động các nguồn vốn và tập trung đầu tư.

- C. trình độ người lao động cao, cơ sở hạ tầng phát triển.
D. chiến lược phát triển táo bạo, hiện đại hóa cơ sở vật chất.

Câu 47. Vùng biển nước ta giàu nguồn lợi sinh vật là do

- A. thêm lục địa nóng, độ mặn lớn. B. có nhiều ngư trường trọng điểm.
C. có nhiều vùng, vịnh, đầm phá. D. nước biển ấm, nhiều ánh sáng, giàu ôxi.

Câu 48. Ngành chăn nuôi gia súc lớn của nước ta chủ yếu sử dụng nguồn thức ăn từ

- A. các đồng cỏ tự nhiên. B. phụ phẩm của ngành thủy sản.
C. thức ăn chế biến công nghiệp. D. sản xuất lương thực, thực phẩm.

Câu 49.

Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ TRUNG BÌNH PHÂN THEO GIỚI TÍNH CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1995 - 2014

(Đơn vị: Nghìn người)

Năm	1995	2000	2005	2010	2014
Tổng dân số	71995	77631	82392	86947	90729
Dân số nam	35237	38165	40522	42993	44758
Dân số nữ	36758	39466	41870	43954	45971

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê 2016)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu dân số trung bình phân theo giới tính của nước ta giai đoạn 1995 - 2014, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Cột. C. Miền. D. Đường

Câu 50: Trọng tâm của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ từng ngành ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. đa dạng hóa sản phẩm của nền nông nghiệp nhiệt đới.
B. hình thành các ngành công nghiệp trọng điểm.
C. phát triển và hiện đại hóa công nghiệp chế biến.
D. phát triển mạnh các ngành tài chính, ngân hàng.

Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây không có ngành Công nghiệp luyện kim đen?

- A. Cần Thơ. B. Thành Phố Hồ Chí Minh.
C. Đà Nẵng. D. Thái Nguyên.

Câu 52. Nguyên nhân chính nào sau đây tạo ra sự khác biệt trong cơ cấu sản phẩm nông nghiệp giữa vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ với vùng Tây Nguyên?

- A. Truyền thống sản xuất. B. Đặc điểm về địa hình, đất đai.
C. Trình độ thâm canh. D. Đặc điểm về đất đai, khí hậu.

Câu 53. Biện pháp quan trọng nhất để phát triển bền vững trong ngành công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là

- A. tăng cường đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng.
B. bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển công nghiệp theo chiều sâu.
C. quy hoạch và xây dựng thêm các khu công nghiệp, khu chế xuất.
D. đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp khai thác dầu khí.

Câu 54. Đường biên giới quốc gia trên biển của nước ta được xác định là ranh giới ngoài của vùng

- A. lãnh hải. B. nội thủy. C. đặc quyền kinh tế. D. tiếp giáp lãnh hải.

Câu 55. Ý nghĩa chiến lược về mặt kinh tế của các đảo và quần đảo ở nước ta là

- A. khai thác hiệu quả các nguồn lợi biển.
B. tạo hệ thống tiên tiêu bảo vệ đất liền.
C. căn cứ để tiến ra biển và đại dương.

D. cơ sở khẳng định chủ quyền đối với vùng biên.

Câu 56. Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được biểu hiện ở

- A.** độ ẩm không khí cao. **B.** khí hậu phân mùa rõ rệt.
C. tổng lượng bức xạ mặt trời lớn. **D.** cân bằng âm luôn dương

Câu 57. Việc phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Tây Nguyên không đem lại hiệu quả nào sau đây:

- A.** Nâng cao vị trí về quốc phòng và xây dựng kinh tế mở.
B. Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.
C. Thu hút dân cư, lao động từ vùng khác
D. Tạo ra tập quán sản xuất mới cho đồng bào dân tộc

Câu 58. Khó khăn lớn nhất trong việc sử dụng tài nguyên nước hiện nay ở nước ta là

- A.** mạng lưới sông suối dày đặc và giàu lượng phù sa
B. lưu lượng nước lớn và phân bố không đồng đều giữa các vùng.
C. các sông ở miền Bắc ngắn, dốc, đóng băng vào mùa đông.
D. ngập lụt vào mùa mưa, thiếu nước vào mùa khô và ô nhiễm môi trường nước

Câu 59. Sự hình thành các khu công nghiệp tập trung và khu chế xuất ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là nhờ

- A.** lực lượng lao động kỹ thuật cao. **B.** thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
C. cơ sở năng lượng phong phú. **D.** nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng.

Câu 60. Việc mở rộng, đa dạng hóa các loại hình đào tạo, các ngành nghề nhằm mục đích

- A.** thực hiện kế hoạch hóa gia đình, kiểm chế tốc độ tăng dân số.
B. đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu dân số nông thôn và thành thị.
C. thu hút đầu tư, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về xuất khẩu lao động.
D. để người lao động tự tạo hoặc tìm kiếm việc làm thuận lợi hơn.

Câu 61. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết nhận xét nào sau đây không đúng với kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A.** Chè là cây công nghiệp chuyên môn hóa chủ yếu.
B. Chiếm tỷ trọng nhỏ trong GDP của cả nước
C. Hạ Long là trung tâm công nghiệp lớn nhất vùng.
D. Dịch vụ chiếm tỉ trọng nhỏ nhất trong cơ cấu GDP.

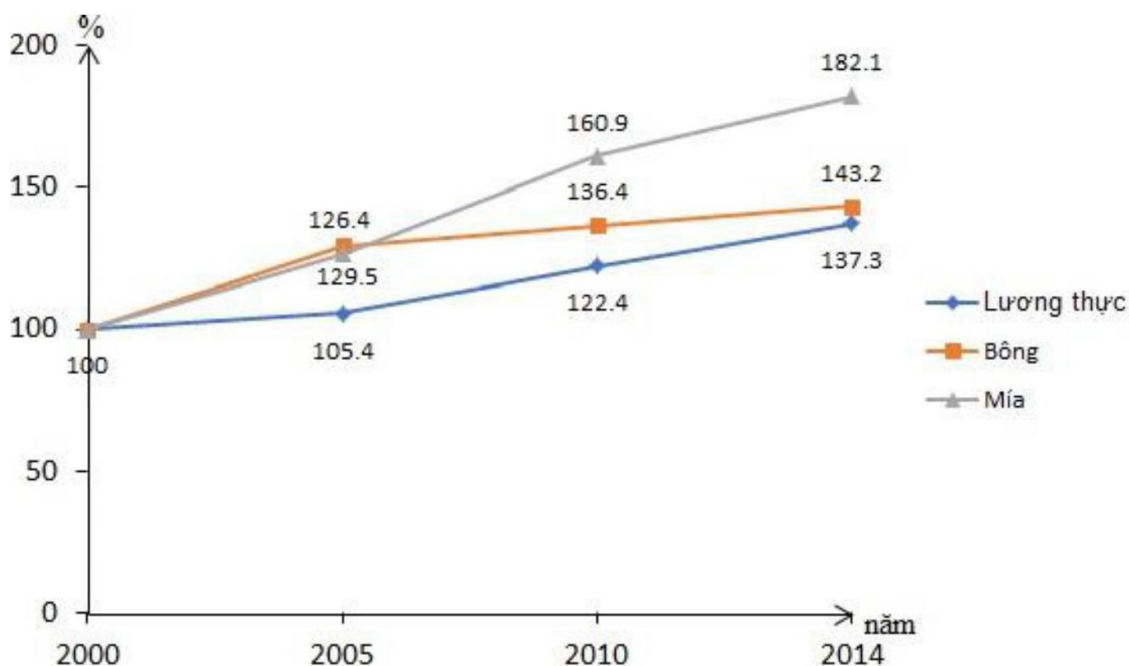
Câu 62. Hướng chính trong phát triển kinh tế vùng biển ở Đồng bằng sông Cửu Long là kết hợp

- A.** khai thác sinh vật biển, khoáng sản và phát triển du lịch biển.
B. khai thác mặt biển, đảo, quần đảo và đất liền tạo nên một thể kinh tế liên hoàn.
C. khai thác vùng bờ biển với đất liền và hệ thống sông ngòi, kênh rạch.
D. khai thác du lịch biển, phát triển giao thông vận tải biển và du lịch miệt vườn.

Câu 63. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 -5, tỉnh có đường biên giới giáp với Lào và Campuchia là

- A.** Đắk Lắk. **B.** Kon Tum. **C.** Gia Lai. **D.** Quảng Nam.

Câu 64. Cho biểu đồ về sản lượng lương thực, bông, mía của Trung Quốc, giai đoạn 2000 – 2014



(Nguồn số liệu theo Niên giám Thống kê 2015, NXB Thống kê, 2016)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây

- A. Giá trị sản lượng lương thực, bông, mía của Trung Quốc
- B. Tốc độ tăng trưởng sản lượng lương thực, bông, mía của Trung Quốc
- C. Quy mô sản lượng lương thực, bông, mía của Trung Quốc
- D. Thay đổi cơ cấu sản lượng lương thực, bông, mía của Trung Quốc

Câu 65. Điều kiện thuận lợi về tự nhiên cho việc nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước mặn ở nước ta là

- A. dọc bờ biển có nhiều đầm phá, bãi triều, rừng ngập mặn.
- B. có nhiều sông suối, kênh rạch, các ô trũng ở đồng bằng.
- C. thị trường xuất khẩu thủy sản ngày càng đa dạng.
- D. nhân dân có nhiều kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản.

Câu 66. Sự phát triển của ngành nội thương ở nước ta thể hiện rõ qua

- A. số lượng và quy mô của các cơ sở buôn bán.
- B. các mặt hàng buôn bán trên thị trường ngày càng đa dạng
- C. tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng.
- D. số lượng lao động tham gia trong ngành nội thương.

Câu 67. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, thảm thực vật tiêu biểu của vườn quốc gia mũi Cà Mau là

- A. rừng ngập mặn.
- B. rừng kín thường xanh.
- C. rừng tre nứa
- D. rừng trồng

Câu 68. Hiện nay, giá nông sản của Liên minh Châu Âu (EU) thấp hơn so với giá thị trường thế giới là do

- A. sản xuất nông sản đa dạng.
- B. sản lượng nông sản lớn.
- C. EU trợ cấp cho hàng nông sản.
- D. thị trường tiêu thụ được mở rộng.

Câu 69. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết cảng biển Chân Mây thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây?

- A. Quảng Nam.
- B. Quảng Trị.
- C. Thừa Thiên Huế.
- D. Đà Nẵng.

Câu 70. Các trung tâm công nghiệp của Nhật Bản tập trung chủ yếu ở

- A. phía nam, ven bờ An Độ Dương.
- B. phía tây nam, ven biển Nhật Bản
- C. phía đông nam, ven bờ Thái Bình Dương.
- D. phía đông bắc, ven bờ Đại Tây Dương

Câu 71. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết ngành công nghiệp nào sau đây thuộc ngành

công nghiệp năng lượng?

- A. Dệt may. B. Khai thác dầu mỏ. C. Lương thực D. Gỗ, giấy, Xenlulô.

Câu 72. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về sự phân bố các cây công nghiệp ở nước ta?

- A. Cây dừa được trồng nhiều ở các tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ.
B. Cây cao su được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ.
C. Cây chè được trồng nhiều nhất ở vùng Tây Nguyên.
D. Cây mía được trồng nhiều nhất ở Đồng bằng sông Hồng.

Câu 73. Nguyên nhân chủ yếu làm cho cơ cấu công nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ chưa thật định hình là do

- A. thiếu vốn và kỹ thuật.
B. thiếu lao động có trình độ.
C. có nhiều thiên tai, môi trường ô nhiễm.
D. tài nguyên khoáng sản hạn chế.

Câu 74. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết ở Châu Á, Việt Nam có giá trị xuất khẩu lớn nhất với quốc gia và vùng lãnh thổ nào sau đây?

- A. Hoa Kỳ. B. Nhật Bản. C. Trung Quốc D. Đài Loan.

Câu 75. Đặc trưng của việc phát triển nền nông nghiệp hàng hoá ở nước ta hiện nay là

- A. đẩy mạnh thâm canh, chuyên môn hóa
B. phân bố những vùng có truyền thống sản xuất.
C. tạo nhiều nông sản, nhiều lợi nhuận.
D. quan tâm nhiều hơn đến thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Câu 78. Cho bảng số liệu:

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, GIAI ĐOẠN 2012 - 2015

(Đơn vị: %)

Quốc gia	2012	2014	2015
Mỹ	2,2	2,4	2,6
Trung Quốc	7,9	7,3	6,9
Liên bang Nga	3,5	0,7	-3,7

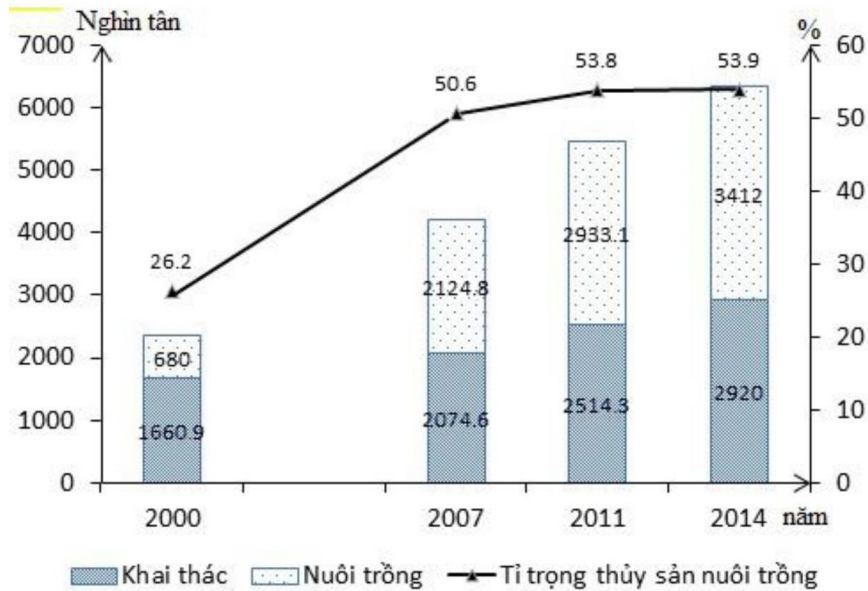
(Nguồn: Niên giám Thống kê 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây không đúng khi so sánh tốc độ tăng trưởng GDP của một số quốc gia, giai đoạn 2012 - 2015?

- A. Năm 2015, Liên bang Nga có tốc độ tăng trưởng GDP thấp nhất.
B. Mỹ có tốc độ tăng trưởng GDP khá thấp nhưng ổn định.
C. Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất.
D. Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng GDP thấp nhất và không ổn định.

Câu 79. Cho biểu đồ:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN VÀ TỈ TRỌNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2014



(Nguồn số liệu theo Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2015, NXB Thống kê, 2016)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng thủy sản và tỉ trọng thủy sản nuôi trồng của nước ta giai đoạn 2010 - 2014?

- A. giai đoạn 2007 – 2014, tỉ trọng thủy sản nuôi trồng lớn hơn khai thác
- B. Tổng sản lượng thủy sản thấp và có xu hướng giảm liên tục
- C. Sản lượng thủy sản khai thác luôn cao hơn sản lượng nuôi trồng
- D. Sản lượng thủy sản khai thác tăng liên tục, tỉ trọng luôn cao nhất.

Câu 80. Bảo vệ rừng trên thượng lưu các con sông ở Đông Nam Bộ nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Bảo vệ các hồ thủy điện trước sự bồi lắng phù sa
- B. Hạn chế lũ lớn và xói mòn đất ở các vùng hạ lưu.
- C. Bảo tồn tính đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường.
- D. Tránh mất nước ở các hồ chứa, giữ mực nước ngầm.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

41-C	42-C	43-D	44-A	45-B	46-B	47-D	48-A	49-C	50-C
51-C	52-D	53-B	54-A	55-A	56-C	57-A	58-D	59-B	60-D
61-D	62-B	63-B	64-B	65-A	66-C	67-A	68-C	69-C	70-C
71-B	72-B	73-A	74-B	75-D	76-D	77-A	78-D	79-A	80-D

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 41.

Dân số nước ta tăng nhanh, tuy nhiên hiện nay cơ cấu dân số đang bước vào thời kì cơ cấu dân số vàng và có xu hướng già hóa (tỉ lệ trẻ em có xu hướng giảm, tỉ lệ người trong độ tuổi lao động cao).

=> đặc điểm cơ cấu dân số trẻ là không còn phù hợp với dân số nước ta hiện nay.

Chọn C.

Câu 42.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, hồ thủy lợi Dầu Tiếng thuộc hệ thống sông Sài Gòn

Chọn C

Câu 43.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, xác định kí hiệu mật độ dân số. Khu vực vùng núi phía Tây của Nghệ An (giáp Lào) có nền màu nhạt nhất => thể hiện mật độ dân số dưới 50 người/km²

Chọn D.

Câu 44.

Cảnh quan thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc nước ta có các loài thú lông dày như gấu, chồn...”Động vật tiêu biểu là các loài thú lớn vùng nhiệt đới và cận nhiệt” không phải là đặc điểm của thiên nhiên lãnh thổ phía Bắc.(SGK/48 Địa 12)

Chọn A.

Câu 45.

Để tiếp tục hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp nước ta, phương hướng không đúng là mở rộng, tìm kiếm thị trường xuất khẩu sản phẩm công nghiệp. (SGK/114 Địa 12)

Chọn B.

Câu 46.

Trong những năm gần đây mạng lưới đường bộ ở nước ta được mở rộng và hiện đại hóa là nhờ nhà nước đã huy động được các nguồn vốn và tập trung đầu tư. (SGK/131 Địa 12)

Chọn B.

Câu 47.

Vùng biển nước ta giàu nguồn lợi sinh vật là do nước biển ấm, nhiều ánh sáng, giàu ôxi thuận lợi cho sinh vật biển phát triển đa dạng, giàu có về số lượng và thành phần loài.

Chọn D.

Câu 48.

Ngành chăn nuôi gia súc lớn của nước ta chủ yếu sử dụng nguồn thức ăn từ các đồng cỏ tự nhiên: hoạt động chăn thả trâu, bò trên các đồng cỏ, cao nguyên lớn.

Chọn A.

Câu 49.

- Đề bài yêu cầu thể hiện sự thay đổi cơ cấu”

Câu 53.

Biện pháp quan trọng nhất để phát triển bền vững trong ngành công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển công nghiệp theo chiều sâu.

Chọn B.

Câu 54.

Đường biên giới quốc gia trên biển của nước ta được xác định là ranh giới ngoài của vùng lãnh hải (xác định bởi các đường song song cách đều đường cơ sở về phía biển và đường phân định trên các vịnh với các nước hữu quan).

Chọn A

Câu 55.

Ý nghĩa chiến lược về mặt kinh tế của các đảo và quần đảo ở nước ta là khai thác hiệu quả các nguồn lợi biển về thủy sản, du lịch, giao thông đường biển và khai thác khoáng sản biển.

Chọn A

Câu 56.

Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được biểu hiện ở tổng lượng bức xạ mặt trời lớn, do nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên được cung cấp một lượng nhiệt lớn.

Chọn C.

Câu 57.

Việc phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Tây Nguyên góp phần sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đã thu hút về đây hàng vạn lao động từ các vùng khác nhau của đất nước, tạo ra tập quán sản xuất mới cho đồng bào các dân tộc Tây Nguyên. (SGK/170 Địa lí 12). Việc phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Tây Nguyên không góp phần nâng cao vị trí về quốc phòng và xây dựng kinh tế mở.

Chọn A.

Câu 58.

Khó khăn lớn nhất trong việc sử dụng tài nguyên nước hiện nay ở nước ta là ngập lụt vào mùa mưa, thiếu nước vào mùa khô và ô nhiễm môi trường nước. (SGK/61 Địa lí 12)

Chọn D.

Câu 59.

Việc thu hút đầu tư nước ngoài đã thúc đẩy sự hình thành các khu công nghiệp tập trung và khu chế xuất ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ (SGK/163 Địa lí 12)

Chọn B

Câu 60.

Việc mở rộng, đa dạng hóa các loại hình đào tạo, các ngành nghề nhằm mục đích nâng cao chất lượng đội ngũ lao động, để người lao động có thể tự tạo hoặc tìm kiếm việc làm thuận lợi hơn. (SGK/76 Địa lí 12)

Chọn D.

Câu 61.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, nhận xét các đặc điểm kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là: - Chè là cây công nghiệp chuyên môn hóa chủ yếu của vùng => các vùng chuyên canh chè lớn Phú Thọ, Tuyên

Quang, Mộc Châu...=> A đúng

- Chiếm tỉ trọng nhỏ trong GDP của cả nước, chỉ chiếm 8,1% so với cả nước => B đúng

- Hạ Long là trung tâm công nghiệp lớn nhất vùng => C đúng

- Trong cơ cấu GDP (biểu đồ tròn): công nghiệp

- xây dựng chiếm tỉ trọng thấp nhất (29,5%), dịch vụ chiếm tỉ trọng lớn nhất (35,5%) => D sai

Chọn D.

Câu 62.

Hướng chính trong phát triển kinh tế vùng biển ở Đồng bằng sông Cửu Long là kết hợp khai thác mặt biển, đảo, quần đảo và đất liền tạo nên một thể kinh tế liên hoàn.

Chọn B.

Câu 63.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 -5, tỉnh có đường biên giới giáp với Lào và Campuchia là Kon

Chọn B

Câu 64.

- Biểu đồ đường, có đơn vị %, gồm 4 mốc năm - Thể hiện 3 đối tượng là lương thực, bông, mía

=> Biểu đồ trên thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng lương thực, bông, mía của Trung Quốc.

Chọn B.

Câu 65.

Xác định từ khóa: “tự nhiên”, “nuôi trồng

=> ”Điều kiện thuận lợi về tự nhiên cho việc nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước mặn ở nước ta là dọc bờ biển có nhiều đầm phá, bãi triều, rừng ngập mặn.

Chọn A.

Câu 66.

Sự phát triển của ngành nội thương ở nước ta thể hiện rõ qua tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Chọn C.

Câu 67.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, thảm thực vật tiêu biểu của vườn quốc gia mũi Cà Mau là rừng ngập mặn (kí hiệu nền màu tím)

Chọn A.

Câu 68.

Hiện nay, giá nông sản của Liên minh Châu Âu (EU) thấp hơn so với giá thị trường thế giới là do EU trợ cấp giá cho hàng nông sản. (SGK/50 Địa 11)

Chọn C.

Câu 69.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, xác định vị trí cảng biển Chân Mây => cảng Chân Mây thuộc tỉnh Thừa Thiên – Huế.

Chọn C.

Câu 70.

Các trung tâm công nghiệp của Nhật Bản tập trung chủ yếu ở C. phía đông nam, ven bờ Thái Bình Dương.

Chọn C

Câu 71.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, xác định được ngành công nghiệp khai thác dầu mỏ thuộc ngành công nghiệp năng lượng, tài nguyên dầu khí là nguồn nguyên, nhiên liệu có giá trị rất lớn cho phát triển nhiệt điện, sản xuất nhiên liệu xăng dầu, chất đốt...

Chọn B.

Câu 72.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, nhận xét về sự phân bố các cây công nghiệp ở nước ta là:

- Cây dừa được trồng nhiều ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long => A sai
- Cây cao su được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ => B đúng
- Cây chè được trồng nhiều nhất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ => C sai
- Đồng bằng sông Hồng không chuyên canh cây mía => D sai

Chọn B.

Câu 73.

Nguyên nhân chủ yếu làm cho cơ cấu công nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ chưa thật định hình là do vùng còn thiếu vốn và kỹ thuật. (SGK/159 Địa 12)

Chọn A.

Câu 74.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, xác định được ở thị trường Châu Á, Việt Nam có giá trị xuất khẩu lớn nhất với Nhật Bản: xem kí hiệu nửa hình tròn màu xanh lớn nhất ở Nhật Bản với trên 6 tỉ đô la Mỹ.

Chọn B.

Câu 75.

Đặc trưng của việc phát triển nền nông nghiệp hàng hoá ở nước ta hiện nay là người nông dân quan tâm

nhiều hơn đến thị trường tiêu thụ sản phẩm. (khác với nền nông nghiệp cổ truyền là sản xuất tự cung tự cấp chủ yếu cho tiêu thụ trong gia đình).

Chọn D.

Câu 76.

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, xác định trung tâm du lịch Thành phố Hồ Chí Minh gồm có sản phẩm du lịch làng nghề cổ truyền, di tích lịch sử cách mạng, thắng cảnh, TP. HCM không có lễ hội truyền thống.

Chọn D.

Câu 77.

Loại đất chiếm diện tích lớn nhất của đới nhiệt đới gió mùa ở nước ta là đất feralit.

Chọn A.

Câu 78.

Khi so sánh tốc độ tăng trưởng GDP của một số quốc gia, giai đoạn 2012 – 2015:

- Năm 2015, Liên bang Nga có tốc độ tăng trưởng GDP thấp nhất: -3,7% => A đúng
- Mỹ có tốc độ tăng trưởng GDP khá thấp nhưng ổn định từ 2,2% lên 2,6%. => B đúng
- Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất nhưng đang có xu hướng giảm dần, năm 2015 là 6,9%=>C đúng
- Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng GDP thấp nhất là không đúng => D sai

Chọn D.

Câu 79.

Quan sát bảng số liệu ta thấy:

- Tổng sản lượng thủy sản có xu hướng tăng liên tục => B sai
- Giai đoạn 2007 – 2014, sản lượng thủy sản nuôi trồng luôn lớn hơn khai thác => do đó tỉ trọng thủy sản nuôi trồng cũng luôn lớn hơn khai thác => A đúng

Năm 2007: 2124, > 2074,6 nghìn tấn

Năm 2011: 2933,1 > 2514,3 nghìn tấn

Năm 2014: 3412 > 2920 nghìn tấn

- Sản lượng thủy sản khai thác luôn cao hơn sản lượng nuôi trồng => C sai
- Sản lượng thủy sản khai thác tăng liên tục, tỉ trọng luôn cao nhất => D sai

Chọn A.

Câu 80.

Bảo vệ rừng trên thượng lưu các con sông ở Đông Nam Bộ nhằm mục đích chủ yếu là để tránh mất nước ở các hồ chứa, giữ mực nước ngầm.(SGK/181 Địa 12)

Chọn D.

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BẮC GIANG**

KÌ THI THỬ THPT QUỐC GIA – LẦN 2 NĂM 2019

Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút

MÃ ĐỀ : 316

Câu 41. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, nhà máy thủy điện Dray Heing thuộc tỉnh

- A.** Gia Lai **B.** Lâm Đồng **C.** Đắk Lắk **D.** Kon Tum

Câu 42. Các loài cây ôn đới có nhiều nhất ở khu vực nào sau đây?

- A.** Tây Nguyên **B.** Bắc Trung Bộ **C.** Đông Nam Bộ **D.** Tây Bắc

Câu 43. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, tỉnh nào sau đây vừa tiếp giáp với Trung Quốc vừa tiếp giáp Lào?

- A.** Lai Châu **B.** Quảng Ninh **C.** Lạng Sơn **D.** Điện Biên

Câu 44. Sắt nước ta tập trung nhiều ở vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng B. Trung du và miền núi Bắc Bộ
C. Duyên hải Nam Trung Bộ D. Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 45. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, tỉnh nào sau đây có số lượng bộ nhiều hơn trâu?

- A. Lào Cai B. Phú Thọ C. Tuyên Quang D. Yên Bái

Câu 46. Ở vùng biển nước ta, khu vực tập trung động đất là ven biển

- A. Nam Trung Bộ B. Đồng bằng sông Hồng C. Đông Nam Bộ D. Bắc Trung Bộ

Câu 47. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có đỉnh núi nào sau đây

- A. Pu Huổi Long B. Pu Tha Ca C. Kiều Liêu Ti D. Tây Côn Lĩnh

Câu 48. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích gieo trồng cây công nghiệp so với tổng diện tích gieo trồng dưới 10%?

- A. Tiền Giang. B. Tây Ninh. C. Bình Dương D. Long An.

Câu 49. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, thiếc có ở các tỉnh nào sau đây?

- A. Tuyên Quang, Cao Bằng, Nghệ An. Con
B. Tuyên Quang, Quảng Ninh, Nghệ
C. Quảng Ninh, Cao Bằng, Nghệ An.
D. Tuyên Quang, Cao Bằng, Quảng Ninh.

Câu 50. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 16, dân tộc Hmông, Dao, Pà Thẻn cư trú chủ yếu ở

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 51. Chỉ tiêu nào sau đây của khu vực nông thôn cao hơn so với khu vực đô thị

- A. Đóng góp ngân sách. B. Đóng góp GDP.
C. Tỉ lệ thiếu việc làm. D. Tỉ lệ thất nghiệp

Câu 52. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, Buôn Ma Thuột là đô thị

- A. loại 4. B. loại 2. C. loại 3 D. loại 1.

Câu 53. Trên đất liền, điểm cực Nam nước ta ở vĩ độ

- A. 8°34'B. B. 9°34'B. C. 23°23'B. D. 32°23'B.

Câu 54. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, địa điểm nào sau đây có tổng lượng mưa từ tháng XI - IV lớn nhất?

- A. Lũng Cú. B. Hà Tiên. C. Hà Nội. D. Huế

Câu 55. Tỉ lệ gia tăng dân số của nước ta có xu hướng giảm chủ yếu do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Cơ cấu dân số chuyển dịch nhanh theo xu hướng già hóa
B. Thực hiện chính sách chuyên cư phù hợp giữa các vùng
C. Thực hiện tốt chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.
D. Chất lượng cuộc sống của nhân dân ngày càng được nâng cao,

Câu 56. Cảnh quan thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc nước ta không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Động vật tiêu biểu là các loại thú lớn nhất
B. Trong rừng có các loài cây ôn đới
C. Động vật tiêu biểu là các loài thú là lông dày như gấu, chồn...
D. Trong rừng có các loại cây cận nhiệt đới như dẻ..

Câu 57. Cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng nào sau đây?

- A. Tỉ trọng khu vực kinh tế ngoài Nhà nước tăng
B. Phát triển đồng đều tất cả các thành phần kinh tế
C. Tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm
D. Tỉ trọng khu vực kinh tế Nhà nước tăng mạnh

Câu 60. Biện pháp có ý nghĩa hàng đầu đối với việc sử dụng hợp lý đất đai ở Đồng bằng sông Hồng là:

- A. hạn chế ô nhiễm môi trường đất B. tăng cường công tác thủy lợi

- C.** chú ý cải tạo đất phèn, đất mặn. **D.** đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ

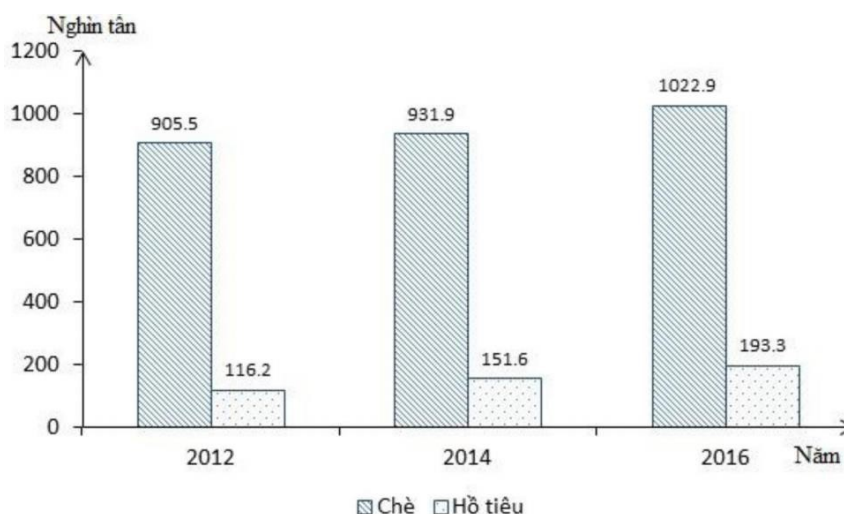
Câu 61: Điều kiện tự nhiên nào sau đây thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới ở Đông Nam Á?

- A.** khí hậu nóng, khô, hệ đất trồng phong phú, mạng lưới sông ngòi dày đặc
B. khí hậu nóng ẩm, nhiều đồng bằng rộng lớn, nguồn nước ngầm dồi dào.
C. khí hậu nóng khô, nhiều đồng bằng rộng lớn, nguồn nước ngầm dồi dào.
D. khí hậu nóng ẩm, hệ đất trồng phong phú, mạng lưới sông ngòi dày đặc nhà

Câu 62: Cây cà phê, cao su, hồ tiêu được trồng nhiều ở Đông Nam Á chủ yếu là do có

- A.** nguồn lao động dồi dào, nhiều kinh nghiệm.
B. đất phù sa màu mỡ, nguồn nước dồi dào.
C. khí hậu nóng ẩm, đất badan màu mỡ.
D. thị trường rộng lớn, ngày càng mở rộng

Câu 63: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

(Nguồn số liệu theo Website: <https://www.goo.gov.vn>)

- A.** Sự chuyển dịch cơ cấu sản lượng chè, hồ tiêu của nước ta giai đoạn 2012 - 2016.
B. Tốc độ tăng trưởng sản lượng chè, hồ tiêu của nước ta giai đoạn 2012 - 2016.
C. Sản lượng chè, hồ tiêu của nước ta giai đoạn 2012 - 2016.
D. Quy mô, cơ cấu sản lượng chè, hồ tiêu của nước ta giai đoạn 2012- 2016.

Câu 64: Thách thức lớn của ASEAN là

- A.** vốn đầu tư nước ngoài có xu hướng giảm nhanh.
B. trình độ phát triển giữa các nước còn chênh lệch.
C. tỉ lệ người đói nghèo có xu hướng tăng nhanh.
D. chưa kiểm soát được hiện tượng bùng nổ dân số.

Câu 65. Trở ngại lớn nhất đối với nghề khai thác hải sản xa bờ ở nước ta là

- A.** thiếu nhiều lao động **B.** môi trường biển ô nhiễm
C. biển có nhiều bão **D.** thiếu vốn đầu tư

Câu 66. Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ NĂM 2017 CỦA MỘT SỐ NƯỚC NAM MỸ

	Diện tích (Nghìn km)	Dân số 2017 (Triệu người)
Ăc- hen-ti-na	2.780,4	44,3
Bô-li-vi-a	1.098,6	11,1
Bra-xin	8.515,8	207,9
Chi - lê	756,1	18,4

(Nguồn số liệu theo Website: <https://www.gso.gov.vn>)

Nhận xét nào sau đây đúng về diện tích và dân số năm 2017 của một số nước Nam Mỹ?

- A. Chi-lê có mật độ dân số nhỏ nhất B. Ác-hen-ti-na có diện tích nhỏ nhất
C. Bra-xin có mật độ dân số lớn nhất D. Bô-li-vi-a có số dân lớn nhất

Câu 67. Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH MÍA, BÔNG CỦA NƯỚC TA

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2010	2012	2015	2016
Mía	269,1	301,9	284,2	267,6
Bông	9,1	6,9	1,2	0,5

(Nguồn số liệu theo Website: <http://www.gso.gov.vn>)

Biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích mía, bông của nước ta giai đoạn 2010 - 2016?

- A. Biểu đồ tròn B. Biểu đồ cột C. Biểu đồ miền. D. Biểu đồ đường

Câu 68: Phát biểu nào sau đây đúng về thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ của ngành viễn thông nước ta?

- A. Sử dụng kỹ thuật số, tự động hóa cao và đa dịch vụ.
B. Các dịch vụ viễn thông đa dạng và có tính phục vụ cao.
C. Điện thoại đã đến được hầu hết các xã trong toàn quốc
D. Số thuê bao điện thoại cố định và di động tăng nhanh.

Câu 69: Việc trồng rừng ven biển ở Bắc Trung Bộ có tác dụng chủ yếu nào sau đây?

- A. Hạn chế lũ lụt B. Chống lũ quét. C. Chắn gió, cát. D. Điều hòa nguồn nước

Câu 70: Trong định hướng phát triển lĩnh vực dịch vụ, cả ba vùng kinh tế trọng điểm nước ta đều chú trọng phát triển các ngành

- A. thương mại, du lịch. B. tài chính, ngân hàng
C. thương mại, tín dụng. D. công nghiệp trọng điểm.

Câu 71: Phát biểu nào sau đây đúng về giao thông vận tải đường bộ nước ta?

- A. Là ngành non trẻ nhưng có bước tiến rất nhanh.
B. Mạng lưới đường được mở rộng và hiện đại hóa
C. Có khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn nhất.
D. Phát triển chủ yếu ở vùng đồng bằng, ven biển,

Câu 72: Khó khăn lớn nhất đối với sản xuất nông nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. thiếu nước tưới nghiêm trọng. B. khi hậu có mùa đông lạnh.
C. thời tiết diễn biến thất thường. D. diện tích đất trồng nhỏ.

Câu 73: Phát biểu nào sau đây đúng về sản xuất lúa ở vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Sản phẩm chủ yếu để xuất khẩu. B. Sản lượng lớn nhất cả nước
C. Diện tích lớn nhất cả nước D. Trình độ thâm canh cao.

Câu 74: Vận tải đường ống phát triển nhất ở vùng Đông Nam Bộ chủ yếu do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Thu hút được nguồn lao động có chuyên môn cao
B. Ngành công nghiệp khai thác dầu khí phát triển
C. Nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa lớn nhất cả nước
D. Thu hút được nguồn đầu tư lớn ở trong và ngoài nước

Câu 75: Vấn đề cấp thiết trong việc phát triển nghề cá của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. hạn chế nuôi trồng để bảo vệ môi trường biển
B. khai thác hợp lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản
C. không khai thác ven bờ, chỉ đánh bắt xa bờ

D. giảm khai thác để duy trì sản lượng thủy sản

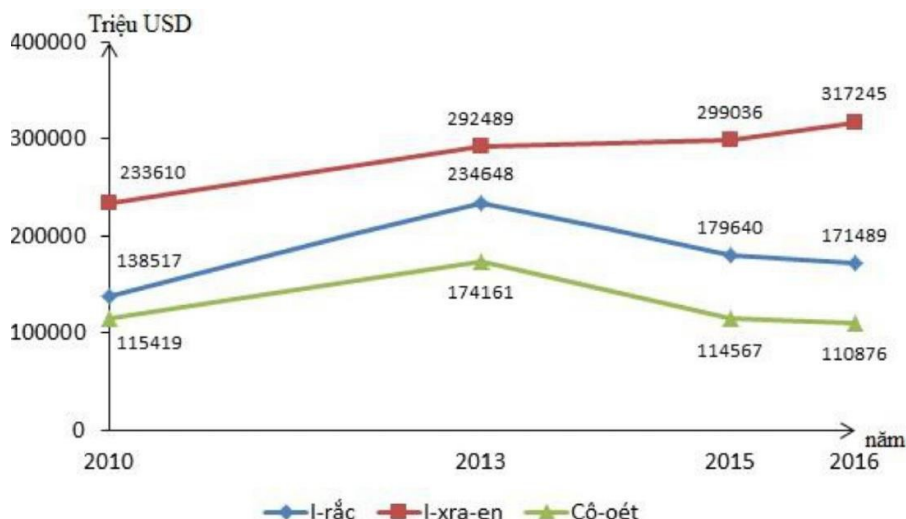
Câu 76: Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất cả nước?

- A.** Có tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp cao nhất cả nước
- B.** Có nhiều trung tâm công nghiệp nằm gần nhau
- C.** Có nhiều trung tâm công nghiệp lớn nhất nước ta
- D.** Có tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp tăng nhanh

Câu 77: Ở nước ta, đoạn bờ biển nào sau đây có điều kiện thuận lợi nhất để xây dựng cảng nước sâu?

- A.** Đồng bằng sông Hồng.
- B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.
- C.** Đồng bằng sông Cửu Long
- D.** Trung du và miền núi Bắc Bộ

Câu 78: Cho biểu đồ sau:



TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA I-RẮC, I-XRA-EN VÀ CÔ-OÉT

(Nguồn số liệu theo Website: <https://www.gso.gov.vn>)

Nhận xét nào sau đây đúng về tổng sản phẩm trong nước của I-rắc, I-xra-en, Cô-oét giai đoạn 2010-2016?

- A.** I-xra-en tăng nhanh nhất
- B.** I-rắc liên tục tăng.
- C.** I-rắc tăng nhanh nhất.
- D.** Cô-oét liên tục giảm

Câu 79: Điều kiện tự nhiên nào sau đây thuận lợi để phát triển du lịch biển - đảo ở nước ta?

- A.** Có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt.
- B.** Nguồn lao động dồi dào, chất lượng được nâng cao.
- C.** Vùng biển rộng, kín, nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa
- D.** Nhu cầu du lịch của nhân dân lớn và có xu hướng tăng.

Câu 80: Đồng bằng sông Hồng tập trung nhiều di tích, lễ hội, các làng nghề truyền thống là do

- A.** có nhiều dân tộc chung sống.
- B.** có lịch sử khai thác lâu đời.
- C.** chính sách đầu tư của Nhà nước
- D.** nền kinh tế phát triển nhanh.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

41-C	42-D	43-D	44-B	45-B	46-A	47-A	48-D	49-A	50-D
51-C	52-B	53-A	54-C	55-C	56-A	57-A	58-A	59-A	60-D
61-D	62-C	63-C	64-B	65-D	66-C	67-D	68-A	69-C	70-A

71-B	72-C	73-D	74-B	75-B	76-B	77-B	78-A	79-A	80-B
------	------	------	------	------	------	------	------	------	------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 41. C

Nhà máy thủy điện Đray Hling là công trình thủy điện xây dựng trên dòng Sê Rêpôk tại vùng đất xã Hòa Phú thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk,

Câu 42. D

Do có khí hậu mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh nên Tây Bắc có thể trồng được các cây có nguồn gốc ôn đới.

Câu 43. D

Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 4 -5, tỉnh Điện Biên có vị trí địa lý đặc biệt, vừa tiếp giáp Lào, vừa tiếp giáp Trung Quốc.

Câu 44. B

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều quặng sắt (Yên Bái).

Câu 45. B

Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 19, xác định kí hiệu trâu (màu xanh lá cây), bò (xanh da trời). Trong các tỉnh được kể tên, Phú Thọ có số lượng đàn bò nhiều hơn đàn trâu.

Câu 46. A

Tại vùng biển nước ta, động đất tập trung tại vùng ven biển Nam Trung Bộ.(SGK/64 Địa 12)

Câu 47. A

Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có đỉnh Pu Huổi Long (cao 2178m).

Câu 48. D

Long An có tỉ lệ diện tích gieo trồng cây công nghiệp so với tổng diện tích gieo trồng dưới 10%, Tiền Giang từ 20-30%, Tây Ninh (30-50%), Bình Dương (trên 50%).

Câu 49. A

Xác định kí hiệu thiếc, thiếc phân bố ở: Sơn Dương (Tuyên Quang), Tĩnh Túc (Cao Bằng), Quỳnh Châu (Nghệ An).

Câu 50. D

Dân tộc Hmông, Dao, Pà Thẻn cư trú chủ yếu ở Trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 51. C

Nước ta có tỉ lệ thiếu việc làm ở nông thôn cao hơn thành thị. Do đặc điểm hoạt động sản xuất nông nghiệp mang tính thời vụ nên thời gian nông nhàn lớn, tỉ lệ lao động thiếu việc làm ở nông thôn cao.

Câu 52. B

Quan sát bảng chú giải các phân cấp đô thị ở Atlas Địa lý trang 15, Buôn Ma Thuột là đô thị loại 2.

Câu 53. A

Trên đất liền, điểm cực Nam ở vĩ độ 8034'B, thuộc địa phận xã Đất Mũi, Ngọc Hiển, Cà Mau

Câu 54. C

Atlas Địa lý Việt Nam trang 9, cho thấy tổng lượng mưa vào tháng 11- 4 lớn nhất là ở Huế (có mùa mưa nhất - trên 1200mm). Các địa điểm còn lại chỉ 200-400mm.

Câu 55. C

Nhờ thực hiện tốt chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình nên tỉ lệ gia tăng dân số của nước ta giảm mạnh.

Câu 56. A

Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta có các loài thú lông dày do khí hậu có mùa đông lạnh. Đặc điểm, có các loài thú lớn là của phần lãnh thổ phía Nam. Nên A sai.

Câu 57. A

Hiện nay, cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế nước ta có xu hướng: Giảm tỉ trọng của khu vực Nhà nước, *tăng tỉ trọng khu vực ngoài Nhà nước*, đặc biệt là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 58. A

Xuất siêu khi xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu. Trong các tỉnh/ thành, Bình Dương là tỉnh xuất siêu (xuất khẩu - 5060 triệu đôla Mỹ, nhập khẩu 4669 triệu đôla Mỹ).

Câu 59. A

Quốc lộ 2 dài 300 km, chạy qua địa bàn năm tỉnh và thành phố: Hà Nội, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Tuyên Quang và Hà Giang. => Quốc lộ 2 không đi qua Thái Nguyên.

Câu 60. D

Biện pháp quan trọng hàng đầu để sử dụng hợp lí đất ở vùng Đồng bằng sông Hồng là đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ để tăng năng suất, sản lượng và hiện nay khả năng mở rộng diện tích đất rất hạn chế, nhiều diện tích đất bị thoái hóa bạc màu, trong khi đó nhu cầu về lương thực lại ngày càng lớn (do dân số đông).

Câu 61. D

Khí hậu nóng ẩm, hệ đất trồng phong phú, mạng lưới sông ngòi dày đặc, là điều kiện để ĐNA phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới. SGK 11CB Trang 100.

Câu 62. C

Cà phê, hồ tiêu, cao su là những cây CN Nhiệt đới, trồng nhiều ở ĐNA là do có khí hậu nóng ẩm, đất badan màu mỡ.

Câu 63. C

Dựa vào biểu đồ (cột ghép), thể hiện 2 đối tượng (chè, hồ tiêu), có cùng đơn vị là giá trị tuyệt đối (nghìn tấn – sản lượng). Biểu đồ thể hiện sản lượng chè, hồ tiêu của nước ta năm 2012-2016

Câu 64. B

Thách thức lớn của ASEAN là trình độ phát triển kinh tế giữa các nước còn chênh lệch (tham khảo SGK 11CB Trang 108).

Câu 65. D

Trở ngại lớn nhất của hoạt động đánh bắt xa bờ ở nước ta là thiếu vốn đầu tư cho hiện đại hóa các phương tiện đánh bắt: tàu thuyền và các phương tiện đánh bắt nhìn chung còn chậm được đổi mới, chủ yếu các

Câu 69. C

Do ảnh hưởng lớn của hiện tượng cát bay, cát chảy nên việc trồng rừng ven biển ở Bắc Trung Bộ có nhằm mục đích là chắn gió, cát.

Câu 70. A

Trong định hướng phát triển ngành dịch vụ, 3 vùng KTTĐ của nước ta đều chú trọng phát triển thương mại, du lịch.

Câu 71. B

Nhờ huy động nguồn vốn và tập trung đầu tư nên mạng lưới đường bộ của nước ta đang được mở rộng và hiện đại hóa. SGK 12CB Trang 131.

Câu 72. C

Do thời tiết diễn biến thất thường (có năm rét đậm, rét hại, năm khô nóng,...) nên việc sản xuất nông nghiệp ở TDMNBB gặp nhiều khó khăn.

Câu 73. D

ĐBSH là một trong 2 vùng trọng điểm sản xuất lúa của nước ta, vùng có trình độ thâm canh lúa cao nhất cả nước.

Câu 74. B

Vận tải đường ống gắn liền với sự phát triển ngành dầu khí. ĐNB là vùng có ngành dầu khí phát triển do có trữ lượng dầu mỏ lớn ở thềm lục địa phía Nam.

Câu 75. B

Trong phát triển nghề cá ở DH NTB vấn đề cần quan tâm là khai thác hợp lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản. SGK 12CB Trang 162. Cụ thể là hạn chế đánh bắt gần bờ để bảo vệ nguồn lợi hải sản và khuyến khích đẩy mạnh đánh bắt xa bờ có hiệu quả.

Câu 76. B

Biểu hiện chứng tỏ ĐBSH và vùng phụ cận có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất cả nước là: có nhiều TTCN phân bố với mật độ dày (nằm gần nhau)

Câu 77. B

Đường bờ biển của DHNTB khúc khuỷu, nhiều vùng vịnh thuận lợi cho xây dựng các cảng biển nước sâu. Đây là vùng có nhiều điều kiện thuận lợi nhất cho xây dựng các cảng biển, đặc biệt các cảng nước sâu, kín gió.

Câu 78. A

Dựa vào biểu đồ ta thấy:

- I-xra-en tăng liên tục => B sai
- Cô-oét có giảm xuống nhưng không ổn định => D sai
- Tốc độ tăng/giảm:

+Cô-oét giảm: $1108767115419 = 0,96$ lần

+ I-rắc tăng: $171489 / 138517 = 1,24$ lần

+ I-xra-en tăng nhanh nhất: $317245 / 233610 = 1,36$ lần => A đúng, C sai

Câu 79. A

Điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch biển đảo ở nước ta là có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt.

Câu 80. B

Các di tích, lễ hội, làng nghề truyền thống đều được hình thành trong các giai đoạn phát triển lâu đời, mang đậm nét văn hóa, cổ truyền và các giai đoạn phát triển trong lịch sử. ĐBSH có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời nên tập trung nhiều di tích lịch sử, lễ hội, làng nghề truyền thống.